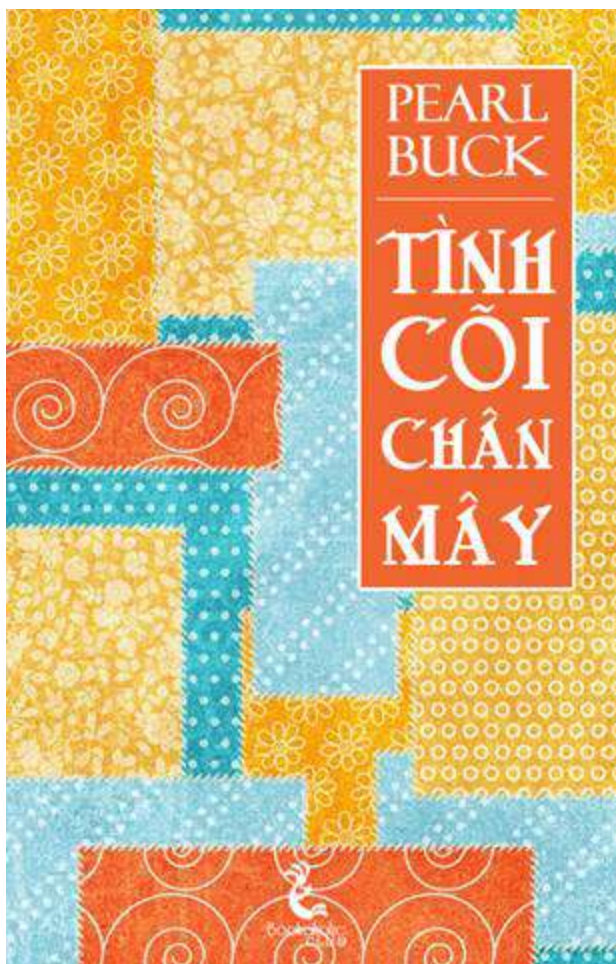




PEARL
BUCK

TÌNH
CỒI
CHÂN
MÂY



TÌNH CÔI CHÂN MÂY

Pearl Buck

Making Ebook Project

BOOKAHOLIC CLUB





Tên sách: **TÌNH CÔI CHÂN MÂY**

Tác giả: **Pearl Buck**

Dịch giả: Nguyễn Đức Lân

Nguyên tác: *Mandala*

Nhà xuất bản: Hội Nhà Văn

Năm xuất bản: 1991

Số trang: 231

Giá tiền: -- Đồng

Khổ: 13 x 19 cm

Đánh máy: **Tuyết Mai, Minh Khuyên, Minh Phương, Cẩm Tú, Minh Huy**

Kiểm tra: **Quang Vinh**

Chế bản ebook: **Thảo Đoàn**

Ngày thực hiện: 18/05/2011

Making Ebook Project #128- www.BookaholicClub.com

Bạn đang đọc ebook **TÌNH CÔI CHÂN MÂY** của tác giả **Pearl Buck** do **Bookaholic Club** chế bản theo **Dự án chế bản Ebook (Making Ebook Project)**.

Mong rằng ebook này sẽ mang đến cho bạn một tác phẩm Văn học hay, giàu giá trị biểu cảm và nhân văn, với chất lượng cao. Chúng tôi luôn cố gắng mang đến những chế bản ebook tốt nhất, nếu trong quá trình chế bản có lỗi sai sót nào mong bạn góp ý và cho chúng tôi biết những ebook mà đang mong muốn.

Making Ebook Project của **Bookaholic Club** là một hoạt động phi lợi nhuận, nhằm mục đích mang đến những chế bản ebook hay, có giá trị với chất lượng tốt nhất mà chúng tôi có thể với Cộng đồng đọc - người Việt. Tuy nhiên, nếu bạn có khả năng xin hãy đọc tác phẩm này bằng sách trước hết vì lợi ích cho Nhà xuất bản, bản quyền tác giả và góp phần phát triển xây dựng nền Văn hóa đọc.

Hãy chỉ đọc chế bản này trong điều kiện bạn không thể tìm đến ấn phẩm sách

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU TÁC GIẢ GIỚI THIỆU TÁC PHẨM

1.

2.

3.

GIỚI THIỆU TÁC GIẢ



Pearl Sydenstricker Buck (26/5/1892 - 06/3/1973) tên khai sinh: Pearl Comfort Sydenstricker; tên Trung Quốc 赛珍珠 (Trại Chân Châu) là nữ nhà văn Mỹ đoạt giải Nobel văn học năm 1938.

Pearl Buck sinh ở Hillsboro, West Virginia, là con một nhà truyền giáo người Mỹ. Sau khi ra đời chưa đầy 5 tháng, bà đã được cha mẹ đưa sang Trung Quốc sinh sống. Từ nhỏ và suốt cả cuộc đời bà yêu mến và thích tìm hiểu cuộc sống của người dân Trung Quốc. Năm 15 tuổi, bà được gửi trọ học tại một trường dạy Anh văn ở Thượng Hải. Năm 17 tuổi, cha mẹ cho Pearl Buck về Mỹ, học tại trường Đại học Randolph Macon (tiểu bang Virginia). Năm 1917 bà kết hôn với một mục sư và theo chồng đi truyền giáo tại miền Bắc Trung Hoa. Từ năm 1922, bà dạy ở Đại học Nam Kinh và Kim Lăng.

Năm 1925, Pearl Buck bắt đầu viết cuốn tiểu thuyết đầu tiên *East Wind: West Wind* (Gió Đông, gió Tây). Sau đó hàng loạt tiểu thuyết nổi tiếng khác về đề tài Trung Quốc ra đời, như *The Good Earth* (Đất lành), *Sons* (Những người con trai), *A House Divided* (Một nhà chia rẽ), *The Mother* (Người mẹ), *The Child Who Never Grew* (Đứa trẻ không bao giờ lớn)... trong đó tiểu thuyết *The Good Earth* được nhận giải Pulitzer năm 1931. Năm 1933, bà được Đại học Yale tặng bằng Cử nhân Văn chương Danh dự. Năm 1938, bà được Đại học West Virginia và Đại học St. Lawrence trao tặng bằng Tiến sĩ Văn chương Danh dự. Năm 1938 Pearl Buck nhận giải Nobel vì các tác phẩm mô tả đời sống nông thôn Trung Hoa một cách phong phú và xác thực. Sau khi nhận giải, Pearl Buck tiếp tục sáng tác rất nhiều, ngoài văn xuôi bà còn viết kịch, kịch bản phim, tiểu luận và sách cho thiếu nhi. Bà cũng là người đã dịch Thủy Hử (*All men are brothers*) và một số tác phẩm văn học Trung Quốc sang tiếng Anh.

Trong Thế chiến thứ hai, Pearl Buck viết nhiều sách báo chính luận chống chủ nghĩa phát xít. Trong thập niên 1950, bà xuất bản một số tác phẩm về đề tài gia đình và xã hội Mỹ, kí bút danh I. Sedge. Năm 1951, Pearl Buck được bầu làm thành viên Viện Hàn lâm Nghệ thuật và Văn học Hoa Kỳ. Năm 1955, bà li dị chồng và tái giá với giám đốc một hãng quảng cáo. Cuối đời, bà quan tâm đến đề tài các nhà bác học nguyên tử buộc phải chế tạo vũ khí giết người hàng loạt. Đồng thời, bà tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, xã hội như: sáng lập ra tổ chức không vụ lợi Hiệp hội Đông Tây (*The East and West Association*, 1941) nhằm truyền bá những hiểu biết giữa các dân tộc trên thế giới; cùng chồng lập nên tổ chức Căn nhà tình nghĩa (*Welcome Home*, 1949) giúp trẻ mồ côi; lập ra Quỹ Pearl S. Buck (*The Pearl S. Buck Foundation*, 1963) và tặng cho quỹ này 7 triệu đô la. Bà mất năm 1973 tại Danby, Vermont (Mỹ).

Tác phẩm

- *East Wind: West Wind* (Gió Đông, gió Tây, 1930), tiểu thuyết

- *The Good Earth* (Đất lành, 1931), tiểu thuyết
- *Sons* (Những người con trai, 1932), tiểu thuyết
- *The First Wife and Other Stories* (Vợ cả và những câu chuyện khác, 1933), tiểu thuyết
- *All Men Are Brothers* (Mọi người là anh em, 1933), bản dịch tiểu thuyết Thủy Hử
- *The Mother* (Người mẹ, 1934), tiểu thuyết
- *A House Divided* (Một nhà chia rẽ, 1935), tiểu thuyết
- *A Home of Earth* (Nhà tranh vách đất, 1935), tiểu thuyết
- *The Exile* (Lưu đày, 1936), tự truyện
- *Fighting Angel* (Thiên thần chiến đấu, 1936), tự truyện
- *This Proud Heart* (Trái tim kiêu hãnh, 1938), tiểu thuyết
- *Flight into China* (Bay vào Trung Hoa, 1939), kịch
- *The Patriot* (Người yêu nước, 1939), tiểu thuyết
- *Other Gods* (Những thần minh khác, 1940), tiểu thuyết
- *Dragon Seed* (Hạt giống của rồng, 1942), tiểu thuyết
- *The Spirit and The Flesh* (Tinh thần và thể xác, 1944), tự truyện
- *The Dragon Fish* (Cá hóa rồng, 1944), tiểu thuyết

- *Portrait of a Marriage* (Chân dung một cuộc hôn nhân, 1945), tiểu thuyết

- *Talk about Russia* (Câu chuyện về nước Nga, 1945), tiểu luận

- *Pavilion of Women* (Gian riêng của phụ nữ, 1946), tiểu thuyết

- *Poeny* (Mẫu đơn, 1948), tiểu thuyết

- *Kinsfolk* (Tình ruột thịt, 1949), tiểu thuyết

- *The Angry Wife* (Người vợ giận dữ, 1949), tiểu thuyết

- *The Child Who Never Grew* (Đứa trẻ không bao giờ lớn, 1950), tiểu thuyết

- *The Hidden Flower* (Cánh hoa e ấp, 1952), tiểu thuyết

- *My serveral worlds* (Thế giới của riêng tôi, 1954), tự truyện

- *Imperial Woman* (Người cung nữ, 1956), tiểu thuyết

- *Letter from Peking* (Lá thư từ Bắc Kinh, 1957), tiểu thuyết

- *Voices in the House* (Tiếng nói trong nhà, 1958), tiểu thuyết

- *The Townsman* (Người thành phố, dưới tên John Sedges, 1958), tiểu thuyết

- *The Long Love* (Tình yêu lâu dài, 1958), tiểu thuyết

- *A Desert Incident* (Một sự kiện ở sa mạc, 1959), kịch

- *Command the Morning* (Ra lệnh cho buổi sáng, 1959), tiểu luận

- *Satan Never Sleeps* (Satan không bao giờ ngủ, 1962), truyện phim
- *Fairy Tales of the Orient* (Đông phương huyền bí qua truyện cổ thần tiên, 1965), truyện thiếu nhi
- *Time is now* (Bây giờ là thời điểm, 1967), tiểu thuyết
- *The New Year* (Năm mới, 1968), tiểu thuyết
- *The Three Daughters of Madame Liang* (Ba người con gái của Lương phu nhân, - 1969), tiểu thuyết
- *The Promise* (Hứa hẹn, 1943), tiểu thuyết
- *Water Buffalo Children* (Mục đồng, 1943), truyện thiếu nhi
- *One Bright Day* (Một ngày đẹp trời, 1950), truyện thiếu nhi
- *The Christmas Ghost* (Con ma đêm Noel, 1966), truyện thiếu nhi
- *The Kennedy Women* (Những người đàn bà trong gia đình Kennedy, 1970)
- *The Story Bible* (Chuyện Kinh Thánh, 1971)

GIỚI THIỆU TÁC PHẨM

Tác phẩm lấy bối cảnh là một đất nước Ấn độ trong giai đoạn quá độ hình thành trên hai nền văn hóa khác hẳn nhau. Với những sự kiện chính trị xảy ra lúc ấy, Tiểu vương Maharana Jagat xứ Amarpur nhận thấy mình bị tước đoạt tài sản và tước vị hoàng gia, nhưng ông vẫn thấy mình phải có trách nhiệm với người dân xứ mình. Vợ của ông, vương hậu Moti - một phụ nữ Ấn độ truyền thống rất thụ động, là một người vợ vô tư, sẵn sàng chấp nhận việc từ bỏ bản thân để sống một cuộc sống tẻ nhạt không cảm xúc. Khi hai vợ chồng tiểu vương Jagat nhận được tin đứa con trai duy nhất của mình - Jai, bị người Trung Quốc giết chết trong một cuộc đụng độ nhỏ nơi biên giới, Moti buồn vô hạn. Bà nói chồng - Tiểu vương Jagat, đến vùng biên đó đưa linh hồn của cậu bé về nhà. Trên đường đi, vị tiểu vương có thiện cảm với một phụ nữ Mỹ trẻ đẹp và bí ẩn - Brooke Westley. Một sự hấp dẫn định mệnh giữa hai con người - một phương Đông, một phương Tây; một bị ràng buộc bởi những tập tục cứng nhắc, một bị lôi cuốn bởi những suy nghĩ tự do phóng khoáng - đã nảy sinh.

Pearl Buck quả thật là một nhà văn tài năng. Bà viết nhiều (53 tiểu thuyết). Tác phẩm của bà không những chỉ được viết bằng những ngôn từ khiến người đọc phải ngẫm nghĩ liên tưởng mà bà còn xây dựng tính cách các nhân vật thật thành công. **Tình cõi chân mây** là một tiểu thuyết không thể không có trên kệ sách của bạn.

(Midwest Book Review)

1.

Một buổi sáng mùa hè, như thường lệ, Jagat, tiểu vương xứ Amarpur, Ấn Độ, thức dậy vì nghe đám bồ câu vù vù bay lên bên ngoài cửa sổ phòng ngủ của ông. Từ bao đời nay, bồ câu làm tổ ở những hốc trong tòa lâu đài cổ, đến bây giờ đã tới hàng ngàn con, mỗi sáng chúng lại gây tiếng động ồn ào. Jagat mở mắt ngay khi nghe bồ câu cất cánh lần đầu, tiếp theo đó cả đàn chim bay lên thật nhịp nhàng. Ông ngồi dậy trên giường, mình trần phủ dưới tấm mền lụa màu trắng, há miệng ngáp dài. Qua căn phòng rộng, ông nhìn vào tấm gương lớn đặt ở tường bên kia, thấy hình mình hiện lên một người đàn ông đẹp trai, và ông tự hài lòng. Ông mím miệng, vuốt chòm ria đen nhánh lặng lẽ ngắm hình mình với cặp mắt sáng rực, và ông lại mím cười, tung mền, tiến lại khung cửa sổ mở rộng đón không khí ban mai. Theo thói quen, ông lại cúi mình trên khung cửa sổ, nhìn phong cảnh. Ở phía xa xa, bên kia hồ có tiếng soàn soạp, mấy người đàn bà đang giặt quần áo trên sàn gỗ kê lên những bậc thềm đá hoa dẫn xuống hồ nước. Jagat rất ưa cảnh tượng này. Bên kia hồ, những ngọn núi cao nhô lên thành hình vòng cung giữa bãi sa mạc, và bên này là tòa lâu đài cổ xây bằng đá hoa trắng với vô số tháp nhỏ, nơi gia đình ông Jagat đã sống hằng bao thế kỷ.

Cha ông, cho tới lúc chết, vẫn sống trong những căn phòng rộng rãi của tòa lâu đài, đến đời ông mới cho xây thêm dãy nhà bên cánh phải theo lối kiến trúc hiện đại. Tiểu vương Jagat và vương hậu Moti cùng hai con hiện đang sinh sống tại khu nhà mới xây cất đó.

Nghĩ đến bà Moti, ông cảm thấy lòng rộn rã. Hai ông bà đều còn trẻ, tuy đã có cô con gái Veera sắp tới tuổi lấy chồng. Có lẽ chỉ vài tháng nữa, cô sẽ thành hôn với một ông hoàng trẻ tuổi xứ Limbdi. Em trai cô, tên là Jai, hiện đang theo học tại một người trung học của người Anh ở Mussoorie, để chuẩn bị vào đại học Oxford, theo gương ông hồi ông hai mươi hai tuổi.

Quả thật ông bà đều còn trẻ cả, ông đúng bốn mươi, bà vừa qua tuổi ba mươi tám. Hai người yêu nhau và cưới nhau hồi còn rất trẻ, nhưng cuộc hôn nhân đó là một chuyện có xếp đặt, giữa tiểu vương và con gái một nhân vật trong chính phủ rất giàu có, là Sir Ramahrishna Prasad.

Nghĩ đến bà Moti, ông Jagat rộn rã trong lòng. Giờ này chắc hẳn bà đang ngủ. Sau bao năm chung sống hòa hợp, ông bà chỉ khác biệt nhau ở vấn đề giờ giấc. Ông say xỉn ngay từ lúc chập tối, trong lúc bà thức tỉnh tới nửa đêm. Nhưng sáng sớm ông đã thức dậy, mà bà chỉ mở mắt vào lúc giữa trưa. Bây giờ có nên đánh thức bà không? Không khí lạnh từ mặt hồ đưa lại, đượm chút sương mù mùa xuân khiến ông ngần ngại. Nhưng rồi tiếng chim hót véo von lại khiến ông quyết định. Phải đánh thức bà thôi! Ông hùng dũng bước qua căn phòng, vớ lấy một chiếc áo, khoác lên mình trong lúc tiến vào hành lang đến phòng bà. Tới cửa phòng, thấy một người hầu gái nằm ngủ bên ngoài, ông đưa chân gạt cô ta qua một bên, bước vào phòng.

Bà Moti đang ngủ. Ông tiến lại gần chiếc ghế nệm kê gần giường, đứng ngắm bà nằm ngủ, đầu gối lên bàn tay phải. Khuôn mặt bà xanh xao và yên tĩnh, mái tóc đen nhánh rủ xuống từng cuộn, phủ lên má. Bà mảnh mai, da dẻ tươi mát, những ống xương ẻo lả. Chiếc áo ngủ màu trắng tụt xuống bên vai trái, để hở bộ ngực tròn lẳn như ngực thiếu nữ. Ông nhìn thấy vậy, vội quỳ xuống bên bà, thì thầm: - “Moti, Moti, anh đây!”

Bà mở mắt, nhận ra ông, liền mỉm cười. Rồi bà trở mình, hai tay hất mái tóc khỏi khuôn mặt. Bà có đôi bàn tay tuyệt đẹp. Đã có lần, một điêu khắc gia trẻ tuổi người Pháp mà ông Jagat làm quen được ở Paris hồi còn sinh viên đã đến chơi tòa lâu đài, thấy đôi bàn tay tuyệt vời của bà Moti, đã từ chối không đi thăm cảnh Amarpur, dành hết thời giờ để khắc trên đá hoa đôi bàn tay đẹp đó.

Jagat cúi xuống bên vợ: - “Moti em ơi! Ngày hôm nay đẹp quá!”

Theo thói quen, ông bà nói với nhau bằng tiếng Anh, vì thổ ngữ của hai người quá khác biệt nhau.

Bà thở dài: - “Jagat, anh có hứa là không đánh thức em trước mười giờ sáng cơ mà.”

- Nhưng ngày hôm nay đẹp quá, em ạ. Mấy con hồng tước lại tới làm tổ ở đầu nhà, chỗ treo chiếc đồng hồ đấy.

- Vì vậy mà anh nảy ý nghĩ tìm tới phòng em hay sao?

Bà cười ròn, tiếng cười lạnh lạnh vui vẻ, và nhích chỗ trống cho ông trên giường. Họ chẳng cần khóa cửa, người hầu gái thấy cửa đóng là tự động đứng canh gác bên ngoài. Ông vút chiếc áo vừa khoác trên mình qua một bên, ghé nằm bên cạnh bà. Yêu đương luôn luôn là niềm vui thú êm dịu nhất trong đời ông, là niềm cảm thông khiến hai người hòa hợp làm một, gạt bỏ mọi khác biệt giữa tư tưởng của hai người, dù rằng thời gian êm đẹp đó chỉ kéo dài chừng một giờ đồng hồ thôi. Họ không nói một lời, yêu lặng hưởng lạc thú. Và đột nhiên, nó chấm dứt, ông sẵn sàng từ biệt, cũng nhanh chóng như lúc đến.

Ông cúi xuống hôn bà, nói nhỏ: - “Cám ơn em!”. Và từ biệt.

Dẫu sao, bà vẫn luôn luôn ám ảnh ông. Ông không sao hiểu nổi bà, người đàn bà, người con gái cưới hỏi từ hồi ông mới mười tám tuổi đầu. Ông hiểu rõ từng góc cạnh trong cơ thể bà với niềm lạc thú quen thuộc, cũng biết được những ý nghĩ thông thường của bà, nhưng những tư tưởng đó xoay chuyển thế nào thì ông không thể theo dõi được. Ông không hiểu nổi những suy nghĩ thâm kín của bà. Bà có đáp ứng niềm hứng khởi thể chất của ông rất mạnh mẽ và chân thành hay không? Có lẽ có đấy, nhưng bà biết tự kiểm soát, và tỏ ra thụ động. Ông từng nghe một người Anh Quốc trẻ tuổi, chủ một rạp chớp bóng ở Bombay, từng nhận xét về nhược điểm của đàn bà Ấn Độ: “Các cô nàng đều rất xinh đẹp, nhưng là người tình rất dở” -

Ông ta cố tìm cách lột tả điều nghịch lý: - “Họ cho ngay lần đầu. Nhưng chỉ có vậy thôi. Họ chẳng hiểu tí gì về nghệ thuật yêu đương.”

Đó chỉ là câu nói rỡ chơi, nhưng Jagat phải nhận rằng quả thật Moti không phải người tình tuyệt vời. Bà rất dịu dàng, tiếp đón ông với tất cả vẻ duyên dáng, có thể nói là niềm nở tiếp đón nữa, nhưng phải chăng niềm nở tiếp đón chỉ có nghĩa là không hề từ chối? Đó phải chăng chỉ là sự đồng tình hơn là hòa hợp? Tuy nhiên ông vẫn ưa thích thái độ đó hơn là những cử chỉ lãng mạn giả dối của các cô nàng chuyên nghiệp ở Paris hay London, mà thời trẻ ông mê say đắm, nhưng đến khi đứng tuổi lại thấy chán ngấy.

Jagat bước vô phòng tắm bông sen, xua đuổi những ý nghĩ đó. Moti là người vợ yêu quý của ông. Bà không bao giờ phàn nàn, dù rằng hiện nay lợi tức vương tước của ông đã bị chính quyền mới cắt giảm phân nửa. Nhiều bà vợ các vị vương hầu, bạn của ông ở các tiểu quốc lân cận, đã than phiền rất nhiều về chuyện này. Tiền đâu họ tiêu pha trong gia đình, mua sắm quần áo cùng nữ trang cần thiết? Ấy là chưa kể tới tiền bảo quản tòa lâu đài của họ đấy. Lại còn cả vấn đề đất đai nữa chứ. Bao ruộng đất của các lãnh chúa đã bị chính quyền lấy đi hết sạch, mà không có chuyện bồi thường gì cả.

Không, chẳng bao giờ bà Moti than phiền. Bà lặng lẽ, duyên dáng ngồi nghe ông nói về luật lệ mới, đôi mắt to tối sẫm trên khuôn mặt xanh xao, khiến nét mặt đó mất đi một phần nào vẻ xinh đẹp. Bà cứ yên lặng ngồi nghe ông nói tiếp:

- Moti à, anh phải nghĩ tới một công việc làm ăn nào đó, bởi vì sẽ chẳng còn gì nhiều để lại cho các con, từ ngày mà lợi tức cứ giảm dần, đến một lúc sẽ chẳng còn chút gì. Tuy nhiên, anh cảm thấy như vậy mới là điều hợp lý, vì bao năm qua cha ông ta đã bóc lột của nhân dân quá nhiều mà chẳng đem lại cho họ được điều gì. Nhưng nghĩ cũng chán thật, chẳng bao lâu nữa anh sẽ không còn là người cai quản trên đất đai của mình nữa.

Như thường lệ, bà mặc chiếc áo dài màu trắng bằng lụa nhẹ, trong lúc hai người, sau bữa ăn tối, ngồi ở bãi đất trống rộng mênh mông mà ông nội ông đã cho xây bằng đá hoa bên cánh phải tòa lâu đài, vào năm mà ông cụ dẫn về nhà một cô gái người Hy Lạp. Bãi đất đó được xây dựng quanh một cây bồ đề cổ thụ, tỏa bóng mát chung quanh, và dưới gốc cây là một hồ nước, cạnh hồ dựng một bức tượng cô gái Hy Lạp bằng đá hoa màu xanh nhạt. Cô gái đã chết trẻ, vì bệnh tình không thuốc chạy chữa, hay có thể vì tự tử.

Bà Moti trầm ngâm, lên tiếng đáp lại lời chồng: - “Tất nhiên anh Jagat ạ, việc đời đã biến đổi, anh không còn là người cai quản đất đai của mình, và em cho rằng có lẽ dân chúng có phần nào tiếc nhớ thời huy hoàng xa xưa. Giữa cuộc sống tẻ nhạt của dân chúng thì hình ảnh của ba anh có phần huy hoàng, nổi bật. Nhưng tội lỗi của ông cũng nổi bật không kém. Ngay ông nội anh cũng sống động, hồi mà cô gái Hy Lạp có mặt tại đây. Cả anh nữa, anh yêu ạ, anh cũng có cuộc sống huy hoàng, dù rằng không có mấy cô gái Hy Lạp bên cạnh. Em cũng mừng rằng không có chuyện đó, nhưng anh lại mắc việc săn bắn cọp. Nay, chiếc đầu cọp treo trên tường, giữa hai cửa sổ phòng khách đó, em nghĩ là có một trong ấy rồi đấy. Anh đã để mắt đến chưa?”

Ông vặn hỏi: - “Thế, em không nghĩ đến chuyện tiền mua sắm quần áo và nữ trang của em bị cắt giảm phân nửa hay sao?”

Bà nhún đôi vai gầy guộc: - “Em đã có hàng trăm chiếc áo dài và quá nhiều nữ trang không dùng tới. Anh quá rộng rãi với em, Jagat ạ. Em tính sẽ cho bớt Veera một số nữ trang, khi nó đi lấy chồng. Em mong cho những người nông dân kiếm được miếng ăn nhiều hơn lên. Như vậy còn lý thú hơn những cô gái Hy Lạp và các tiểu vương ước mong số vàng nặng bằng trọng lượng bản thân, nhân dịp lễ sinh nhật của họ.” - Và đột nhiên bà cất tiếng cười ròn rã: - “Ồm đi cho bớt phì mập có phải đẹp không nào! Đấy, ông nội anh còn để lại hình dáng phì nộn đó! Hình như ông chỉ biết có vàng và tình yêu của cô gái Hy Lạp thôi! Nghe đâu cô nàng trẻ chỉ bằng tuổi con gái ông

thì phải! Và ông mê cô như điên đảo! Em không chịu nổi mỗi lần đặt chân vào căn phòng nhỏ, nơi cô ta tự thắt cổ.

Nói rồi, bà đứng dậy bước đi, vẻ duyên dáng và chậm rãi tưởng chừng như hồn hào, nhưng ông biết rõ là không phải vậy. Bà là một tín hữu trung thành, không những thành tâm với tín ngưỡng Ấn Độ mà còn tin theo đạo Thiên Chúa nữa. Trong nhiều năm, người dạy bà tin theo Thiên Chúa là một linh mục người Pháp có tuổi. Ông ta đã dạy bà biết nói tiếng Pháp đúng giọng Paris, nhưng năm vừa rồi, cha DuBois đó đã lìa đời, và khi cảm thấy cái chết gần kề cha đã gởi gắm con chiên của mình vào bàn tay trông nom của một linh mục trẻ tuổi người Anh, là cha Francis Paul. Một buổi tối, ông Jagat về tòa lâu đài, thấy vị tu sĩ trẻ tuổi, cao lớn, mặc áo chùng đen đang ngồi thoải mái trên chiếc ghế kê ngoài bãi đất trước nhà, và gần bên ông - nhưng không gần quá - bà Moti nằm ườn trên ghế nệm dài, mái tóc phất phơ bay theo gió, tỏa trước mặt.

Cha Francis đứng dậy, lặng lẽ, khoanh tay, cúi đầu chào. Chẳng biết hai người đang thảo luận chuyện gì, thấy ông Jagat, họ ngưng ngay. Và lúc đã cùng ngồi xuống, vị tu sĩ đợi cho ông tiểu vương lên tiếng trước, rồi lựa lời thêm mấy câu bình phẩm vui vẻ. Ông ta học hành giỏi dang, hiểu biết rộng rãi khả dĩ tiếp cận được với một ông hoàng. Vì thế, dù chẳng ưa gì đạo Gia Tô, ông Jagat vẫn thích thú được trò chuyện với cha Francis Paul, là người không có tinh thần sắc bén, vững vàng và lạnh tanh của người Anh, ngay cả lúc câu chuyện đượm vẻ huyền bí tôn giáo. Huyền bí là bản chất của tâm hồn người Ấn, nhiều khi biến thành mê tính dị đoan. Ngay như ông Jagat, nếu ngày hôm đó thầy bói cho biết là một ngày xấu thì ông có thể đình hoãn một công việc làm ăn hoặc một chuyến du ngoạn. Và cũng vì mê tính ông mới phải hỏi thầy bói về một chương trình ông không hề tiết lộ với ai cả, ngay cả với bà Moti. Nhưng rồi, ông quyết định làm trái lại lời thầy bói. Hôm nay tốt ngày. Quả thật hôm nay là một ngày rất tốt, không khí trong trẻo và khô ráo, mặt hồ lấp lánh dưới ánh mặt trời.

Đột nhiên, lúc ông đã mặc quần áo tươm tất, bỗng một con chim bay vào phòng. Ông chưa bao giờ được thấy một con chim có hình dáng như thế, một con chim trắng bóc, nhỏ hơn bồ câu và lớn hơn họa mi. Nó bay thẳng vào phòng, qua cửa sổ bỏ ngỏ, bay vút như một mũi tên, lượn hai vòng trên trần nhà cao vút, đậu lên khung bằng vàng một bức tranh quý giá. Các bức tường trong phòng này treo đầy những họa phẩm miêu tả lịch sử Ấn Độ và xứ Rajput vào thời quân Mogul xâm chiếm và cai trị. Không hiểu sao con chim trắng lại chọn để đậu lên bức chân dung của cụ tổ Jagat, vị anh hùng Pratap chiếm lại đồn lũy Chittor đã bị Akbar, người Mogul, chiếm đoạt. Trước khi chiếm lại được đồn lũy đó, ngài Pratap đã bắt mọi người phải nằm gai nệm mật, không được dùng chén đĩa bằng vàng bạc, không được ngủ trên nệm vải, mà phải nằm trên nệm rơm, và không ai được cạo râu trước khi quân thù bị đánh bật ra khỏi đất nước. Vào buổi sáng tổng tấn công địch quân, một con chim trắng cũng bay vào căn lều của ngài Pratap. Con chim trắng trở lại lần này có ý nghĩa gì chăng? Jagat tự nhủ đây là điềm tốt lành cho công việc ông đang dự tính.

Bà Moti ngồi trong phòng riêng, đọc một cuốn sách mới của Jean Paul Sartre. Bà đọc sách tiếng Anh và Pháp rất dễ dàng. Bà đọc sách tiếng Anh và Pháp rất dễ dàng, và cảm thấy thích thú được tìm hiểu tư tưởng của Tây phương. Từ lâu rồi bà đã quyết định không ra khỏi đất nước, chỉ tìm hiểu người Tây phương qua tâm trí và tưởng tượng thôi. Bà có vẻ rất trẻ trung sau chuyến viếng thăm buổi sớm của chồng. Bà đã tắm rửa kỹ càng, sau đó dùng bữa điểm tâm trai-tịnh thường lệ. Ông Jagat thường nhắc nhở khuyên bảo, nhưng bà nhất định không ăn thịt. Ông nhắc đi nhắc lại nhiều lần: “Một lát thịt bò sẽ đem lại huyết sắc trên đôi má em đấy”, nhưng bà nhất quyết từ chối. Bà kiêng sát sinh, ngay một quả trứng cũng không đụng tới, vì trứng chứa đựng mầm sống. Đặc biệt bà nhòm tòm việc săn bắn cọp, môn thể thao mà ông Jagat rất thích thú. Tuy nhiên bà không hề phản đối khi ông rủ cậu con trai Jai theo ông lên núi, tới bãi săn bắn mà các ông hoàng Ấn Độ cho xây dựng từ bao đời nay. Một mình ông Jagat đã bắn và hạ sát hơn trăm con cọp, những con đẹp nhất được nhồi bông, hoặc chặt đầu ướp thuốc treo trên tường để trang trí tòa lâu đài, những con khác được lột

da, trái lên mặt sần đá hoa thay những tấm thảm. Nhưng bà Moti cương quyết không để da hoặc đầu thú trong phòng riêng của bà.

Bà đã yên lặng ngồi hàng giờ đồng hồ trong buổi sáng để đọc sách, và không ai tới quấy rầy bà. Lâu lâu mới có một người hầu tới mở cửa nhòm vào, nhưng lại đi ngay. Cuối cùng bà gấp sách lại, đặt một miếng vải xa-tanh giữa hai trang giấy để đánh dấu, và tiếp tục ngồi lặng yên suy nghĩ, nhận định rằng không thể chấp nhận triết lý mới của Tây phương, quá hời hợt. Chỉ biết sống cho hiện tại là không thể chấp nhận được ở đây, ở xứ Ấn Độ này, nơi có cả mấy ngàn năm lịch sử, tuy rằng đôi khi việc thừa hưởng quá khứ đó quá nặng nề, không thể chịu đựng nổi. Có lẽ vì vậy mà đám thanh niên, như Veera và Jai, có vẻ sống rất lạc lõng và không lý-tưởng. Ngay từ hồi mới cưới, bà đã thấy ông luôn luôn tỏ ra bận rộn một chuyện gì đó. Cảm ơn Thần Phật, ít nhất việc bận rộn của ông không phải vì đàn bà!

Bà đính hôn vào năm mười sáu tuổi, và lấy chồng vào tuổi mười tám. Trong hai năm phân cách đó, bà đã được má bà dạy dỗ, chuẩn bị đầy đủ để thờ chồng. Bà mẹ nói: - “Thân phận người đàn bà chán lắm, con ạ. Nguyên nhân là vì trong tình trường, ai cũng mơ ước chuyện chung thủy. Đàn bà cũng vậy thôi, luôn luôn mong ước chồng trung thành với mình; nhưng ước mơ chỉ là ước mơ, vì đàn ông có bao giờ trung thành đâu? Bản chất của họ là vậy. Kìa như con chó săn, thấy thỏ thì quai hàm mấp máy, nước miếng nhỏ ra, không ngăn lại được. Cũng vậy, khi người đàn ông thấy cô gái trẻ trung xinh đẹp thì thèm rỏ rãi, dù có muốn trung thành với vợ cũng không được. Vậy con đừng dại dột lao đầu vào chỗ yêu đương mà mang lấy khổ hận.”

Sự thật, hồi còn con gái, bà Moti đã từng mơ tưởng chuyện yêu đương. Một hôm bà hỏi mẹ: - “Làm sao tránh được khổ hận yêu đương hở mẹ?”

Bà mẹ khuyên: - “Ráng đừng tỏ ra quá yêu thương người chồng.”

Moti hỏi lại: - “Nhưng bốn phận của con không phải là hết dạ thương yêu chồng hay sao?”

Bà mẹ đáp: - “Hãy nghe lời khuyên nhủ thầm kín của má. Má biết rõ lắm nếu con buông thả lòng mình để thương yêu chồng thì thế nào con cũng chịu khổ hận thôi. Chỉ nên đọc sách, học nhạc, học ngoại ngữ, hoặc làm một việc gì để bận tâm trí và mất thời giờ. Đừng thương yêu chồng - hoặc một người đàn ông nào - quá nhiều.”

Nàng đã ngây thơ hỏi lại mẹ: - “Làm sao con có thể thương yêu một người đàn ông khác được?”

Bà mẹ tỏ vẻ bối rối, sau mới đáp: - “Tất nhiên là không có người đàn ông khác.”

Bây giờ, bà Moti hiểu ra rằng tình yêu là điều rất khó kiểm soát. Ngày hôm qua bà đã ngạc nhiên khám phá ra rằng nếu cha Francis Paul không phải là một tu sĩ thì có thể bà đã yêu ông ta. Người đàn ông trẻ tuổi người Anh hiểu được tâm trí rối bời của bà Moti, đã gỡ rối cho bà thật dịu dàng và tế nhị. Ông hiểu được những nỗi rắc rối trong cuộc đời bà, với tư cách là bà chúa trong tòa lâu đài mênh mông. Trước nay chưa có ai quan tâm đến bà, coi bà là một tâm hồn, nên chắc chắn bà sẽ đáp ứng lại, không thoát khỏi tội lỗi. Bây giờ bà tự nhủ lòng phải coi vị tu sĩ như một người hướng dẫn tinh thần, một ông Thầy, mà tiếng Ấn Độ gọi rất long trọng là “Guru”.

Bà không được phép buông thả cho yêu đương. Ngay cả với ông Jagat, từ trước đến giờ bà cũng chưa hề yêu thương trọn vẹn. Bây giờ, bà chợt nhận ra rằng bà cần phải yêu thương ông. Veera sắp đi lấy chồng, Jai sắp vô đại học ở bên Anh Quốc, hoặc bên Hoa Kỳ. Ông Jagat có nói đến đại học Harvard, nhưng bà thấy Hoa Kỳ xa xôi hơn Anh Quốc quá nhiều - lúc đó, bà chỉ còn lại có ông Jagat. Ông chưa hề bao giờ thương yêu một người đàn bà khác. Nếu như bà mẹ còn sống hẳn là Moti sẽ tới, báo tin cho biết: - “Má à, anh Jagat không như những người đàn ông khác đâu. Anh ấy trung thành

với con, thật lòng coi con là vợ. Con có nên thương yêu anh ấy để đáp lại chẳng?”

Nhưng bà mẹ đã mất rồi, Moti chẳng còn ai để nói những điều như trên. Chắc chắn bà không thể kể lại với bà chị ruột, lấy chồng là một ông hoàng ở tiểu quốc bên cạnh, người vẫn còn nuôi cấm cung một đoàn vũ nữ, y hệ như cha của Jagat đã làm xưa kia. Không hiểu sao Jagat lại khác hẳn cha, vừa được cầm quyền cai trị, ông liền giải tán ngay đoàn vũ nữ như một đàn chim, thường cười đùa vãi cái cọ khiến tòa lâu đài luôn luôn ồn ào. Họ được thanh toán tiền nong và đi khỏi, thì tòa lâu đài và hồ nước bên cạnh trở lại yên tĩnh, bà Moti đã được sống trong yên tĩnh, làm bà vương hậu và bà chủ của nhiều kẻ tội tó. Bà đã gây dựng cho hai con, làm vợ ông Jagat mà không được buông thả tình yêu thương đối với chồng, cho đến tận ngày hôm nay.

Đúng lúc đó có tiếng gõ cửa: bà Moti lên tiếng cho phép vào, thì cửa mở ra ngay, và Veera bước vào theo sau là một người hầu gái mặc chiếc áo vải bông màu xám, bung chiếc khai bằng bạc đựng bữa điểm tâm.

Veera lên tiếng: - “Tới giờ ăn của Má rồi, Má à. Con đã bảo dọn món bánh mì nướng ưa thích của má, thật ròn và nướng chín, vàng đậm.”

Veera là cô gái mảnh mai, cao dong dỏng, mặc chiếc áo dài màu vàng nhạt, mái tóc dài, đen nhánh, tết lại, xỏ ra sau lưng. Cô rất giống cha, có đôi mắt nâu linh hoạt, nước da tươi mát, cái mũi cao thẳng tắp, đôi môi đầy nhưng gọn, giống như miệng của người Hy Lạp tạc trên những bức tượng. Alêcxăng đại đế hồi xưa đem quân xâm chiếm miền Bắc Ấn, đoàn quân đó đã để lại di-tích của họ ở đất nước này.

Bà Moti trả lời con gái: - “Má quen ăn bánh mì của người Ấn rồi.”

Veera ngồi xuống tám vải xa-tanh màu đỏ lót sàn, đáp: - “Con nghĩ ít nhất trong bữa điểm tâm má cũng nên ăn một quả trứng. Má có biết ở

trường chúng con ăn gì không nào? Cháo, trái cây, trứng, trái cật, thịt mỡ, ... con ăn tuốt lượt.”

Bà Moti cười: - “Má chịu thôi. Không được đâu. Đừng bắt má thay đổi món ăn, con ạ. Ăn bánh mì nướng, uống trà cũng đủ cho má rồi. Và buổi tối, má chỉ ăn trái cây thôi.”

- Nhưng má xanh xao quá.

- Bởi vì má không sống trên núi như con ở trường.

- Vậy thì, má lên núi mà ở.

- Không, má không thể. Má không thích núi non. Má sợ núi lắm, thường ước mong ba đưa con về cho con đi học ở Mussoorie, nhưng ông quá bận rộn công việc chẳng tính đến chuyện đó. Nhiều khi má rất kinh hãi, nhất là mỗi lần nghĩ tới con đường hẹp cuối cùng dẫn tới trường học của con. Con đường đó chạy ngay phía trên một vực thẳm, lại không có rào sắt hai bên. Má thường nghĩ không hiểu sao chưa ai rớt xuống vực.

- Bởi vì chúng con biết thận trọng.

- Chẳng chắc đâu.

Hai má con cùng yên lặng, trong lúc người hầu gái rót trà, và mời bánh mì nướng.

Bà Moti nói: - “Cám ơn chị Saira. Chị có thể lui, để Veera săn sóc tôi cũng được.

Người đàn bà rút lui, kính cẩn chấp tay vái, và cửa đóng lại.

Bà Moti bảo con gái: - “Má thấy dường như con có điều gì bận tâm. Nếu không, hẳn là con chẳng dậy sớm thế này.”

- “Vâng, có vậy.” Veera ngừng lại, rồi quyết định thổ lộ tâm can: - “Má à, con có bắt buộc phải lấy chồng không?”

Bà Moti nhìn con gái, kinh ngạc: - “Tất nhiên là có chứ. Ba con đã xếp đặt xong xuôi mọi chuyện rồi mà. Tại sao con hỏi má như vậy?”

- Má à, ở trường con, mấy cô gái từ Bombay qua nói rằng ngày nay họ được quyền chọn lựa người chồng đấy.”

- Tất nhiên! Nhưng con là người ở Amarpur chứ có phải ở Bombay đâu? Và ba con là một tiểu vương, chứ không phải một thương gia ở Bombay.”

- Nhưng em Jai có quyền chọn vợ của nó. Có thể ở Anh Quốc, hay Hoa Kỳ. Hoặc một cô gái Bombay, thuộc bất cứ đẳng cấp nào?

- Nó nói vậy hả?

- Nó viết thư cho con, bảo như thế.

- Má phải nói với ba con mới được. Má không ưa một con dâu người Mỹ, hoặc người Anh cũng vậy. Má quý người Tây phương, nhưng không có nghĩa là có thể chấp nhận họ vào trong gia đình.

- Em nó có được quyền chọn vợ không, hả Má?

- Má không nghe nói tới chuyện đó.

- Vậy tại sao không để nó lấy vợ, trước khi xuất ngoại du học?

- Má tin rằng ba con chống đối việc đó, Ông cho rằng thanh niên không nên lấy vợ sớm.

- Nhưng, chính ba cũng cưới má hồi còn trẻ đấy thôi.

- Đúng.

- Tại sao con phải lập gia đình sớm, mà Jai lại không?

- Vì con là gái, cưng à. Có khác biệt chứ. Ba má có trách nhiệm phải lo cho con, vì con gái có thể gặp nhiều chuyện bất ngờ, thường không xảy tới như con trai. Các cô nên lấy chồng sớm cho an toàn.

- Giống như má hả?

- Đúng, giống như má.

- Có bao giờ má ao ước đừng có chồng hay không, hả Má?

- Không. Má chưa hề nghĩ tới những điều như thế. Nghiệp của má là phải lấy ba con.

- Làm sao má biết?

- Đã gọi là nghiệp thì đương nhiên nó xảy ra.

Veera nhìn mẹ dăm dăm, suy nghĩ rất lung. Má cô nói vậy là chẳng trả lời câu hỏi của cô. Cô lại hỏi tiếp: - “Làm sao biết được nghiệp của con là phải lấy anh Raj?”

- Đã gọi là nghiệp mà. Ba má đã hỏi ý các chiêm tinh gia, so đôi tuổi hai đứa, xét ảnh hưởng các vì tinh tú ... đủ cả.

- Ngoại trừ việc hỏi ý anh Raj và ... con!

- Con yêu quý, con đã được thấy mặt anh ấy rồi, phải không? Tốt đấy, chứ ở thời của má, má chẳng được phép gặp mặt ba con đâu.

- Vâng, con đã được thấy mặt ... một lần thôi.

- Đẹp trai chứ?

- Có lẽ vậy. Khốn nỗi thân hình bè bè, tóc tai lại rậm quá. Tóc anh ta chùm quá mang tai!

- Kìa Veera!

- Nhưng má à, con không ưa đàn ông tóc rậm!

- Con không được phép có những ý nghĩ như thế. Thật đấy, Veera à!

Đột nhiên bà Moti tỏ ra trang nghiêm. Bà đẩy khai thức ăn qua một bên, rửa tay trong chiếc chậu nhỏ bằng bạc, và dùng khăn ni lau tay:

- Con giống hệt như mấy cô gái Ấn-Độ ngày nay, biết đâu rằng mình có phước lớn mới được cha mẹ xếp đặt cuộc đời cho thật vui vẻ, thoải mái. Đừng có bắt chước mấy cô gái phương Tây mất thời giờ và tâm trí để tự tìm lấy một tấm chồng. Đây là trách nhiệm của ba má, không để con phải bận tâm. Raj là một thanh niên tuyệt vời, giáo dục tốt, và cùng đẳng cấp với chúng ta.

Veera nghe vậy liền dậm chân đành đạch, chiếc áo dài trễ xuống bên vai, khiến cô phải sửa lại: - “Má à, quả thật má rất cổ hủ! Má cũng biết rằng chính quyền đã xóa bỏ đẳng cấp rồi mà.”

- Đúng, con yêu quý, nhưng đâu sao cưới xin trong đẳng cấp vẫn khôn ngoan hơn, tiện lợi hơn ...

- Nếu con yêu người đàn ông nào, con sẽ lấy anh ta, bất kể đẳng cấp.

Bà Moti nói giọng quả quyết: - “Vậy là con đại dốt lắm. Mà thôi, con yêu quý, con nên về phòng, tập dượt bài học âm nhạc thì hay hơn. Tác phẩm

của Debussy hôm qua con chơi hay lắm đó. Trước kia, má chẳng ưa Debussy.”

- Má định đuổi con, hả má? Hôm nay vị tu sĩ trẻ tuổi đẹp trai của má có tới không?

Hai má con thoáng trừng mắt nhìn nhau, và bà Moti nói giọng lạnh tanh:

- Con không nên tập thói hồ hào như thế, Veera.

- Vâng. Nhưng ông ta đẹp trai, phải không?

- Má không nghĩ tới những điều như thế. Ông ta cũng sắp đi xa rồi. Ông tình nguyện tới chăm sóc một họ đạo ở miền núi.

- Ba có biết không?

- Có. Cụ thể là ba con hứa tặng cho cha Francis Paul bộ da cạp mà ông mới bán hạ được, hiện còn đang đặt thợ thuộc da ở Mysore chưa lấy về. Thôi, con rút lui đi, Veera.

- Vâng, thưa Má.

Cô gái hôn gió, rồi bỏ đi. Còn lại một mình, bà Moti đặt cuốn sách qua một bên, ngồi suy nghĩ trầm ngâm.

*

- Thưa Ông Lớn, người Hoa Kỳ đã tới.

Ông Jagat đang ở lại văn phòng của ông, một căn phòng rất rộng mà sàn nhà, trần nhà và tường đều lót đá hoa trắng. Trên tường treo đầy chân dung các vị tiên tổ, khung bằng vàng. Ngồi tại chiếc bàn giấy rất lớn của tổ tiên, bây giờ là của ông, ông Jagat ngược nhìn lên:

- Mời ông ta vô.

Người hầu vâng lời quay đi, nhưng ông Jagat gọi giật lại, bảo:

- Đợi chút. Người Hoa Kỳ đó mặt mũi ra sao?

Người hầu quay nhìn chủ: - “Thưa Ông Lớn, ông ta còn trẻ.”

- Hả?

- Thưa, tôi biết nói gì đây? Ông ta cũng là người, có cái đầu, hai chân và hai tay?

- Hai con mắt nữa chứ?

Người hầu toét miệng cười, lắc lư cái đầu, chẳng biết nói sao. Ông chủ lại ra lệnh:

- Thôi được, mời vào.

Ông nhìn xuống bàn giấy, nhưng ngay lúc đó cửa mở, và người Hoa Kỳ bước vào. Quả thật ông ta còn trẻ, chưa tới ba chục, vẻ mặt hiền lành, đôi mắt xanh lạnh lợi, mái tóc đỏ hớt ngắn, và nụ cười rộng miệng: nụ cười đặc biệt của người Hoa Kỳ. Ông ta đưa ngay bàn tay phải ra:

- Ông có phải là ... Tôi nên gọi ông thế nào nhỉ: Ngài tiểu-vương hay gì nhỉ?

Ông Jagat không thể từ chối đáp ứng nụ cười cởi mở Tây phương đó, cũng không thể lờ bàn tay đưa ra đó, vội vò lấy, nắm chặt một lúc, cảm thấy bàn tay đó mạnh mẽ, trẻ trung và ấm áp, một lát mới buông ra.

- Tùy ông muốn gọi tôi thế nào cũng được. Và mời ông ngồi xuống đã.

Người trẻ tuổi ngồi xuống, tiếp tục nói giọng xởi lởi: - “Không được, tôi muốn gọi ông cho long trọng. Tôi đã hỏi người hầu của ông nên gọi ông như thế nào, nhưng anh ta không biết. Tôi có thể gọi ông là sahib, hay một danh hiệu nào chăng?”

Ông Jagat cười ròn: - “Ồ, đừng gọi tôi là sahib. Đó chỉ là danh hiệu chúng tôi dùng để gọi người Anh thôi.”

- Ngài không có họ hay sao?

Ông Jagat phản đối: - “Điều này kỳ cục lắm, ông ạ. Ở đây không giống như ở bên quý quốc đâu. Ở tiểu quốc chúng tôi có hai họ chính. Như tất cả các dân tộc Đông phương, chúng tôi đều có nguồn gốc thần tiên. Theo huyền thoại, chúng tôi là con cháu của thần Suryavanshi, tức thần Thái Dương, hoặc của Chandravanshi, tức thần Minh-Nguyệt. Tôi là hậu duệ của Suryavanshi.

- Vậy tôi gọi ông là ông Thái Dương, được không?

- Tùy ông muốn gọi sao cũng được.

- Thôi được. Ông có thể cho tôi biết ông nghĩ sao về việc ông định biến tòa lâu đài trên mặt hồ của ông thành khách sạn?

Ông Jagat ngần ngừ. Ông chưa hề cho bà Moti biết những suy nghĩ của ông. Cũng như chưa hề nói cho một người nào biết. Cuối cùng ông mới nói, giọng quả quyết:

- Tôi có ý định muốn trở thành một con người làm ăn. Ông biết đấy, ngày nay ai cũng phải làm một công việc gì đấy, thưa ông... Ông có thể cho biết quý tính được không nhỉ?

Người Hoa Kỳ nói: - “Cứ gọi tôi là Bert. Tên tôi là Bert Osgood?”

- Ông biết đấy, kể từ năm 1947, tại nước Ấn Độ Mới, bọn vương hầu chúng tôi chỉ còn lại cái danh hiệu, chứ chẳng được chút gì. Ở cò-thời và hầu như cả suốt thời kỳ cai trị của người Anh, chúng tôi có toàn quyền sinh sát đối với dân, nhưng bây giờ có chính quyền trung-ương, chúng tôi bắt buộc phải thoái vị. Xét đại thể, có thể nói rằng chúng tôi thuận tình thoái vị. Nói rằng thuận tình chỉ có nghĩa là chúng tôi công nhận phải thay đổi, chứ mức độ hưởng ứng cũng có khác nhau, chẳng ai hoàn toàn đồng ý đâu. Nhiều người cũng thấy khó khăn, có người giữ những chức vụ trong chính quyền, có người làm ăn buôn bán. Có vị tiểu vương phải nấu rượu kiếm tiền, những vị khác nuôi bạch hổ bán cho các sở thú phương Tây. Nhưng bạch hổ hiếm lắm, hầu như chỉ thấy ở tiểu quốc của tôi thôi. Tôi đã nghĩ đến chuyện hướng dẫn việc săn cọp cho các du khách ... Không, không, tôi nói rõn đấy. Tuy nhiên, tôi vẫn phải làm một công việc chứ. Lợi tức của tôi bị cắt giảm phân nửa, nhưng trách nhiệm có tránh được đâu? Tôi vẫn phải trông coi, bảo tồn các lâu đài và đền, đài, phải chủ trì các buổi lễ tôn giáo, vì có ai thay được tôi đâu? Tôi lại còn phải nuôi dưỡng đám bà con và thuộc hạ rất đông đảo. Trách nhiệm đối với dân theo cổ tục thì nhiều, mà tiền bạc để thi hành những công việc đó lại không có. Sự tình là vậy.”

Ông Jagat ngừng lại để quan sát khuôn mặt trẻ đối diện, coi xem có dấu hiệu buồn bực nào chẳng, nhưng chỉ thấy vẻ chăm chú say mê thôi, nên ông nói tiếp:

- Nếu còn sống, hẳn là ba tôi không chịu nổi phải từ bỏ quyền hành của ông. Đất nước tôi có chừng bảy trăm sứ quân cai quản những vùng đất lớn nhỏ. Tất nhiên phải làm một việc gì để thống nhất lãnh thổ, sau khi nước nhà được trao trả độc lập. Cũng có người phản đối, nhưng phần đông là ôn hòa. Như tôi chẳng hạn, sẵn sàng từ bỏ quyền hành của mình. Nói rằng thống nhất chứ, theo tôi thấy, Ấn Độ không bao giờ là nước thống nhất, người Anh đi rồi, để lại chúng tôi trong tình trạng tranh chấp Ấn-Hồi. Chúng tôi không bao giờ có thể hợp nhất về mặt tôn giáo: sống cạnh nhau tương đối hòa bình mà chẳng đồng tâm. Vẫn còn bao kỷ niệm về những vụ

tấn công của người Hồi. Ngay như tiểu quốc của tôi đây đã từng bị tấn công ba lần, vụ nào vụ nấy đều ra trò. Chẳng hạn như đồn lũy cổ ở chân núi kia, gọi là đồn Chittor, đã nhiều lần nằm trong tay quân Hồi giáo, và dân chúng đã thề rằng không bao giờ đặt chân thăm viếng nếu chưa lấy lại được, và họ chỉ lấy lại được khi mà Ấn Độ độc lập thôi. Tất nhiên, chúng tôi đã tổ chức một buổi lễ long trọng, có Thủ tướng tới tuyên bố một cách tượng trưng rằng đồn Chittor được trả về cho dân địa phương. Chittor là thủ phủ của vương quốc cổ thời trong địa hạt này đây.”

Best Osgood sốt sắng hỏi: - “Có thể biến thành khách sạn được không?”

Jagat cười: - “Không, không. Phần lớn đồ nát rồi. Tôi có cho tu sửa lại một phần nào... tòa lâu đài Padmini, và một số căn nhà.”

Bert gợi ý: - “Có thể là một địa điểm du lịch rất tốt.”

Jagat đứng bật dậy: - “Có thể. Tôi đã nói quá nhiều. Chúng ta hãy đi xem một tòa lâu đài khác mà tôi đang nghĩ tới, coi xem có thể làm ăn gì được không. Tôi muốn biến tòa lâu đài đá hoa đỏ thành một khách sạn sang trọng dành cho người Mỹ ... và tất nhiên cả người Âu Châu nữa. Không hiểu sao tôi lại nghĩ tới người Hoa Kỳ trước nhất. Hình như ngày nay mọi người đều ...”

Ông dẫn đường cho khách qua một lối đi rộng lớn, rồi tới những hành lang lát đá hoa dẫn tới những phòng rộng mênh mông, sàn nhà lát đá hoa ở đó phủ những tấm da cạp, và trên tường, những đầu cạp nhe nanh rất hung tợn. Osgood nhìn thẳng vào mặt Jagat:

- Sống giữa những ác thú này mà ông không bị ác mộng hay sao?

Jagat cười: - “Không. Chỉ đem lại những kỷ niệm xấu thôi. Chẳng hạn như con cạp này.” - Ông ngừng lại dưới một đầu cạp nhe nanh hăm dọa - “Nó đã khiến cha tôi và tôi phải một phen hú vía. Tôi thú nhận như thế. Hồi

đó tôi còn rất trẻ, lại đi săn lần đầu. Chúng tôi đi săn vào một ngày mùa thu tại khu rừng, gần hồ Jai Samand, khi mùa mưa vừa dứt. Chúng tôi ở khu săn bắn, và các người hầu báo cáo rằng đêm nọ một con cọp lượn về tìm mồi ở khu rừng không xa. Cha tôi ra lệnh sửa soạn súng ống, và hai cha con rút ra khỏi khu săn bắn, để chờ đợi. Nào ngờ cọp tìm tới tôi, nó tiến thẳng vào khu săn bắn. Tôi thấy cặp mắt xanh sáng rực ở mồm đất, không quá mùi thốc. Nó đang cúi mình bên bờ suối. Tôi không có thời giờ nhắm nữa, bắn đại một phát. Trúng ngay mắt phải, vui ghê!”

- Vậy mà ông gọi là vui ư?

- Ô, vui chứ. Thú thật thì sợ có sợ, nhưng tôi vui thích. Hấp dẫn lắm. Từ đó tôi ham mê săn bắn. Bây giờ, tôi bắt đầu rủ thằng con đi theo, nhưng nó chẳng hưởng ứng. Chán thật.

Hai người bước đi qua những hành lang dài trong tòa lâu đài cổ.

Sau cùng, Osgood lên tiếng hỏi: - “Tòa lâu đài đá hoa này dài bao nhiêu?”

Jagat vui vẻ đáp: - “Một phần tư dặm. Không phải toàn đá hoa đâu. Nền móng bằng đá hoa cương, xây vững chắc muôn đời. Tổ tiên tôi tin tưởng rằng con cháu sẽ đời đời cai trị dân. Ngày nay, chẳng ai dám có tư tưởng đó.”

Người Hoa Kỳ vui vẻ nói: - “Mọi việc đổi khác rồi. Nhưng rất thuận lợi cho công việc làm ăn.”

Jagat dẫn khách qua những bậc thềm dẫn xuống hồ, nói giọng trang nghiêm:

- Tôi cũng mong vậy. Đây là nhà đê thuyền. Tôi cất giữ chiếc du thuyền chạy máy ở chỗ này.

Ông nhanh nhẹn chạy xuống những bậc thềm đá hoa, tới chỗ chiếc du thuyền đang đậu. Hai thủy thủ lặng lẽ xuất hiện, xòe tay đặt trước mặt để đón chào chủ nhân. Ông Jagat bảo người Hoa Kỳ:

- Coi chừng đừng đầu. Mái nhà thấp lắm đó.

Hai người ngồi xuống. Động cơ nổ khe khẽ, chiếc du thuyền tiến ra giữa hồ. Osgood nhìn lại tòa lâu đài vừa rời khỏi, nói giọng thán phục: - “Lạy Chúa! Đứng trước tòa lâu đài nguy nga này thì Tòa Bạch Ốc chỉ như một ngôi nhà mả. Ông nói rằng ở Ấn Độ có hàng trăm lâu đài như vậy, phải không?”

Jagat đáp: - “Mỗi tiểu vương có một tòa lâu đài. Đôi khi vài cái.”

- Dân chúng đón góp cũng vất vả lắm nhỉ? Quả là một dân tộc cần cù, dễ bảo.

- Tôi hài lòng vì chuyện đó chấm dứt rồi. Bây giờ ngại trừ cánh bên phải dành cho gia đình tôi, còn lại toàn bộ tòa lâu đài được mở ra cho công chúng vào xem. Sau khi cha tôi mất đi, tòa lâu đài được hiến cho thành phố. Quả thật chính quyền cũng chẳng biết làm ăn ra sao, đành để cho người ngoài vào xem, có người hướng dẫn, kiếm được chút đỉnh tiền bạc của du khách.

- Nơi đây là một thắng cảnh du lịch.

Hai người cùng yên lặng một lúc, trong khi chiếc du thuyền rẽ mặt nước yên tĩnh. Mặt trời đứng bóng, hồ nước phản chiếu bầu trời xanh. Xa xa, từ chỗ những bậc thềm ven hồ vang vọng tiếng đập nhịp nhàng của mấy người đàn bà đang giặt quần áo. Họ nhúng quần áo xuống nước, đặt lên những tảng đá, dùng chày đập cho nước bắn ra.

Đột nhiên ông Jagat lên tiếng: - “Đây là tòa lâu đài tôi muốn biến thành khách sạn.”

Osgood quay lại, nhìn qua hồ nước. Ở giữa hồ sừng sững một tòa lâu đài đá hoa trắng muốt, đẹp như ngọc thạch. Ông hít hà:

- Chà, cảnh sắc thật tự nhiên. Tôi chưa hề được thấy! Đẹp quá: từ hồ nước, tòa lâu đài, đến những ngọn núi phía sau, cũng cát vàng lóng lánh. Lại thêm hàng cây xanh bên hồ nữa chứ! Xem nào! Tôi phải viết trong phần quảng cáo như thế này: “Lâu Đài Giữa Hồ. Kiểu lâu đài của vua chúa rất trang nhã, với những tiện nghi hiện đại, ở một nơi đẹp vô song. Khí hậu mát mẻ quanh năm. Tiện đường máy bay từ Delhi, đường bộ và đường hỏa, xa tới Ahmedabad và Bombay. Đầu bếp Ấn Độ và quốc tế. Có radio và điện thoại trong mỗi phòng? Và hồ nước này, có thể đi chơi thuyền, câu cá, trượt trên mặt nước, phải không nhỉ? Mong rằng không có cá sấu chứ?”

Jagat thú thật: - “Có đấy.”

Osgood nói giọng sôi nổi: - “Phải bắn chết hết. Khi đã đem ánh sáng điện tới đây, không thể để có cá sấu.”

- Dân chúng không muốn cá sấu bị bắn đâu. Họ cho rằng sấu đem lại hạnh phúc. Đó là loài vật thiêng liêng.

Osgood đập ngay: - “Chúng chẳng đem lại hạnh phúc cho ai hết, có thể du khách sẽ bị cá sấu tấp mắt đầu. Thôi, thôi, không bàn cãi về chuyện cá sấu nữa. Hoặc giả có bàn, thì chúng ta sẽ quay chúng lại một góc hồ, và để cho du khách xem và nuôi ăn. Đó cũng là một mục hấp dẫn.”

Ông Jagat cười: - “Cũng được”.

Máy thuyền tắt đèn, một thủy thủ cột dây buộc thuyền vào trụ sắt gắn trên thềm đá hoa. Một bậc thềm dài dẫn lên tòa lâu đài, Jagat dẫn người Hoa Kỳ bước lên. Một ông lão giữ việc trông coi lâu đài thấy hai người đi tới liền chấp tay vái, rồi dẫn họ qua một dãy hành lang rộng lớn trồng cây

hai bên. Máy cái máy nước khô cạn, ở đó đàn chim thấy người vào liền kinh hãi bay lên, lượn trên đầu họ.

Osgood phấn khởi kêu lên: - “Tôi đã tưởng tượng ra rồi! Sẽ có máy nước chảy róc rách, đèn thấp sáng, thêm đá hoa lau chùi sáng trưng, trắng bóc. Có sàn nhảy đẹp tuyệt vời, có quây rượu ngay chỗ này.”

Ông ta tiến vào khu vườn đầu tiên, nhưng người bảo vệ đã bước lại, kéo áo ngăn chặn, xô ra một tràng tiếng Hindu.

Jagat giải thích: - “Ông nói rằng đang có hai con mãng xà uống sữa tại khu vườn. Đã tới giờ cho chúng ăn.”

Osgood vội thụt lùi: - “Không thể để mãng xà ở đây! Phải dẹp bỏ hết!”

Jagat ngần ngừ: - “Chúng ở đây lâu lắm rồi. Cũng được xem là loài vật mang lại hạnh phúc đấy.”

Osgood nhất quyết phản đối: - “Chúng chẳng đem lại hạnh phúc cho ai hết. Nếu để một du khách bị rắn cắn, là ông các chiếu hầu tòa đấy. Giết hết chúng đi!”

Hai người đưa mắt nhìn nhau. Ông Jagat nói:

- Tôi sẽ cho chuyển chúng tới một hòn đảo khác.

*

Jagat hỏi Osgood: - “Tôi đưa ông trở về chứ?”

Hai người đã ở suốt ngày tại tòa lâu đài giữa hồ, bữa ăn trưa của họ được gia nhân đi thuyền đem từ ngoài vào. Họ đã cùng nhau xem xét các họa đồ và các bản thảo kế hoạch.

Osgood kêu lên: - “Sau một ngày làm việc vất vả thế này, ông tính ở lại đêm tại đây hay sao? Chà, ông cần nghỉ ngơi đây.”

- Tôi muốn suy tính mọi việc cho xong xuôi, mà ở lại tòa lâu đài giữa hồ này để suy nghĩ là tốt nhất, không đâu bằng. Hầu như tôi đã chấp nhận kế hoạch này rồi, ông biết đấy. Dầu sao cũng phải chuẩn bị tinh thần kỹ lưỡng trước những việc thay đổi lớn như thế này. Chẳng hạn như quyết định di chuyển mấy con măng xà đó. Tòa lâu đài này là chỗ trú ngụ của chúng bao đời nay rồi.

Osgood nói: - “Tốt. Tôi chỉ hỏi có vậy. Chúng tôi sẽ tài trợ cho ông đầy đủ để ông tiến hành công việc. Chúng tôi sẽ ứng trước cho ông hai trăm năm chục ngàn đô-la đấy. Nếu là ở bên Mỹ, có thể số tiền tạm ứng lên đến tới nửa triệu đô, nhưng ở đây chẳng cần, vì nhân công rẻ mạt.

Jagat tính toán: - Tôi cũng cần chạy mấy cái giấy phép, phải chi tiền cho đủ các cấp chính quyền. Nhưng nếu các ông bảo đảm đủ số đô-la thì tôi chạy chọt xong xuôi.

- Bảo đảm mà. Việc phép tắc tôi không rành, đành nhờ ông vậy thôi. Tôi chỉ biết quảng cáo sao cho người Hoa Kỳ đồng ý đặt chân tới nơi xa xôi hẻo lánh này. Nhưng tôi biết rằng xa cách mấy họ cũng tới, miễn là có khách sạn cho tốt, có giường êm ấm, món ăn ngon, và có quầy rượu để ngồi lai rai. Tất nhiên cũng cần có những tiết mục hấp dẫn: vũ nữ xinh đẹp. Mấy cô gái Ấn thế nào?

Jagat không trả lời. Ông đã từng nghe nói tới thị hiếu của người Mỹ về mặt này, và ông không ưa. Ở ngay thành phố Amarpur cũng có khu buôn hương bán phấn, mấy cô gái bị nhốt trong nhà, ời ời gọi người qua đường ghé vào chơi. Ông thường tránh đi qua khu đó, biết rằng có những chón sa đọa như thế, và lúc này ông cũng tránh né không trả lời người Hoa Kỳ.

Ông nói, giọng trầm tĩnh: - “Du thuyền sẽ đưa ông trở lại bờ bên kia. Xe hơi của tôi cũng đậu sẵn ở bến tàu. Ông sẽ đủ thời giờ đáp chuyến bay về Bombay. Mỗi ngày chỉ có một chuyến bay thôi. Nhưng họ có hứa với tôi rằng chúng ta có đủ hành khách, họ sẽ tăng lên mỗi ngày hai chuyến. Đừng xúc động quá nếu thấy máy bay xóc. Đó là chiếc phi cơ Viscount cà tang, quá cũ kỹ, nhưng họ đảm bảo rằng an toàn. Những báo cáo về tai nạn máy bay cho thấy số tai nạn ở bên tôi thấp hơn ở bên ông, và sẽ tổn hại cũng nhẹ hơn so với máy bay phản lực của các ông.

Osgood nói: - “Cám ơn ông. Cuối tháng này, thế nào tôi cũng trao tận tay ông bản kế hoạch đầy đủ chi tiết. Tôi chỉ còn lo lắng một điều thôi: liệu có đủ phòng ngủ cho khách không? Cần có đủ chỗ cho những phái đoàn sang trọng đấy.

Jagat nói: - “Tôi cũng mong có những phái đoàn đông đảo và sang trọng. Đây là khách sạn tốt nhất, trong một quốc gia đẹp nhất thế giới cơ mà.”

Osgood cười ròn: - “Phải tránh muối cho họ đấy nhé.”

Jagat đáp liền: - “Không hề có muối. Và hồ nước này nhiều cá lắm. Trước kia chỉ được câu lên cung phụng các cụ tổ tôi thôi. Nay đem đãi người Hoa Kỳ đấy.”

- Ông sẽ thành công rực rỡ.

Hai người bắt tay nhau, và rồi Jagat đứng trông theo chiếc du thuyền rẽ nước, dưới ánh mặt trời sắp tắt, đưa khách trở lại bờ bên kia. Ông chợt cảm thấy cô đơn, buồn chán. Cuộc đời ông tới một bước ngoặt, một cuộc sống mới. Từ trước đến giờ ông sống nơi cung cấm như các cụ tổ, yên tâm là được khỏe mạnh, nhàn hạ, có quyền hành và được tôn thờ. Bây giờ quyền hành mất hết, tiền tài giảm sút phân nửa. Ông phải tự xoay sở để lo cho tương lai, cho bản thân ông. Ngày nay ông không thể làm theo cách hung

bạo của các cụ tổ. Ông nội ông, và ngay cả cha ông nữa, hề ưng ý một cô gái đẹp đi ngang qua, chỉ việc cho người đuổi bắt đem về là xong ngay. Thói ngang tàng đó họ học được của người mogul xâm lăng ngày trước, và được xem là quyền hành của vua chúa. Vì thế phụ nữ Ấn ra đường phải che mặt. Đó là bài học của thời xa xưa, lâu dần ăn sâu vào tiềm thức của đàn bà. Ngay như bà Moti cũng vậy! Bây giờ, bà không phải che mặt, nhưng con tim bà nguội lạnh. Bà không thể nói tiếng yêu đương với ông. Lấy nhau bao nhiêu năm, mà không bao giờ bà dám mở miệng nói rằng yêu thương ông, luôn luôn né tránh, xin lỗi. Mỗi lần ông trách bà sao không tỏ tình, bà chỉ đáp: “Anh đã biết rõ lòng em rồi sao còn phải bắt em nói ra miệng nữa?”

Ông nghĩ bà sẽ không phản đối việc ông định biến lâu đài mùa hè này thành khách sạn. Ông nói gì, làm gì, bà không bao giờ phản đối. Nếu có cảm thấy bất mãn, bà cũng để trong lòng, rút lui vào chỗ thâm lặng nội tâm, nơi ông không thể xâm nhập được. Thái độ khép kín của bà cho ông một cảm giác cô đơn. Và ông đã quen, đành tìm an ủi ở những hoạt động thể chất, thông thường là săn bắn. Không có gì hấp dẫn ông bằng việc săn bắn cọp. Nhưng đó lại là một niềm cô đơn khác. Những ông hoàng như ông, bỗng nhiên mất ngai vàng, mất quyền cai trị, đó trở thành cô cùng cô đơn. Nơi tòa lâu đài yên tĩnh này, ông chỉ nhận thức được những bóng ma thôi, chứ ngày xưa, cha ông và ông nội ông đã ở đây, qua những ngày hè thật vui vẻ, ngày nào cũng tiệc tùng. Ông còn nhớ hồi đó ông chỉ là một cậu bé, được nhìn thấy những căn phòng rộng mênh mông, luôn luôn nháo nhiệt vì những cô gái mặc áo dài tuyệt đẹp. Ông tưởng chừng còn nghe được tiếng cười đùa, đàn hát của các cô. Má ông và bà nội ông chẳng bao giờ ghen với các nàng tiên đó, xem họ là vô hại. Các bà tin rằng đàn ông phải được vui chơi, làm vợ phải biết lo cho chồng được giải trí. Các cô ra vào thì kệ các cô, nhà càng đông người càng vui. Bây giờ, những chuyện đó đã qua rồi. Cha và ông của Jagat đã qua đời, nếp sống của học cũng qua đi. Còn lại một mình Jagat, ông phải biến đổi mọi việc thật mới mẻ.

Ông thì thầm: - “Có lẽ, cả ta cũng phải thay đổi.”

Đêm xuống, ông vui mừng nghe tiếng động cơ du thuyền tiến lại gần bờ. Ông bước lên thuyền đúng lúc mặt trời lặn, hắt ánh sáng màu đỏ tía lên mặt hồ.

Bà Moti nhìn qua bàn ăn, tới chỗ ông Jagat ở đầu bàn bên kia. Bữa sáng bà ăn riêng, bữa trưa vợ chồng cũng ít khi ngồi chung, nhưng bữa tối họ thường ngồi ăn với nhau. Ngồi bên chiếc bàn này, bà cảm thấy mình nhỏ hẵn lại. Bàn bằng gỗ tẻch rất chắc, nguyên khối, dài sáu thước, rộng hai thước, xẻ ra từ một cây gỗ tẻch cổ thụ sống đã ba trăm năm, mặt gỗ không thể cong lên hay rạn nứt. Ngày nay chẳng còn những cây cổ thụ như thế. Voi đã phá hủy những cây cuối cùng trong rừng nguyên thủy Aracan. Trên mặt bàn, một chùm đèn rất rộng và chằng chịt tỏa ánh sáng khắp phòng ăn, chiếu ra tận hành lang. Chùm đèn này của ông nội Jagat đặt mua tại Tiệp Khắc. Một người dân thành Goa trông coi về rượu và hai người hầu khác lo việc bung thức ăn.

Bà Moti yên lặng ngồi ăn, ông Jagat mở lời trước nhất:

- Hôm nay em làm gì?

Ông vừa hỏi vừa múc cà-ri đựng trong chiếc liễn bằng bạc người hầu vừa bung tới. Giọng ông êm dịu, đôi mắt ông nhìn hờ hững. Ông cúi xuống ăn cơm với cà-ri đựng trong chén bạc. Bà Moti trả lời, giọng êm và bình thản:

- Em ấy ư? Quả thật em chẳng có việc gì làm. Chỉ đọc sách một lát vào buổi sáng. Viết lá thư gửi cho Jai. Có lẽ là bức thư cuối, trước khi con nó về nghỉ nhà đây. Tuần tới nó về rồi, anh cũng biết đó.

- Anh quên mất. Tốt, em khuyên con làm việc gì?

Bà bàn tính: - “Em nghĩ rằng chúng ta nên mời cha Francis Paul làm gia sư cho con. Cha đã được chỉ định một chân truyền giáo tại một bộ lạc miền

núi, nhưng cha có thể ở lại, trong một vụ hè thôi, nếu cha được biết ước muốn của chúng ta mời người ở lại.

- Cha sẽ dạy con trai chúng ta điều gì, chẳng lẽ lại dạy cầu kinh?

- Dạy nó hoàn bị vốn tiếng Anh không được sao?

- Jai nói tiếng Anh tốt lắm mà.

- Nhưng giọng của nó vẫn có vẻ giọng Ấn Độ, anh không thấy hay sao?

- Vì nó là người Ấn.

- Anh thấy đó, Jagat, vợ chồng mình nói tiếng Anh đúng giọng Oxford kia mà. Và lại bây giờ hiếm có cơ hội cho chúng ta gặp được người Anh chính gốc như cha Francis.

Bà vừa nói vừa chọn mấy cái bánh sữa, đựng trong tô pha-lê mà người hầu đưa mời bà. Jagat không đáp. Bà Moti nhận ra rằng chồng bà không lắng nghe nữa, nên bà lại nói tiếp:

- Hôm nay Veera hỏi em một câu hỏi kỳ cục.

Nghe đến tên con gái, ông Jagat luôn luôn tỉnh táo, ông ngừng đầu:

- Chuyện gì?

- Nói hỏi em rằng nó có phải lấy người đàn ông chúng ta chọn cho nó không.

- Nó phản đối Raj hả? Nếu vậy, nó làm lẫn lộn.

- Nó chưa biết anh ấy, làm sao có thể phản đối?

- Đã cho gặp một lần rồi mà.
- Nhưng hình như nó thấy là chưa đủ.

Ông Jagat gạt đĩa thức ăn qua một bên: - “Làm sao nó hiểu được một người đàn ông, trước khi ăn ở với nhau? Nam nữ gặp nhau hiểu nhau, thì nhận thức đó chỉ là hời hợt thôi.”

- Hay anh nói năng khuyên bảo con?
- Tất nhiên là không được. Chuyện đó khó nói lắm.
- Anh có hay nói chuyện với thằng Jai không?
- Về chuyện gì?
- Chuyện hôn nhân ... đàn bà.

- Làm sao anh có thể nói những chuyện đó được? Không chừng nó còn hiểu biết hơn anh hồi bằng tuổi nó đấy.

- Ô, Jagat, quả thật nhiều khi nói chuyện với anh chán chết.

Nhưng bà nói câu đó với giọng rất dịu dàng, vui vẻ nữa, nên ông cười với bà. Hai người cùng đứng dậy, tiến ra bãi đất trống trước nhà. Ông nói:

- Anh chỉ nói theo kinh nghiệm thôi, em yêu quý ạ. Ngày xưa anh chẳng biết gì về đàn bà ... quả thật không biết tí gì, cho đến ngày anh cưới em. Những liên hệ khác chẳng qua chỉ là thể xác. Ba anh cũng vậy, những liên hệ thật sự có ý nghĩa của ông chỉ là với má anh thôi. Vì vậy, anh bỏ hẳn cái tật xấu của ông, vì quả thật phí sức ... rất nhiều. Bây giờ, anh chỉ lo chuyện tiền bạc. Anh chưa hề kể cho em nghe, nhưng hôm nay một anh chàng Hoa Kỳ đã tới thăm anh. Anh gặp ông ta ở Dehli hồi tháng trước, Moti à, em nói sao về việc anh định biến tòa lâu đài giữa hồ thành một khách sạn?

Bà Moti ngồi phịch xuống, vẻ hồi hà bất ngờ: - “Anh nói gì vậy, Jagat?”

- Em yêu quý, chúng ta không thể sống nhờ món tiền trợ cấp của chính quyền, khi chúng ta có biết bao bà con, những người anh em họ, các cô chú, cô dì già nua, cả đời không chịu làm việc, chỉ sống nhờ vào thằng cháu, và bây giờ thấy anh yêu cầu làm việc để tự túc thì họ tỏ vẻ ngạc nhiên. Hơn thế nữa, chúng ta lại còn mấy tòa lâu đài cần phải coi sóc! Vậy nên, anh nghĩ đến chuyện bắt đầu thử với tòa lâu đài giữa hồ xem sao. Nếu thành công, anh sẽ tính tới các tòa lâu đài khác. Dẫu sao thì Amarpur cũng là một trong những nơi đẹp nhất thế giới. Đúng rồi, anh đã gặp người Hoa Kỳ kia ở Delhi vào tháng trước. Ông ta là người của một liên hiệp khách sạn rất lớn, và anh đã gặp anh ta đứng ngắm một khách sạn ở Bombay. Tất nhiên anh đã quên anh ta, chỉ nhớ lại khi anh chợt nảy ý định sẽ tự mình tổ chức một khách sạn. Lúc đó anh nhớ ra rằng anh ta có đưa cho anh một tấm thiệp, nên anh phân cho ông ta, bảo ông ta đáp chuyến bay sớm nhất từ Bombay tới đây. Anh và ông ta đã ở với nhau suốt ngày tại tòa lâu đài giữa hồ, xem xét mọi việc. Ông ta cho rằng có thể làm ăn được, bảo sẽ gửi cho anh xem kế hoạch và những bản ước tính chi phí.

Bà Moti yên lặng một lúc, mới lên tiếng: - “Không biết em có ưa nổi mấy ông ngoại quốc này không?”

- Tại sao không? Em chỉ việc giữ im lặng, đừng dính vào mấy chuyện này. Họ sẽ vui sướng được gặp một vị vương hậu đích thực của Amarpur đấy.

- Anh muốn nói rằng em cũng là một mục tiêu cho họ ngắm?

- Anh muốn nói rằng em là em, là vị phu nhân sang trọng, là vương hậu của Amarpur, em yêu quý ạ.

Hai người ngừng ngang câu chuyện, vì người hầu vừa mang tới thứ rượu vang trắng đặc sản của Ấn Độ, cắt bằng cánh hoa hồng dại, gọi tên là rượu gulah. Người hầu giữ vẻ mặt bình thản, không biểu lộ điều gì, nhưng anh ta đã nghe hết câu chuyện của chủ. Người ngoại quốc ồ ạt tới Amarpur là nghĩ lý gì? Anh ta di chuyển trên bãi đất trống, mặt lạnh tanh, bước đi êm nhẹ. Rồi anh ta khoanh tay chào chủ, rút lui, trở về với thế giới riêng của anh, là chàng J.Rodriguez ở thành Goa.

Cách đây nhiều năm, anh cưới một cô gái trẻ tuổi ở Goa, tên là Inez, cùng đẳng cấp với anh. Một năm sau, nàng sinh đứa con đầu lòng, và hai mẹ con cùng chết. Không hiểu vì buồn chuyện gia đình hay vì giận ông chủ người Bồ Đào Nha, mà anh chàng làm công này quyết định rời bỏ vùng đất hẹp Goa. Có lẽ vì cả hai điều đó. Dầu sao thì anh cũng rời bỏ tiệm bán hương liệu của người Bồ, nơi anh đã tìm được việc làm, sau khi rời khỏi trường học Thiên Chúa Giáo mà ba má anh gởi anh vô học. Anh giận thằng chủ tiệm người Bồ mập ú lâu lâu lại sỉ mắng anh, uống rượu như hủ chìm, và hại đời bao cô gái người Ấn. Hồi làm cho thằng chủ người Bồ, Rodrigucz cấm em gái không được bén mảng tới cửa tiệm, dù là để mang tới cho anh một lá thư của cha mẹ già hay của Inez.

Anh nói với Inez: “Thằng mập này là con heo!”

Có lẽ cuộc sống của anh sẽ dễ dãi hơn, nếu như anh không được đi học, để biết quá nhiều về thời quá khứ, để hiểu rằng chẳng làm được điều gì ở thời hiện tại. Anh đã đọc sách sử để biết người Anh đã trả độc lập cho Ấn Độ mà người Bồ vẫn không chịu buông thành Goa. Chuyện xảy ra mấy trăm năm trước chỉ vì sự xích mích giữa hai quốc gia Châu Âu, hình như Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha thì phải. Anh chàng Cô-lông điên khùng cứ tưởng rằng mình tìm ra Ấn Độ, trong khi sự thật anh ta chỉ khám phá ra một hòn đảo nhỏ ở đầu kia của thế giới. Làm lẫn tai hại đó đã kích thích người Âu Châu, đặc biệt là người của hai quốc gia nói trên, bung ra tìm đường sang Ấn, xứ sở của châu báu và hương liệu. Đức giáo hoàng hồi đó e ngại chiến tranh giữa các nước tranh chấp, mới quyết định chia cắt phần đất bên

ngoài Âu Châu thành hai miền. Cô-lông vừa đặt chân lên vùng đất mới năm trước thì năm sau Giáo hoàng ra một Nghị định thư chia cắt thế giới bằng một con đường tưởng tượng chạy dài từ Bắc xuống Nam ngang qua quần đảo Azores, tuyên bố rằng Bồ Đào Nha được chiếm lĩnh đất đai ở phía đông giới tuyến đó , và Tây Ban Nha được vùng đất phía Tây. Chính vì vậy mà người Bồ đã chiếm đoạt và thành lập vùng đất Goa ở bờ biển của xứ Ấn Độ rộng lớn. Nhưng họ cứ tham lam giữ rịt lấy, mãi cho đến lúc Thủ tướng Nehru vĩ đại đánh bật họ ra khỏi vùng đất đó. Vào hôm Goa được giải phóng, trả về cho đất mẹ Ấn Độ, Rodriguez cũng tuyên bố tự do giải phóng, không thèm kiêng thẹn vào ngày thứ sáu, và cũng không xung tộ với một tu-sĩ nào nữa. Rất khó cho anh giữ bí mật quyết định đó, đặc biệt là lúc cha Francis Paul thăm viếng tòa lâu đài, nhưng anh cũng khéo đối xử với tu-sĩ người Anh Quốc đó bằng thái độ trầm tĩnh thông thường của anh. Lúc này, anh đã ở Ấn được ba mươi năm, và đã phục vụ tiểu vương Amarpur được hai chục năm. Anh rời bỏ thành Goa vào ngày mà tên chủ người Bồ gọi anh là thằng lợn Ấn Độ chỉ vì anh từ chối không chịu đem lá thư của hắn gửi cho một cô gái trẻ mà hắn muốn dụ dỗ là bồ bịch. Ngay tối hôm đó, anh đã rời bỏ Goa, đi bộ sang tận Bombay, xin vào làm cho một gia đình người Ấn, nhờ đó anh được thân phụ của tiểu vương mượn về, vì ông cụ mê món cà-ri thịt cừu anh nấu ngon tuyệt. Hai mươi năm anh ở Amarpur, ở tòa lâu đài này, và bây giờ chỉ có các vị thần mới biết được chuyện gì sẽ xảy ra. Anh ngầm phản đối mạnh mẽ hành động của người dân Delhi chống lại vua chúa, và chừng nào còn sống, chừng đó anh còn kính trọng vị tiểu vương. Các vị thần tạo dựng nên con người, có kẻ sang, người hèn, đã làm người, làm sao anh có thể chối bỏ các vị thần, để tuyên bố rằng người ta sinh ra đều bình đẳng?

Tối hôm đó, các người hầu ngồi xôm quanh anh, nghe anh nói chuyện, anh đã bảo họ rằng: - “Dẫu sao, tôi còn nói gì được khi chính ông chủ chúng ta biến tòa lâu đài giữa hồ thành khách sạn, cho người ngoại quốc vào trú ngụ vì họ có thể chi tiền cho ông chủ? Cũng may đó chỉ là tòa lâu đài giữa hồ thôi, chứ không phải tòa lâu đài trên đất liền, nơi đại vương uy quyền Jehan sống giam cầm, và trong một giấc mơ ngài đã đặt ra kế hoạch

xây dựng ngôi đền Taj Mâhl để tưởng niệm bà vợ trung thành của ngài, đã thiệt mạng lúc sinh người con thứ mười bốn. Tôi khuyên các anh, đừng để cho người ngoại quốc đặt chân vào đây. Năm trăm năm trước, người Bồ Đào Nha đã cắt mất của Ấn Độ một phần lãnh thổ phía Tây là thành Goa, và trong mấy thế kỷ chúng đã bám chặt lấy phần đất đó, hút máu dân ta, nhiều phen chúng ta cố đánh đuổi chúng mà không được. Thằng người Bồ đầu tiên tên là Albuquerque - nghĩ đến hấn, chúng ta còn sôi gan ứa mật! - đã tự xưng là Phó Vương miền Đông, và hấn đã sát hại nhiều ngàn người Ấn, không từ đàn bà, trẻ con! Các anh biết chúng đã tới đây, đội lột thương gia, và ở lại để cai trị dân ta. Không, không, Đức Ông của chúng ta, ngài Tiểu Vương của chúng ta không thể mời lũ quỷ trở lại thiên đường của chúng ta được!

Anh thờ ra thật dài, nhìn vàng trắng khuyết vừa nhô lên phía trên tòa lâu đài, mảnh mai và lợt lạt. Đột nhiên anh tuyên bố anh quá mệt mỏi, muốn đi ngủ và anh trở về chiếc giường trống, vì từ khi vợ chết, anh không lấy vợ khác.

Veera thơ thẩn ngoài vườn hồng. Nàng bút rút nóng nảy. Ngày nghỉ học còn dài, nàng chưa muốn trở lại trường, nhưng nàng lại nhớ bạn bè, nóng lòng muốn gặp lại. Ba tháng nữa nàng sẽ có chồng. Hai tháng nữa nàng sẽ có bằng tốt nghiệp, và một tháng còn lại nàng phải sửa soạn mua áo cưới, nữ trang và mọi thứ khác để tổ chức đám cưới. Nàng muốn có chồng mà cứ ngần ngại chẳng muốn. Lúc thức khi ngủ nàng đều mơ thấy Raj, chàng thanh niên đẹp trai ở Bombay, và nàng e ngại chàng. Chàng là con trai vị tiểu vương Limbdi, nhưng chàng chẳng hề quan tâm đến việc làm một ông hoàng. Chàng còn chế nhạo cha chàng nữa, và chỉ gặp nhau có một lần thôi, nàng cũng thấy chàng là con người ngang tàng mà vui vẻ, nhưng chàng không hiểu mình có thể thương nổi tính nết đó không.

Chàng bảo Veera: - “Giả bộ tuân theo chủ trương tiết kiệm của chính phủ, ngày nay cha tôi mặc quần áo bằng vải nhà dệt lầy thay cho xa tanh, nhưng nút áo lại là những viên kim cương rất lớn, y như ngày trước. Cần gì

nút áo cứ phải là châu báu nhỉ? Cô có biết anh bạn tôi nói về các ông hoàng của chúng ta ra sao không? Anh bạn ấy là văn sĩ, bảo rằng mấy ông hoàng đó “lòe loẹt châu báu và sặc mùi phong kiến”.

Nàng phản đối liền: - “Ba tôi có vậy đâu?”

Raj công nhận: - “Ồ, ba cô rất tốt. Ông ấy đã ở bên Anh quốc, nước Anh biến đổi mọi người, đặc biệt là người Ấn. Đã ở đó, ta không còn như cũ. Chính tôi cũng vậy. Có thể cô sẽ chẳng muốn nhìn mặt tôi, nếu được biết, hỏi tôi chưa qua du học bên Anh. Quả thật lúc đó tôi dơ dáy đại hình. Tôi còn bận một chiếc xà-rông nữa chứ.

Veera cười ngất: - “Anh tưởng hiện thời tôi thích gặp mặt anh hay sao?”

Chàng nghếch mặt ra, khuôn mặt vui vẻ tạm thời mất hẳn nụ cười.

- Mong cô đừng hiểu lầm như vậy. Tôi chỉ muốn nói rằng cô rất xinh đẹp. Tất nhiên, các vương hầu biết nghe theo tiếng gọi của tổ quốc là điều rất tốt. Họ cũng có người hay người dở. Cha của một người bạn tôi từng có chín mươi chín con voi, đã đem hiến tặng tất cả chỉ giữ lại có ba con đặc biệt ưa thích. Nhưng cha của một người bạn khác, nghe đâu có tới hai trăm cung nữ, đã dẫn theo tất cả, nhân dịp ông ta qua chơi một ông hoàng lân quốc, dù chỉ ở lại đó một đêm. Ông ta từng nói rằng không nên để các bà ra khỏi nhà.

Nàng không thể nín cười, theo tiếng cười rộ của chàng. Nghĩ đến chuyện đó, Veera lại cười, nhưng khe khẽ. Raj cũng có vẻ dễ thương đấy, nhưng không hiểu nàng có thể thương nổi chàng không, có muốn thương yêu chàng không? Những cô gái ở trường nói nhiều về tình yêu, nghiên cứu các tạp chí của Hollywood, mơ ước những mối tình đẹp đẽ kiểu Tây phương, nhưng đó chỉ là mơ ước thôi. Có lẽ những mối tình như thế không thể hiện hữu ở Ấn Độ. Ái tình là chuyện buồn phiền, là gánh nặng, nhưng không thiếu niềm vui. Nếu một ngày kia nàng thương yêu Raj mà chàng

không yêu lại nàng thì sao? Nàng không chịu nổi ý tưởng đó. Chắc hẳn nàng sẽ gieo mình xuống hồ chết quách cho rồi. Nàng trầm ngâm tựa mình trên thành cửa sổ, nhìn nước hồ lấp lánh vỗ vào nền đá hoa cương của tòa lâu đài. Phải gan dạ lắm mới dám tự tử, nàng không can đảm bằng bà hoàng Padmini thời cổ. Bà phu nhân dễ thương ở đồn lũy Chittor, gặp khi quân Mogol xâm lăng, đã tụ họp các cung nữ, kéo nhau xuống hầm tòa lâu đài, nổi lửa lên, cùng nhảy vào lửa tự thiêu. Đã nhiều lần Veera được thăm viếng tòa lâu đài đó, vì cha nàng rất ưa thích đồn lũy cổ Chittor, với những ngọn tháp oai hùng và những bức tường đồ sộ. Nàng thường ao ước được xuống thăm căn phòng diễn tiến việc hy sinh đó, nhưng những người canh gác, bảo vệ và hướng dẫn đã ngăn cản nàng:

- Nơi đây chẳng an toàn đâu. Đó là chỗ chết chóc, ngày nay chỉ có mãng xà và hồn ma của các bà phu nhân trú ngụ thôi. Cả hai đều nguy hiểm như nhau.

Nàng ngẫm nghĩ không hiểu sao hồn ma của một bà phu nhân dễ thương lại nguy hiểm được nhỉ? Bà Padmini xúi giục các cung nữ liều mình để bảo vệ tình yêu hay bảo vệ danh dự? Tất nhiên không thể dâng mình cho kẻ thù, cho một người đàn ông mà mình không yêu. Nhưng nếu là nàng, là Veera, không muốn thương yêu Raj, liệu có ai ép buộc nàng không? Việc ép buộc con gái lấy chồng thật tình có ý nghĩa như thế nào? Nói đến chuyện đó, các cô gái thường thì thẫn, có chút sợ hãi, hoang mang, có thêm một cảm giác mong chờ rất lạ. Đã sợ, tại sao lại có thể mong đợi được nhỉ? Thế mà trong tình yêu, người ta lại vậy đó!

Ngay lúc ấy, chiếc du thuyền của cha nàng rời khỏi chỗ cất dấu bên dưới tòa lâu đài. Nàng nhóm mình ra xa cửa sổ, thấy một người ngoại quốc cùng cha nàng bước xuống những bậc thềm đá hoa, leo lên du thuyền. Rồi thủy thủ đưa thuyền hướng về tòa lâu đài giữa hồ, mặt nước rẽ thành hai luồng lấp lánh bạc. Hôm nay cha nàng tiếp một người ngoại quốc, nhưng với mục đích gì? Cũng vậy, với lý do gì má nàng đánh bạn với cha Francis Paul? Người Tây phương có điều gì hấp dẫn? Một số ít cô gái Bombay cũng

thường yêu đàn ông ngoại quốc đấy. Veera chợt mong ước được trở lại trường, để có một người nào đó mà trò chuyện. Chỉ với nhóm bạn cùng tuổi, nàng mới thật sự có thể nói chuyện. Đối với ba má, nàng chỉ biết yên lặng, tuân phục và tỏ ra dễ thương. Nỗi đau trong lòng nàng có lẽ chỉ là nỗi cô đơn nhớ trường. Tuy nhiên, lúc ở trên miền núi cao mát mẻ đó, nàng cũng lại cảm thấy lẻ loi, nhớ tòa lâu đài, nơi nàng có hai phòng riêng, hầu như tối ngày ru rú trong đó không đi đâu cả, và cũng chẳng tiếp xúc với ai, ngoài bà bảo mẫu già nua đã trông nom săn sóc nàng từ hồi mới sinh. Nếu sau khi lấy chồng mà nàng vẫn còn cảm thấy lẻ loi, thì quả thật cô đơn là một căn bệnh không thuốc chữa. Mà nàng có cảm thấy lẻ loi không? Chẳng vậy, tại sao bà bỏ ra quá nhiều thời giờ ở chơi với cha Paul? Có nhiều câu hỏi không có lời giải đáp, câu hỏi này là một. Hoặc giả chỉ có đàn bà không tìm ra được lời giải đáp cho các câu hỏi của họ?

Một đàn chim bồ câu, hàng trăm con từ dưới mái nhà bay vù lên, tới các ngọn tháp của tòa lâu đài. Chúng bay rợp trời. Bồ câu đã sống ở đây hàng mấy thế kỷ, và còn tiếp tục sinh sống.

Cửa chợt mở ra, bà bảo mẫu bước vào, kêu lên: - Cô bé của ta ơi! Tại sao cô nhào người ra xa cửa sổ như thế? Lỡ có người đàn ông nào thấy cô thì sao?”

Veera chạy vào phòng, ngồi xuống những tấm nệm đặt thành chồng trên tấm thảm màu tím.

Nàng lên tiếng hỏi bà bảo mẫu: - “Người vợ là thế nào?”

Bà lão nheo mắt nhìn nàng: - “Cô hỏi vợ là người thế nào ư, cô bé? Đó là người mà đàn ông không thể bỏ, luôn luôn về với. Ô, đúng rồi, đàn ông có thể chơi lời lăng bạt ... người vợ không được quyền trách cứ. Nàng chỉ nhỏ nhẹ thưa rằng: “Anh yêu quý, làm sao em bỏ anh được?” Chàng sẽ thấy nàng là người vợ tốt, sẽ tự trách mình. Dù chàng có giận dữ quát mắng

nàng: “Im đi, đừng nói gì cả!”, dù chàng có theo đuổi người đàn bà khác, thì rồi ra chàng cũng trở về với vợ, xin nàng tha thứ.”

Veera lắng nghe, tỏ ý thắc mắc: - “Nàng có tha thứ cho chàng không?”

Bà lão tuyên bố: - “Tha thứ chứ! Nàng sẽ nói rằng: “Anh yêu quý, em yêu anh, và sẽ mãi mãi thương yêu anh.” Bôn phận của nàng phải vậy.”

Veera vẫn hỏi dồn: - “Nhưng chàng có thương yêu nàng không?”

Bà lão ngẫm nghĩ hồi lâu, cuối cùng mới nói: - “Chàng kính trọng nàng.”

Thiếu nữ cùng bà lão nhìn nhau, một người tỏ ý nghi ngờ, người kia thương hại. Rồi bà bảo mẫu già quì gối bên cô chủ, vuốt ve bàn tay mềm mại của nàng:

- Cô bé ơi, chồng cô sẽ thương yêu cô. Chàng có nhiều nam tính. Và cô đẹp như một bông hồng hồng Kashmir.

Veera thắc mắc: - “Làm sao bà biết anh Raj có nhiều nam tính?”

Bà lão ghé lại gần: - “Cô có nhìn bên tai anh ấy không? Tóc anh ấy đen láy, che lấp mang tai ... dài bấy nhiêu nè!”

Bà con ngón tay cái, ra dấu chiều dài chừng một đốt ngón tay.

*

Tại căn nhà có ba phòng nằm trên miền núi vùng sa mạc, cha Francis Paul ngồi đọc thư từ. Cửa để mở, gió thổi cát mịn từng đám bay mù mịt trên sàn nhà. Mùa hè đã tới, sa mạc lại nổi cơn thịnh nộ, gió chướng thổi lồng lộng suốt một vùng đất rộng tám chục ngàn dặm vuông ở vùng Đông Bắc hoang vu, mang theo không biết bao nhiêu cát bụi. Cha của tiểu vương

Jagat từng chua chát ví von rằng gió sa mạc “làm nghệt buồn phổi bên phải của Ấn Độ, bằng những cát cùng muối.” Cha Francis Paul đặt lá thư của bà mẹ xuống, nhìn sa mạc, qua khung cửa ra vào. Ông tưởng như thấy má ông đang ngồi ở bàn giấy phòng khách tại lâu đài Rickford, gió thổi bay bay những lọn tóc bạc của bà, mang theo mùi thơm bông hồng. Bên kia bãi cỏ, rừng rậm vẫn đứng hiên ngang trên bầu trời Anh Quốc. Hồi thừa nhỏ, ông thường ưa thích tìm tới khu rừng đó để mơ mộng, và hình ảnh đó đậm nét trong ký ức của ông lúc này. Làm sao ông có thể giải thích cho vị tiểu vương hiểu được rừng là một nguồn lợi lớn lao như thế nào? Ở đây, tài nguyên của rừng núi chỉ được coi là tài sản chung của cả làng, và dân chúng tự do dẫn cây về làm củi đun. Năm ngoái, cha Francis Paul tới thăm viếng những trạm đậu xe ở vùng núi, nhận ra rằng cả đám cây khuyh điệp hùng vĩ ở núi Abu đã bị đẵn trụi.

Cha Francis thở dài, đặt lá thư qua một bên. Ông tiếc cho những tài nguyên phong phú bị hủy hoại. Mặt trời lên, gió cũng lên, căn phòng nhỏ trống trải, nơi ông đang ngồi, sẽ không thể chịu đựng được. Gió cũng thổi chừng vài giờ thôi, rồi đến trưa, không khí sẽ yên tĩnh. Sau đó, cát mịn lại nổi lên, mù mịt khắp bầu trời, khi đoàn lạc đà nện chân thành thịch trên cát, lạc đà là những du khách lạ lung trên vùng đất này, là loại vật bất biến cũng như trên đền đài, có từ bao thế kỷ nay rồi. Bất cứ con lạc đà nào cũng có tính cách cổ xưa, chẳng biết tuổi tác ra sao. Nhiều lần, chẳng để tâm mà cha Francis đã bỏ bao thời giờ nghiên cứu hình dáng kỳ lạ của loài vật này. Những lúc ngồi đợi xe buýt đưa ông từ lâu đài của tiểu vương Jagat về miền núi nơi ông đang sống, ông đã chăm chú nhìn lạc đà kéo nhau đi thành bày dài, thật chậm chạp, nghỉ lại một thời gian để những người điều khiển có thời gian ăn cơm cà-ri, uống chai xô-đa. Hình dáng của con lạc đà quả là độc nhất vô nhị, một bộ xương đồ sộ như chiếc sườn tàu đứng vững trên bốn chân khẳng khiu, bàn chân lớn, với chùm lông chân cấu tạo rất khôn khéo, sử dụng được cả trên cả mềm lẫn những lối đi đá tảng ở miền núi. Cái cổ đung đưa nhẹ nhàng bằng cái lưng cao có bướu, và trên cái cổ đó là cái đầu nhỏ nhắn, buồn bã, miệng há hốc, môi dưới trề ra vì lay động, còn cặp mắt lờ đờ, buồn bã. Qua cặp mắt đó, tâm hồn lạ lung của loài lạc đà

nhìn ra thế giới với vẻ chẳng quan tâm tìm hiểu, và cũng chỉ chấp nhận tới một mức độ nào thôi. Mỗi khi phải tải hàng quá nặng, hoặc bất mãn với thái độ hất hủi của người điều khiển, lạc đà có thể phản ứng bằng cách từ từ nằm xuống đất, nằm yên đó để phản đối cho tới chết. Tuy nhiên không phải lạc đà luôn luôn thụ động và hiền lành. Trong cơn phẫn nộ bất ngờ, lạc đà có thể phun phì phì vào mặt kẻ xúc phạm cho đến lúc người này ngất xỉu vì hơi thổi nồng nặc. Đã từng tự phụ là biết rõ về loài lạc đà nhưng cho tới hôm qua cha Francis Paul mới được thấy tận mắt một con lạc đà biểu diễn một trò rất lạ. Từ bên trong thân hình đồ sộ của nó phát ra một tiếng gầm ồ-ồ kéo dài, vang lên như sấm động tới tận triền núi xa xa, cuối cùng không hiểu từ ruột non ruột già, qua bao tử hay những chỗ nào, qua tới cổ họng và tiếng ra đằng miệng, mà từ đó xuất hiện một trái cầu rất lớn, màu hồng, đường kính áng chừng một thước. Cha Francis kinh hãi quá chừng.

- Cái gì vậy? Ông hỏi người điều khiển, thuộc sắc dân Bhil, đang ngồi dưới cát, ngủ gà ngủ gật, sau khi ăn uống nó say.

Người Bhil ngáp dài, vò đầu: - “Ai biết được? Thích thì nó làm chơi cho vui vậy thôi!”.

Có lẽ đúng vậy. Cha Francis đứng nhìn con lạc đà phun phì-phì, từ từ thu trái cầu trở vô miệng. Ông nhận định rằng quả thật miền đất cổ, xứ Ấn Độ này, có lắm chuyện lạ lùng. Ngày nào cũng có vô số những cảnh mới mẻ, tiếng động lạ, mùi hương lạ. Ngay lúc này đây, trong lúc ngồi giữa cửa sổ mở toang và cửa ra vào, nhìn con đường làng, không cần quay đầu lại, ông cũng thấy những cảnh hàng ngày liên tục diễn ra, như một cuộn phim ảnh. Một cô bé hầu như trần truồng, nước da nâu sậm, tóc tai bù xù, đang bước đi, trên đầu lác lư một chiếc bình bằng thau đựng nước uống mà cô vừa lấy lên từ giếng nước. Ở một khung cửa mở, một bà mẹ trẻ tuổi đang ôm con trong cánh tay trái, trong lúc đứa bé say mê bú vú mẹ. Một ông lão râu dài, quần áo rách rưới buộc dính chùm ba con khỉ nhỏ bản thủ, dẫn chúng đi trên đường làng. Ở đám cây cao vượt khỏi mái nhà, một đám khỉ hoang dại đang kêu chí chỏe, nhìn xuống ba kẻ đồng loại mất tự do, với vẻ

tò mò và thương hại, trong lúc một con hoẵng bị cột vào một chiếc cọc ở cửa ra vào cũng quay đầu lại, ngắm nghía. Cuối đường, một con hạc đang kiếm ăn tại một ao tù xoe đôi cánh rộng, từ từ bay lên, tránh xa ngôi làng ồn ào.

Đột nhiên, cha Francis Paul định thần. Cũng dễ bị thu hút trong thế giới bên ngoài cánh cửa nhà ông thôi, nhưng hôm nay ông chẳng có thời giờ. Ông đã hứa sẽ có mặt ở tòa lâu đài để dự buổi tiệc tối mừng sinh nhật thứ bốn mươi của tiểu vương Jagat. Xe buýt sẽ rời trạm vào lúc hai giờ, ông chỉ vừa đủ thời giờ để ăn qua quýt bữa trưa đạm bạc thường lệ gồm có cơm cà-ri, và sữa đặc. Thật ra, tiệc tối chỉ dọn ra trước lúc nửa đêm một chút thôi, nhưng ông biết rõ gia đình vương giả này rồi. Đặc biệt bà vương hậu trông mong ông tới sớm, ngay khi vừa chập tối. Ông khẽ nhếch môi cười, nhớ lại lần đầu tiên được mời ăn tối ở tòa lâu đài, ông đã không biết đem chuyện gì ra nói cho hết mấy tiếng đồng hồ, đợi món ăn chỉ dọn ra vào lúc mười một giờ. Lúc đó ông đâu có biết đó là tập quán thông thường của người Ấn, nên đã ngồi đợi, bụng đói meo. Bây giờ biết rồi, ông lại khoái thời gian chuẩn bị món ăn kéo dài như thế.

Tuy độc thân và quen trai-giới, cha Francis Paul rất hưởng ứng cảnh sống xa hoa tại tòa lâu đài. Tối hôm đó, vừa tới ông liền được người hầu đội khan đứng đón ở cửa như thường lệ, dẫn ông về phòng riêng dành cho ông ở cánh nhà bên Tây. Tiểu vương Jagat thường năn nỉ cha ở lại đêm, nói rằng phòng ngủ rộng rãi đó, cùng với hai phòng tiếp giáp, đều mở theo hướng Tây, trông ra tòa lâu đài đá hoa trắng giữa hồ, nên là chỗ di dưỡng tinh thần cho cha. Mỗi lần hưởng lạc thú, cha lại van vái, mong rằng hưởng những thứ đẹp đẽ quá sâu đậm chẳng phải tội lỗi, và cha tiếp tục hưởng.

Người hầu lên tiếng hỏi : - “Cha có muốn uống một thứ gì không?”

Cha Francis Paul đáp : - “Không. Cám ơn.”

- Ăn vậy?

- Mấy trái cây trên bàn kia được rồi. Cảm ơn.

- Ông Lớn nhờ xin cha thứ lỗi, vì tôi nay ngài về hơi trễ, nhưng Bà Lớn vẫn đợi cha ở bãi đất trống phía Tây vào lúc tám giờ, như thường lệ.

- Cảm ơn Bà Lớn. Thưa với bà rằng tôi sẽ tới nhé.

- Trong lúc chờ đợi, có sẵn nước tắm cho cha đây.

- Cảm ơn.

Người hầu vái chào, hai bàn tay cung kính đặt tận trán, rồi rút lui, khép cửa lại. Cha Francis Paul tiến lại cửa sổ, đứng trầm ngâm, tay lần tràng hạt. Những tòa lâu đài này là cảnh đẹp hiếm có, Chúa có thương mới cho gặp được. Hồ nước lại là một cảnh đẹp khác của vùng sa mạc, ban ngày lấp lánh màu xanh, lúc này đổi màu kỳ ảo, biến sang màu vàng tươi, dưới ánh mặt trời đang lặn. Tòa lâu đài trắng phản chiếu màu vàng nhạt, và nền đá tảng bên dưới lại có màu hồng nhạt. Trong vườn quanh tòa lâu đài, những cây xoài đứng thẳng, mọc từng khóm rậm rạp âm u. Tòa lâu đài ở thành phố nhỏ này là cung điện của vua chúa, là dấu tích lịch sử cổ thời của Ấn Độ, dựng lên từ thế kỷ thứ mười sáu, thuộc vương quốc Newar cổ thời. Nơi đây đã có biết bao người sinh sống rồi! Cha Francis tự nhắc nhủ thế nào tới nay cũng phải hỏi thăm vị tiểu vương về tòa lâu đài xây trên đảo, cách đây xa chừng một dặm, về bên trái. Nghe nói đại vương Jehan đã bị giam hãm ở đó mấy năm, và cũng ở đó ngài đã mơ tới việc dựng lên ngôi mộ cho bà vợ yêu quý. Phải hỏi xem ngài bị giam hãm mất mấy năm, và tòa lâu đài nọ có lớn hơn tòa lâu đài giữa hồ không? Ngay lúc này, cha Francis Paul đã quyết định một việc làm mà ông từng ngần ngại cả năm năm nay. Đó là viết về lịch-sử xứ Rajasthan, vùng đất của Ấn Độ mà lịch-sử và huyền thoại đã thêu dệt nên biết bao cuộc đời của các vị anh hùng, trong đó có Rana Sanga, trị vì vương quốc Newar vào thế kỷ thứ mười sáu. Ngài đã đánh đuổi quân xâm lăng Hồi Giáo, chống lại hoàng đế Baber của người Mogol đã từ trần,

mang trong người tám mươi một vết thương. Ngài cũng là vị vua đẹp trai và quả cảm, sau khi đánh bại kẻ thù là quốc vương Malwa lân-quốc, đã đổi xử tử tế với ông này, trả lại cho một nửa lãnh thổ, và lúc tiễn về còn tặng một bó hoa. Và những rặng núi đang mờ dần trong màn đêm kia, vẫn mang nhiều dấu tích các đồn lũy và thành quách của đức vua Pratap, đã bao năm chống lại đại đế Abbar của người Mogol nhờ chiến tranh du kích kiên cường. Sau khi đại đồn Chittor thất thủ - hồi đó Chittor là thủ phủ của vương quốc - và các lực lượng hoàng gia bắt buộc phải đầu hàng quân xâm lăng, thì những người đàn ông Rajput, trong những chiếc áo dài màu vàng nghệ, đã xông ra chiến đấu đến chết, trong lúc những người vợ, lên tới số ba ngàn, đã nhảy vào lửa tự thiêu, thà chết để giữ danh dự, chứ không dâng mình cho kẻ thù chiến thắng.

Cha Francis Paul mờ màng, ngồi lọt thỏm trên ghế nệm dài bên dưới cửa sổ mở rộng. Rồi đột nhiên, ông tỉnh trí, nhìn lại đồng hồ đeo tay. Chưa đầy nửa giờ nữa ông đã phải gặp vương hậu. Chắc chắn lúc này nước tắm đã lạnh rồi. Không, chẳng đến nỗi lạnh lắm đâu, vì hôm nay trời nóng, nước tắm chỉ vừa đủ mát mẻ dễ chịu thôi, ông sẽ trằm mình trong bồn tắm rất rộng bằng đá hoa chùng vài phút sẽ leo ra. Tắm tấp kiêu này cũng là một trò xa hoa lắm rồi, vì thường thường ở nhà mỗi lần tắm rửa, ông phải múc nước từ một chiếc lu bằng đất nung kê ở góc phòng tắm nhỏ bé. Tối nay, ông mặc chiếc áo trắng mới được giặt sạch ngoài con suối chảy gần nhà ông, nhờ tay một bà lão mỗi tuần tới trông nom quần áo cho ông hai lần. Bản thân việc đó cũng là một điều xa hoa, ông thường e ngại, nhưng không biết làm sao được, vì ông không thể tự tay làm những công việc này ở xứ Ấn Độ. Từ khi làm một tu-sĩ cô đơn của hội truyền giáo, chẳng liên lạc thường xuyên với những người cùng giới, ông chỉ có một người đàn ông lo việc bếp núc và trông coi ba căn phòng, và ông mong rằng không vượt quá khuôn khổ nếp sống đạm bạc của một tu-sĩ. Để tôn trọng các con chiên người Ấn, ông cẩn thận để phòng cả việc ăn uống, thật đạm bạc, kiêng ăn thịt. Trong lúc chải chuốt bộ râu, cha Francis tự nhắc nhở nghiêm khắc chớ nên noi gương ông tiểu vương có tâm hồn quá phóng khoáng. Tối nay thế nào cũng được dọn ăn món thịt, và ông tiểu vương sẽ ăn uống ngon lành

theo thói quen, nhưng bà vương hậu chỉ dung món ăn chay thường nhật thôi. Thiếu mười phút đầy tám giờ, cha Francis đã gọn gang trong chiếc áo dài trắng, chuỗi hạt đeo ở cổ. Ông nhìn lần cuối bầu trời đang tối dần. Lát nữa mới có trăng, hai người có thể ngồi ở bãi đất trống, ngắm trăng lên. Cuộc đời thú vị thay! Cha Francis mong rằng lạc thú này chẳng phải tội lỗi.

*

Khi cha Francis bước qua hai cánh cửa bằng gỗ tẻch có chạm trổ tiến vào, bà vương hậu vẫn ngồi yên trên ghế. Bà ngồi bất động, đợi ông tiến lại gần. Bà nghĩ rằng ông rất đẹp trai, có duyên và cường tráng, chòm râu đen xén tỉa gọn gàng, mái tóc đen mượt mát, làn da mềm mại. Cặp mắt xanh có một vẻ gì cuốn hút. Tất nhiên người Ấn cũng có nhiều người có cặp mắt xanh, nhưng trên khuôn mặt của người Anh, cặp mắt đó mới phát huy hết quyền lực. Bà rất tiếc nhớ người Anh. Dầu tán thành độc thập, người Ấn vẫn có thể tiếc nhớ người Anh như thường. Học thương hại khi thấy nhiều người Anh từ chối không chịu ở lại Ấn. Bà vương hậu đã lớn lên tại Bombay, đã làm bạn với những cô gái người Anh học chung trường.

Cha Francis Paul đã đến trước mặt bà, cúi xuống nắm lấy tay. Thỉnh thoảng ông vẫn hôn tay bà, tối nay cũng vậy. Bà cảm nhận chòm râu lướt nhẹ trên tay bà, cứ để yên vài giây đồng hồ mới rút lại.

Bà nói nho nhỏ: - “Ông mạnh chứ?”. Bà rất ngượng, khó có thể gọi ông là cha. Hai người gần bằng tuổi nhau, bà cũng đoán phóng chừng như thế, vì bà chưa dám mở miệng hỏi tuổi, cũng chẳng muốn hỏi làm gì, ngại rằng có thể bà kém ông vài tuổi, giọng bà thật êm:

- Mời ông ngồi.

Ông ngồi xuống gần bà, lên tiếng: - “Chưa bao giờ tôi được thấy một buổi hoàng hôn đẹp thế này.” Bà đã cảm ông không được gọi bà là Bà Lớn, nói rằng: “Đừng gọi vậy. Thêm cách biệt giữa ông và tôi thôi.”

Lúc này, bà đáp giọng ra vẻ hồ hững: - “Vâng. Hoàng hôn thường đẹp vào những thời điểm này trong năm.”

Bà quá xúc động không thể nói gì hơn. Nỗi cô đơn không thể nói ra, lòng mong mỏi có một người nào để thương yêu, yêu thật tình trước khi quá lứa, lòng tha thiết được gắn một con người, tất cả những điều đó thôi thúc bà không chịu nổi. Nhưng cuộc sống vẫn có những trói buộc, bà vương hậu đành lên tiếng, giọng trầm tĩnh:

- Nhà tôi ngờ ý tiếc hôm nay phải về trễ.

- Hình như lúc này Ông Lớn rất bận rộn vì chương trình mở khách sạn ngài mới đặt ra. Ở trên miền núi, chúng tôi cũng nghe cả đấy.

Bà nhặt một tờ báo trên mặt bàn đá hoa bên cạnh: - “Nhà tôi cũng bận cả những chuyện này nữa.”

Ông đón lấy tờ báo, thấy hàng tiêu đề: “Vị tiểu vương tuyệt vời ở Newer”.

Bà vương hậu bảo: - “Ông đọc đi”.

Đó là trang thể thao của tờ Thời Báo New Delhi, ông đọc thấy: “Ông hoàng đệ nhất của Ấn Độ lại chứng tỏ tài năng của ông trong môn đánh cầu. Cầm đầu đội tuyển Amarpur của mình, ông đã thắng đội tuyển New Delhi tới chín mươi bảy điểm. Người ta còn nhớ rằng chính ông hoàng này đã từng hướng dẫn phái đoàn Ấn Độ qua Cambridge thương thuyết đòi độc lập cho dân tộc. Bây giờ ông lại tiếp tục lãnh đạo đất nước ông, đất nước của các vị vua chúa, nhưng với mục tiêu hoàn toàn hòa bình, không phải trên bãi chiến trường mà trên sân cỏ.”

Cha Francis Paul trả lại tờ báo, mỉm cười: “Ông Lớn vẫn luôn luôn tỏ ra trẻ trung, và tôi vui mừng thấy ngài được vậy. Lần cuối cùng được gặp, tôi thấy ngài rất quắc thước. Tôi khâm phục ngài, không đủ lời để nói. Có thể

nói ít ông hoàng nào chịu chơi như ngài, dám chọn nhạc cổ điển cho các vũ nữ nhảy múa nhân ngày sinh nhật lần vừa rồi của ngài”.

Bà vương hậu vẫn đáp giọng hờ hững nhẹ nhàng: - “Về một số mặt, ông Jagat có phong cách rất giống người Anh. Tôi nay, chúng ta dự tiệc không có âm nhạc.”

- Gần đây Ông Lớn có bắn được nhiều cọp không?

- Có đấy. Ông ấy cũng kể với tôi rằng bắn được một con rất lớn. Tôi chẳng muốn để mắt tới. Cha biết đấy. Tôi ít thích chuyện như thế. Nhà tôi còn trái ý tôi, dẫn cháu Jai đi theo. Tôi không ưa chuyện sát hại sinh vật, ngay cả giết cọp nữa. Cũng mừng là Jai không thích sát sinh. Ông Jagat có nói tới chuyện sẽ đi săn ở Sikkim, trước mùa tuyết xuống.”

Cha Francis hiểu rõ tính tình của bà vương hậu, thấy được nội tâm bồn chồn của bà che dấu dưới thái độ cố giữ cho chừng chặc, ông hỏi nhỏ:

- Tại sao bà lại buồn?

Như mọi khi bà lặng thinh, có ý chống đối. Ông hiểu được bà quá dễ dàng. Bà khao khát mong ông thông cảm, đồng thời lại e sợ chuyện đó. Những lúc ở một mình bà luôn luôn tự nhắc nhở rằng ông là tu-sĩ, nhiệm vụ của ông là săn sóc các linh hồn. Tuy nhiên, nếu chỉ được coi là một linh hồn để người ta săn sóc tới thì thật chán, có phân biệt gì với những người Bhil miền núi sống quanh ông tu-sĩ đâu?

Ông lại nói tiếp: - “Bà ưa che dấu với tôi. Phải chăng bà muốn tôi coi là người nhà trời, cần được tang bốc. Được rồi, tôi sẽ làm như thế.”

Bà muốn nồng nhiệt chối từ rằng không phải vậy, nhưng bà không thể mở miệng, bà quay đi, và ông chỉ còn thấy khuôn mặt nhìn nghiêng xanh xao của bà nổi bật trên nền trời. Ông cho rằng một số đàn ông có thể không cho bà là xinh đẹp, vì bà thiếu hẳn sức quyến rũ nồng nàn của phần đông

đàn bà Ấn. Nhưng đối với ông, bà rất xinh đẹp, từ dáng người ẻo lả, nước da xanh mướt, tới nét buồn của bà, tất cả như mời mọc, khó lòng cưỡng lại được. Cũng may, từ lâu rồi ông đã học được cách tự kiểm soát sự thôi thúc của thể xác.

Đột nhiên bà hỏi : - “ Những người Bhil của ông thế nào? Tôi không hiểu nổi vì sao một người như ông, có học thức, thuộc gia đình giòng dõi, lại có thể tiếp tục sống với những người như thế?”

- Có lẽ chính vì những yếu tố đó mà tôi thấy những người Bhil hết sức hấp dẫn. Không đúng hẳn như thế, mà vì những nhu cầu của họ, đã lôi cuốn tôi, một tu-sĩ. Những người Ấn trong giới của bà đã được tiếp cận với thế giới, chứ những người Bhil vẫn sống cuộc đời cách đây vài trăm năm.”

Bà vương hậu nhắc lại lời ông tu-sĩ: - “Tôi được tiếp cận với thế giới? Suốt đời giam hãm trong tòa lâu đài này cơ mà?

- Bà nói được tiếng Anh, Pháp và Đức ... không chừng còn thêm tiếng nước nào khác cũng nên. Bà sống giam hãm ở đây, nhưng tâm trí không gò bó .

Bà không đáp, và ông nhìn khuôn mặt nhìn nghiêng xanh xao của bà, nói tiếp:

- Đã bao giờ nói chuyện với một người Bhil chưa?

Bà vẫn không quay đầu lại : - “Làm sao tôi có thể chuyện trò với một người Bhil được?”

Ông không trả lời trực tiếp, im lặng một lúc mới lên tiếng, như nói một mình: - “Tôi chẳng thấy những con người đó lạ lùng gì. Về một số mặt, họ khiến tôi nghĩ tới sắc tộc miền núi ở Scotland, cùng giống nòi với tôi. Trong hôn nhân, người Bhil không phân biệt đẳng cấp. Họ cũng tài năng như chúng ta vậy, tuy rằng ở một số mặt, họ có vẻ ngờ-ngác phần nào.

Bà quay lại nhìn ông: - “Chắc chắn người Bhil không thể xinh đẹp. Họ đen thui, lỗ mũi bè bè, bẹt dí, và tóc rậm quá. Giống như loài vật vậy.”

Ông lờ đi: - “Hôm qua tôi tới ngôi nhà thờ nhỏ mà tôi mới mở cách đây một tháng tại một ngôi làng hẻo lánh. Đường đi quanh co trên vùng núi non, và tôi phải dẫn theo người hướng đạo, thuộc sắc dân Bhil, dù tôi từng qua lại vùng này nhiều lần. Chúng tôi dừng lại để nghỉ một lúc, và anh hướng đạo của tôi thèm hút thuốc. Anh có mấy que diêm, tỏ vẻ khoái chí, nhưng sử dụng còn lọng cọng lắm, và cũng xài hết mất rồi. Tôi thấy anh bình thản vô cùng, lấy từ trong áo ra một miếng bùi nhùi, gắn trong hốc một khúc xương dùng làm cán. Rồi anh nhặt hai cục đá nhỏ ở ngay trên núi, đánh vào nhau, tóe ra những tia lửa, bắn vào bùi nhùi. Anh thổi phù phù một lát, và lửa bốc lên. Bây giờ anh lại chột nhận ra đã để quên cái ống điếu ở nhà. Nhưng chẳng sao cả. Anh bẻ một cành cây, khoét trên mặt đất một lỗ nhỏ bằng đậy chén, nhét thuốc hút vào đốt lửa, khum hai tay, làm một hơi dài thích thú. Tôi khâm phục quá chừng.

Bà cười ròn: - “Quý tha ma bắt ông đi, cũng những người Bhil của ông! Hãy thú nhận là ông đã thương yêu họ đi.”

- Tất nhiên tôi thương yêu chứ. Ít nhất cũng yêu quý tâm hồn giản dị của họ.

- Kệ, tôi chẳng yêu nổi. Tôi không ưa những người tóc rậm đen láy, chỉ mặc chiếc áo một mảnh bằng vải bông trắng, mà để dơ dáy, ngay cả khi trời lạnh cũng chỉ phong phanh có vậy.

- A, bà bạn, đừng nên có tiền kiến ghét bỏ một dân tộc chỉ vì đẳng cấp!

- Tại sao không? Tôi là ai nhỉ? Tuy nhiên, tôi không hề chúc điều dữ cho họ chút nào đâu. Kệ họ giữ thôn ấp của họ, tôi giữ tòa lâu đài của tôi, chẳng mắc mớ gì.

Hai người mãi trò chuyện, chẳng biết được ông Jagat đã tắm rửa sạch sẽ mặc bộ đồ mới trắng tinh, tiến lại gần cửa. Ông đứng tần ngần, không nỡ cắt đứt câu chuyện của hai người, cuối cùng mới tiến lại:

- Moti, anh chưa hề nghe em nói vậy đó. Đừng tin lời nhà tôi, Cha ạ! Có lẽ chỉ tại bà ấy đang bực bộ điều gì ấy thôi. Nhà tôi cũng thừa biết luật pháp đã bãi bỏ đẳng cấp rồi.

Ông ngồi xuống, mở chiếc hộp khảm châu báu, châm một điếu thuốc, cử động thật nhanh nhẹn và vững chãi, và ông nói tiếp với giọng chắc nịch thường lệ:

- Bản thân tôi rất quý trọng sắc dân Bhil của chúng tôi, không hề quên rằng chính họ đã có mặt ở đất nước này, trước cả tổ tiên của chúng tôi. Thật tình, người Rajpat chúng tôi thừa nhận quyền ưu tiên của sắc dân kia. Chính họ đã rộng lượng để lại cho chúng tôi một phần đất đai. Chuyện đó còn ghi trong sử sách.

Bà Moti nói: - “Ông Jagat ưa thích người Bhil, chỉ vì họ là những người man-di, giỏi săn bắn.”

Ông Jagat đồng ý: - “Quả thật họ là những nhà săn bắn tài giỏi. Nhưng không hề man-di.”

Bà Moti cãi lý: - “Hễ dân săn bắn là man-di rồi.”

Ông Jagat phản đối: - “Kìa, Moti! Người Bhil săn thú là để kiếm sống. Cha à, chắc cha cũng biết những người đó có tài thoát hiện thoát biến đến là giỏi! Mấy tuần trước đây thôi, tôi đang tiến bước tới khu săn bắn - nằm ngay trên vùng đất đai của cha đó - chợt nghe có người cất tiếng chào mừng. Tôi ngạc nhiên nhìn quanh chẳng thấy ai, mãi sau mới thấy cảnh vật phía trước lay động, và một người Bhil săn bắn hiện ra. Nhưng nếu anh ta không di chuyển thì cũng chẳng nhìn ra được. Màu da đen nhem và chiếc

áo cánh bằng vải nhà dệt đã lẫn vào vùng núi hoang. Và có điều này đặc sắc nữa; anh đã đi săn sư tử. Anh thề rằng đã được thấy tận mắt một mãnh sư. Nếu đúng vậy, thì quả là chuyện hiếm hoi. Đó không phải là loài thú góc gác tại đây. Ngày xa xưa, người Hồi giáo xâm lăng Ấn Độ có đem theo những người nô lệ Châu Phi, những kẻ này lại mang theo những sư tử nhỏ, loài thú này ở lại Rajasthan và sinh sôi nảy nở. Ở Jungadh, người ta được thấy vài con, được nuôi dạy để làm xiếc, nhưng tôi chưa bao giờ được thấy một con sư tử trong rừng hoang, và tôi cũng không tin anh chàng Bhil kia đã thấy. Dầu sao, tôi cũng chẳng được tiếp xúc lâu với anh ấy, thoát một cái đã biến mất tiêu.

Bà Moti nói giọng tinh ranh: - “Nhưng đàn bà thì anh được thấy”.

Ông Jagat cười ròn: - “Tất nhiên! Các bà các cô ấy mặc váy màu xanh sáng sủa, quần khan quàng cổ màu đỏ chói, vòng xuyên lại kêu leng keng ở cổ tay, làm gì mà không thấy? Họ lại rất vui vẻ, và tự nhiên vô cùng.”

Bà Moti sửa lại chiếc áo dài lụa trắng trên vai: - “Cũng dơ dáy vô cùng nữa! Tôi chẳng chịu nổi một bà người Bhil trong tòa lâu đài này. Anh muốn bảo họ tự nhiên, mặc kệ anh, chứ tôi cho rằng họ là hạng người không thể tiếp cận.”

Cha Francis Paul giảng hòa : - “Mong bà bớt lệch lạc. Tôi không trông mong cải hóa những người đàn bà đó trở thành người Ki-tô ngoan đạo để học giúp tôi biến cải chồng họ trở lại đạo.”

Ông Jagat cười ròn: - “Người Anh các ông chẳng bao giờ để mất niềm hy vọng! Tại sao không để những người Bhil hiền lành đó được tự do, sung sướng nơi thôn làng của họ. Cứ để họ vui thú hồn nhiên có được không? Những người đó tin ở một ông thần mà họ gọi là Thần Núi; họ cũng thờ cúng tổ tiên, và hình như có cả thần rắn nữa. Họ nhận cả một số vị thần Ấn Độ của chúng tôi nữa thì phải. Tôi đã từng thấy họ thờ thần Gahesh dưới dạng một đầu voi, và đây đó ở miền núi có cả tượng thần Siva nữa.

- Thưa Ông Lớn, tôi mong rằng họ không chấp nhận Ấn Độ giáo - Cha Francis Paul đỏ mặt nói: - “Bản chất của những con người đó là hồn nhiên và thành thật, nhưng chịu ảnh hưởng của người Ấn, họ bắt đầu ngờ vực tâm hồn của bản thân họ. Là vì người Ấn khinh bỉ họ, và họ cảm thấy được điều đó. Nhân đây tôi xin thổ lộ một điều mà tôi muốn nói từ lâu rồi. Xin Ông Lớn đừng giận, tôi rất phàn nàn về những người dưới quyền của ông nhiều khi đối xử với người Bhil không được đúng đắn. Họ đòi hỏi cỏ khô và củi đun, trả bằng cái giá rẻ mạt. Tôi rất khâm phục nhiệt tình của các ông trong việc đắp đập đào kênh, nhưng tôi tự hỏi không biết ông có hiểu nỗi người Bhil bị bắt xâu để thực hiện những công việc đó phải lao động cực nhọc như thế nào không?”

Ông Jagat nói: - “Không, tôi không biết. Nếu đúng vậy, tôi sẽ xem xét để trả công cho họ đàng hoàng.”

Bà Moti ớn lạnh vì không khí ban đêm, bây giờ lạnh toát cả người:

- Anh có cần phải đắp đập nước không, anh Jagat?

- Có. Cần đấy. Phải vậy mới có nguồn thủy điện, nhờ nước chảy vào hồ chứ.

Cha Francis Paul lại can thiệp, không được hòa nhã như lần trước:

- Đành mang tiếng là một vị khách bất nhã, tôi xin nói thẳng để ông biết chẳng lạ gì khi thấy người Bhil báo thù lại bằng cách cướp bóc, đôi khi giết người nữa. Trong lúc ông biến tòa lâu đài thành khách sạn để cung phụng các triệu phú phương Tây, thì đất đai của người Bhil vẫn trong tình trạng kém mở mang, như thời bình minh của lịch sử. Không hề có đường xá, trường học, bệnh viện, cũng chẳng đào kênh dẫn nước vô ruộng. Người Ấn các ông lợi dụng người Bhil, khi có thể lợi dụng được, có vậy thôi. Và làng mạc của người Bhil tệ hại hơn của người Ấn. Tôi không nói tới lỗi kiến trúc

chứng tỏ tinh thần phóng khoáng của người dân miền núi, nhà cửa không tụ lại một chỗ như trong làng của người Ấn, mà chỉ nói tới từng ngôi nhà một thôi: toàn là vách đất, mái lợp bằng cỏ rừng, cất trên một mô đất thấp và chung quanh là những bụi cây.

Có lúc ông Jagat muốn dùng lời lẽ bốp chát, nhưng lại thôi, chỉ đứng dậy, dụi điếu thuốc vào chiếc gạt tàn bằng vàng đặt trên mặt bàn đá hoa bên cạnh, ông nói khẽ:

- Đồng ý với Cha. Thôi, ta ăn tối. Cha có vẻ đói rồi đó. Tội nghiệp các vị tu-sĩ đều có vẻ gầy gò, ốm đói.

Lấy quyền làm chủ, ông đi dẫn đường, cha Francis Paul nhường bước cho bà vương hậu rồi mới theo sau.

Tối bàn ăn, đợi người hầu thành Goa dọn những món ăn đầu tiên ông Jagat lại trở lại vấn đề người Bhil.

- Cha biết đó, tôi không có cùng cảm nghĩ như bà tôi về sắc dân sơ khai của đất nước tôi đâu. Chưa kể những nguyên do nào khác, nội cái tài thể thao gia khéo léo của họ cũng đủ cho tôi khâm phục người Bhil rồi.

Cha Francis Paul mỉm cười, phấn khởi vì thấy chủ nhà vui vẻ.

- Ông Lớn định nghĩ thể nào là một thể thao gia?

Ông Jagat trầm tư, nghĩ tới những trò thể thao của vua chúa: - “Thể thao gia là người giết thú không phải chỉ vì kiếm thức ăn, mà trước hết chỉ vì thú săn bắn. Cha biết đó, đất nước tôi không phải xứ săn bắn, vì thể đôi khi tôi phải đi xa nếu muốn tìm được lạc thú lớn lao hơn. Tuy nhiên, ở đây có thể săn cọp, và về mặt giết cọp tôi nhận thấy rằng người Bhil quả thật tài giỏi. Họ có thể đánh hơi được cọp từ rất xa, thấy được cọp từ lúc một nhà săn bắn có kinh nghiệm như tôi vẫn chưa nhìn ra.”

Bà Moti bài cãi: - “Họ sẵn cạo để lấy bộ da.”

Ông Jagat nói: - “Đồng ý. Anh đây cũng vậy thôi. Lấy bộ da, và cả đầu cạo nữa. Gặp những con đẹp, như hai con treo ở cửa kia, anh cho tắm thuốc và nhồi.”

Cha Francis Paul xen vào: - “Ông yêu người Bhil vì lý do gì là tùy ông, riêng tôi, tôi thương yêu họ với tư cách là những con người, có linh hồn.”

Ông Jagat ngả người ra ghế, đầu nghiêng về phía sau: - “Áy, áy, cha kết tội tôi không tin họ có linh hồn hay sao? Tất nhiên họ có chứ, chỉ không hoàn toàn giống như của người Tây phương, và người Ấn chúng tôi thôi. Có thể đơn sơ, nhưng vẫn là linh hồn chứ. Tôi không dám chắc họ có vui lòng chấp nhận thiên đàng của quý ông không, nhưng tôi quả quyết rằng người Ấn chúng tôi sẵn lòng rước họ vào cõi Niết Bàn của chúng tôi, cũng như chúng tôi đã đối xử tốt đẹp với họ trên cõi trần thế, và họ ở với chúng tôi thoải mái hơn ở với quý ông.

Bà Moti ngắt lời: - “Anh Jagat, mong anh đừng khiếm nhã.”

Cha Francis Paul nói: - “Chẳng dám biện thuyết với Ông Lớn đâu. Lúc nào tôi cũng quý trọng ông, và mỗi sáng đều cầu nguyện cho ông đấy.”

Ông Jagat cười: - “Thật vậy ư? Quì gối trên nền đất hay sao? Vậy tôi phải đưa biếu cha một tấm da cạo, để đỡ khổ đầu gối đáng thương của cha, và để cha quì gối cầu nguyện cho lâu lâu một chút.”

Nói đoạn, ông đứng dậy, vì bữa ăn vừa dứt. Ông lại dẫn đường tiến ra bãi đất trống. Vàng trắng non lợt lại trên nền trời đen tối, nhưng những ngọn đèn lồng đã thấp sáng trên cây cỏ thụ, và cà phê đã đặt sẵn trên mặt bàn giữa sân. Một người hầu quán khan rót cà phê, và một người hầu khác cầm lấy mấy chiếc tách bằng sứ của Anh Quốc đó, đặt qua những bàn nhỏ

bên cạnh. Xa xa vang lên một điệu nhạc rền rĩ, chìm vào bầu không khí nhẹ nhàng ban đêm. Gió nhẹ đưa mùi thơm hoa hồng thoang thoảng trong vườn.

Trong vài phút không ai nói tiếng nào. Bà Moti, vốn trầm lặng, ngồi co mình trong tấm áo dài lụa trắng có nhiều nếp gấp, cha Francis Paul không nói một lời, chỉ nhăm nháp cà phê đen. Đột nhiên ông Jagat lên tiếng, về trầm ngâm, độc thoại, lại có chút tạ lỗi:

- Vẫn biết làm phiền lòng cha đây, nhưng tôi cứ phải nói: Cha là người Anh duy nhất ở đây. Với người Hoa Kỳ, tôi không thể nói năng như với người Anh. Quả thật hôm nay, ở đây có một người Mỹ, một người ngoại quốc chẳng biết tí gì về Ấn Độ, về lịch sử này nọ. Ít nhất người Anh các ông đã chung đụng với chúng tôi cả mấy thế kỷ, dù rằng ở phía đối nghịch nhau. Như cha biết đất, phe vua chúa chúng tôi đứng về phía người Anh. Cho tới lúc chết, cha tôi cũng không tin nổi sự việc phải thay đổi, và tôi cũng mừng rằng sự thay đổi không diễn ra hồi cha tôi còn sống. Người không bao giờ có thể thay đổi được. Những cuộc thương thuyết Anh-Ấn đã bắt đầu ngay từ năm cuối cùng trong cuộc đời cha tôi, nhưng tôi đã thay mặt người để thương nghị, và dấu hấn không nói cho người được biết. Tôi còn nhớ người ngồi tại đây, trên một chông nệm, như thường lệ. Người co chân lên, và bên dưới là những tấm da cạp trái làm thảm, kín cả sàn nhà. Tất cả là bảy mươi một bộ da của những con cạp cha tôi đã bắn hạ, lột da, khâu dính lại với nhau. Cha tôi rất hãnh diện về căn phòng này. Người chưa hề sống qua thời kỳ thay đổi, và nếu như người còn sống, biết tôi có ý biến tòa lâu đài giữa hồ thành khách sạn, hấn người trách phạt tôi liền, không cần biết đến tuổi. Quả thật cha tôi có mặt tàn ác của riêng người. Đã có lần tôi được chứng kiến người ra lệnh nọc một anh người Bhil ra đánh đập tôi bời, đến nỗi những mảnh da đen bật ra, lòi lớp thịt đỏ hồng, vằn vện những sọc đen đỏ, chẳng khác nào bộ da của loài ngựa vằn. Tôi không bao giờ quên được cảnh tượng đó. Nhưng tôi vẫn luôn nhớ tiếc cha tôi, dù xưa kia có chuyện gì chẳng nữa. Việc biến tòa lâu đài thành khách sạn này chẳng phải một công việc dễ dàng. Nó là một biến đổi sâu đậm trong cuộc đời tôi. Hồi nhỏ tôi thường hay chạy quanh những dãy hành lang đá hoa, cảm thấy

mát rượi bàn chân trần, và cảm giác đó tôi còn nhớ mãi. Việc biến đổi này cũng gặp nhiều trở ngại nữa, chẳng hạn như vấn đề câu cá, dân chúng tôi không muốn cho những người lạ mặt câu cá tại hồ nước thiêng, nhưng họ phải quen thôi. Tôi dự tính lập một hồ bơi, và những sân tennis ở đảo bên cạnh. Tôi cũng biến tòa lâu đài, nơi đại vương Jehan từng trú ngụ, thành chỗ khiêu vũ và giải trí. Tôi phải đổ hết vốn liếng vào công việc này, nhưng ông Osgood có hứa rằng sẽ hoàn lại cho tôi. Dẫu sao thì nhân đây tôi cũng có dịp để làm một công việc gì đó. Không được chỉ huy nữa quả thật là điều đáng chán. Tôi chẳng còn việc gì để làm. Tất nhiên bọn chức sắc trong làng cũng tìm đến tôi mỗi khi họ có vấn đề khó giải quyết. Nhưng tôi thừa hiểu phận mình chỉ làm nổi vai trò cố vấn là cùng, và mai một sẽ tới lúc chúng hiểu biết chứ. Tạm thời chúng chưa biết, hay làm ra vẻ chưa biết.

Cha Francis Paul nói: - “Tôi biết chắc họ không giả bộ đâu. Và ông vẫn có thể giúp đỡ họ. Họ thiếu kinh nghiệm, cần tìm một người giúp đỡ. Đột nhiên bắt tay vào việc điều hành, phải tự quyết định mọi việc, đâu phải chuyện dễ dàng. Phải mất một thời gian chứ.”

- Quả thật ai cũng gặp phải chuyện như vậy. Kinh nghiệm bản thân cho biết hồi còn dưới quyền điều khiển của thân phụ, tôi cũng vất vả lắm. Thế rồi, một ngày nọ, người đột ngột từ trần - Vì ăn uống thiếu điều độ, tội nghiệp ông già - tôi cảm thấy kinh hãi quá chừng, tuy rằng tôi đã từng làm việc thay cho cha tôi ba năm liền, nhiều khi chẳng cần báo cáo với người những việc tôi đang làm. Ích lợi gì đâu! Cha tôi sống trên địa hạt khác hẳn với tôi. Vậy mà tôi vẫn bị xúc động rất mạnh khi biết rằng không bao giờ còn được thấy người ngồi đây, trên chông nệm này.

Tiếng bà Moti vang lên từ dưới bóng cây cổ thụ: - “Em vẫn nhớ tiếc cha mỗi ngày.”

- A, đúng rồi. Em luôn luôn là nàng dâu yêu quý của cha mà, Moti. Có thể nói nếp sống của em vừa cổ vừa kim, gần gũi với nếp sống của cha. Cha

Francis Paul à, cha nghĩ sao về một người đàn bà từ chối không chịu đi Hoa Kỳ, khi tôi ngỏ lời mời?

- Đi Mỹ?

- Một ngày gần đây, tôi sẽ sang đó để nghiên cứu về khách sạn, hay ít nhất cũng coi xem khách sạn của Nữ Ước ra sao. Ông Osgood có kể tôi nghe nhiều điều rất lạ, khó lòng tin nổi. Tôi muốn được nhìn tận mắt. Chỉ cần thuyết phục chính quyền cho phép đi thôi. Đô-la quý lắm. Nếu tôi chứng tỏ được rằng nhờ mấy cái khách sạn đó mà tôi hái ra tiền, thì họ sẽ để tôi đi. Tôi sẽ dẫn theo con trai tôi nữa.

Bà Moti kêu lên: - “Ôi, đừng!”

Ông Jagat phản đối: - “Ồ, có chứ. Chúng ta đã định cho nó du học Oxford vào mùa thu này, nếu nó trót lọt kỳ thi tốt nghiệp trong nước. Vậy thì, cho nó vào học đại học Harvard, sau này còn có tương lai hơn.”

Bà Moti thì thào : - “Em chưa quen biết người Mỹ nào.”

Bà khẽ rung mình, hất vạt áo sau chum đầu, như một chiếc khăn quàng.

Ông Jagat ngược nhìn trắng, vỗ nhẹ lên sau gáy: - “A, em phải tìm hiểu những người đó, em yêu ạ, dù em thích hay không thích. Chút rượu nữa, Cha nhé ... thứ rượu men hồng trứ danh của chúng tôi đó!”

Người hầu Rodriguez có mặt, bưng một khay bạc, trên đặt mấy chiếc ly mỏng tanh đựng rượu, và cha Francis với lấy một ly, đưa lên mũi, ngửi hương thơm nồng nàn.

- Thưa Ông Lón, chỉ ở lâu đài đây tôi mới được thưởng thức thứ rượu ngon thế này.

- Bởi vì chỉ ở đây mới có. Bí mật gia truyền mà.

Tối nay, câu chuyện của ba người khá nặng nề. Nhiều lúc phải ngừng lại thật lâu. Cha Francis Paul bối rối, thậm chí mong ước được ở riêng với bà vương hậu. Ông tự hỏi sao mình lại mong ước chuyện đó nhỉ? Ông cứ thắc thỏm khi thấy bà buồn bực, và không đoán nổi nguyên nhân, ông càng thêm bối rối. Trong lúc đó, ngài Jagat cứ ngồi trầm lặng nghĩ chuyện đầu đầu.

Đột nhiên, bà Moti lên tiếng: - “Xin lỗi nhé.”

Bà đứng dậy, đưa tay cho cha Francis Paul. Trong một lúc, ông cảm thấy những ngón tay mát rượi áp sát lòng bàn tay ông, rồi rút ra ngay. Bà bước đi qua bãi đất trống trông thật duyên dáng, những nếp áo dài phát phơ trong cơn gió thoảng ban đêm rồi biến vào tòa lâu đài.

Hai người đàn ông ngồi yên lặng, cùng che dấu ý nghĩ riêng tư. Vị tu-sĩ đã một lần yêu, rồi từ đó không thương yêu ai nữa. Chuyện đó xảy ra lâu lắm rồi, hồi ông còn thanh niên, rồi ông tự nguyện hiến mình cho Nhà Thờ, hiểu rằng cửa lòng không nên mở ra nữa, nhưng cánh cửa đó đã mở một lần, cũng khó mà khép kín mãi mãi. Ông hoàng đã biết nhiều người đàn bà, trong đó vợ ông là một. Với mỗi người ông có kỷ niệm riêng, nhất là với cô nàng chung đụng lần đầu, hồi ông mới mười sáu tuổi, mà phụ vương ông đã ban cho, nói rằng: “để con giữ được là một người đàn ông tư cách, không chung đụng với gái thanh lâu.” Ông biết bà vợ hiện nay hồi ông mười tám tuổi, và kỷ niệm về bà sâu đậm nhất, vì hai người có con với nhau. Ông rất muốn nói chuyện với vị tu-sĩ về bà vợ, chẳng phải muốn hỏi han ý kiến, mà chỉ muốn nói chuyện chơi, thăm dò bản chất một người đàn bà quá khép kín, lúc hiến mình cũng không đến nỗi gượng ép tới độ lãnh đạm, cũng không tỏ ra lạnh lùng đến độ xa lánh. Nhưng một tu-sĩ biết được gì về đàn bà? Và một người đàn ông tư cách làm sao có thể kể chuyện vợ mình với một tu-sĩ? Nhưng không nói ra thì âm ức, đành nói quanh co vậy.

Ông hoàng đột ngột lên tiếng. - “Tôi ghen với các nhà tu hành như cha.”

Cha Francis Paul đáp: - “Thật ư? Về mặt nào vậy, thưa Ông Lớn?”

- Đúng rồi, cha tài năng lắm chứ. Tôi suy nghĩ hoài mà không biết làm sao để sống... thoải mái. Tất nhiên người Ấn chúng tôi cũng có những vị tu hành, những ông thánh... đủ cả, nhưng tôi vẫn không hiểu nổi vì sao... chẳng hạn như cha, một người đàn ông còn trẻ và cường tráng, lại có thể sống, không đam mê... tôi muốn nói là mê đàn bà. Tôi chỉ tò mò vậy thôi... xin lỗi nhé.

Cha Francis Paul đáp: - “Chẳng phải chúng tôi không đam mê đâu.”

Ông tu-sĩ lại thưởng thức chút rượu, cảm thấy vị ngọt trên đầu lưỡi.

- Vậy thì... những người như cha ra sao?

- Tôi thì nói được về bản thân tôi thôi. Tôi làm gì ư? Cầu nguyện! Và nếu thấy chưa đủ thì tôi ra khỏi nhà mà tìm tới chôn làng mạc, lao đầu vào công việc. Ông Lớn nên biết rằng tôi đang dự tính lập một trường học, và một bệnh viện trong gian khu tôi. Nhờ chủ trương khuyến khích cải cách mà chính quyền đã giúp đỡ tôi rất nhiều.

- Vậy cha không có cuộc sống riêng tư hay sao?

- Với ý nghĩa ông định nói tới thì quả thật là không có.

- Có bao giờ cha mơ tưởng chuyện đó không?

- Tôi không cho phép mình mơ ước hạnh phúc trần thế. Nhưng ông, chắc chắn ông có hạnh phúc chứ nhỉ, Ông Lớn? Ông có gia đình, địa vị, có niềm phấn khởi được thấy mọi nơi ở Ấn Độ đều đổi mới, có kế hoạch riêng của mình...

Giọng cha trầm hẳn xuống, không thể nói tiếp: - “Và có người vợ đẹp.”

Ông Jagat đột ngột đứng dậy: - “Đúng, cha nói đúng. Tôi có đủ thứ hạnh phúc. Thôi, Cha tha lỗi nhé...”

Cha Francis Paul cũng đứng lên: - “Xin đừng bận tâm đến tôi. Tôi rất quyến luyến nơi đây, và rất thích được ở gần bên Ông Lớn. Người Bhil của tôi cũng rất tử tế với tôi, nhưng...”

Ông Jagat cười ròn, vẻ chân thật: - “Vì họ chỉ là người Bhil thôi! Cứ tới thường xuyên, Cha ạ. Chúng tôi rất hoan nghênh Cha!”

Ông tiến vị tu-sĩ tới cửa, nhờ người gác đêm đưa tiếp, và trở về phòng riêng. Tại đây, ông ngả mình trên thanh cửa sổ mở toang, nhìn thấy phòng bà Moti còn ánh đèn, nghĩ rằng bà đang đọc sách. Bà vẫn thường xuyên đọc sách rất khuya. Tại sao bà không ngủ được, trong khi bà chẳng có điều gì lo nghĩ? Chắc chắn bà sống rất yên ổn. Trăng chiếu trên mặt hồ, hắt một luồng ánh sáng lên tào lâu đài đá hoa. Có lẽ là đêm đây, một đêm tốt là khác. Tâm trí lại ông rối bời, ông rời phòng ngủ, sang phòng tiếp khách riêng của ông. Trên mặt bàn rộng bằng đá hoa màu hồng dùng làm bàn giấy, một ngọn đèn vẫn thấp sáng. Giấy tờ đặt bừa bộn: kế hoạch, họa đồ, ước tính, dự chi, đủ cả. Ông cởi bớt chiếc áo khoác bằng nỉ trắng, chỉ còn mặc chiếc áo sơ-mi ngắn tay, và ông ngồi xuống. Gió đem đã lặng, không khí nóng hầm hập, ẩm thấp vì hơi nước bốc lên từ mặt hồ đã chịu ánh nắng mặt trời suốt ngày. Chùng nào dẫn điện tới khách sạn, ông sẽ gắn điện cả nơi ông đang trú ngụ, là khu nhà mới xây bên cạnh tòa lâu đài. Tạm thời, đành xài quạt tay vậy. Ông vỗ tay ra hiệu, và người gia nhân luôn luôn trực ngoài cửa liền ra mắt, đưa tay lên mặt để chào.

Ông Jagat nói cụt ngủn: - “Quạt!”

Người gia nhân quay đầu từ trái sang phải, tỏ ý tuân lời, biến đi, và lát sau quạt cổ xưa trên đầu ông Jagat bắt đầu lay động, xua đuổi không khí nóng bức. Ông xem xét giấy tờ, chọt cau mày. Cái ông tu-sĩ này luôn miệng nhắc tới người Bhil, cứ như thể chính ông, vị tiểu vương, chẳng hề nghĩ tới

họ? Từ ngày không còn là vua chúa, thì để cho chính quyền lo cho người Bhil đã sao! Và chính quyền đã làm được nhiều việc đấy chứ? Như phần lớn những người cùng thế hệ, ông rất trung thành với nhà nước, cũng như xưa kia đã từng trung thành với người Anh vậy. Lúc ra đi, người Anh đã để lại một tổ chức chính quyền vững mạnh, biết tôn trọng nhân quyền. Họ cũng để lại ngôn ngữ Anh, phương tiện truyền thông giữa những sắc dân Ấn Độ có nhiều tiếng nói khác nhau. Trong nước ông có sự xung đột lớn giữa phe cấp tiến và phe bảo thủ. Phe bảo thủ muốn gạt bỏ tiếng Anh, chỉ coi là một ngoại ngữ thôi, nhưng phe cấp tiến, mà ông tiểu vương là một trong các lãnh tụ, cho rằng người Ấn đã may mắn có tiếng Anh là ngôn ngữ chung, chẳng những cho những người thuộc hai nửa bán cầu mà còn cho những nhóm dân khác nhau tại Ấn Độ. Trong nước ông có chừng mười hai hay mười bốn ngôn ngữ chính, và không ai có thể quyết định chọn ngôn ngữ nào làm tiếng nói chung cho cả nước. Ngay như Tổng Thống, mỗi lần muốn ngỏ lời trước Quốc hội cũng phải xài tiếng Anh, và chính Thủ tướng, lúc bị chất vấn ở lưỡng viện Quốc hội tại Delhi, cũng phải trả lời bằng tiếng Anh. Sắc dân Hindu đòi hỏi rằng tiếng Hindu phải là quốc ngữ, nhưng các người Telugu, Gujarati và bao sắc dân khác đâu có hiểu nổi thứ tiếng đó? Dù rằng Ấn Độ là trung tâm văn hóa Á-Châu thật đấy, nhưng nay nó đã nằm trong trào lưu hiện đại, và được vậy chính là nhờ người Anh Quốc. Cứ xét xú Trung Hoa rộng mênh mông thì hiểu, ở đó, mọi tổ chức chính quyền đều bị hủy diệt, để lại một khoảng trống ở mọi địa hạt. Lại nhìn xú Tây Tạng mà xem! Dân tị nạn Tây Tạng vẫn đang ào ào chảy xuống núi Himalaya, băng qua những dải đất băng tuyết. Đến đây, ông Jagat cương quyết ngừng suy nghĩ. Nhìn lại cảnh đất nước, ông không thể bắt chước người Trung Hoa và Tây Tạng. Ông phải giải quyết vấn đề ngay trước mặt ông. Ông có một tòa lâu đài đá hoa cân phải biến thành khách sạn tiên tiến, để con cháu ông khỏi đói khát, ăn xin.

*

Osgood nói: - “Đề điều hành khách sạn, điều quan trọng nhất là thức ăn. Cần có món ăn thật ngon, ít còn hơn bày ra nhiều món kém phẩm chất. Nên

nhớ rằng khách là người Hoa Kỳ, họ trông mong món ăn quen miệng.”

Jagat đáp: - “Thì người Ấn cũng trông mong món ăn quen thuộc vậy.”

- Tất nhiên. Nhưng chớ nhiều gia vị cay xè, cháy lưỡi người Mỹ. Tối hôm trước, tôi ăn phải một món, có tên là món Chili, mới đầu cứ tưởng là món ăn mát, mà rồi cay thấy ông bà ông vải. Từ lúc đó trở đi, tôi không thể nuốt nổi món gì khác, chỉ uống nước đá cục thôi. Ông phải để ý mặt đó, tránh cho khách hàng của ông đừng mắc phải. Còn điều này nữa ông cũng nên để tâm: đó là chiêu đãi từng người khách. Vậy mới khôn khéo. Chẳng hạn như ta phải để ý tới nhà cầu cho sạch, phải bày hoa, đặt đĩa trái cây ở mỗi phòng! Khách về rồi sẽ truyền đạt với bạn bè, khen khách sạn của ông dễ chịu vô cùng. Tất nhiên cũng có những người khách khó tính khó nết, không sao chiều nổi. Vậy ta ghi tên họ vào cuốn sổ, lần sau họ có tới, thì nói là hết phòng rồi. Ông tổ chức sân đánh golf nữa chứ? Phải có đấy!

Ông Jagat nhướng lông mi: - “Xây cát ngay giữa hồ ư?”

- Xây ở một chỗ nào đó trên bờ cũng được. Nhớ rằng dân áp-phe người Mỹ ưa đánh golf lắm.

- Họ chơi ở nhà thì phải rồi, tới đây còn chơi làm chi.

- Họ muốn ở khách sạn cũng được chơi. Tại những khách sạn sang trọng, người thư ký luôn luôn hỏi coi khách có muốn chơi golf không; nếu có, anh ta trao liền cho khách tấm danh thiếp của câu-lạc-bộ quần-vợt và gọi đây nói cho nhân viên câu-lạc-bộ, và người này sẽ gọi lại cho khách đề nghị phục vụ khách, giới thiệu một cầu thủ golf chuyên nghiệp. Làm vậy người ta mới trở lại khách sạn của mình chứ. Tất nhiên còn phải có khiêu vũ. Có thể thiết lập tại sân châu cũ được đấy. Ông chỉ việc cất chiếc ngai vàng đi chỗ khác, và mở rộng bệ thêm làm chỗ cho dàn nhạc. Cũng có thể lập một rạp chiếu bóng tại phòng nghị sự cũ của quốc vương. - Ông ta cau mày, bấm môi dưới giữa ngón cái và ngón trỏ. - Không hiểu ông sẽ xử trí ra

sao với những khách sạn khiêu vũ không mang giày. Tại những khách sạn sang trọng ở Mỹ, khách không được phép bỏ giày giữa vòng khiêu vũ. Ở đây tôi thấy mấy cô gái Ấn quăng dép bừa bãi bất cứ lúc nào, chẳng ra làm sao.

Ông Jagat cười: - “Tối việc, ta sẽ tính sau.”

Osgood toét miệng: - “Được, chắc chừng ông vậy thôi! Nào, ta bàn về khăn trải giường. Mỗi giường phải có đầy đủ mền gối, và có ba khăn trải giường: một trải trên giường, một đưa giặt ủi, và một cất trong ngăn tủ. Xem nào! Cứ cho là có bốn trăm người khách, vị chi là...” Ông ta suy ngẫm một lát, mới nói tiếp - “Tôi sẽ liên lạc với các nhà cung cấp chuyên môn về vải vóc, đồ sứ, và đồ dùng bằng bạc. Tốt nhất là ta viết thư cho các tòa đại sứ ở New Delhi, nhờ họ giới thiệu cho các mặt hàng tại các nước họ, như tôi đã làm khi mở khách sạn Ashoka.”

Ông Jagat nhắc nhở: - “Chính quyền đòi hỏi chúng ta dùng đồ Ấn- Độ, càng nhiều càng tốt.”

Osgood đồng ý: “Ồ, tất nhiên. Nhưng những chuyện đó tính sau. Trước nhất phải kiếm một kiến-trúc-sư tài giỏi để sửa sang lại phòng ốc. Sau đó cần những đồ trang trí nội thất. Đề tôi kiếm cho ông. Nên nhờ những nhà trang trí người Mỹ thì hay hơn.”

- Tôi muốn trang trí theo kiểu Ấn Độ.

- Cũng được, nhưng giường, ghé thế nào? Chẳng ai chịu ngủ trên sàn hoặc trên phản gỗ của Ấn đâu. Điều tối quan trọng là phải hỏi han nhiều người và có những người hiểu biết làm cố vấn cho mình mới mong kiếm được những khách trọ đáng giá ở đây. Ích gì kiếm mấy ông khách cà chón, tiền bạc chẳng có, mấy tay du khách xài một đô la mỗi ngày. Xin nhắc ông rằng đây là đất của vua chúa, khách sạn này là tòa lâu đài xưa kia chỉ có những bậc vương hầu trú ngụ thôi.”

Ông ta đột ngột ngừng lời, và ông Jagat ngạc nhiên theo dõi ánh mắt, thì thấy cô Veera đang đứng ở cửa, khoác chiếc áo dài lụa màu hồng, mái tóc đen và dài, tết lại, thả sau lưng. Ông Jagat hơi khó chịu, nói cụt ngắn: - “Con gái tôi đó!” Và: - “Veera, đây là ông Osgood.”

Veera bước vào, duyên dáng ngồi xuống ghế nệm:

- Thưa ba, con nhận được là thư của em Jai.

Cô khẽ liếc nhìn Osgood, qua hàng mi đen và dài.

Ông Jagat nhướng lông mi: “Hả? Ba đang bận công việc sao con lại quấy rầy vì vì một lá thư của em con?”

- Nhưng nó yêu cầu con thưa với ba rằng nó bỏ học, ba à.

- Bỏ học.

- Thưa vâng. Nó tình nguyện phục vụ trong quân ngũ.

- Quân ngũ...

- Thưa vâng. Vì đài phát thanh loan báo rằng Trung Quốc đã tập trung quân đội dọc biên giới, và thanh niên Ấn Độ rủ nhau bỏ học rất đông. Jai nói rằng truyền thống của dân mình là chiến đấu, và nếu như ông nội còn sống, người cũng đồng ý cho nó ra chiến trường.

Ông Jagat thì thầm: - “Ồ, nhảm nhí!”

Cặp mắt lớn đen láy của Veera rực sáng: - “Con tưởng Jai hoàn toàn đúng chứ, Ba! Nếu Jai không đi, con cũng giận anh ấy cho xem!”

Cô ngược mắt nhìn Osgood như thách thức, muốn hỏi: “Ông thông cảm chứ?”

Ông ta đáp lại bằng cách đỏ mặt, trái tim mềm nhũn. Ông quay lại Jagat:

- Xin thưa thật rằng tôi khâm phục quý công tư, ngài ạ.

Ông Jagat chẳng yên dạ: “Vô lý! Người Trung Quốc chẳng tập trung quân đâu. Đó chỉ là trò khiêu khích thôi. Chuyện xảy ra từ năm 1954, thủ tướng Ấn chỉ vào bản đồ, tố cáo Trung Quốc đã vi phạm đường biên giới, họ hứa điều chỉnh lại, nhưng vẫn chưa thi hành. Tuy nhiên, chúng ta có ký với họ Hiệp-ước Hòa Bình Sống Chung Năm Điểm. Họ không thể phủ nhận được.”

Osgood tuyên bố: - “Theo tôi, họ có thể làm bất cứ việc gì.”

Ông ta không thể rời mắt khỏi cô gái xinh đẹp ngồi chiếc ghế gần cửa ra vào.

Veera nhấn mạnh: - “Thưa ba, chẳng phải chỉ là tin đồn huyền đầu. Người Trung Quốc đã thật sự vượt qua biên giới ở phía Đông tỉnh Longju, đã xâm nhập lãnh thổ chúng ta tới nửa dặm, tại làng Roi. Tệ hại hơn nữa, quân đội của họ đã tiến vào Ladakh, và vùng Chip-Chap. Em Jai có gọi đây nói báo cho con biết.”

Ông Jagat vẫn không tin: “Nhảm, nhảm!”

Cô Veera đứng dậy. Thật duyên dáng, cô kéo vạt áo sau chòm lên đầu, đứng yên, như nàng trinh nữ tuyệt đẹp, và cô cất giọng thật thanh nhã: - “Xin ba đừng giận. Những thanh niên ưu của chúng ta đã tình nguyện gia nhập quân đội. Ta nên hãnh diện.”

Ông Jagat không biết tới tinh thần quốc gia đó: - “Nó nói nó về nhà trước đã chứ?”

- Thưa có. Ngày mai em sẽ về.

- Con đã nói với Má chưa?

- Có, con thưa rồi. Má đã nhập thiền, mong đừng ai quấy rầy. Con rút lui được chứ, thưa Ba?

- Được, đi đi. Quả thật con đã làm mất thời giờ của Ba. Để ý coi chúng dọn dẹp phòng của Jai được đàng hoàng nhé.

- Thưa vâng.

Cô để mắt nhìn lạng lẽ người Hoa Kỳ một lát, rồi mỉm cười bỏ đi.

Yên lặng một lúc. Ông Jagat cúi đầu trên xấp giấy tờ, trầm ngâm suy nghĩ. Rồi ông hấn giọng: - “Ông Osgood, mong ông hiểu cho, chúng ta phải tiết kiệm tối đa. Tôi muốn mọi việc được thực hiện hoàn hảo. có hiệu quả, nhưng không muốn lãng phí. Tôi đang đầu tư vốn mà.”

Không thấy trả lời, ông lo lắng nhìn lên, và thấy vẻ mặt ngờ ngác của ông Osgood.

- Chỉ tại tôi chưa từng thấy cô gái nào xinh đẹp đến thế! Mong ngài đừng bận tâm những lời đường đột của tôi! Quả thật tôi chưa từng thấy... đúng vậy, nàg...mong ngài thông cảm...

Ông Jagat nói giọng lạnh tanh: - “Cháu nó còn nhỏ nhít mà, chỉ là một cô bé trường nội trú, học hành còn dở dang.”

Osgood hỏi: - “Ngài tính giáo dục cho cô ấy như thế nào? Cô chẳng cần học hành. Cô có đủ mọi thứ rồi.”

Ông Jagat đáp cộc cằn: - “Cháu đã đính hôn rồi.”

Ông bực bội, đứng dậy: - “Xin ông Osgood tha lỗi, tôi rối trí vì tin tức thẳng con trai, phải trở về nhà, tới phòng của má nó. Bà ấy đang chán nản, chẳng nhập thiền được đâu. Tôi phải phen cho con trai tôi, cảm nó...Hẹn ngày khác nhé, ông Osgood. Ông có thể theo tôi trở lại thành phố được không?”

- Tôi phải ở lại đây, xếp đặt mọi chuyện cho xong xuôi.

- Tốt lắm. Tôi sẽ gọi chiếc thuyền tới cho ông sử dụng.

Ông gật đầu chào rồi rời phòng. Lát sau, ông đáp thuyền chạy nhanh trên mặt nước.

*

Jai nói: - “Chào ba.”

Anh đã tỉnh dậy rất sớm, nhưng không nói, vì quá nửa đêm hôm qua anh mới về tới nhà. Anh mới mười tám tuổi mà coi như đã hai mươi lăm, râu cạo nhẵn nhụi nhưng sắc đen dưới da còn phơn phớt, lông mày rậm rịt che lấp cặp mắt, chân tóc đen mềm mại uốn lượn theo vành tai.

Ông Jagat nói: - “Vào đây.”

Ông đang ngồi phía sau bàn giấy, của ông nội ông ngày xưa, chế theo kiểu bàn Anh Quốc, nhưng bằng gỗ hồng Ấn Độ.

Jai ngồi xuống chiếc ghế lưng thẳng đặt gần cửa. Anh mặc âu phục, nhưng không thắt cà-vạt, mà quần chiếc khăn quàng cổ, hất ra sau lưng. Ông Jagat nhìn con trai, rồi ngó qua chỗ khác. Ông không muốn tỏ ra mềm yếu đối với cậu con bường binh, tiếp tục xem xét giấy tờ đặt trước mặt, dùng cây viết cán vàng ghi vài chữ trên các hình vẽ. Ông lên tiếng, không nhìn lên:

- Nền sản xuất kỹ nghệ của chúng ta phát triển, rất đáng khích lệ, đủ mọi ngành: thủy tinh, xi-măng, muối, vải vóc, dụng cụ điện...thứ gì cũng tốt hơn năm ngoái. Tất nhiên chúng ta thiếu vốn đầu tư. Chắc ba sẽ phải tìm cách vay mượn đầu đó, phải xoay sở, nếu được chính quyền đồng ý thì hay quá. Cảm ơn Trời, kênh đào nổi tiếng với sông Hằng đã xong xuôi, nhưng ta phải giữ cho mực nước tưới ruộng được điều hòa, đặc biệt là đối với con kênh Rajasthan. Trong khi đó thì con, con trai của ba, lại muốn xông ra tiền tuyến.

Jai nói: - “Thưa ba, con không thể bỏ đất nước, trốn sang Anh Quốc hoặc Hoa Kỳ, trong lúc người Trung Quốc khởi chiến ở biên giới.”

- Ba sẽ kiếm một trăm người, gọi tới đó, thế chỗ cho con.

Người con phản đối: - “Không ai thay thế cho con được!”

Ông Jagat đặt bút xuống: - “Con muốn khiến ba tan nát cõi lòng chẳng?”

- Thưa không. Trái lại, ba khiến trái tim con tan vỡ thì có.

- Làm sao ba có thể làm nổi? Tim con cứng như đá hoa.

- Đó là trái tim của người Rajput. Nếu có phải đá hoa, thì cũng là đá lấy ra từ núi non của chúng ta. Con không quên được tổ tiên. Chúng ta lãnh đạo đất nước Ấn, chẳng phải vậy sao, thưa ba? Nếu chúng ta không lãnh đạo cuộc kháng chiến, thì ai sẽ chiến đấu?

Ông Jagat không đáp, và Jai hăng hái nói tiếp: - “Con tự xấu hổ đã không ở trong nhóm những bạn đầu tiên trong trường tình nguyện đầu quân. Chúng trông đợi ở con điều đó. Con là người Rajput mà. Con sẽ qua một khoa huấn luyện sĩ quan, sẽ làm gương cho chúng noi theo, lẽ nào lại theo kẻ khác.”

Ông Jagat thở dài: - “Con giống hệt ông nội của ba, mắt hời con chưa ra đời. Ba còn nhớ rõ lắm. Hời đó ba bằng tuổi con, và năm đó là năm 1930, ông cố của con đã mất, sau khi phản đối âm ỉ cả đất Ấn nữa, cương quyết từ chối không chịu đi theo Ngài Đại-vương để tới tiếp kiến Ông Hoàng! Chính quyền Anh cũng chẳng biết giải quyết ra sao. Chỉ còn Ông Hoàng Anh Quốc là giải quyết được thôi. Ông ta đồng ý tiếp cụ tổ của chúng ta trên soái-hạm, coi như trên đất đai của Anh Quốc. Vừa tiếp kiến xong là cụ tổ rời tàu tức thời. Ba đã kể con nghe chuyện đó bao giờ chưa nhỉ?”

- Thưa có.

- Ô, ba kể rồi ư?

Jai mỉm cười: - “Chuyện nay giúp con quyết định, Ba ạ.”

Ông Jagat quay mặt, tránh nụ cười dễ thương đó: - “Chẳng cần thiết phải đánh nhau với người Trung Quốc! Chúng ta sẽ thương thuyết, như đã từng làm từ năm 1954, khi phát hiện có sự xâm lấn biên giới. Dầu sao chúng ta cũng chẳng phải như người Tây phương mà thích thú lao vào những cuộc chiến tranh như thế. Truyền thống của chúng ta khác hẳn.”

Jai hỏi: - “Vâng. Nhưng người Trung Quốc đã nói gì? Họ bảo rằng bản đồ hiện thời là do phe quốc gia vẽ ra, và họ chưa có thời giờ xem lại. Chúng láo khoét! Chúng thiếu gì thời giờ? Thưa ba, cũng trong tháng bảy năm đó, chúng đã lên tiếng phản đối quân đội ta đóng ở làng Barahoti, vùng Uttar Pradesh. Vùng đất đó nằm ở phía Nam đèo Niti, từ trước đến giờ vẫn là lãnh thổ của chúng ta. Vậy mà, một năm sau, bất chấp những lời biện bác của chính phủ ta, người Trung Quốc đã xua quân xâm chiếm.”

Ông Jagat nói giọng cầu nhàu: - “Con rành lịch sử đất nước đây!”

Jai trả lời liền: - “Con phải biết lịch sử dân tộc chứ. Nhưng con cũng nhớ rằng đã từng nghe câu chuyện ba nói với Thủ tướng ở New Delhi, và

ba có dẫn con đi theo. Con cũng nhớ rằng hai năm sau thủ tướng Trung Quốc tuyên bố chính phủ của ông ta công nhận giới tuyến cũ do tướng Mc Mahon vạch ra ở Miến Điện. Nhưng ba năm sau, sau từng ấy năm thương thuyết - hai chính phủ bàn đi, nói lại mãi - cũng cái chính phủ Trung Quốc đó lại cho rằng đường biên giới chẳng bao giờ ổn định, rằng giới tuyến Mc Mahon không thể chấp nhận được, bản đồ chẳng cần phải xem xét lại. Với hạng người như thế, chỉ có tẩn cho chúng một trận chứ còn biết làm gì bây giờ? Họ đòi hỏi năm chục ngàn dặm vuông trên lãnh thổ của chúng ta đấy! Chúng ta có thể chịu đựng mãi được không? Một số chiến sĩ biên phòng của chúng ta đã hy sinh. Hiện thời, người Trung Quốc đã thiết lập xong đường xa lộ nối liền Tây-Tạng và Tân-Cương, chạy ngang qua vùng Aksai Chin, thuộc miền Đông Bắc Ladakh, lãnh thổ chúng ta. Những cuộc tranh luận hai năm qua đi đến đâu? Bằng chứng chúng ta đưa ra cho người Trung Quốc nhiều gấp ba lần của họ, mà họ có thêm để ý? Nói thật với ba, chúng là bọn láo khoét, tâm địa chúng chỉ là muốn vùng đất của ta thôi. Đây là lúc lật ngửa con bài rồi, và con muốn được tham gia việc nước. Quân đội của chúng ta đã có mặt ở Chip-Chap, miền Ladakh.”

Ông Jagat nói: - “Phân lạc đà dính trên giày của con kìa.”

Nãy giờ nghe con nói, ông cúi nhìn xuống và chợt nhận ra vết bẩn ở đôi giày kiểu Anh Quốc tuyệt đẹp của con. Jai vội cúi xuống nhìn cho đích xác, kêu lên: - “Gì vậy? Trời ơi, tình trạng phở xá của chúng ta thế đấy, Ba ạ! Quả thật ba phải làm một điều gì chứ. Con mới bước ra cổng tòa lâu đài có mấy chục bước đấy thôi. Con muốn ngừng lại bên hồ để xem chiếc thuyền gắn động cơ của con có đẩy hay không. Ngoài ba ra, không nên để cho ai khác được sử dụng. Làm sao bây giờ?”

Ông Jagat nhấn chuông trên bàn giấy. Tức thì một người hầu bước vào, cung kính chào. Jai đưa chân phải ra:

- Cởi dùm tôi chiếc giày, và lau sạch đi nhé.

- Thừa công-tử, vâng.

Người kia ngồi xuống, khẽ khàng tháo giày, rồi đi ra.

Jai than vãn: - “Có lẽ con nên liệng bỏ đôi giày. Lạc đà thật là vật do bản.”

Ông Jagat cười: - “Con sẽ làm gì ở ngoài chiến trường, hả cậu thanh niên khó tính, khó nết? Trong lúc đợi chiếc giày, ba kể cho con nghe một câu chuyện khác trong gia đình, nếu như con chưa được nghe má con kể lại. Một nhà quý tộc ở Sadhari tới đây làm chỉ huy đội vệ-sĩ cho vị tiểu vương, là ông nội của ba, được ông yêu thương gả con gái cho. Cưới xong, cô dâu theo chồng về quê, có vẻ lên mặt lắm. Người chồng đợi xem cô nàng tỏ ra vợ hiền, biết tuân phục chồng, hay cậy thế là công chúa. Một tối nọ có hai người vớ nhau ở bãi đất trống, anh mới bảo cô gấp cho anh một cục than hồng trong bếp lò, để anh đốt ống điếu. Nàng liền lớn tiếng tuyên bố không đời nào chịu làm công việc của người hầu gái. Người chồng đòi hỏi lần nữa, nàng đứng bật dậy, sảng sái chạy ra xe, ra lệnh cho gia nhân đưa nàng về nhà. Tới nơi, nàng kể chuyện cho mẹ nghe, và bà vương-hậu tức giận lắm, tới gặp chồng, xin hủy hôn thú. Vị tiểu vương không nói gì, cho mời con rể trở lại, bắt đi qua một hành lang hẹp chỉ có một người đi lọt, và sai người dấu dép của anh kia lại một nơi ngài đã chỉ trước. Lúc gặp mặt, ngài bảo anh kia: - “Đi dép vào chứ!” Tất nhiên, anh kia không thể tìm thấy dép. Vị tiểu vương bèn đứng dậy tìm, và tự tay lau chùi, đưa cho con rể. Anh kinh hãi và bối rối quá chừng, luôn miệng xin lỗi. Vị tiểu vương vẫn bình thản, bảo rằng: - “Ở đây không có chúa và tôi. Anh là con rể ta, nên ta phải giữ lễ, như kinh sách đã dạy” Nàng công chúa núp sau cửa sổ đã theo dõi từ đầu đến cuối, vội tỏ ý bái phục cha, xin được theo chồng trở lại nhà, làm nhiệm vụ của người vợ.”

Jai lắng nghe hết câu chuyện, khẽ mỉm cười: - “Mẹ cũng đã kể con nghe chuyện này rồi.”

- Vậy thì con đã tỏ ra lịch sự không ngắt lời ba.

Jai nói khe khẽ: - “Ngày mai, con ra mặt trận.”

- Rất tốt con ạ. Bây giờ vào thăm má con đi.

*

Bà Moti đang ngồi ngoài bãi đất trống, bên dưới một cây cổ thụ của ông tổ cho trồng cách đây ba thế kỷ. Thân cây lớn lắm, không ai đủ gan đo đạc đường kính dài bao nhiêu, và lại đoán phòng chừng lại thích thú hơn làm tìm hiểu chính xác. Hôm nay, bà dậy sớm hơn thường nhật, vì biết Jai đã về tới lâu đài, sẽ tới thăm bà rất sớm. Hôm nay bà dùng bữa điểm tâm bất thường, theo kiểu người Âu, gồm có cà-phê, bánh mì nướng và đồ hộp. Món ăn này bà học được của một bảo mẫu người Pháp, hồi bà còn là một cô bé, bây giờ bà chỉ thêm vài trái cây đúng mùa thôi. Bà ngồi lặng yên, không để ý tới sự hiện diện của mấy người hầu. Bà trầm ngâm nghĩ tới mối liên hệ của một người đàn bà đối với con trai đã trưởng thành. Chắc chắn Jai đã là người lớn. Mấy bà hầu cận đã đem tin tức chính xác về chàng trai kể lại cho bà vương hậu nghe, và trong lúc bà tin rằng con bà chưa có ràng buộc tình cảm, thì thật ra hồi ở Bombay chàng đã gặp một nữ nghệ sĩ xinh đẹp, tại một bữa tiệc tổ chức ở một khách sạn ngoài bãi biển. Juhu mà giới sân khấu thường lai vãng, và đã có chuyện xảy ra. Chuyện xảy ra giữa đàn ông và đàn bà thì ai chẳng biết? Tình cảm của bà đối với con không phải là ghen tức, mà là an phận. Bà đã hết lòng yêu thương, nuôi nấng con từ một cậu bé nên một người đàn ông tốt. Nhưng thế nào là một người đàn ông tốt, thì cũng khó mà xác định. Đối với đàn bà, điều đó giản dị hơn, chỉ giới hạn ở chỗ giữ trinh tiết trước hôn nhân, và sau đó trung thành với chồng. Thật tình bà thương hại cho đàn ông, dễ bị bản năng thể chất chi phối. Tội nghiệp Jai, chàng trai đàng hoàng và bị động biến mất! Chàng còn thương yêu mẹ chút nào không? Khổ thân cho người con trai, khó lòng bày tỏ tình cảm mình đối với mẹ. Hai má con không còn gần gũi tình cảm từ nhiều năm rồi, nhất là từ

hỏi chàng đi học, lại đặc biệt ở một trường của người Anh, theo đúng các tập quán và truyền thống của giới thượng lưu Anh Quốc.

Bà thấy Jai đứng ở bậu cửa, ngạc nhiên nhận thấy chàng đã lớn tướng và đẹp trai quá. Râu mới lún phún, những đã ra vẻ người lớn lắm rồi. Tuy nhiên, khuôn mặt vẫn còn bầu bĩnh, trẻ thơ. Chàng có cặp mắt đẹp, mở to, sắc sảo, lông mày dày và rậm.

Bà lên tiếng: - “Vào đây, con.”

Chàng bước vào, chấp tay chào: - “Chào má. Má mạnh giỏi chứ? Trông má cũng mạnh khỏe đấy, mong rằng con không nhìn lầm.”

- “Má rất mạnh khỏe. Cảm ơn con.”

Bà ra hiệu cho người hầu đặt cà-phê trước mặt con, nhưng chàng từ chối:

- Cảm ơn, con không uống đâu. Một tách trà được rồi.

Người hầu rút lui, và Jai tiếp tục nhìn mẹ kỹ càng. Khuôn mặt hiền dịu của bà có một vẻ sinh động, không được tự nhiên lắm, nhưng đã hình thành. Chưa bao giờ chàng coi mẹ là một người đàn bà, hay đúng ra một con người tách biệt với chàng. Bây giờ chàng hơi xúc động nhận ra bà có cuộc sống riêng biệt, không dính líu đến cuộc sống của chàng. Lẽ công bằng buộc chàng nhận định rằng đó là quyền của bà, nhất là từ ngày chàng không có yêu cầu đặc biệt gì ở bà nữa, chỉ cần bà có mặt ở tòa lâu đài mỗi khi chàng về thăm nhà. Riêng bà, mỗi năm bà về thăm ngôi nhà thời con gái ở Jaipur, ở chơi một tháng, và những lúc đó chàng rất nhớ mẹ.

Đột nhiên bà vương hậu nói: “Jai, con không tính lấy vợ hay sao?”

- Không, Má ạ.

- Tại sao?
- Con muốn ra trận, lòng thanh thản nhẹ nhõm.
- Lỡ con tử trận, chẳng hóa ra cha mẹ vô-hậu sao?
- Chúng ta không còn cai trị ở Ấn nữa, thì chuyện đó quan trọng gì đâu?
- Đối với ba má là quan trọng chứ.

Chàng không trả lời. Bà mẹ cầm con dao bạc lột vỏ một trái vả.

Cuối cùng Jai mới lên tiếng: - “Quả thật lúc này con không muốn để tâm trí bận rộn.”

Bà mẹ nói: - “Con lạnh lùng quá vậy! Đang tuổi yêu đương mà con chỉ nghĩ đến chiến tranh và chém giết! Nếu con trở về, kể với mẹ rằng con đã giết người, cho dù là một người Trung Quốc, mẹ cũng không đụng tới bàn tay con đâu.”

- Rất tiếc, Má ạ.

Bà mẹ đặt trái vả xuống, nói ngay: - “Má ghét lối ăn nói đó.”

Nhưng lát sau, bà lại nhặt trái vả lên, ăn vài lát mỏng. Jai cảm nhận được má chàng đang suy tính, tìm lợi biện bác.

- “Chính phủ đã lên tiếng, cho rằng họ vẫn mong mọi thương thuyết với người Trung Quốc bằng mọi giá, tại sao con lại tự gánh lấy trách nhiệm, để bỏ học, khoác áo quân nhân?”

Jai không thể ngồi yên, chàng đứng bật dậy, đi tới đi lui trước mặt bà mẹ, lờ đi không thèm nghe những lời mẹ nói:

- Má à, má chỉ đọc những gì má thích báo chí nói tới. Má không hiểu hay sao, mới cách đây bốn ngày thôi, chính xác là ngày 8 tháng Chín 1962, một ngày đáng ghi nhớ vào lịch sử - con phải nhấn mạnh để má nhớ - ngày đó, người Trung Quốc đã xâm nhập vào Ladakh...

Giọng bà nóng nảy, và ánh mắt bà sáng rực: - “Tất nhiên má biết chứ. Má biết ở đó có đặng độ lớn, nhưng chính phủ cũng kêu gọi hai bên rút lui có trật tự, để tránh hậu quả trầm trọng về sau.”

Jai ngắt lời: - “Nhưng phía Trung Quốc đã bác bỏ hoàn toàn! Nên bây giờ chính phủ ta tuyên bố không còn gì để thương thuyết, cho đến khi lấy lại được những phần đất do người Trung Quốc xâm chiếm trái phép. Má thấy không, người Trung Quốc chẳng hề có ý nhượng bộ đâu!”

Bà ngừng ăn miếng vả: - “Tại sao?”

Jai thấy được mẹ thất vọng vô cùng. Cặp mắt bà đờ đẫn, những ngón tay bà run run, lúc bà nhúng tay vào chiếc chậu thủy tinh, và sau đó lau khô bằng khăn bông. Bà lên tiếng: - “Con rất giống ba, thích gì làm nấy. Má thấy má không có lý do gì để can thiệp vào việc làm của cha lẫn con.”

Bà ước mong con trai đi ngay, để bà trở về phòng riêng, viết cho cha Francis Paul một lá thư thật dài. Bà muốn hỏi ông về nhiệm vụ của một người đàn bà, phải làm gì với một thanh niên, đã từng là con trai bà, nay muốn đòi tự do bay nhảy. Bà đã làm hết khả năng của mình chưa? Hỏi cậu ta còn bé, bà đã cố gắng dạy cậu phải dịu dàng thương yêu mọi sinh vật. Ngay như loài chim, ta cũng không nên phá tổ. Phải để chúng được xây tổ, đẻ trứng, ấp nở ra con. Nhưng nhiều khi cũng lăm nổi bất tiện, chẳng hạn mấy con én nọ cứ nhất định chọn chỗ chùm đèn pha-lê rất lớn để làm tổ, đã gây dơ bẩn lên bàn ăn.

Jai dùng tay bóc vỏ trái vả, đút vào miệng chọt lên tiếng hỏi:

- Má mỉm cười chuyện gì vậy, hả Má?

- Má nghĩ tới mấy con én làm tổ ở chùm đèn, giữa phòng ăn. Con còn nhớ không?

Jai cười ròn: - “Làm sao quên được? Bất tiện quá, mà không ai biết cách giải quyết nào. Mãi sau Rodriguez mới nghĩ ra một chước là đem treo một tấm mùng bên dưới chùm đèn. Má có chịu cho ai đựng tới tổ chim đâu? Nhưng con xin thưa thật với má, mưu kế của ông Rodriguez hay lắm đó. Mùa xuân năm sau, ông coi lại hiểu rằng chim én thấy hơi người, đa tự động bỏ đi, không trở lại nữa.”

- Thì ra là vậy ư? Má cứ thắc mắc hoài, không hiểu tại sao chúng không trở lại, áy náy quá chừng.

Miệng lúng búng trái vả, Jai nói: - “Má thấy đó, những bà phu-nhân như má có quyền tin theo một số nguyên-tắc êm đẹp, nhưng sự thật là những người khác, như chúng con, phải nghĩ ra cách hành động, sao cho niềm tin của các bà không bị sút mẻ. Phải có người lén lút ngăn cản chim đừng làm tổ, có người giết muỗi, rắn, bắn chết cọp, và chiến đấu chống người Trung Quốc, nếu chúng ta muốn sống. Ông Rodriguez có thể lén lút đuổi chim én, nhưng con không thể âm thầm ra trận, Má ạ. Vì thế, xin má chúc lành cho con, và để con đi. Chẳng biết con có về gặp lại má không đây.”

Bà vương hậu đứng dậy, nghẹn ngào không nên lời, xòe tay vuốt má con trai, kéo đầu chàng lại gần, hôn lên trán, để chúc lành.

Con trai đi rồi, bà cảm thấy niềm cô đơn triền miên và trống trải. Điểm xấu chẳng? Jai chết cũng nên. Không, chuyện vô lý! Chàng khỏe mạnh lắm mà. Vả lại chàng còn quá nhiều tuần huấn luyện, đã nguy hiểm ngay sao được? Có thể lúc đó, chiến tranh sẽ qua rồi. Nhưng niềm cô đơn mới mẻ này khác xa với cảm tưởng lẻ loi thường nhật của bà. Dường như đây là báo hiệu nỗi đau khổ bà sẽ gặp phải, như thể bao tâm trí của bà đã biến mất cả.

Trên đời, bà sẽ không còn người nào để chuyện trò. Chung quanh có nhiều người đầy, mà bà vẫn cô đơn. Những ông thần Ấn Độ có rất nhiều, mà không có vị thần nào gần gũi với bà. Bà trông mong được như người Thiên Chúa giáo có một Thượng đế duy nhất thôi. Trước khi gặp cha Francis Paul, bà ít suy nghĩ về bản thân. Thật ra, hai người cũng không bàn bạc nhiều về vấn đề đó, cho đến lúc bà viết cho ông những lá thư rất dài và rất mơ hồ, rồi tới lần ông lại thăm, họ thảo luận với nhau về những câu hỏi nêu ra trong thư. Thật tình bà cũng ít khi viết cho ông, vì bản tính hay thẹn, và ưa rút vào yên lặng. Đôi khi ông còn khiến bà méch lòng, không thể nào chấp nhận nổi. Chẳng hạn như những khi vị tu-sĩ ca tụng Jagat trước mặt bà. Không bao giờ ông cho phép bà trách móc ông Jagat, ngay cả việc ông này ưa săn cọp.

Cha Francis Paul thường nói: - “Ông Lớn phải có quyết định riêng chứ.”

Bà không chịu nổi vị tu-sĩ cứ luôn miệng “Ông Lớn”, khi nói về ông Jagat. Nhưng trước niềm cô đơn lớn lao hiện nay, bà phải viết cho cha Francis Paul một lá thư. Như thường lệ, không cần những câu khách sáo, bà viết: “Tôi phải làm gì đây? Con trai tôi sắp ra trận rồi - đưa con trai độc nhất của tôi đó!”

*

Từ biệt má, Jai lại thẳng chỗ Veera, thấy chị ở phòng riêng, đang ăn bữa điểm tâm béo bở theo kiểu người Anh, có thịt mỡ và trứng chiên. Chị mặc áo dài kiểu Anh Quốc, băng lụa Ấn Độ màu xanh lá cây. Chàng công nhận chị mình rất đẹp, và có đôi chút ngạc nhiên thấy trước kia chưa bao giờ chàng nghĩ tới điều đó. Chàng ngồi xuống chiếc ghế mềm. Đột nhiên, chàng hỏi: - “Chị có hạnh phúc với Raj không?”

Phết mút cam lên miếng bánh mì nướng, chị hỏi lại: - “Tại sao em hỏi vậy?”

Trông chị có vẻ đang yêu.

- Làm sao em biết một cô gái đang yêu?” Và: - “Chị mong ước lại có mút của Anh Quốc mà ăn, như ngày xưa.”

- Chị thiếu tinh thần yêu nước đấy! Đúng vào lúc em quyết định nhập ngũ.

- Em đã nói với má chưa?

- Mới tức thì! Má có vẻ không vui.

- Tất nhiên. Em là con cưng của Má mà.

- Nhảm. Má chẳng có con cưng. Nếu có, thì người ấy là chị.

- Em mới nói nhảm đó. Con gái không thể nào là con cưng của mẹ. Địa vị đó luôn luôn dành cho con trai. Vì lý do gì em quyết định nhập ngũ?

- Em không biết. À, có chứ. Việc em làm là điều dứt khoát phải làm. Thật tình, ngày nay cũng khó tìm được điều gì dứt khoát như thế. Chuyện gì cũng có xung đột giữa mới và cũ, chẳng hạn như việc ba định biến tòa lâu đài giữa hồ thành khách sạn! Chị đã thấy mặt người Hoa Kỳ chưa?

Cô chị liếc em, thoáng vui mừng và e thẹn: - “Rồi.”

- Vậy thì sao?

- Không sao cả.

- Theo em, ông ta thấy điều gì cũng tỏ ý ưa thích, phải không?

- Có thể nói vậy.

- Còn Raj?

- Raj nghĩ sao, thì có liên quan gì đến chị? Và lại, anh ấy cũng không biết đâu.

- Có điều gì cần biết tới không?

- Tất nhiên là không. Làm sao có được?

- Vậy, chúng ta đang nói chuyện gì nhỉ?

- Chẳng có chuyện gì cả.

- Không chuyện gì dứt khoát. Đúng như lời em vừa nói. Ở Ấn Độ chẳng có điều gì dứt khoát.

Jai bực bội đứng dậy, tiến lại cửa sổ. Cảnh vật này chàng đã được ngắm suốt đời, nhưng hôm nay chàng ngạc nhiên thấy nó đẹp quá, như chưa từng được thấy. Hồ nước, nằm giữa núi non hoang vắng, trông xanh ngắt dưới bầu trời xanh, và giữa hồ, tòa lâu đài đá hoa sáng lấp lánh, trắng hơn tuyết trên dãy Himalaya. Chàng nhớ hồi bé cũng tại lâu đài này, ông nội chàng đã qua mùa hè, có đám cung nữ vây quanh, trong lúc bà vợ, bà vương hậu già ở lại tòa lâu đài trên cạn. Bà luôn tuyên bố rằng như vậy là được yên thân hơn. Lạ lùng thay tính kiên nhẫn của các bà phu-nhân của nước cổ Ấn Độ! Ngày nay, người đàn bà nào có thể chấp nhận trò nhảm nhí của đàn ông bằng thái độ dễ thương đến thế? Một số phụ nữ Ấn tiên tiến còn giữ được tính thụ động lạ lùng, và điều đó chỉ có thể giải thích được là họ thừa hưởng của tiên nhân thôi. Chắc chắn Veera không bao giờ chịu như vậy đâu! Jai lại nghĩ tới những cô gái khác mà chàng được quen biết, đến Sehra mà chàng gặp ở Bombay. Chàng thường đến đó, ít nhất cũng trong những ngày nghỉ. Chàng tới trú ngụ tại khách sạn lớn, mới xây cất trên bãi biển Juhu. Một buổi chủ nhật, chàng đã gặp nàng tại đó, cùng với gia đình nàng. Má nàng là một bà mập mập, bản tính tốt, và cha nàng là một công chức, giữ chức trưởng phòng. Nàng có mấy người em trai và gái. Nhiều gia đình thường có thói quen rời thành phố vào ngày chủ nhật, tới chơi bãi biển Juhu, và những người giàu có thường vào khách sạn để ăn trưa. Hôm đó, chàng tắm biển, trên đường về phòng riêng thì gặp Sehra, một cô gái xinh đẹp, dong dỏng cao, mặc chiếc áo dài màu hồng. Lúc trở xuống, chàng mặc bộ quần áo nỉ mới toanh, ngồi xuống một bàn bên ngoài, gần bàn của gia đình Sehra. Chàng ngỏ lời xin lỗi, rồi tự giới thiệu. Sau đó, chàng đã tới nhà nàng hai lần, một ngôi nhà lớn có vườn trông ra biển.

Veera hỏi em trai: - “Em đang yêu hả?”

Jai quay lại, ngạc nhiên: - “Em cũng đang tự hỏi có phải như vậy không?”

- Cô ấy là ai vậy?

- Sehra Lali.

- Chị chưa biết cô ấy.

- Em cũng mới quen cô ta. Tuy nhiên, nàng có vẻ xinh đẹp đấy.

- Kiểu Ấn Độ?

- Đúng. Nhưng là Ấn Độ mới.

- Người Delhi hay Bombay?

- Bombay.

- Em có muốn cưới cô ấy không?

- Không. Nhưng nếu em không nhập ngũ, thì cũng có thể. Em muốn nói rằng dấu sao cũng còn quá sớm. Và lại, trong tình thế bình thường, em cũng mắc chuyện xuất ngoại.

- Ba má muốn em cưới vợ trước khi đi xa, phải vậy không?

- Điều đó chỉ quan trọng khi còn vấn đề truyền ngôi.

- À, chúng ta không còn là con vua cháu chúa nữa...quả thật vậy! Ông có tiếc điều đó không, Ông Hoàng Jai?

- Có, ở một mặt nào đó. Không... vì em cảm thấy được tự do.

- Em có tới gặp Sehra, trước khi ra đi không?

- Em cho rằng nên.

Chàng ngồi xuống, và hai chị em nhìn nhau một lúc, chân thành cảm thông. Rồi chàng lên tiếng: - “Mong chị nói cho em biết chị có thật tình yêu thương Raj hay không?”

Cô chị nóng nảy hất bàn tay trái, và một viên kim cương rất lớn lấp lánh ở ngón tay thứ ba: - “Vấn đề là chị có thể thương yêu anh ấy khi gặp dịp hay không.”

- Chị không thấy chán ghét anh ấy hay sao?

- Tại sao có thể như vậy?

- Tại mớ tóc rũ xuống mang tai đó!

Chị cười xòa: - “Ồ, chuyện đó thì...”

- Không sao ư?

- Jai, tại sao em cứ thúc ép chị? Thứ ngó mớ tóc rũ của em coi!

- Chị biết đó: em rất yêu quý chị.

- Phải bày tỏ tình cảm ư? Xưa nay, chị em mình có vậy đâu?

- Không phải vậy. Hôm nay, em cảm thấy xúc động, Em muốn bước chân ra đi với tâm trạng tốt đẹp đối với mọi người.

- Chị chẳng hiểu thế nào là tốt đẹp. Một giai đoạn cuộc đời chị vừa trôi qua, và đang bắt đầu một giai đoạn mới, vì đây là năm cuối cùng của chỉ ở trường học.

- Chừng nào chị tính thành hôn với anh Raj?

- Có lẽ còn sớm...trừ phi chị quyết định không lấy chồng.

- Có thể vậy được sao?

- Thiết tưởng chẳng có chuyện gì đâu. Khó kiếm được một người hơn anh ấy... ít ra cũng đúng, theo sự xét đoán của chị.

- Chị đã loại bỏ, không đòi hỏi tình yêu trong hôn nhân?

- Ô, sau này chị sẽ yêu anh ấy chứ. Chị nghĩ rằng một khi đã lấy anh ấy, thì mọi việc sẽ êm xuôi, chẳng còn vấn đề gì nữa.

- Hiện thời có vấn đề hay sao?

- Làm sao chị biết được?

Thấy câu chuyện lằng nhằng, tẻ nhạt, Jai quyết định cắt đứt:

- Thôi, em đi nhé, Veera. Nhớ viết thư cho em.

Chàng đứng dậy, lại gần bên chị, và Veera đưa cả hai tay ra nắm chặt tay em.

*

Mặt trời lặn trên Ấn-Độ-dương. Sóng vỗ nhẹ nhàng vào bờ, và Jai ra khỏi lớp sóng biển, để lại gần Sehra Lali. Nàng đang ngồi với ba má tại một bàn nhỏ kê ngoài bãi đất trống của khách sạn, dưới bóng cây chà là.

Nàng nói, vẻ trách móc Jai: - “Anh luôn đợi tới phút chót mới chịu lên bờ.”

Một người hầu đợi sẵn trao cho chàng chiếc áo dài, và chàng nhận lấy, ngồi xuống bên nàng. Cha Sehra lên tiếng:

- Xin lỗi nhé. Vợ chồng tôi muốn dạo chơi một quãng ngắn.

Ông hát đầu cho vợ, và bà vợ đi theo. Bà là người trầm lặng, mặc chiếc áo dài trắng, mái tóc xám buộc túm phía sau, trên khuôn mặt xanh xao.

Sehra cười ròn: - “Tội nghiệp các bậc cha mẹ thời nay! Các cụ cứ lo lắng làm sao tỏ ra tân tiến... đồng thời lại chán nản khi phải cho bọn trẻ chúng mình tự do.. tất nhiên là hạn hẹp thôi! Anh Jai nè, thử nói em nghe coi tại sao anh ưa chọc cho em khiếp sợ, những lúc anh liêu lĩnh bơi lội?”

Dùng chiếc khăn mặt của người hầu đưa cho, chàng lau mặt mũi ướt nhèm và mẫn chát: - “Em khiếp sợ ư?”

- Tất nhiên. Anh cũng biết vùng biển này nguy hiểm lắm. Thủy tiểu rút có thể lôi ta ra xa, không ai kịp bơi vào bờ. Thủy triều ở đây ác độc nhất thế giới đó. Thế mà anh cứ ưa bơi ra qua xá. Em đã thấy nước quán chân anh, lúc anh lội vào bờ đấy.

- Để em hỏi hộp một chút cho vui!

- Em không chịu nổi.

Bỗng chàng có ý nghĩ táo bạo, Đây là lúc để chàng ngỏ lời với nàng, để ràng buộc nàng với chàng, để có người cho chàng quay về, và nếu như chàng không về, cũng có người thương tiếc chàng. Hôm nay Sehra đẹp vô cùng, đẹp hơn ngày thường rất nhiều. Gió ẩm ướt mẫn mẫn thổi phát phơ mái tóc đen, dính trên khuôn mặt nàng. Nếu biết chắc mình sẽ chết ngoài mặt trận chàng sẽ ngỏ lời ngay. Chàng đưa tay nắm tay nàng. Nhưng đã chắc gì chàng sẽ chết? Và nếu như chàng còn sống, trở về, thì chưa chắc nàng đã là người mà chàng muốn về quay về. Tuy nhiên, chỉ còn vài giờ nữa chàng sẽ ra đi, thời gian gấp gáp quá, chàng không gặp nàng sao được? Chàng có thể ở riêng với nàng một thời gian ngắn, có điều gì cần nói phải

thỏ-lộ vào lúc này đây. Chàng chống tay, ngả người xuống chiếc bàn nhỏ, mặt sát mặt với nàng.

- Sehra à, anh yêu em rất nhiều.

Chàng ngừng lại, và nàng chờ đợi, cặp mắt đen mở lớn.

- Anh cảm thấy rất cần thiết phải ngỏ lời yêu em, vì anh sắp đi xa, chẳng biết có trở lại không. Bất em phải chờ đợi quả là điều không đẹp. Nếu anh về, không hiểu anh sẽ là con người thế nào, có thể là một người khác hẳn hiện nay cũng nên. Cũng rất có thể là em chẳng ưu anh đâu.

Nàng nói thật khê: - “Em luôn luôn ưa thích anh... mặc mọi chuyện. Thật tính, lúc nào em cũng... yêu anh.”

Chàng không biết nói sao. Làm sao một người đàn ông có thể từ chối một món quà tặng như thế? Nàng đã dâng chàng một trái tim, một trái tim đàn bà. Những ngày gần đây, chàng thường đi tìm ý nghĩa cuộc đời. Tất nhiên, đụng độ với người Trung Quốc ở vùng giới tuyến núi non cũng là một ý nghĩa. Những có thể ý nghĩa đó nằm ngay trong tình thông cảm tốt đẹp giữa đàn ông và đàn bà. Nếu chàng trở lại với Sehra, chắc chắn nàng sẽ đem lại hạnh phúc cho chàng. Hai người sẽ có con, những đứa con rất dễ thương, có cặp mắt to đen láy, và những lọn tóc đen mượt. Nếu chàng bình yên trở về, thì.... Đột nhiên chàng hiểu ra rằng đó chẳng phải cuộc đời chàng mong ước. Chàng đặt nhẹ tay chàng lên nàng:

- Cảm ơn em. Không bao giờ anh quên được những lời em vừa nói.

Nàng chưa kịp đáp thì ba má nàng đã quay lại, chàng vội rút tay ra.

Người cha lên tiếng: - “Nào, Sehra. Gió đêm đã từ biển thổi tới, má con sẽ bị cảm lạnh đấy.”

Hai ông bà bỏ đi, Sehra quay lại nhìn chàng đăm đúi. Ánh sáng hoàng hôn mau chóng tắt, và chàng cảm thấy gió lạnh thấm vào da thịt, một phần còn len lỏi tới trái tim, nhưng chàng không thể chấp nhận. Sáng sớm mai, chàng phải ra đi, vào trại nhập ngũ. Chàng sẽ theo khóa huấn luyện cơ bản chừng sáu tuần lễ, sau đó sẽ được đưa tới vùng có chiến sự Ladakh.

Sáu tuần lễ!

*

Ông Jagat nói: - “Tôi chẳng hài lòng.”

Jai ra mặt trận được mấy tuần rồi. Lúa thu đã vàng rợp cánh đồng, gió lạnh lẽo thổi trên sa mạc. Không thể tưởng tượng nổi lúc này Jai đang chiến đấu dưới trời lạnh buốt ở Hymalaya! Ông tiểu vương liệng xuống bàn cuốn sách dày cộm mà ông Quản lý kinh tế và Thống kê mới đưa cho ông mấy hôm trước.

Ông Giám đốc nói: - “Thưa ngài, năm nay hạn hán.”

Ông Jagat cầm cuốn sách lên, đọc lớn:

- “Lúa Rabi thu hoạch giảm mười phần trăm so với năm ngoái. Lúa Kharif giảm năm phần trăm. Rau đậu cũng không hơn năm rồi. Nói chung mọi thu hoạch về lương thực đều xuống. Hạt có dầu giảm sút. Cây có sợi giảm sút.”

Ông quản lý vội nói: - “Nhưng tính chung toàn bộ thì có tăng.”

Ông ta là một người thấp lùn, mập mạp, mặc chiếc quần lá tọa bằng vải bông trắng, và áo sơ-mi. Khuôn mặt tròn trịa của ông đăm mò hôi vì lo lắng.

Ông chẳng quan tâm đến chuyện ngày nay ông tiểu vương bị tước đoạt quyền hành. Nhưng truyền thống trọng vua chúa vẫn bắt buộc ông phải đem báo cáo tới hỏi ý kiến ông hoàng không còn cai trị dân này nữa. Ông Jagat cũng chẳng mấy bất mãn trước thái độ đó. Ông ngó ý thần nhiên:

- Chuyện rắc rối chỉ vì những kế hoạch dẫn nước tưới ruộng bị bỏ rơi. Thử xem xét! Chỉ có kênh đào dẫn tới sông Hằng là hoàn tất. Năm nay chẳng thấy nói gì tới các kênh Mahi và Rajasthan.

- Xin Ông Lớn đề ý tới kênh Chambal, và cả kênh Bhakra Nagal nữa chứ!

Ông Jagat đóng cuốn sách đặt trên bàn giấy: - “Đừng gọi tôi là Ông Lớn! À, tha lỗi nhé, ông bạn cố trí! Sự thật tôi quá lo lắng cho thằng con trai. Cháu đang ở biên giới... và các trận đánh đã bùng nổ ngay tại biên giới Miến Điện. Bắc Kinh đã hạ lệnh cho quân đội vượt giới tuyến Mc Mahon. Sáng nay đài phát thanh vừa loan tin Lumpur đã thất thủ. Nơi đó nằm ở phía Nam giới tuyến Mc Mahon mười dặm đấy! Con trai tôi than phiền rằng vũ khí được cung cấp đã lỗi thời rồi, và lương thực thiếu hụt, mọi trang bị đều không đầy đủ, binh sĩ phải tự túc chiến đấu. Về mọi mặt, chúng ta đều không chuẩn bị gì ráo... mà cần phải chuẩn bị nhất chính là các thanh niên như con trai tôi, tinh hoa của đất nước, lại chịu hy sinh.”

Ông tiểu vương ngừng lại. Ông quản lý thở dài, dùng vạt áo lau mắt:

- Cả hai đứa con trai tôi nữa, Ông Lớn ạ.

Ông Jagat tự động đưa bàn tay phải ra, vỗ vỗ vào tay phải ông kia, nắm chặt và lay lay một lúc, mới buông ra. Ông cảm thấy bàn tay đó mềm mại và ẩm ướt, và ông hơi e thẹn vì đã tỏ ra quá bông bột. Phụ thân ông không đời nào biết tới tình cảm đó. Có lẽ ông quản lý đỏ mặt nhưng ông tiểu vương không thể thấy rõ, chỉ thấy mạch máu nhỏ chạy trên má ông kia thôi. Ông Jagat nói giọng cộc cằn:

- Được rồi. Ráng để ý việc đưa nước vô ruộng nhé.

Ông quản lý chấp tay trước trán để chào, thu nhặt giấy tờ, bỏ đi.

Ông Jagat ngồi sau bàn giấy bằng gỗ thông, nhìn những thành tích đạt được trong săn bắn, nhớ tới những đem đẹp đã qua tại khu săn bắn trên núi Aravalli, ngắm trăng lên, và lắng nghe tiếng động của ác thú, nhìn cặp mắt vàng của con mồi lấp lánh qua bụi cây. Phải thận trọng và khéo léo làm sao bắn trúng ngay tim con thú, không để hư hại bộ da tuyệt đẹp. Ông là người đam mê, từng yêu nhiều người đàn bà, nhưng đam mê đó cũng chưa sánh nổi với thú vui lúc viên đạn trúng mục tiêu, nhìn con thú đẹp đẽ ngã ra chết trên mặt đất, xác con âm. Ông đã huấn luyện cho Jai trở thành một tay súng tài giỏi kiểu Anh Quốc, nhưng dựa trên kinh nghiệm truyền thống Rajasthan rất tốt. Nhưng bây giờ, mọi việc đều hư hỏng vì bàn tay phá hoại của người Trung Quốc quá khích.

Chính là tại Ladakh đó. Ông đã nhiều lần tới Ladakh, hồi đầu đi theo thân phụ, sau đi một mình để thanh tra những đồn điền trồng trà ở sườn núi thấp trên núi Hymalaya. Đất đai nay là của tiền nhân để lại, mua từ thời ông cố của tiểu vương, và đem lại lợi tức rất lớn. Bây giờ có thể bị huy hoại hết, chẳng còn những vườn trà tuyệt đẹp trồng trên sườn núi. Than ôi, tiền đồn thuộc thung lũng Galwan ở Ladakh đã lọt vào tay người Trung Quốc ngày 25 tháng Mười, sau một trận đánh ác liệt. Đài phát thanh loan báo quân đội Ấn đã rút khỏi Tawang, và kêu gọi thường dân di tản. Những con người đó thật dũng cảm, đàn ông cũng cha mẹ già, đàn bà bồng con nít, bỏ lại nhà cửa và sản nghiệp. Có lẽ con trai ông cũng đang có mặt trên con đường máu đó. Nơi đó là cửa ngõ Ấn Độ, mà người Trung Quốc dùng mọi phương tiện để chiếm cho bằng được.

- Ôi, Jai, con ơi, con ơi...

Tiếng rên rĩ từ trái tim ông Jagat phát ra. Ông không thể chịu đựng nỗi nỗi đớn đau. Nhưng ông lại chẳng làm được điều gì, đành đợi tin tức chiến

đầu thôi. Có lẽ phải nhiều ngày, nhiều tuần lễ, vì quân đội Ấn chiến đấu cũng dũng cảm và kiên cường lắm. Và tại sao ông lại ích kỷ chỉ nghĩ đến Jai, trong lúc trên toàn cõi Ấn Độ, biết bao bậc cha mẹ cũng chịu đựng nỗi khắc khoải vì con trai? Ông Jagat rời khỏi chiếc ghế gỗ mun khảm bạc, tiến lại cửa sổ trông ra hồ, nhìn tòa lâu đài trắng lấp lánh bên làn nước xanh, một cảnh tượng tuyệt đẹp và yên bình. Ở những bậc thềm đá hoa dẫn xuống hồ nước, những người đàn bà đang tắm, mặc nguyên chiếc áo dài, hoặc đang giặt quần áo, tiếng chày đập vải vang lên xa xa. Đột nhiên, chiếc thuyền máy ra khỏi bến tàu, ngay bên dưới cửa sổ chỗ ông đang đứng, và ông thấy người Hoa Kỳ ôm một chồng hồ sơ dưới nách, ngồi gần buồng máy.

Ông Jagat quyết định theo dõi. Hai mươi hôm nay, ông không thăm viếng tòa lâu đài giữa hồ, cùng các nhân viên bận công việc thường lệ mùa thu: Tính toán thu hoạch mùa màng, và phân lúa được chia. Thật ra, từ ngày đất đai được phân phát cho dân, công việc này không còn khó nhọc như hồi còn thân phụ ông. Hồi đó, mỗi trung tâm gặt hái đều có đại diện của hoàng gia, đến chứng kiến, tính toán, và nhận phần lúa tô phải đóng cho nhà vua. Bây giờ, với tư cách là một Ông Hoàng, ông vẫn còn giữ được một phần đất, vẫn cần phải biết số lúa được chia, những số lúa tô đó đã giảm sút quá nhiều, nên công việc trông nom chẳng còn khó khăn bao nhiêu. Tính ông cũng dễ dãi, sẵn lòng công nhận việc bãi bỏ quyền hạn của vua chúa, và thu hẹp đất đai. Một quốc gia tân tiến không thể xây dựng trên nền tảng phong kiến. Nhưng dân chúng vẫn tiếp tục xem ông là vua, và các chức sắc trong làng, người của chính quyền chỉ định, mỗi khi gặp việc rắc rối, vẫn tìm đến ông để xin ý kiến. Quả thật những cỗ tục của Ấn Độ chẳng thay đổi bao nhiêu.

Ông Jagat trầm ngâm suy nghĩ, nhận định rằng trong làng không có gì thay đổi, trong khi tại lâu đài của ông lại thay đổi rất nhiều. Ngay bản thân ông cũng có những thay đổi sâu đậm, dù ông không rõ mức độ đó như thế nào, và ông cảm thấy bức dọc. Ông vỗ tay, một người hầu xuất hiện, đợi sai bảo.

- Tôi muốn tới tòa lâu đài giữa hồ.

Lát sau, ông ở trên thuyền máy, rẽ nước tiến nhanh. Xa xa, ở cuối hồ, ông thấy những cái miệng đen ngòm của mấy con cá sấu há ra đớp thức ăn, mà một người đàn ông đang liệng xuống cho chúng. Ông nhớ lại mấy hôm trước có ra lệnh rõ ràng, bèn quay lại hỏi người thủy thủ đang đứng máy.

- Tôi đã bảo không được nuôi dưỡng mấy con cá sấu nữa cơ mà! Tôi muốn để chúng chết hết ráo.

Người kia đáp: - “Quả thật Ông Lớn đã truyền như vậy. Nhưng không được nuôi ăn, chúng vẫn sống. Chúng sẽ ăn thịt trẻ con. Thậm chí chúng có thể tấp mấy người đàn bà đi tắm hoặc giặt quần áo tại bờ hồ. Xin Ông Lớn nhớ lại, hồi còn thân phụ ngài đã có một con cá sấu chết vì khô cạn, người ta mổ bụng nó ra xem có gì quý giá chẳng, thì thấy có nữ trang và vòng vàng.”

Ông Jagat tỏ vẻ nóng nảy: - “Phải dứt khoát với những con quái vật này, trước khi khai trương khách sạn đón khách. Chỉ cần một người Hoa Kỳ bị sấu tấp thôi cũng đủ gây âm-ĩ khắp thế giới, và chúng ta sạt nghiệp.”

Người kia nhỏ nhẹ đáp: - “Vâng, thưa Ông Lớn.”

Ông Jagat biết rằng người ta không cãi, nhưng cũng lờ tịt, chẳng làm gì đâu, chỉ có nước là đích thân ông xách súng bắn mấy con cá sấu thiêng mà thôi. Riêng ông, ông cũng sẽ chẳng làm gì cả. Ông biết rõ ông cũng không làm gì, trừ phi xảy ra chuyện chẳng lành, buộc ông phải hành động. Hiện thời mấy con cá sấu vẫn cứ được nuôi dưỡng, ông biết rõ lắm, và cảm thấy chán nản. Giữa lúc mọi việc thay đổi, vẫn có những điều bất biến, không thể nào thay đổi được, nằm ngay tại bản thân ông cũng như trong dân tộc ông. Và ông lại thấy bức tức.

- Đã gom đủ củi đun để nấu rượu hoa hồng chưa?

Người thủy thủ đáp giọng bình thản thường lệ: - “Tôi sẽ để mắt tới việc đó, thưa Ông Lớn.”

Ông Jagat không nói gì, thoáng nhớ tới một điều. Ông đã để ý thấy cha Francis Paul, vị tu-sĩ người Anh, uống rượu hoa hồng với vẻ thích thú thật tình, bây giờ ông chợt nhớ rằng thứ rượu đó chứa một hàm lượng rất lớn về chất bổ dưỡng. Ông định lần sau sẽ nói cho ông tu-sĩ hay mối nguy đó. Một tu-sĩ giữ trai-giới cũng đã vất vả lắm rồi, sao còn đem thứ rượu quỷ quái đó gây khó khăn cho ông ta? Và lại, ông mời tu-sĩ tới là để an-ủi tinh thần cho bà vợ, lẽ nào lại có thể cho ông ta uống thứ rượu cường dương? Ông hiểu rõ hiệu quả của thứ rượu này, xưa kia được cất để dành riêng cho vua chúa, nên bản thân ông cũng thận trọng, chỉ uống rất ít, không nỡ hành hạ vợ. Tốt nhất là đừng cho ông tu-sĩ uống thứ rượu này, hoặc ngầm ra lệnh pha loãng nó đi.

Ông chưa quyết định xong thì động cơ chuyển máy đã tắt, và người thủy thủ kéo chiếc thuyền lại gần thêm đá hoa toa lâu đài, và ông Jagat bước lên. Người canh gác tiến ra đón, và ông Jagat lên tiếng:

- Người Hoa Kỳ ở đâu?

- Ông ta ở bãi đất trống.

Ông Jagat bước vào tiền sảnh, leo lên những bậc thềm đá hoa, qua bãi đất trống. Bert Osgood đang làm việc, đứng trước một chiếc bàn rộng lớn kê giữa trời, mình trần tới thắt lưng, và mắt mang kiếng râm.

Ông ta cất cao giọng vui vẻ: - “Chào Ông Hoàng. Ngài tới thật đúng lúc. Tôi đang bày biện đồ đạc sang trọng quanh vườn đây. Ngài muốn ngó một chút không?”

Ông Jagat yêu cầu: - “Đề nghị ông mặc áo sơ-mi vào. Nắng như vậy nguy hiểm lắm, chính tôi cũng không chịu nổi.”

Người Mỹ kéo dài giọng nói: - “Tôi quen rồi.”

Ông Jagat phản đối: - “Không nên.”

Nhưng Bert chẳng nghe lời. Ông ta đang bày giầy tờ bừa bãi: - “Đây là chi tiết đồ đạc trưng bày. Về màn treo, rèm cửa và thảm lót bàn ghế, tôi sử dụng toàn mặt hàng của Ấn. Chà, đẹp lắm! Suốt tuần qua, tôi lượn quanh các cửa hàng ở Bombay. Chẳng cần tìm những vật liệu ở đâu khác, ngay trong những kho chứa hàng của ngài cũng có vô số! Tôi đã gửi thư cho một số tổ hợp ở Hữu Ước, xin hai nhà trang trí nội thất, những người đã quen làm việc với tôi. Họ sẽ trông nom mọi chi tiết. Ngài có biết tôi đã tìm ra thứ gì trong hầm chứa đồ đạc của tổ tiên ngài không? Tủ, bàn, giường... đủ các mặt hàng gỗ Âu châu. Phần lớn vẫn còn đóng trong thùng. Tổ tiên ngài phải biết rõ giá trị của món hàng chứ, tại sao họ không bao giờ sử dụng tới? Có đồ đạc nguyên bộ, đủ trang bị một phòng ngủ, nạm vàng, còn tốt nguyên, y như hồi chúng được chở bằng tàu tới đây, vài trăm năm về trước. Còn nguyên trong thùng, cho đến tận lúc tôi mò ra!”

Ông Jagat khẽ mỉm cười: - “Tôi cho rằng các cụ ưa thích nếp sống riêng của các cụ.”

- Vậy còn đặt mua đủ thứ như thế làm gì?

- Thì cứ để đó, chừng nào thích thì mới đem ra xài. Và rồi chẳng còn ai quan tâm đến nữa. Cũng khó mà biết chắc sự thật ra sao.

- Tốt lắm, vậy là hên cho ông lắm đó, Ông Hoàng ạ. Đỡ được biết bao tiền bạc. Bây giờ, nói tới việc điều hành nhé. Tôi sẽ nêu một số ý kiến về các sở thích của người Hoa Kỳ đối với khách sạn. Tất nhiên chúng ta sẽ giữ lại mọi vẻ đẹp quý hiếm của xứ sở này, giữ lại bầu không khí Ấn Độ, nhưng ngoài ra, khách của chúng ta còn muốn...

Ông Jagat ngắt lời: - “Khách người Ấn Độ lại thích một điều gì mới mẻ. Xét cho cùng, chúng tôi đã sống trong bầu không khí Ấn Độ này cả mấy ngàn năm rồi.”

Bert vát cây bút chì xuống: - “Ông chẳng nhờ tôi chỉ dẫn ông cách xây dựng một khách sạn dành cho người Hoa Kỳ hay sao? Tôi có năm mớ không đấy?”

Ông Jagat cười: - “Xin ông cứ dặng bảo.”

Bert cố tỏ vẻ nghiêm nghị. Nhưng khó mà không mỉm cười, đáp lại khuôn mặt dễ thương của người Ấn:

- Tôi bỏ qua, Ông Hoàng ạ. Nào ta bàn tiếp. Như tôi đã từng nói, tôi nhận thấy, ở các khách sạn mới của người Ấn, chẳng hạn ở Delhi và Bombay, các ông ít để ý tới tiểu tiết. Nhưng những điều nhỏ nhặt đó mới tỏ mối quan tâm của ta, chẳng hạn như việc mang điểm tâm lên tận phòng cho khách chẳng hạn. Như tôi đã nói, người Hoa Kỳ ghi nhớ những điều như vậy, và sẽ kể lại với bạn bè. Đặc biệt với người Hoa Kỳ, việc giữ gìn nghi lễ là tối quan trọng: vô phòng ăn phải mặc lễ phục, và ở sân nhảy không bao giờ tháo giày.

Ông Jagat lắng nghe, cặp mắt đen long lanh: - “Ở Rajasthan có nhiều phong cảnh tuyệt đẹp. Miền đất này có nhiều di tích lịch sử... như đảo Chittor vậy.”

Bert nói: - “Ồ, tất nhiên. Ông cần phải cho dựng lại mấy cái tháp... đủ thứ. Nhưng chắc chắn người Hoa Kỳ cũng muốn có những thứ quen thuộc, mà ông cũng biết đó, chẳng hạn như khiêu vũ, đánh golf, chiếu phim, bơi lội và câu cá. Ông cũng có thể tổ chức hiệp hội ở đây.”

- Hiệp hội?

- Đúng. Hội Sư Tử hoặc Linh Dương, hoặc gì gì đó, ngay cả có thể đặt tên là...

- Sao lại có thú vật ở đây?

Đông, Tây nhìn nhau, hoàn toàn bất cảm thông.

Mặt Bert trắng bệch: - “Ai nói tới thú vật bao giờ?”

- Thì ông vừa nói tới sư tử đó.

- Ôi chao ôi! - Bert càu nhàu rồi cười sằng sặc: - “Đó là tên một hiệp hội tương trợ... Ở Hoa Kỳ, chúng tôi có vô số.”

Một người hầu có râu và quần khăn trắng xuất hiện ra ở đầu cầu thang. Anh ta mang một chiếc khay bằng bạc, trên đó có một bao thư niêm phong.

Anh ta lên tiếng: - “Thưa Ông Lớn, có điện tín.”

Ông Jagat xé bao thư, bên trong có một mảnh giấy nhỏ, trên đó ghi vài hàng chữ bằng tiếng Anh:

“Chết vì công vụ. Hy sinh anh dũng!”

Ông Jagat chỉ nắm được một điều: con trai ông đã chết. Ông nói li nhí:

- Xin lỗi. Tôi có tin. Phải về với vợ ngay.

...

Bà Moti nói: - “Em đã biết trước là nó sẽ chết.”

Ông Jagat đáp: - “Làm sao biết trước được!”

Ông hồ thẹn đã tỏ ra nóng nảy với bà, nhất là trước mặt người hầu đang buộc hành lý cho ông. Ông đã đòi một chiếc trục thẳng chở ông tới Ladakh, tiến sát thành phố biên giới Chushul, nơi quân đội Ấn vẫn đang dàn trận. Ông nói với người hầu: - “Tôi chỉ mang theo một va-li thôi.”

- Nhưng thưa Ông Lớn, trên Ladakh lạnh lắm.

- Tôi sẽ mặc đủ áo ấm.

Bà Moti nói: - “Nhưng trước khi tới Ladakh, anh sẽ bị nóng bức.”

Ông muốn bà kêu khóc, nhưng bà không khóc. Bà không nhỏ giọt nước mắt nào từ lúc ông tới báo tin, cách đây một giờ đồng hồ, trong khi nước mắt cứ lã chã rơi xuống má ông, bức điện tín để mở trong tay. Bà đã cầm lấy, đọc, và ngược nhìn ông. Trong lúc ông dăm dăm nhìn bà, mong mỗi bà cất tiếng thôn thức, thì bà ngó mung lung vào còi xa xôi, đôi mắt dường như mở lớn hơn, tối sầm. Bà trả lại ông bức điện, vẫn không nhúc nhích. Cuối cùng ông lên tiếng:

- Nào, giúp anh thu xếp hành lý chứ. Anh phải đi ngay.

Bà đi theo ông, nhưng không giúp một tay, cứ ngồi trong phòng, cặp mắt ráo hoảnh nhìn ông chỉ huy người hầu. Ông vặn ra-đi-ô để nghe tin tức. Giọng của Thủ tướng vang lên trong phòng, bằng Anh ngữ:

“Vào ngày định mạng này, chúng ta phải đụng độ với mối đe dọa lớn lao nhất kể từ lúc chúng ta giành được độc lập. Chúng ta hãy đồng lòng với nhau để đối phó hiểm họa này. Chúng ta có tất cả sức mạnh của một quốc gia thống nhất. Chúng ta hãy gạt bỏ mọi công việc, chuyên tâm vào nhiệm vụ chính yếu hiện nay là bảo vệ tự do toàn vẹn lãnh thổ, chống lại cuộc xâm lăng vào đất thiêng Ấn Độ. Hãy đương đầu với hiểm họa này bằng tất cả tấm lòng, bằng thái độ nghiêm chỉnh, và với niềm tin sắt đá vào chính phủ chúng ta.”

Giọng nói đẹp đẽ đó lạc hẳn đi, ngừng lại giây lát, và tiếp tục:

“Tôi kêu gọi toàn thể đồng bào, không phân biệt tôn giáo và đảng phái, hãy đem hết một lòng trong cuộc chiến đấu lớn lao đặt ra cho chúng ta. Tôi đặt hết tin tưởng vào dân tộc, vào tương lai tổ quốc. Tương lai đặt ra cho chúng ta nhiều thử thách phải vượt qua.”

Ông Jagat mãi nghe không để ý đến bà Moti rời phòng lúc nào, và bây giờ bà trở lại, vạt áo dài phía trước bọc một vật gì khá nặng. Bà lại gần ông, nhìn thẳng vào mặt, và buông vạt áo. Vật nặng rớt xuống chân bà. Thì ra chiếc hộp bằng vàng, đựng tất cả những đồ nữ trang bằng vàng của bà: dây chuyền, bông tai, xuyến và nhẫn vàng, mà bà còn giữ từ ngày cưới. Tổng trưởng Tài-chánh đã yêu cầu phụ nữ hiến nữ trang bằng vàng để giúp chính phủ lo việc quốc phòng, nhưng bà Moti vẫn không giao nộp. Bà chẳng cần phải đáp ứng những lời yêu cầu đó, xem như không nghe biết, tự coi mình chẳng phải hạng thường dân. Đã hơn một lần, ông Jagat khuyên nhủ bà: - “Nhưng, Moti à, em là vương hậu, phải làm gương cho phụ nữ ở Rajasthan chứ.”

Bây giờ, nhìn những nữ trang lấp lánh vương vãi trên sàn đá hoa, ông Jagat tan vỡ tâm can. Ông quàng tay quanh người bà, kéo sát bên ngực, cảm thấy bên má của bà, ép sát trên ngực trần của ông, đầm nước mắt. Và cúi xuống nhìn, ông thấy quả thật cuối cùng bà đã thổn thức, ráng đem nghị lực khùng khiếp để ngăn chặn, nhưng quả thực bà đã khóc.

Ông thúc giục thêm: - “Khóc đi, khóc nữa đi, em!”

Nghe ông nài nỉ, đột nhiên bà lại ngừng hẳn những tiếng thổn thức. Sát bên giường, người hầu quần khăn đứng lạng quay lưng lại, để cho ông bà tự do thổ lộ tâm can. Cuối cùng, không thể chịu đựng được nữa anh ta cất tiếng nức nở, chạy vụt ra khỏi phòng.

Còn lại một mình với vợ, ông Jagat cảm thấy tâm hồn hai người hòa hợp làm một. Trong đau đớn, hai tâm hồn đó mới hợp nhất, và điều đó chẳng thể xảy ra trong đam mê và yêu đương. Người con trai duy nhất mà hai người đã chung sức tạo ra nay chẳng còn nữa. Vậy là nghĩa làm sao? Câu hỏi đó cứ vẫn vương mãi trong tâm trí ông. Liệu rằng việc hợp nhất giữa hai tâm hồn trong đau khổ có tiếp tục tồn tại, sau khi hết nước mắt, hay nó cũng qua đi, như mọi chuyện khác, khiến hai người lại tách biệt mãi mãi chẳng? Trong niềm khắc khoải, ông ép sát bà Moti bên mình ông, thì thầm:

- Khóc nữa đi, em yêu! Khóc nữa đi! Cho thanh thản tâm hồn em... và anh nữa.

*

Chiếc trực thăng đáp xuống. Ông Jagat bước ra, đưa mắt nhìn vùng đất Ladakh hoang vu, rộng mênh mông, vây quanh hồ Spanggol. Xa xa, trên cao là những đỉnh núi Hymalaya sừng sững. Giữa trưa, ông có thể thấy từ những đỉnh núi đó, gió thổi lồng lộng, tuyết bay tơi tả, nhìn rõ từ chỗ cách xa nhiều dặm.

Một người lính gác, mặc quân phục rách tả tơi, lại gần ông, bồng súng chào. Người đó lên tiếng.

- Thưa Ông Lớn, tôi đang đợt ngài.

Ông Jagat hỏi: - “Con trai tôi đâu?”

- Thưa Ông Lớn, thi hài công tử đã được thiêu, tro vãi xuống hồ, cùng với tro của các người khác.

Anh ta vừa nói vừa ra hiệu, bàn tay đen đưa lên cao, những ngón tay khằng khiu vẫy vẫy như cánh chim bay.

Ông Jagat nhìn mặt hồ xanh biếc. Hồ này là một trong nhiều hồ ở vùng Ladakh, cái lớn nhất có thể dài tới một trăm dặm. Tại sao hồ Spanggol lại có thể là nơi yên nghỉ của Jai, sau khi xác được đốt ra tro? Ông cũng chẳng dám mong tìm được thi hài của con trai, vì chuyến đi lâu quá, nhưng hy vọng thì cứ hy vọng. Ông tiến lại bờ hồ, ở cách một quãng ngắn, vọc tay xuống nước, để yên một lúc, thấy nước hồ trong vắt và lạnh cóng. Mùa đông đang đến trên vùng cao nguyên này.

Ông đứng dậy, chùi tay vào áo, lên tiếng hỏi người lính:

- Anh mặc quân phục mỏng thế này, chẳng lạnh lắm sao?

Anh này là một người da đen miền Nam, và ông Jagat thấy lớp da anh ấy tím ngắt vì lạnh.

- Thưa Ông Lớn, chúng tôi không được phát quần áo mùa đông.

Ông Jagat hỏi: - “Con trai tôi cũng chỉ có quần áo vải bông này hay sao?”

- “Chúng tôi được đối xử như nhau.” - Anh ngân ngừ, sau mới nói: - “Người Trung Quốc được mặc đồ kaki nhồi bông... rất ấm áp. Họ lại có vũ khí tốt, mới toanh, hiện đại, có cả súng tự động.”

Ông Jagat lại hỏi: - “Anh ngủ chỗ nào? Dẫn tôi lại đây đi. Ở đây gió lộng, chúng ta không thể nói chuyện.”

Những dãy núi xa có tuyết phủ trắng toát, nhưng ở bình nguyên này chỉ có cát, vì gió thổi liên tục ngày đêm đã quét sạch hết tuyết.

Người lính nói: - “Ở đây, chúng tôi chỉ còn một dúm người. thật tình chúng tôi đã tháo chạy, trốn thoát về đây. Tất nhiên là chỉ sau khi chiến đấu trong tuyệt vọng, hầu như tất cả đồng đội đều bỏ xác. Chúng tôi không có

vũ khí tốt, Ông Lớn ạ...Có mấy khẩu này đây thôi, cũ kĩ, thua súng người ta cả chục năm.”

Anh ta đưa súng cho ông Jagat xem, rồi đi trước dẫn đường, ngoái cổ lại để nói:

- Người Trung Quốc có đầy đủ mọi thứ, Ông Lớn ạ...pháo binh, súng máy, đủ thứ.

Ông Jagat nói: - “Gió lớn quá, nói không ra tiếng. Đợi về đến chỗ trú đã!”

Chỗ trú chỉ là một miếu cổ nhỏ nhỏ, cất trên núi, thuộc làng Chushul. Hai vị lạt-ma có tuổi, mặc áo vàng, đang thắp hương trước tượng Phật, một cặp đèn cây mỡ bò cháy trên chân nến bằng thau. Họ quay lại, ngạc nhiên khi thấy ông Jagat. Người lính lên tiếng:

- Đây là Ông Lớn, tiểu vương Newar. Ngài tới tìm xác con trai.

Vị lạt-ma lớn tuổi lên tiếng: - “Mô Phật!”

Ông ta là người Tây Tạng, cao và gầy, da mặt sạm nắng gió.

Ông Jagat đáp lại: - “Mô Phật!”

Tay ông lạnh cóng, ông phải tiến lại bàn thờ, hơ tay trên ngọn lửa đèn cây đang cháy.

Vị lạt-ma nhỏ tuổi hơn nói: - “Mời Ông Lớn vào hậu điện. Ở đó ấm áp hơn.”

Ông ta nhỏ con, xanh xao, mặc áo màu cam, đặc biệt có đôi tai lớn như tai Phật. Ông vừa nói vừa dẫn đường, và ông Jagat theo sau, phải khom lưng khi bước qua cánh cửa thấp. Ở hậu điện, một lò lửa đang cháy phừng

phùng, và năm người Ấn Độ ngồi vây quanh, trong đó có ba người bị thương. Họ gắng đứng dậy, nhưng ông ra hiệu cho họ ngồi xuống sàn đất.

Vị lạt-ma lớn tuổi nói: - “Mời Ông Lớn ngồi trên nệm. Tôi mang trà nóng tới liền.”

Ông Jagat cảm thấy mệt mỏi rã rời, ngồi xuống đệm, hai chân bắt chéo. Người lính gác ngồi gần bên ông. Họ giữ yên lặng một lúc lâu, mấy người kia tỏ ý kính trọng, còn ông Jagat thì mệt mỏi và chán nản. Hai vị lạt-ma mang tới những chén trà có bỏ chút bơ, và ông Jagat uống chất nước nóng vào, cảm thấy hơi nóng chạy trong mạch máu, hồi phục sinh lực một phần nào. Ông đặt chén trên khay sơn đỏ, nhìn mặt những người xung quanh.

- Hãy kể tôi nghe, thật tình con trai tôi đã chết ra sao.

Họ đưa mắt nhìn nhau, người nọ đùn người kia. Cuối cùng một người lên tiếng. Đó là một thanh niên, người Ấn, chiếc chân bị thương được băng bó bằng vải, xé từ bộ quân phục màu xanh ô-liu của một quân nhân Ấn tử trận, vết băng bó bây giờ đẫm máu. Khuôn mặt đen của anh ta có vẻ ngờ ngác.

- Thưa Ông Lớn, tôi chẳng biết kể từ lúc nào, và từ biển cố nào.

Ông Jagat bảo: - “Tùy ý anh thích bắt đầu từ chỗ nào cũng được.”

Tiếng ho rồ rồ từ ngực anh ta phát ra. Anh khạc ra đất, cào cát, phủ lên vết đờm đó. Và anh bắt đầu:

- Người Trung Quốc lập tâm chơi chúng ta vớ này từ hai năm nay rồi. Lúc đầu, hai bên đối diện nhau tại những đồn bốt nhỏ, trên vùng đất rộng mênh mông. Đồn của người Ấn Độ luôn luôn nhỏ hơn, chứa chừng một trăm năm chục người thôi, trong khi đồn của người Trung Quốc rất rộng, chứa từ bốn, năm trăm người. Người Trung Quốc luôn luôn có kế hoạch đằng hoàng. Họ giữ kín lắm, tình báo của ta không thể mở được mật mã của

họ. Số thông dịch viên của chúng ta rất ít, và chúng ta chẳng chuẩn bị gì cả. Chúng ta sống ngày nào hay ngày ấy, trong tình trạng chờ đợi. Lương thực thiếu, nước uống thiếu, quân nhu đạn dược lại không đầy đủ. Thứ gì cũng phải thả dù xuống, đôi khi lại cung cấp rất trễ hạn. Ông Lớn cũng biết đó, người Ấn chúng ta không ưa chiến tranh, trong khi người Trung Quốc chiến đấu cả năm ngàn năm rồi. Họ nghiên cứu mọi chiến thuật, và có cấp chỉ huy tài giỏi. Chiến thuật của họ như thế này...

Anh ta vẽ một vòng tròn trên mặt đất: - “Đây là đồn của chúng. Tôi muốn kể về đồn biên phòng đóng ở triền sông Galwan. Hai năm qua, chúng tôi đối diện với chúng như thế này... cho đến gần đây. Trong lúc chúng tôi ngồi chơi, thì chúng bí mật tung lực lượng hùng hậu bao vây. Khi chúng tôi phát hiện, phản kháng, chúng không trả lời. Chúng ở trên cao, bao vây, chờ cho chúng tôi chết đói. Rồi chúng hoa chân múa tay, đưa nắm đấm ra dọa thế này (Anh nắm tay, đưa cao khỏi đầu, và day day). Chúng tôi dùng loa phóng thanh, hô hào chúng tôi đầu hàng. Nhưng chúng tôi từ chối. Dù đói khát rã rời, quân ta cũng không đầu hàng. Cuối cùng, trực thăng tải lương thực, nước uống lại gần. Tiếp liệu được thả xuống... tuy chẳng đầy đủ nhưng cũng đỡ khổ.”

Ông Jagat ngắt lời: - “Người Trung Quốc để vậy hay sao?”

Ông hỏi vậy, nhưng trong lòng lại có câu hỏi riêng: Jai ra sao? Chàng trai con vua cháu chúa đó xưa nay chưa từng biết cực khổ là gì, chắc hẳn đã chết đói chết khát.

Người kia tỏ dấu công nhận: - “Chúng để yên cho chúng tôi được làm thế. Thật ra, chúng ta không hề biết ý đồ của chúng ra sao. Thấy chúng để yên, chúng ta lại cứ tưởng việc đó trong khuôn khổ chiến tranh lạnh, mọi việc vẫn xảy ra như cũ. Hẳn Ông Lớn còn nhớ, chúng ta thiết lập đồn này vào tháng bảy, với mục đích cắt đứt đường tiếp tế cho tiền đồn của Trung Quốc mới thiết lập tại đây, bên triền sông Galwan. Báo chí có đăng tin rõ ràng, quân ta giữ vững vị trí, mặc cho chúng hăm dọa, và khiêu khích. Thấy

chúng lại gần đồn chừng mười lăm thước, chúng tôi mới lên tiếng báo cho biết sẽ nổ súng, nếu chúng lại gần hơn. Qua nhiên chúng ngừng lại đó, hai chính phủ gởi công hàm, và Trung Quốc rút lui. Một lần nữa, chúng ta vẫn tưởng việc đó chỉ nằm trong khuôn khổ chiến tranh lạnh. Và rồi lệnh ban xuống cho quân Ấn không được nổ súng trước. Lính tráng ở đồn ai cũng cảm thấy nhẹ nhõm. Tôi tin rằng ngay tại đồn Chushul đây, các anh cũng phải cho họ chỉ chơi cái trò cũ là cùng thôi. Than ôi! Chẳng phải như cũ. Từ ngày bảy đến ngày mười, tình thế đổi khác rồi. Vào ngày 20 tháng Mười, chúng tung toàn bộ lực lượng tấn công. Chúng tôi chống cự, nhưng đồn bị quét sạch. Trong số những người giữ đồn, chỉ có tôi chạy thoát. Không, chẳng phải tôi đã chạy trốn... mà vì tôi trở bệnh thành lỉnh, gục sau một tảng đá, ói mửa, và chúng đã không để ý đến tôi. Đêm xuống, tôi tìm đường qua đồi núi, tìm tới làng Chushul. Cũng phải mất mấy ngày.”

Người lính trẻ xen vô: - “Ồ Chushul thì khác hẳn.”

Một người lính già quay nhìn lại: - “Chẳng khác tí nào! Đúng như anh kia vừa nói, người Trung Quốc đã xếp đặt mọi việc, có kế hoạch đâu vào đó. Như mọi người đều biết, Chushul được chia ra làm ba phần: phi trường, ngọn núi nhìn xuống phi trường, và ngôi làng của dân chúng. Hẳn Ông Lớn nghĩ rằng người Trung Quốc sẽ chiếm phi trường, hay ít nhất chiếm ngôi làng chứ nhỉ? Không đâu, kế hoạch của họ chẳng phai như vậy. Chúng âm mưu chiếm ngọn núi kia. Núi cao năm ngàn thước, chúng chiếm làm gì? Ấy vậy mà chúng đã chiếm, ngay sau lưng chúng tôi, trong lúc chúng tôi chỉ để mắt canh chừng phía hồ. Chúng tuyên bố rằng trái núi đó nằm trong lãnh thổ của chúng. Thật ra, làng Chushul là cái quái gì? Tại sao chúng phải chiếm cho mất công? Cả thầy chỉ chừng năm chục ngôi nhà, với số dân năm, ba trăm người, sống trong lều tranh, thất học, săn bắn lấy cái ăn. Họ thuộc các sắc tộc Tây Tạng, Mông Cổ, kém mở mang và chung đụng bừa bãi...”

Vị lạt-ma trẻ hơn đáp: - “Chúng tôi cũng trồng lúa mì nữa chứ.”

Người lính già công nhận: - “Đúng, có trồng một sô ít lúa mì. Ngoài ra thì đi bắt ngựa rừng và bắn chim.”

Ông Jagat cất tiếng hỏi: - “Các anh có chống cự lại người Trung Quốc chứ?”

- Tất nhiên chúng tôi chống cự.

Mọi người nhao nhao trả lời, nhưng người lính trẻ lại quay về với câu chuyện cũ. Anh khạc xuống sàn, rồi lên tiếng:

- Thật không may cho chúng tôi, Ông Lớn ạ. Người Trung Quốc có loại xuống lấp ráp, nhưng họ lại không tới qua ngã hồ trước. Họ tới từ Tây Tạng, trên đường xa lộ mà họ đã thiết lập. Con đường này nằm trên vùng cao nguyên mênh mông mà họ đã chiếm được. Họ tung lực lượng rất lớn: bốn ngàn người. Và họ đã chiếm núi trong hai ngày. Dân làng về phía chúng tôi, nhưng chúng tôi làm được gì? Tay không phải chống lại vũ khí tối tân. Phải khâm phục họ giỏi thật! Ý đồ của họ đã lộ rõ, không còn làm lẫn gì nữa. Và họ nhanh tay nhanh chân. Hai ngày 22 và 23 tháng Mười, họ đã thiết lập xong giới tuyến mà họ đòi hỏi, và họ ngừng chiến. Mọi việc diễn ra đúng kế hoạch... kế hoạch của họ!

Vị lạt-ma già ngắt lời: - “À, họ vào Tây Tạng cùng một cách như thế! Mọi việc đều đúng kế hoạch. Lúc đầu, họ ngon ngọt dụ dỗ chúng tôi, rồi cho binh lính tấn công. Họ biết mọi bí mật của chúng tôi, có bản đồ đầy đủ, ngay cả bản đồ đất thiêng Potala cũng có. Đức Phật-vương của chúng tôi cũng vất vả lắm mới trốn thoát được!”

Người lính già xen vào: - “Hai năm gần đây, họ tranh chấp biên giới với chúng ta, đúng theo kế hoạch của họ. Ta bảo: “Biên giới chúng tôi đã có từ năm ngàn năm,” họ đáp: “Của chúng tôi có từ tám ngàn năm.” Hai bên cùng gắng nhau! Nhưng chúng ta không hề tin rằng họ có thể tấn công.”

Ông Jagat lắng nghe, nhìn đăm đăm vào mấy cục than tàn lụi, lên tiếng hỏi:

- Cuộc tấn công xảy ra hồi mấy giờ?

Người lính trẻ đáp: - “Hoàng hôn. Trong ngày có hai thời điểm thuận tiện cho việc tấn công: chập tối và nửa đêm. Chúng ồ ạt tiến xuống theo con đường chúng đã thiết lập ở triền núi, cạnh đồn chúng ta. Pháo binh nã trước, bộ binh theo sau. Chúng tôi không có quần áo ấm, quân số lại không đầy đủ. Con trai ngài, Ông Lớn ạ...”

Giọng anh ta thấp hẳn xuống, và mắt anh nhìn vào than hồng:

- Bây giờ, tôi tưởng như còn thấy công tử. Anh đứng sững một lúc, ngo ngác! Quả thật chúng tôi không người nào tin nổi sự việc xảy ra. Chúng tôi có nhận được tin tức gì của tình báo đâu? Sau phút bàng hoàng, anh hô to. Chính anh là người hô trước tiên: - “Quân Tàu tới!” Tiếng hô đã đánh thức tất cả chúng tôi, trong lúc chúng tôi đang nằm dõn cục trên sàn nhà cho ấm. Anh lay vai chúng tôi, chạy đánh thức từng người. Quả thật, anh là người thức dậy trước nhất.

Ông Jagat hỏi giọng nghẹn ngào và yếu ớt: - “Nó ngã xuống lúc nào?”

Người trẻ tuổi thì thào: - “Tức thời! Công tử đã ngã xuống ngay.”

Ông Jagat hỏi: - “Chết?”

Người trẻ tuổi ra dấu công nhận: - “Chết liền.” Và nói tiếp: - “Không đau đớn gì.”

Ông Jagat hà hốc mồm: - “Bị thương ở đâu?”

- Sau gày. Cả một màng sọ bay mất! Chỉ có khuôn mặt còn nguyên vẹn...đẹp như một chiếc mặt nạ.

Ông Jagat không nói gì. Ông sẽ không bao giờ cho bà Moti biết con trai bị bắn vỡ sọ.

Người lính trẻ nói tiếp: - “Vị đại-úy của chúng tôi cũng rất dũng cảm. Ông bị thương vào cuối ngày đầu, nhưng vẫn tiếp tục chỉ huy chúng tôi, nằm trên một nệm rom. Trưa ngày thứ hai, ông mất. Chúng tôi chiến đấu tới tối mịt, mang theo xác đồng đội... tìm được người nào mang người nấy, và lo đám tang, đúng theo tôn giáo của người thiệt mạng.”

Ông Jagat nói: - “Các anh đã làm hết sức mình, và thật dũng cảm.”

*

Ông Jagat đặt chân vào khách sạn rộng lớn Ashoka. Tiền sảnh rất đông người, nhưng không khí mát mẻ, cho ông cảm tưởng êm dịu, sau khi chang nắng. Ông dừng lại giữa đám đông, với một cảm tưởng cô đơn, chán nản. Ông trông cậy vào ai đây? Chính ông là người luôn luôn mạnh mẽ, để người khác trông cậy, và bắt buộc ông phải trở lại như vậy, khi về đến nhà. Bà Moti cần được nghe ông kể lại mọi chuyện, và được an ủi, khuyến khích. Lại còn Veera nữa, ông sẽ nói gì với con gái nhỉ? Đầu óc rối bời, ông không thể chịu đựng nổi cảm giác cô đơn tại phòng của ông ở khách sạn, mong thời gian qua mau mau, để ông đón chuyến bay về phi trường, gần Amarpur. Sau khi rời khỏi tiền đồn Chushul, ông đã trở về New Delhi, tiếp chuyện với Thủ tướng, bao cáo mọi chuyện lên ngài.

Đáng lẽ đặt chân lên thang máy, ông Jagat lại vô phòng khách, phía sau tiền sảnh. Một chiếc dương cầm rất lớn đặt ở góc phòng, và một người đang dạo đàn. Tiếng nhạc nhẹ nhàng làm dịu lòng người. Vào lúc giữa trưa này, phòng khách hầu như vắng ngắt, ông Jagat bước ngang qua, chọn một chiếc ghế gần chỗ dương cầm, nhận rõ người dạo đàn là đàn bà. Ông không hiểu nhạc Tây phương, nên cũng không biết nàng chơi bài gì, chỉ thấy tiếng đàn du dương, êm êm, nhưng động lòng người rất mạnh mẽ. Ông tin chắc nàng là

một người Hoa Kỳ. Người ta thường nói người Hoa Kỳ, nhất là đàn bà Hoa Kỳ, chẳng sợ điều gì hay người nào. Nàng cứ ngồi một mình chơi đàn, đầu cúi xuống, có vẻ say mê. Ông chỉ thấy được khuôn mặt nhìn nghiên trông rất nhã, và nàng mặc áo dài trắng tinh, gọn gàng. Cả đôi dép cũng trắng, và một băng lụa trắng buộc túm mớ tóc màu tươi sáng, tuyệt đẹp của nàng.

Tiếng nhạc càng lúc càng dồn dập, bay lượn trên không trung.

Ông Jagat buộc miệng: - “Hay quá!”

Nàng quay lại, và ông thấy một khuôn mặt dễ thương, trầm tĩnh mà cương nghị. Có một lúc, ông không đoán nổi tuổi nàng cặp mắt trong vắt, ngây thơ - nhưng ánh mắt tự tin, vững vàng, chứng tỏ con người trưởng thành. Nàng còn trẻ, nhưng không còn con gái.

Nàng hỏi: - “Ông thích nhạc chứ?”

- Tôi biết rất ít về âm nhạc Tây phương.

- Đây là bản dạo khúc của Chopin.

Ông nhận xét: - “Bản nhạc buồn quá.”

- Đúng. Vì tâm sự của soạn giả lúc nào cũng buồn.

Nàng nhìn vào mắt ông, như nhận định được nỗi đau đớn của ông. Đây là một cuộc hành ngộ mới mẻ với ông, một cuộc đối thoại tay đôi giữa hai kẻ xa lạ. Ông hiểu về đàn bà rất ít, ngay cả với bà Moti, Có nên hỏi tên người đàn bà Tây phương này không? Ông suy ngẫm và quyết định là không nên. Biết được cũng chẳng ích lợi gì. Ông đứng dậy, ngỏ lời cảm ơn.

- Cảm ơn cô đã cho tôi mấy phút, khiến tôi quên được mọi chuyện.

Ông về phòng riêng, và sau một đêm tràn trọc, hôm sau ông đã dậy rất trễ. Nhìn qua cửa sổ có buông mảnh mảnh, ông thấy mặt trời đã lên cao. Chán nản, ông vò lấy chiếc đồng hồ đeo tay đặt ở bàn bên. Ông đã lỡ chuyến bay về Amarpur. Có một lúc ông cảm thấy hồi hận, nhưng trấn tĩnh lại ngay. Chẳng qua chỉ trễ thêm một ngày nữa, ông sẽ về tường thuật với bà Moti mọi chi tiết về cái chết của Jai, một cái chết lãng xẹt, vì con trai ông không hề được dạy dỗ chuyện chém giết, cùng lắm mới được chỉ bảo cách ngắm bắn sao cho trúng giữa mắt cọp, và tránh làm hư hại bộ da.

Trong lúc tắm rửa, mặc quần áo, ông Jagat suy nghĩ về cái chết của con. Ông nghe người ta nói rằng người Trung Quốc ra trận mà miệng ca hát, hò hét âm ỉ. Ông không chắc đó là sự thật. Có lẽ chẳng hề có chuyện đó. Vì nếu quả thật như vậy, thì làm sao họ có thể bò trên sườn núi, sau lưng người Ấn? Làm sao họ bí mật thiết lập được đường xa lộ xuyên qua vùng núi hoang?

Những ý nghĩ đó hành hạ đầu óc ông. Và sau bữa điếm tâm được mang lên tận phòng, ông đã gọi dây nói cho văn phòng tổng thống, xin được phép tiếp chuyện với ngài. Và chỉ lát sau, ông đã được nghe giọng nói đĩnh đạc mà hiền dịu của nhà học giả lão thành, cả Ấn Độ đều kính trọng.

*

Buổi tối, ông bước vào tiền sảnh khách sạn. Giữa tiếng ồn ào của khách ra vào ông vẫn nghe tiếng đàn dương cầm vang lên phía xa xa, và ông lại cảm thấy niềm cô đơn cũ, nhưng sâu đậm hơn. Ông tiến vào phòng, nơi những người khách đủ mọi quốc tịch ngồi thành nhóm nhỏ để uống trà hoặc cốc-tay, và ông vượt qua những đám người đó, lại ngồi xuống chiếc ghế gần bên dương cầm. Vẫn là nàng đang dạo đàn. Nàng mỉm cười, ngược lên nhìn, và tiếp tục bản đàn. Ông ngồi nghe tiếng nhạc khoan thai và mạnh mẽ, từ tay nàng ào ạt bay lên. Nàng dạo nốt đoạn cuối cùng, và đưa mắt nhìn ông. Mời mọc chăng? Ông đứng dậy, tiến lại gần:

- Sáng mai, tôi đi sớm. Mong cô vui vẻ trong chuyến viếng thăm Ấn Độ. Cô từ đâu lại đây nhỉ?

- Tôi mới tới đây có mấy ngày...chưa biết sẽ ở bao lâu. Tôi không có dự tính rõ rệt.

Ông ngần ngừ. Khuôn mặt nàng tuyệt đẹp, ngược nhìn ông có vẻ trẻ hơn ông tưởng, nhưng lại có vẻ già dặn, dường như có nỗi buồn nội tâm. Lại có vẻ cô đơn nữa thì phải. Một người đàn bà rời xa đất nước, tới đây một mình để làm gì? Ông rất thắc mắc về nàng, vì đầu sao nàng vẫn là người xa lạ.

Đột nhiên ông hỏi: - “Tôi nay cô rảnh chứ?”

Nàng không tỏ vẻ ngạc nhiên chút nào: - “Vâng, tôi rảnh. Tôi luôn luôn rảnh rỗi, chẳng quen biết một người nào.”

- Tôi xin được chỉ dẫn cô thấy chút ít về Ấn Độ.

- Tôi rất thích.

- Cô không có bạn bè?

- Không.

- Tôi ngạc nhiên đấy.

- Tôi chẳng biết nói sao. Thật tình, tôi chỉ đi du lịch, thế thôi.

Nàng ngồi xuống, tay đặt lên phím đàn, ngược mắt về phía ông, một khuôn mặt chân thành, với một nét đẹp. Ông tự hỏi tại sao mình lại bắt chuyện với nàng. Có lẽ vì buồn rầu trước cái chết của Jai, cần tìm một người chuyện trò cho vui nỗi lòng. Ông không quen buồn rầu, đau khổ, và không biết giải quyết cách nào. Cũng có thể ông muốn tránh phải diện kiến

bà Moti trước thảm kịch mới xảy ra. Quả thật, ông không hiểu nổi hành động của mình. Ông lên tiếng:

- Tôi sẽ gặp cô ở đây, lúc tám giờ, được không? Chúng ta sẽ cùng ăn tối.

- Tôi sẽ có mặt tại đây... trên chiếc ngai vàng này. Ngồi thoải mái lắm, nhưng chắc chắn xưa kia đã có người ngồi rồi.

Nàng nhìn ông, cặp mắt long lanh, vẻ riêu cợt.

Ông cười ròn: - “Bây giờ, đến lượt cô ngồi.”

- Đúng vậy.

Cô có nụ cười dễ thương, thông minh và vui vẻ, khiến nét mặt nàng rất trẻ trung. Nàng lại tiếp tục chơi đàn, dường như đã quên hẳn ông. Ông bỏ đi, tiếng đàn còn theo đuổi.

Tối hôm đó, ông đợi nàng ở tiền sảnh, có chút hồi hận đã ngỏ lời mời nàng. Ông không quen biết phụ nữ Tây phương, trừ một số bạn bè đi lại, đã lâu lắm rồi, hồi ông còn học Oxford. Người đàn bà này không giống như thế. Ông nghe nói đàn bà Hoa Kỳ rất tự do, chẳng yêu đương dễ dàng, nhưng ông cho rằng đàn bà chỗ nào trên thế giới cũng giống nhau thôi. Có người dễ, có người khó, mà cô nàng lại thuộc loại khó khăn. Ông nóng ruột nhìn đồng hồ trong tay. Buổi tối chẳng kéo dài, sáng sớm mai ông đã lên đường về với bà Moti rồi.

Cuối cùng, ông thấy nàng ra khỏi thang máy, tiến lại chiếc ngai vàng, thật duyên dáng, chẳng hấp tấp. Nàng mặc chiếc áo dài tới gót chân, cổ rất thấp, và tay áo rất dài. Nàng đeo bông tai nạm ngọc bích, và một viên ngọc bích rất lớn nằm ở bàn tay trái. Ông nhận thấy nàng không đeo nhẫn cưới. Tất cả những chi tiết đó ông nhận ra trong vài giây.

Ông tiến lại, và nàng lên tiếng: - “Tôi không tới trễ chứ?”

Lần đầu tiên, ông nhận định rõ giọng nàng: êm dịu và nhiều nữ tính.

- Không. Tại tôi tới sớm thôi. Tha lỗi nhé, có đúng cô là người Hoa Kỳ không?

Nàng cười ròn: - “Đúng, quả đúng vậy! Sao? Ông không ưa người Hoa Kỳ chúng tôi?”

- Tôi chưa được biết cô. Thật tình, cô là người Hoa Kỳ thứ hai mà tôi được tiếp chuyện. Người kia là một chàng trai trẻ nhanh nhẹn, có mái tóc đỏ, đang trông coi việc biến một tòa lâu đài của tôi thành khách sạn tân tiến.

- Vậy thì, chúng ta phải tự giới thiệu chứ?

Hai người bước vào phòng ăn.

- Tất nhiên. Nhưng trước hết, tôi xin lỗi đã không dẫn cô đi ăn tối ở chỗ khác. Tại đây, thức ăn không phải lúc nào cũng ngon, nhưng lại có điều hòa không khí.

- Ở đây mát lạnh. Mà điều đó quan trọng hơn thức ăn.

Hai người bước vào, và được hướng dẫn tới bàn ăn ông Jagat đã đặt trước. Một bông hồng trắng cắm trong bình bạc đặt trước mặt nàng. Ông Jagat nói:

- Dành cho cô đây. Tôi đã dặn họ đừng trưng bông cúc vàng thường ngày.

Nàng mỉm cười với bông hồng: - “Cảm ơn ông.”

Ông lại nói tiếp: - “Và tôi mạn phép gọi cho cô vài món ăn Ấn Độ. Có lẽ không phải những món ngon nhất, nhưng lạ miệng. Tôi không muốn giới

thiệt với cô món thịt bò, dai nhách. Còn món ăn kê bằng món sườn cừu Ấn Độ chỉ là láo khoét. Thật ra đó là thịt dê.”

- Mấy con dê xinh xắn, nhỏ bé ấy ư? Tôi thường thấy chúng tung tăng trên đường, chẳng nỡ ăn thịt đâu. Tôi chưa từng ăn món ăn Ấn Độ. Bây giờ được bắt đầu thưởng thức bên cạnh ông, một người Ấn Độ lịch sự, thật hay biết mấy!

- Cô chưa từng ở Ấn trước đây?

- Chưa.

- Vậy xin tự giới thiệu nhé?

- Vâng.

- Xin miễn kể dài dòng về tước hiệu. Cha tôi là người cai trị một tỉnh miền Tây Bắc Ấn Độ. Nếu lịch sử diễn biến bình thường - lịch sử rất cổ xưa - thì tôi nối ngôi người ấy. Nhưng ở thời hiện đại, không có các tiểu vương quốc nữa, nên tên tôi chỉ giản dị là Jagat thoi.

Nàng không hỏi xem nên gọi ông thế nào, và ông cũng không báo cho biết. Nếu chỉ là bạn bè một tối nay, nàng cũng chẳng cần phải lựa tên gọi. Chừng nào gặp lại nhau - rất có thể gặp nhau hoài - khi đó nàng sẽ chọn cách xưng hô nàng ưa thích.

Ông hỏi lại: - “Cô cho biết quý danh chứ?”

- Brooke Westley.

Ông nhắc lại: - “Brooke! Tôi chưa từng nghe tên gọi như thế đây. Thưa cô..., phải cô không nhĩ?”

Nàng ngân ngữ giây lát: - “Đúng...”

Hai người đều thấy ngưng nghịu khó nói. Ông muốn hỏi thêm nhiều điều, nhưng cảm thấy nàng giữ ý. Trong khoảnh khắc ngập ngừng đó, thức ăn được đem tới, ông để tâm giải thích món ăn.

- Hôm nay tôi không kêu loại bánh mì thông thường. Vì theo ý tôi, thứ bánh đó ta ăn nặng bụng lắm.Ồ đúng rồi, đây là loại bánh mì đặc biệt của Ấn Độ, giống như bánh mì nướng của Anh, nhưng xốp hơn, và ăn theo kiểu Ấn, người ta xé ra từng mảnh nhỏ, nhúng vào ca-ri. Người nào không quen có thể không ưa, nhưng quả thật ngon lắm. Và đây là cơm, nhưng nấu với nghệ nên có màu vàng, cũng để ăn với ca-ri. Cô cứ ném thử xem sao. Nào, xúc ra chén đi.

Người hầu quán khăn trắng tiến lại, mức thức ăn cho nàng riêng ông Jagat tự làm lấy, thỉnh thoảng còn gấp thêm vào đĩa của nàng.

Nàng có vẻ thích thú nghe ông giải thích món ăn Ấn Độ, và bắt đầu ăn. Ông chăm chú nhìn nàng, thấy nàng tuyệt đẹp.

Nàng ném thức ăn, lên tiếng: - “Tôi rất thích món ăn này.”

Ông rất hứng chí: - “Tốt lắm. Cô nói vậy, tôi ăn càng thêm ngon miệng.”

Quả thật ông đang đói. Hai người yên lặng ngồi ăn một lúc, rồi nàng đặt chiếc nĩa xuống:

- Thôi, tôi không ăn nổi nữa.

- Cô thích món tráng miệng chẳng? Ông Osgood, người bạn cùng tôi dự tính mở khách sạn, thường bảo tôi không bao giờ nên đãi ông ta món tráng miệng của người Ấn. Đó là món hạnh nhân ngào đường và sữa.

Nàng đáp: - “Tôi thường ưa thích những điều người khác không ưa. Chẳng phải là bản tính ưu chống đối, mà chỉ là tôi ưa thích những điều mới mẻ: thức ăn chưa từng được nếm qua, hoặc những người chưa từng quen biết.”

Ông nói giọng đắc thắng: - “Thì ra là vậy!”

Ông suy nghĩ xem sau bữa ăn tối nên đề nghị điều gì. Khiêu vũ thì không được rồi, vì con trai mới mất, ông chẳng lòng dạ nào vui thú chuyện đó. Nhưng ông rất muốn được ở bên nàng. Vì dầu sao thì nhan sắc thùỵ mị của nàng cũng khiến ông vui bót phiền muộn.

- Cô tha lỗi, tôi muốn mời cô dạo chơi sau bữa ăn tối, được không?

Nàng mỉm cười đáp: - “Nếu ông thích.”

- Cô đã đi xem ngôi đền Tam Mahal bao giờ chưa? Xem lúc đêm trăng đó?

Nàng cười ròn: - “Chưa! Có thể nói tôi là người Hoa Kỳ duy nhất tới Ấn mà chưa đi xem ngôi đền đó. Mấy hướng dẫn viên và tài xế taxi ai cũng mời tôi, mà tôi đều từ chối.”

- A, vậy thì ta đi xem thứ khác vậy.

- Không, chẳng cần thứ khác! Chỉ vì tôi muốn đợi đúng lúc, và đúng người mời tôi đi đấy thôi. Nay lại có đủ hai điều đó, còn từ chối gì nữa? Và lại, để lỡ dịp này, tôi sẽ phải đi một mình, và rồi tôi sẽ không bao giờ đi xem đâu.

Hai người nhìn nhau, yên lặng và thăm dò. Và ông Jagat lên tiếng biện bác:

- Cô biết đo, người ta đã khen ngợi quá đáng. Chẳng phải vì vẻ đẹp của ngôi đền đó, mà vì... chuyện tình lãng mạn. Bà vợ ông đại-vương cho ông mười bốn đứa con, và đã mất đi vào lần sinh nở cuối cùng. Tôi lại cho rằng chuyện đó chẳng có gì là lãng mạn.

Nàng đáp: - “Tôi muốn đi xem chỉ vì vẻ đẹp của ngôi đền thôi. Có lẽ chẳng ai cần tới chuyện lãng mạn ở lần gặp gỡ đầu tiên. Có lẽ tình yêu... hoặc lòng hối hận... hoặc một điều gì khác, cũng khác mạnh mẽ để làm rung động tâm hồn người đàn ông hay người đàn bà. Ái tình chẳng phải động lực duy nhất.”

Ông lắng nghe lời nàng, cố suy đoán ý nghĩa. Những lời đó hàm chứa điều gì xa xôi chẳng?

Ông lên tiếng: - “Ta đi thôi.”

Ông nhờ người hầu kêu dùm một chiếc taxi, và thầm mừng mình không đem theo xe hơi và tài xế riêng. Anh ta sẽ suy nghĩ ra sao? Có thể mọi người sẽ đồn đại tùm lum, đến tai bà Moti : tài xế kể cho đầu bếp, đầu bếp kể cho hầu gái, rồi tới bảo mẫu của bà Moti. Om xòm vì một chuyện chẳng đi đến đâu. Có lẽ hai người sẽ không còn dịp gặp lại nhau.

Ông nói: - “Tôi đã cho cô biết tôi là ai, còn cô chẳng cho tôi biết thêm gì, ngoài tên gọi của cô.”

Hai người đã rời thành phố, tiến vào xa lộ dẫn tới Agra. Hình như nàng không nghe những lời ông nói, lên tiếng hỏi:

- Những đốm đen trên cây là cái gì vậy?

- Đốm đen hả? A, đó là mấy con chim ưng, rình rập đợi có con chó nào đó bị xe cán chết trên đường chẳng. Chúng sẽ nhào xuống, thanh toán liền. Quả thật chúng đang mong đợi tai biến cho thú vật.

Nàng kêu lên: - “Các ông chịu đựng nỗi loài ác điều ấy hay sao?”

- Chúng là những kẻ hốt rác tài giỏi lắm đây!

Nàng không phê bình tiếng nào, suy ngẫm những lời ông nói, không có vẻ chê bai. Cảnh sắc Ấn Độ chỉ là một hình thái khác về đời sống.

Ông hỏi lại: - “VẬY, cô là thế nào?”

Nàng trầm ngâm, dường như ông hiểu ông muốn hỏi gì, mãi sau mới đáp:

- Cứ xem tôi chẳng điều gì đặc biệt cả. Tôi sinh ra tại một thành phố cổ, và yên tĩnh ở bờ biển miền Đông Hoa Kỳ. Ba má tôi rất giàu có, tôi lại là con một, và mô côi từ hồi con nhỏ, biết rất ít về ba má tôi. Ông bà để lại cho tôi sản nghiệp rất lớn, nhưng không để lại cho tôi hứng thú lao động, tôi đã theo đuổi âm nhạc, và rồi say mê. Ngoài âm nhạc ra, tôi chẳng còn dây liên lạc nào với cuộc sống.

- Cô chưa lấy chồng lần nào?

- Không.

- Tại sao?

- Vì tôi chưa gặp người đàn ông vừa ý.

Ông hỏi lại: - “Cô có vẻ phóng khoáng quá nhỉ?”

Nàng nhìn ông thật nhanh, rồi quay đi: - “Có lẽ đó là lý tưởng của tôi.”

Ông muốn hỏi nàng đã từng yêu thương chẳng, nhưng ông không có quyền hỏi như vậy - lúc mới quen biết này, và có lẽ cũng chẳng bao giờ. Với một người phụ nữ Ấn, một người phụ nữ tân tiến, có lẽ ông chẳng ngân

ngại gì đâu. Dục tính là điều bột phát ở Ân, giữa một người đàn ông và một người đàn bà, chẳng cần phải nhiều lời. Nhưng đây là một con người quá xinh đẹp, ngồi bên ông mà cách xa vời vợi. Tuy nhiên, ông chẳng tin nàng là con người lạnh lùng. Cặp môi mấp máy thế kia, cặp mắt nồng nàn như vậy, cho tới giọng nói du dương, bàn tay mềm mại, và thân hình tròn lẳn, tất cả đều khơi gợi nam tính mạnh mẽ của ông. Nhưng quả thật chưa thể được, lúc này chưa được!

Chiếc xe ngừng lại, nàng lên tiếng hỏi: - “Tới rồi ư?”

- Đúng. Đây là lối vào. Đề nghị cô dừng chân một lát, thưởng thức hết vẻ đẹp của cảnh vật.

Ông trả tiền xe, và dẫn nàng qua lối đi dài hun hút, dẫn tới lảng tảm. Không phải chỉ có hai người với nhau, mà có rất nhiều người qua lại: đàn bà mặc áo dài màu sáng, đàn ông bận đồ trắng, và trẻ con luẩn quẩn bên cạnh. Một hồ nước, lấp lánh dưới ánh trăng, trải dài giữa hai lối đi lót đá hoa. Xa xa, ở đâu bên kia, một tòa nhà bằng đá đứng sừng sững.

Ông quay lại, định nói chuyện với nàng, nhưng nhận ra không thể mở miệng. Nàng đang đứng bất động, đầu ngừng cao, hai tay buông xuôi, gió đem thổi phát phơ mái tóc. Đôi mắt nàng sáng long lanh dưới ánh trăng và đôi môi mấp máy. Nàng lên tiếng, tưởng như không có ông ở bên cạnh:

- Lần đầu tiên tôi mới được thấy cảnh đẹp thế này, đẹp không tưởng tượng nổi!

Ông nói khe khẽ: - “Rất mừng cô đã tìm được cảnh đẹp trong mơ, tại xứ Ân Độ này.”

Sau đó, ông nói rất ít, mãi lo hướng dẫn nàng đi thăm nơi chốn quá quen thuộc đối với ông, kể cho nàng nghe về châu báu gắn trên đá hoa, mà hồi xa xưa những người lính Anh xâm lăng đã từng đục đá gỡ ra và đem bán,

chính quyền Anh đã phải xuống lệnh ngăn cấm và sai gắn trả lại vào chỗ cũ những viên ngọc kém giá trị hơn. Nàng lắng nghe, trang trọng và yên lặng, thỉnh thoảng ngừng chân, đưa đầu ngón tay sờ vào những mẫu trạm trổ trên đá, thưởng thức tất cả vẻ đẹp. Hai người song song bước xuống hầm mộ, nơi đặt thi hài của bà vợ và ông chồng. Ông Jagat kể với nàng:

- Vị đại-vương cũng mơ ước xây riêng cho mình một ngôi mộ bằng đá hoa, và phải xây bằng đá đen. Nhưng những đứa con tham lam của ông đã ngăn cấm điều đó. Chúng hạ bệ ông, bắt cầm tù. Ông già rồi, đành chịu thua thôi.

Nàng nói: - “Không có con trai lại hay hơn.”

Ông choáng váng nhận định sự thật chua cay đó. Làm sao nàng biết được ông vừa mất người con trai duy nhất? Thật tình, nàng không hề biết, chỉ buột miệng nói ra thôi. Và ông cũng không trả lời.

Nhưng lúc về khách sạn, ông dẫn nàng về phòng khách, lúc này đã vắng vẻ, và ông mời nàng ngồi. Nàng tuân lời, ngả người ra ghế, như thể mệt mỏi. Nhưng nàng không mệt, chỉ chuẩn bị nghe ông nói thôi. Ông kéo ghế lại gần, nhìn thẳng vào mặt nàng. Chỉ có hai người với nhau tại căn phòng rộng lớn, khách khứa đã rút lui, mấy người hầu thiu thiu ngủ tại chỗ của họ. Ông Jagat lên tiếng:

- Tôi với cô là hai kẻ xa lạ. Chúng ta ở những miền đất xa xôi trên thế giới, và có lẽ thuộc thời đại khác nhau nữa. Đời sống của chúng tôi ở Ấn Độ đây hầu như vẫn thuộc thời trung cổ. Tuy nhiên, ngay lúc này đây tôi tưởng chừng như đã được quen biết cô từ trước rồi. Hãy nói tôi biết (ông ngả mình về phía sau, tại sao cô lại nói không có con trai là điều tốt hơn? Đó là ý tưởng lạ lùng, ở Ấn Độ chẳng ai nói, chẳng ai tin, có lẽ trừ tôi ra, vào giây phút đặc biệt này. Tôi đang đau khổ vô cùng, vì mới mất đứa con trai độc nhất. Nó bị giết chết ở Ladakh, mới mười hôm trước, chết về tay

người Trung Quốc. Tôi sẽ không có được đứa con trai nào khác. Cô vẫn cho rằng không có con trai là điều tốt chứ?”

Nàng yên lặng tiếp nhận, với nỗi cảm thông của một người ở bên kia hành tinh. Một lúc lâu nàng mới trả lời, bàn tay nhỏ nhắn và trắng muốt vỗ lên tay ghé trạm khắc: - “Thiết tưởng ông không có con trai là hay hơn. Bây giờ, ông nên hoàn thiện cuộc sống riêng của ông, theo cách riêng của ông. Ông phải tự mình hoàn thiện, vì không có ai làm thay ông nữa. Khi hai người có con với nhau, họ thường xa nhau, vì đặt hết niềm hy vọng vào đứa con, nói rằng có con là có người thay thế. Họ biện minh rằng nếu ta không làm hết bổn phận mình đối với thế hệ, thì con ta lớn lên sẽ làm thay cho ta. Ở nước tôi, người ta thường nói rằng trẻ em là hy vọng của tương lai. Theo tôi, đó là điều mơ hồ, và vô nghĩa nữa. Chúng không thể làm hơn chúng ta được. Nếu còn sống, con trai ông cũng không đóng góp cho thế hệ của anh ta tốt hơn ông đã làm cho thế hệ của ông... và ông vẫn còn làm được, vì ông vẫn còn trẻ trung.”

Ông đáp: - “Tôi đã ở tuổi trung niên rồi.”

Nàng đáp khẽ: - “Vậy thì ông không mong muốn có thêm con khác.”

Ông nhìn nàng, vẻ ngờ vực hoang mang. Nàng nói đúng chăng? Nàng không hề lúng túng trước ánh mắt đen của ông nhìn như xoáy vào mắt nàng, mà lặng lẽ nhìn lại, không nói một lời.

Ông hỏi: - “Vì vậy mà cô không lấy chồng?”

- Tôi đã nói rồi, tôi chưa gặp người đàn ông vừa ý.

- Nếu có, cô lấy người đó chứ?

- Đúng, nếu chàng cũng mong muốn vậy.

- Nếu không thì sao?

- Tôi sẽ thu xếp cuộc đời, để được gần bên chàng.. mãi mãi.

Ông ghi nhận lời đó, chôn vào ký ức, để nghĩ tới hoài hoài.

Và ông đứng dậy:

- Ngày mai, tôi đi sớm. Vậy chúc ngủ ngon, cũng có thể là vĩnh biệt... trừ khi cô cảm thấy ưu thích tới thăm Amarpur. Có thể cô sẽ là người khách đầu tiên tại khách sạn Lâu Đài Giữa Hồ của tôi. Cô chấp nhận lời mời đó chứ!

- Có thể.

- Tôi đưa cô về phòng, được không?

Nàng ngần ngừ: - “Tôi muốn ở lại chỗ này. Chẳng hiểu nếu tôi chơi dương cầm có làm rộn tới khách trọ không?”

- Tôi tin chắc là không.

- Vậy thì, chúc ngủ ngon.

Nàng không đứng dậy, chỉ đưa tay ra, và ông nắm lấy, cảm thấy bàn tay lạnh toát và cương nghị, trong lòng bàn tay nóng bỏng của ông. Ông từ biệt, và lúc quay nhìn lại thì thấy nàng đã sẵn sàng chơi đàn, không quay đầu lại. Nàng đã quên ông rồi chăng? Ông cứ thắc mắc hoài, và chợt nhớ ra: nàng chúc ngủ ngon, chứ không từ biệt.

*

Ông Jagat gọi: - “Moti!”

Bà đang ở phòng riêng, nằm trên chiếc ghế dài, đưa cặp mắt thần thò quay nhìn ông.

- Sao anh về trễ thế?

- Anh phải ở lại New Delhi để báo cáo với Thủ tướng và Tổng thống những điều anh được biết ở vùng biên giới.

Bà bảo mẫu của vương-hậu theo ông vào phòng, lên tiếng:

- Bà chủ chẳng ăn uống gì, ngoài chút sữa đặc và ít trái cây.

Bà Moti nói giọng nóng nảy: - “Bà đi ra. Để chúng tôi yên! Tôi ăn uống ra sao thì kệ tôi!”

Bà bảo mẫu kinh hãi trước thái độ nóng nảy của bà chủ, vốn tính hiền dịu, vội lĩnh ra cửa.

Bà Moti lại hỏi: - “Ông khám phá được điều gì?”

Ông ngồi xuống căn phòng của bà thông thường thơm ngát mùi hoa, bây giờ tẻ ngắt. Tất cả những cát ra hoa đều chuyển đi chỗ khác, từ những cây cam và chanh, những cây hồng từ những vườn hoa ở Delhi đem về, cho tới những loài hoa không hương ở sa mạc địa phương. Các bình hoa đều trống rỗng, vài bụi bám trên sàn nhà, cùng đồ đạc. Quả thật những ngày này gió miền núi thổi cát mịn bay tứ tung, nhưng bà Moti rất khó tính, thường bắt hầu gái dọn dẹp luôn tay. Bây giờ, thấy chồng đưa mắt nhìn quanh tỏ vẻ thắc mắc, bà ngỏ ý cho biết:

- Em không chịu nổi mấy bà người làm ngu xuẩn tới lượt quanh trước mắt.

Ông Jagat bảo: - “Em đang tự sát. Em cứ rầu rĩ tới ngày là muốn tự sát đó. Anh buộc em phải sống.”

Đôi mắt bà nhìn đăm đăm vào cõi xa vắng tối tăm. Ông đi có mấy ngày mà bà đã xuống kí trông thấy, bây giờ thân hình bà co rút trong tấm áo dài trắng, dường như chỉ còn là bộ xương, phủ bên ngoài là lớp da thịt mỏng dính.

Bà bực dọc hỏi lại ông: - “Làm sao em ăn uống cho nổi?” Và nóng nảy thúc giục, trái với thói quen xưa nay: - “Hãy nói cho em biết chuyện gì đã xảy ra với con.”

Ông thờ dãi: - “Làm sao anh biết được? Nó chết cùng với nhiều người, hàng trăm người. Chúng tấn công từ phía sau...”

Ông ngập ngừng kể lại, gọi nhớ từng chút một, kiểm điểm những điều mình biết. Tới chỗ nói về vũ khí cổ lỗ, và quần áo mỏng dính giữa lúc trời lạnh giá, bà không thể bình thản ngồi nghe nữa. Bà đứng dậy, đi tới đi lui trong phòng, lúc đứng ở cửa ra vào, lúc qua tít cuối phòng, tới chỗ cửa sổ trông ra hồ. Niềm khoan khoái đã thúc đẩy bà, và ông ngạc nhiên thấy bà lảng xãng như vậy, vì xưa nay bà đã từng quen trầm lặng cả mấy tiếng đồng hồ.

Bà kêu khóc: - “Lúc ở Delhi ông có phản kháng không? Ông có báo cho chúng biết rằng chính chúng đã sát hại con trai chúng ta không?”

- Báo cáo gửi về như bươm bươm rồi, Moti ạ. Anh chẳng cần phải nhắc lại nữa. Thủ tướng cho biết chúng ta đã xin được viện trợ của Hoa Kỳ và Anh Quốc... Họ hứa gửi tới vũ khí tối tân nhất, đầy đủ để chúng ta bảo vệ đất nước.

- Có vậy chăng nữa, thì thằng bé cũng chết rồi...

- Moti, em chỉ nghĩ đến mình. Con trai chúng ta chẳng phải là kẻ duy nhất...

Từ cuối phòng, bà quay nhìn lại ông:

- Em chỉ biết có nó thôi! Nhưng, anh đâu hiểu nổi một người đàn bà? Chẳng bao giờ anh hiểu em! Em sống ở đây bao nhiêu năm mà anh chẳng hiểu em tí nào. Em còn trông mong gì ở anh được nữa? Báo cáo với chẳng báo cáo! Có tờ báo cáo nào nói tới chữ “SÁT NHÂN” không? Lỗi tại ai đến nỗi Jai có trong tay thứ vũ khí cở lổ chẳng đủ bảo vệ sinh mạng nó? Nó kiếm đâu ra quần áo ấm để tránh rét mướt? Nó sợ lạnh lắm mà... Em chẳng quen hồi còn nhỏ nó ghét tuyết ra sao. Có lẽ nó đã chết vì sốt đấy! Em không tha thứ cho anh đâu. Hãy trở lại Delhi, nói cho chúng biết là Jai, con trai của Ông Hoàng Jagat, đã bị chúng sát hại.

- Moti, họ sẽ bảo anh là thằng điên.

- Kệ chúng! Họ gọi anh ra sao đã quan trọng gì đâu?

- Moti, nghe anh nói. Người Trung Quốc đã tuyên bố sẽ rút lui, khi...

- Ôi, đừng nói đến người Trung Quốc! Chúng rút lui có trả lại con trai cho chúng ta không?

Hết nước nói rồi! Mắt nhìn thẳng vào sàn đá hoa, ông ngồi im nghe bà lên án, bà thôn thức vì giận dữ và đau khổ. Rồi ông không chịu nổi nữa, đứng dậy, tiến thẳng lại chỗ bà đang đứng dựa cột. Ông ôm ngang lưng, nhắc bổng bà lên, đem về tận giường, đặt nằm xuống gối. Ông cảm thấy bà nhẹ như bấc, và éo lá quá. Bà lăn ra giường, nhắm mắt lại, chỉ còn thút thít nho nhỏ. Ông lên tiếng gọi người hầu gái, và bà này từ bóng tối tiến ra.

Ông dặn: - “Dỗ bà nhé. Bút tóc và chà sát thái dương. Chùng nào bà trấn tĩnh, hãy mang lại cho bà một ly sữa.”

Ông về phòng, nghĩ đến tổn thất riêng của mình. Mấy ngày qua ông đã bận rộn chuyện đi xa, tiếp kiến các nhà lãnh đạo, và gặp mặt cô gái Mỹ. Bây giờ ông rất cô đơn. Ngồi trong tòa lâu đài của tiền nhân, nơi ông và con

trai sinh ra, vậy mà ông cảm thấy hoàn toàn cô đơn. Lịch sử của dòng họ, đòi hỏi truyền tử lưu tôn, đã diễn ra giữa những bức tường này, bây giờ đột ngột chấm dứt. Ông là người cuối cùng của dòng họ. Mai sau, ai sẽ trú ngụ tại những phòng này? Hình như các cụ tổ đang từ những bức tường ngó nhìn ông, trách ông không người nối dõi.

Đối với ông, điều đó đã xảy ra đúng vào lúc Jai lăn ra chết.

*

Đang đêm, trời tối mịt. Ông Jagat trần trọc trên giường, lăn qua lăn lại, chợt nghe có tiếng kẹt cửa. Ông vẫn nằm yên nghe ngóng. Cửa bật ra, bản lề kêu ken két, đóng nhẹ lại ngay. Ông nghĩ đến trộm cướp hoặc kẻ mưu sát. Chính tại phòng này, ngày xưa đã có một tiểu vương, tổ tiên của ông, bị người lạ mặt giết chết. Người ta không tìm ra thủ phạm, nhưng nghe đâu là chồng của một thiếu phụ xinh đẹp bị ông hoàng chiếm đoạt, đưa về lâu đài. Chuyện xảy ra lâu lắm rồi, nhưng ông Jagat cũng chẳng bao giờ phạm tội tà đình như thế.

Nếu sợ, ông đã hô hoán, nhưng ông Jagat không sợ, chỉ tò mò thôi. Kẻ nào lén lút vô đây, âm thầm như thế, đang tiến bước trên sàn đá hoa như thế nhỉ? Trong chỗ tối mù mịt, ông nhận ra, một bóng người.

- Người muốn gì?

Ông nói giọng bình thản, không lớn không nhỏ, quẹt một que diêm, thấp ngọn đèn cầy bên giường, và ngó nhìn bóng tối, thì thấy bà Moti tiến lại, vạt áo dài vén lên vai, và nắm chặt ở tay.

Ông kêu lên: - “Moti, em bệnh hay sao?”

Bà không đáp, tiến lại gần giường, quỳ gối. Qua ánh đèn cầy, ông thấy nét mặt bà có vẻ cầu khẩn.

- Chuyện gì vậy, Moti em?

Ông thấy cặp mắt bà long lanh, lưỡi thè ra một chút, ướt át đôi môi.

- Jagat anh!

- Hả? Em có điều sợ hãi?

- Không... Mà có, ... sợ anh.

- Sợ anh?

- Đúng. Sợ anh ruồng bỏ.

- Nhưng em muốn anh điều gì nào?

- Jagat, anh còn trẻ trung mà.

Ông nhìn vào cặp mắt bà, sâu hoắm trên khuôn mặt xanh xao:

- Moti à...

Ông chợt hiểu vì sao bà tới đây, không nói nên lời. Bao nhiêu năm chồng vợ, có bao giờ bà Moti tìm tới giường ông đâu? Luôn luôn là ông vào giường bà, chứ đời nào có chuyện ngược ngạo này? Ông chấp nhận điều đó, coi là thái độ người đàn bà đàn hoàng. Bây giờ, trâu lại tìm cọc? Ông cảm thấy bối rối lạ kỳ, thẹn thùng nữa, tưởng như bà chẳng phải vợ ông. Chẳng còn là nàng Moti, cô gái ngày xưa đã tuân phục ông, chấp nhận về làm vợ, làm má bầy trẻ.

Ông nhắc lại: - “Moti à...”

- Hãy cho em một đứa con trai khác, anh Jagat!

- Moti à, anh...

- Có vậy, em mới làm trọn bốn phận! Đàn bà không thể sống... thiếu bốn phận, chết nằm chẳng nhắm mắt. Jai sẽ tái sinh qua thân xác đưa em trai nó. Gia đình ta mới có người nối dõi. Chẳng vậy, làm sao em sống nổi?

Có một lúc, ông say mê, thích thú vì bà đã tìm tới. Ông có thể bồng bà lên giường, yêu đương nồng nàn. Được người tìm tới, thương yêu, sẵn sàng đáp ứng, quả là điều mới mẻ và êm dịu. Từ lâu rồi, bà vẫn sẵn lòng đáp ứng đòi hỏi thể xác của ông đấy, nhưng ông muốn đòi hỏi nhiều hơn nữa kia, mà chẳng được bà ban cho. Ông cũng chưa hề tìm thấy được điều đó với một người đàn bà khác, vì tình dầm thắm, êm dịu làm gì có ở một người đàn bà xa lạ?

Bà vẫn quỳ bên giường, nhưng ông không thể nâng dậy. Trước thái độ năn nỉ của bà, chẳng hiểu sao ông lại cảm thấy từ tâm hồn đến thể xác của ông đều lên tiếng chối từ, một lời từ chối không cắt nghĩa nổi.

- Moti à, anh...

- Yêu em đi mà, anh Jagat.

- Anh không thể.

Lời ông chỉ như tiếng thì thầm, nhưng bà nghe rõ. Qua ánh nến chập chờn, ông thấy bà đứng dậy, đứng yên cạnh giường, cặp mắt đen láy nhìn xuống?

- Anh không thể!

Ông nghe như một câu chấp vắn, chẳng phải một lời than vãn: - “Không thể!”

- Vậy mà anh lại có thể với một người đàn bà khác. Ô đúng rồi... (Bà cúi xuống bên ông, chống tay lên mép giường) anh đã làm như vậy. Những lúc buồn, đàn ông đều làm như thế: chạy tới một người đàn bà để giải buồn. Các ông đâu có thể buồn lâu? Nhất là ông đó, Jagat! Ông chỉ lợi dụng tôi, cho mục đích riêng của ông thôi. Ông tưởng tôi xuống nước năn nỉ ông thế này, không khổ tâm cho tôi hay sao? Tôi xấu hổ lắm. Tôi tự khinh bỉ đấy, ông ạ. Nhưng vì Jai, tôi mới phải... Vì không còn con trai, mới nên nổi.

Ông nắm tay trái bà, kéo bà xuống.

- Ngồi bên anh đây, Moti. Nghe anh nói! Anh không chung đụng với một người đàn bà nào. Từ mặt trận, anh về thẳng đây, chỉ ghé lại Delhi có hai ngày ngắn ngủi thôi. Anh lòng dạ nào mà tìm tới đàn bà, hả Moti? Anh cũng chẳng còn trẻ trung gì, chẳng thấy... có nhu cầu... này nọ đâu.

Bà gục đầu trên hai bàn tay nắm trong tay ông, và ông cảm nhận mái tóc bà rũ xuống cánh tay ông, thật ấm áp.

- Moti, không phải vậy, không bao giờ như thế được...

Bà ngồi yên một lúc lâu, không nhúc nhích, và rồi lặng lẽ rời ông, cũng lặng lẽ như lúc đến, và bóng trắng của bà thoát biến.

Ông tắt nến, nằm một mình suy nghĩ. Tại sao ông lại từ chối? Cái chết đã thay đổi tâm lòng ông chẳng? Mấy ngày xúc động và buồn rầu đã lấy đi một phần sinh lực của ông chẳng? Lòng ông lúc này thật yên tĩnh, nhưng không nguội lạnh, và ông cảm thấy một sức sống mới, hầu như tách biệt với con người cũ của ông. Sức sống đó rào rạt đam mê, và ông không còn tùy thuộc vào tâm trí ông nữa, thiết tha đòi hỏi ông phải nhanh chóng đáp ứng một cô gái trẻ trung và xinh đẹp. Ông hiểu vì sao mà tiền nhân của ông phải giữ cho tòa lâu đài luôn luôn ồn ào vui vẻ. Yêu cầu đó xưa nay ông không thể chịu nổi. Ông không thể đem gái về phòng riêng. Chính bà Moti đã khiến được ông không chung đụng với đàn bà khác, sau hôn nhân, chỉ vì về

hiền dịu và thái độ phục tùng kiên nhẫn của bà. Bà luôn luôn chiều chuộng, nhưng không hề đáp ứng đầy đủ, khiến lòng ông luôn luôn thấp thỏm. Bà không thể đáp ứng, hay thấy ông có điều gì nhòm tòm? Lòng kiêu hãnh nam nhi của ông không thể chấp nhận giả thuyết sau cùng này, nên ông càng thêm thắc mắc. Hay tại lòng kiêu hãnh nam giới! Phải chăng vì vậy mà ông đã méch lòng, khi bà tới với ông, chỉ vì cầu mong một đứa con trai?

Suy nghĩ về bản thân, ông lại nghĩ tới bà Moti. Ông nhớ rằng bà thuộc gia đình quyền quý, được thừa hưởng một nền giáo dục rất tốt, đồng thời bà lại là con người đoan chính, chẳng che giấu vẻ nhòm tòm trước đòi hỏi thể xác. Ông thấy thái độ chán ghét đó lại có vẻ dễ thương và kích thích. Trình tiết của bà là một bằng chứng của tâm hồn cao quý. Vậy mà trước đây một tiếng đồng hồ, bà đã tìm đến ông, không đợi ông tìm tới. Ông cảm thấy nhân phẩm của bà hạ thấp. Bất nhã, bất nhã! Đột nhiên ông hiểu được thái độ từ chối của mình. Bà tới không phải vì yêu thương. Trái tim bà không vì ông, nếu quả thật bà có một trái tim. Bà tới đâu phải để kêu gọi ông: - “Ôi, anh Jagat, hãy thương yêu em!” Nhưng ông phải tự thú nhận rằng ông đã xét đoán đàn bà theo tiên kiến cổ xưa, và ông hiểu rằng đau khổ và thất vọng đã làm biến đổi bà Moti. Ông cứ nằm yên, lòng dạ thật thanh thản. Cái chết của con đã gây xáo trộn, chia rẽ tâm hồn hai người, nhưng tới mức độ nào thì ông không hiểu nổi, chỉ biết rằng đêm nay không thể ngủ được. Và bảy đêm liên tiếp ông cũng không ngủ yên giấc, dù rằng xưa nay ông vốn dễ ngủ, thường đánh một giấc say sưa đến sáng. Ban ngày, nhiều lúc ông cũng khắc khoải vì thương con.

Sáng ngày thứ tám, ông dậy sớm, tới tòa lâu đài giữa hồ để coi công việc ở đây tiến triển ra sao.

Osgood nói: - “Ông có một người khách đó!”

Ông ta trú ngụ tại tòa lâu đài giữa hồ, để trông nom việc thay đổi chỗ này. Ông Jagat ra khỏi thuyền máy tiến lên những bậc thềm đá hoa.

- Khách nào? Tại sao ông có thể để ông ta ở chỗ còn bừa bộn thế này?

Công nhân có mặt khắp nơi, mấy con chim thấy động, từ tổ của chúng ở các đầu hồi và chòm đèn ào ạt bay ra, và tiếng búa nện ầm ầm, tiếng người lao xao, đã phá bầu không khí yên tĩnh buổi ban chiều.

Osgood nói: - “Người đó là đàn bà.”

Jagat không tin nổi, nhắc lại: - “Đàn bà?”

- Cô ấy nói ông mời cô ấy tới mà!

- Tôi?

- Thì nghe cô ấy nói vậy thôi.

Jagat không tin nổi, nhắc lại: - “Đàn bà?”

- Cô ấy nói ông mời cô ấy tới mà!

- Tôi?

- Thì nghe cô ấy nói vậy thôi.

Jagat mỉm cười bẽn lẽn: - “Thì là cách nói...”

Ông hiểu người đàn bà đó là ai rồi. Tuần qua, ông đã nhiều lần nghĩ tới nàng. Một tuần lễ lạ lùng, vì ông và bà Moti ít khi nói với nhau. Mấy ngày liền trôi đi, lặng lẽ, bà Moti kín đáo hơn lúc nào hết. Tối hôm qua, cùng ngồi lặng lẽ ở bàn ăn, ông đã hỏi bà:

- Hay anh bảo Vecra về ở chung với em nhé?

Bà đáp: - “Tại sao chúng ta còn đem nỗi buồn san sẻ cho con? Cứ để nó ở trường với chúng bạn thì hay hơn.”

Nhìn khuôn mặt xanh xao của bà, ông cảm thấy bất nhẫn, thương bà đã tới với ông cách đây bảy đêm. Bảy đêm liền, ông không gần bà. Từ ngày cưới, chưa bao giờ ông trai tịnh lâu đến thế. Bây giờ ông chẳng còn đam mê.

Jagat hỏi Osgood: - “Người khách ở đâu?”

- Ở phòng nhỏ trông ra bãi đất trống, chỗ tôi thường sử dụng, nhưng nhường lại cho cô ấy từ ngày cô ấy tới đây. Đó là phòng duy nhất có buồng tắm. Không thể để cô ấy nhảy xuống hồ tắm tấp. Tôi vẫn thường làm vậy, vì tôi chẳng sợ gì cá sấu.

- Tôi đã nói với ông rồi, cá sấu vẫn còn ở mạn trên của hồ nước đó. Và tôi rất ngại chúng đớp ông... vì chúng khoái những người tóc đỏ.

Osgood cười vang.

Jagat lại hỏi: - “Cô ấy tới hồi nào?”

- Tới qua. Cô ấy đặt chân lên, thản nhiên như không. Tôi thấy thuyền máy vượt qua hồ dưới ánh trăng, cứ tưởng là ông. Rồi tôi thấy một cô gái bước ra, anh thủy thủ mang dùm hành lí. Tất nhiên tôi xuống đón liền. Cô ấy tên là Cô...

Đời nào ông quên nổi nàng, nhưng cũng giả bộ: - “A đúng, tôi nhớ ra rồi. Cô Westley! Cũng người Hoa Kỳ đó. Tôi gặp cô ở khách sạn Ashoka.”

- Lẽ ra ông phải báo trước cho tôi biết chứ.

- Tôi không nghĩ cô ấy để tâm tới tôi.

- Cũng may tôi thu xếp được căn phòng đằng hoàng, có chỗ tắm rửa. Cô ấy ở bao lâu nhỉ?

- Làm sao tôi trả lời được. Đã gặp cô ấy đâu?

Hai người đứng nói chuyện giữa đám người đang làm việc, bụi bay mù mịt. Osgood lại lên tiếng:

- Cô ấy thức dậy rồi. Tôi đem điếm tâm lên tận phòng cho cô ấy. Đặc biệt lắm đó. Tôi ở đây chỉ vì một người thôi. Tôi đã đem theo người đầu bếp riêng của tôi ở Delhi. Phải làm gì bây giờ?

- Nói anh ấy hầu hạ cô cho tốt. Cô là đồng bào của ông, chứ đâu phải của tôi đâu?

Osgood phản đối: - “Đúng. Nhưng tôi không rảnh. Tôi còn một công việc khác ở Bombay, dự tính vào tháng tới, mà công việc ở đây cũng phải cho chu toàn. Thỉnh thoảng lại phải đáp máy bay về Hoa Kỳ, vì ở Ấn Độ đây có nhiều thứ không kiếm ra nổi.

Ông Jagat nói: - “Cứ bay đi, ông bạn. Tôi sẽ có mặt tại đây.”

Ông tự kiềm chế ham muốn của mình, để đừng bước vội, và quả thật ông mong nàng đừng tới thì hơn. Những ngày tang lễ theo nghi thức đã qua rồi, ông muốn lao vào công việc thiết lập khách sạn, và quản trị chút đất đai còn giữ được. Mà còn đất đai, thì còn làng mạc. Ngay sáng nay, ông đã dậy sớm, cưỡi ngựa về thăm làng, ở đó ông còn giữ được một căn nhà nhỏ dùng làm văn phòng. Ông muốn tới thăm các vị chức sắc trong làng, kể sơ qua cho họ biết cái chết của con trai ông. Lạ lùng thay, ông cảm thấy dường như không phải ông, mà là Jai đang cưỡi ngựa trong bầu không khí mát mẻ ban mai, nhìn cảnh vật xung quanh. Phải rồi, tất cả những đất đai này là của Jai được thừa hưởng. Nhưng bây giờ, chẳng còn ai đứng ra đòi hỏi nữa. Các chức sắc trong làng đều đứng dậy, lúc ông Jagat bước vào ngôi nhà vách

đất, mái thấp. Họ khoanh tay, cúi đầu chào ông, và giữ thật yên lặng. Đợi ông ngồi xuống trên chiếc nệm đặt trên đất, họ mới ngồi theo. Ông lau phân bò trên đôi ủng, kể cho mọi người nghe vì sao Jai đã chết, và chết như thế nào.

Câu chuyện rất ngắn ngủi, và ông cố tình làm như vậy, để tránh tiếng khóc. Ông cắn môi, nói: - “Con trai tôi đã chết như vậy đó. Chết là chuyện bình thường, nhưng nó có ý nghĩa lớn lao với người sống. Đặc biệt là đối với cái chết oan ức của người trẻ tuổi. Trong trận chiến này, nhiều người đã chết, và sẽ còn nhiều kẻ khác phải hy sinh. Ai nói trước được lúc nào mình chết nhỉ? Vậy nên, lúc còn sống, ta hãy làm hết bổn phận của mình.”

Sau đó, ông nói sang vấn đề cải cách sẽ thực hiện trong miền: mở trường học, nhất là trường kỹ thuật, lập bệnh viện, cải tiến chăn nuôi và trồng trọt.

Một ông lão nêu câu hỏi: - “Có phải đúng rằng tòa lâu đài giữa hồ sẽ được biến thành quán trọ cho những người từ nước ngoài tới đây không?”

Ông giải thích rằng quả có đúng phần nào, nói rằng lợi tức của ông đã bị cắt giảm rất nhiều, nên ông phải kiếm một cách nuôi thân và gia đình, và dù sao ông cũng còn là một ông hoàng, lại chẳng còn đất đai cai trị. Họ lắng nghe, thờ dài, và thương hại ông. Ông cảm thấy thương yêu những người dân hiền lành này và nguyện cải thiện đời sống dân làng, đem điện tới cho họ.

Đang nghĩ ngợi, ông chợt thấy bóng dáng mảnh khảnh của Brooke Westley tiến lại, và ông cũng bước tới:

- Rất mừng cô đã tới, dù rằng chẳng dám mong cô tới sớm như vậy.

Nàng không đưa tay ra, nhưng nhìn vào mắt ông: - “Tôi cảm thấy bị thúc đẩy.”

Ông hỏi: - “Cô có điều lo lắng?”

- Không.

- Vậy cô bị thúc đẩy ra sao?

Nàng đáp: - “Cảm tính thúc dục.”

Nàng nói mấy lời ngắn ngủi đó, không chớp mắt. Chưa bao giờ ông được thấy một ánh mắt chân thật như thế. Không có gì là điệu bộ, kiểu cách.

Ông nói: - “Tôi không hiểu cô muốn nói gì.”

Nàng đáp: - “Tôi không giải thích nổi. Tuy nhiên hãy để tôi sống yên ổn ở đây một thời gian. Chẳng làm phiền gì tới ông đâu. Tôi hoàn toàn sung sướng chờ đợi...”

Ông hỏi: - “Điều gì?”

- Tôi sẽ tự tìm ra sau. Và nàng đưa tay ra: - “Đừng bận tâm tới tôi. Tôi sẽ tự lo lấy, sẽ tìm ra đường lối riêng biệt của tôi. Tôi chẳng sợ điều gì, trên đời chưa từng biết sợ. Và tôi đã quen sống cô đơn rồi.”

Ông phản đối: - “Nhưng tôi lo lắng cho cô.”

- Đừng lo lắng. Cứ mặc tôi, mỗi khi chúng ta gặp nhau. Ông cho tôi ở lại đây chứ? Ít nhất cũng một thời gian.

Ông ngần ngại: - “Được. Nhưng cô cũng biết đó, ở đây thiếu mọi tiện nghi. Chúng tôi mới khởi công thôi.”

- Tuyệt lắm chứ. Được sống giữa hồ là điều mới mẻ. Tôi đã sống giữa vùng núi non, và đã từng sống giữa thành phố Nữ Ước. Nhưng, ở đây khác

lắm, thật yên tĩnh.”

Nàng nói rất nhanh, đưa tay ra, và ông Jagat nắm lấy, không biết phải làm sao, chỉ cảm thấy bàn tay nàng mềm mại và ấm áp.

Nàng khẽ rút tay về: - “Tôi ưa thích ông Osgood của ông. Tất nhiên tôi cũng biết đã gây kinh ngạc cho ông ta. Dè dặt lại gặp được ở đây một người Mỹ... chính công! Tôi thích lắm, cảm thấy như được ở nhà. Nhưng tôi cũng không hề cảm thấy xa lạ với ông, và điều đó là một điều lạ lùng nữa!

Đợi nàng ngừng lời, ông mới lên tiếng: - “Nhưng cô sẽ thấy cô đơn lắm đó.”

- Ô, không đâu. Chẳng bao giờ tôi cảm thấy cô đơn. Tôi đã kể cho ông biết là tôi biết rất ít về ba má tôi. Tôi sống với bà nội tại ngôi nhà cổ và rất lớn ở vùng quê, lớn lên lại sống ở một ngôi nhà cổ và lớn ở Nữ Ước. Và có nhiều lý do khác để...

Nàng quay đi, rồi ngó qua vai, nhìn lại ông: - “Cái tên Westley có ý nghĩa gì với ông không? Nên hiểu nhau rõ ràng thì hay hơn.”

Ông lắc đầu: - “Tôi không biết gì về người Hoa Kỳ.”

Nàng ngắt lời: - “Tại sao ông lại sống nơi thân tiên này? Tòa lâu đài này...”

Nàng chỉ tay về phía tòa lâu đài ở bên kia hồ.

Ông lên tiếng: - “Cô nên lại thăm nhà tôi.”

Nàng đứng yên một lúc, nhìn tòa lâu đài, đá hoa ở đó ánh lên màu hồng hồng, dưới ánh mặt trời đang lặn.

- Ông cho rằng bà nhà sẽ ưa thích tôi chứ?

- Tôi biết chắc. Lúc này, nhà tôi rất buồn rầu vì mất con trai. Nhưng chỉ một tuần thôi, chẳng thể lâu hơn. Và lại, được quen biết một người mới có lẽ là điều tốt cho nhà tôi. Tôi cũng có một đứa con gái... nó sẽ đòi về nhà, chừng nào hay tin... thằng em nó.

Nàng không trả lời ngay, mãi sau mới lên tiếng, chậm rãi và suy tư:

- Lạ nhỉ! Tôi tới đây, hoàn toàn cô đơn, chẳng quen biết một người nào, vậy mà đột nhiên lại có bạn... nhiều người bạn.

2.

- Đột nhiên tôi lại có bạn... nhiều người bạn.

Nàng nghe tiếng nói nội tâm, tự động quay đầu lại. Nàng chưa chuẩn bị để có bạn. Nàng tới Ấn Độ cũng không phải để tìm bạn.

Nghe nàng nói tới bạn bè, ông Jagat mỉm cười thật tươi:

- Tôi mong được là người quan trọng nhất trong đám bạn bè đó.

Câu chuyện của hai người chột cắt ngang, vì có tiếng Bert Osgood, từ chỗ cầu thang cuối hành lang, gọi ông Jagat:

- Này Ông Lớn! Cho hỏi một câu về vấn đề tiếp liệu đây!

Nàng nhắc lại, mắt tròn xoe có ý muốn hỏi ông Jagat: - “Ông Lớn?”

Ông vội đáp: - “Ngày nay tôi chỉ là Jagat thôi. “Ông Lớn” là cách xưng hô lỗi thời rồi. Cô tha lỗi chứ, cô Wesstley?”

Nàng tự động sửa lại: - “Cô Brooke chứ!”

Ông chẳng dám gọi nàng bằng tên tục, lát sau bỏ đi, để nàng ở lại một mình, và nàng có cảm tưởng rằng dường như nàng sẽ không được gặp lại ông nữa. Nhưng ông vẫn để lại trong lòng nàng một mối tình cảm chan chứa. Ở khách sạn Ashoka tại New Delhi, nàng vừa thấy mặt mà tưởng như đã nhận ra ông là chốn quen biết từ trước. Nàng cũng mới ra khỏi chiếc máy bay phản lực, đáp xuống New Delhi hai ngày trước, ở lại khách sạn, cố ý trông đợi người hướng dẫn. Nàng cũng không hiểu vì sao lại có cảm tình với ông ngay từ đầu như thế. Cuộc đời nàng rất phẳng lặng, trôi từng ngày, và nàng coi cuộc sống của bà nội là mẫu mực. Nàng được gửi tới học ở những trường đặc biệt, học hành đều đặn, và đã được tiếp xúc với xã hội, đã

là một cô bé mới ra đời, nổi danh xinh đẹp, nhưng bị trách móc là con người quá lạnh lùng. Có thể nói rằng nàng chưa hề biết sống. Mỗi vụ hè, nàng từ trường về ở với bà nội tại ngôi nhà lớn ở Edgartown, bà cụ thường hỏi:

- Cháu yêu quý, cháu có bạn bè mà cháu yêu thích để mời về chơi nhà nhân dịp nghỉ cuối tuần, hoặc đãi một bữa tối không?

Nàng luôn luôn đáp: - “Không. Nội à.”

Nàng cũng có một số bạn, nhưng không người nào thân đến độ có thể mời về nghỉ cuối tuần tại nhà.

Nhưng buổi tối đặc biệt đó, một buổi tối nàng còn nhớ mãi, bà cụ đã có điều dẫn đo khác thường để cất vấn đũa cháu gái:

- Brooke à, nội cảm thấy cháu rất cô đơn.

Nàng nhớ như in, đúng lúc bà nội nói câu đó, bà làm công Sarah vừa bung ra món thịt cừu rán. Nàng ngạc nhiên đáp:

- Ô không, Nội à. Cháu chẳng bao giờ cô đơn.

Bà nội lại nhấn mạnh, cũng bất bình thường: - “Dẫu sau, Nội vẫn lo lắng cho cháu. Khi nội mất rồi - lẽ tự nhiên Nội cũng ra đi thôi - ai là người ở gần bên cháu? Nội trách mình đã ích kỷ. Xưa nay, Nội hướng dẫn cuộc đời cháu theo như cuộc đời Nội, lẽ ra nên nhắc nhở cháu tự xây dựng cuộc sống riêng biệt mới phải.”

Nàng đáp: - “Cháu hoàn toàn hạnh phúc, Nội à.”

Bà cụ đã có quyết định rõ rệt: - “Chẳng qua vì cháu chưa biết tới nỗi bất hạnh. Khác xa nhau lắm. Chỉ khi cháu nắm được, cháu mới hiểu thế nào là hạnh phúc.”

- Hạnh phúc chỉ là không bất hạnh chứ gì?

Nghe câu hỏi ngờ nghệch đó, bà cụ nhướn cặp lông mày: - “Cháu nói vậy thì một là quá tinh khôn, hai là quá thơ ngây”

Nàng chỉ biết mỉm cười. Lát sau, bữa ăn tối đã xong, hai bà cháu rút ra phòng khách, bên lò sưởi mới đốt, vì ban đêm khá lạnh. Bà cụ gọi lại câu chuyện bỏ dở. Căn nhà rất yên tĩnh, người ta chỉ còn nghe tiếng sóng biển vỗ vào bờ.

- Cháu Brooke yêu quý, Nội cảm nhận là Nội sắp mất.

Bà cụ nói giọng vui vẻ như báo tin một cuộc đi chơi xa vậy. Nàng ngồi trên ghế nệm gần bên lò sưởi, ngược nhìn lên, kính hãi. Nàng nín thở, nói:

- Sao lạ vậy, hả Nội?

Bà cụ đáp giọng bình thản thường lệ: - “Ở tuổi này, chẳng phải điều lạ lùng gì”

- Nói rõ cho cháu biết đi, Nội à.

Bà cụ đặt tách cà phê xuống. Đó là loại tách nhỏ mà một cụ tổ đã từng qua chơi Trung Quốc đem về. Nhà này có rất nhiều đồ đạc của Á Châu. Bà cụ nhìn ngọn lửa, nói tiếp:

- Chẳng phải điều bất ngờ. Diêm báo trước này có từ lâu, ngày một rõ rệt. Nội tin rằng chẳng bao lâu nữa Nội sẽ chết. Nội sẽ không rời ngôi nhà này nữa. Như cháu biết đấy, Nội sinh ra tại đây vào một ngày mùa hè, và Nội muốn được qua đời tại đây. Nội chỉ còn quan tâm đến một điều, là tương lai cháu gái của Nội thôi. Nội muốn cháu hứa rằng khi Nội đã qua đời rồi, cháu hãy rời ngay căn nhà này, đi chơi thật xa. Tùy ý cháu chọn nơi đến, nhưng Nội muốn cháu tới một xứ mà cháu chưa từng biết tới. Chẳng

cần nhờ ai hướng dẫn, chỉ theo thiên hướng của mình thôi. Nội sống đã lâu năm, học được một điều tâm đắc là luôn luôn làm theo cảm tình và tránh điều ác cảm, nhờ vậy mà tai qua nạn khỏi.

Đêm hôm đó, bà cụ qua đời, và sau tang lễ, Brooke rời Hoa Kỳ sang Ấn Độ. Nàng chọn Ấn Độ vì đó là chốn tận cùng của thế giới, và là xứ sở nàng chưa hề biết tới. Nàng đang đi tìm chân lý, và tin rằng chân lý chỉ tìm ra ở một xứ rất cổ, cổ nhất trên thế giới. Đó là Ấn Độ, trung tâm của nền văn hóa Á châu.

*

Bên ngoài căn phòng của Bert Osgood nhường lại cho nàng là một hành lang dẫn tới hàng hiên rất rộng, lát đá hoa, và dọc theo hàng lan can kê những chiếc ghế bằng đá hoa, lót nệm bằng nhung đỏ. Trời nóng hầm hập, chỉ mới sáng tinh mơ. Bầu trời trong vắt và xanh ngắt. Nàng thường bị đánh thức từ rất sớm, vì mấy người đàn bà giặt quần áo trên những bậc thềm đá hoa ở bờ hồ. Mới sáng sớm, tiếng chày đập vải đã vang lên đều đặn, nhịp nhàng. Tối hôm qua, Osgood đã khuyên nàng rằng ở đây đừng nên than phiền về giờ giấc.

- Họ đã quen từ mấy thế kỷ nay rồi. Cô có muốn sửa lại cũng không được đâu.

Nàng nói: - “Tôi không có ý định đó.”

Đối với anh ta, nàng không có cảm tình lắm, nhưng cũng chẳng ác cảm. Anh nằm giữa hai thái cực đó, và có mặt ở đây thật bình thường và cũng gây được bầu không khí dễ chịu. Anh đi khắp thế giới, tìm các tiện nghi hiện đại để đem vào tòa lâu đài đá hoa này, mà không hại tới vẻ đẹp của nó. Nàng nhận ra rằng anh có cách nhìn riêng, có khiếu thẩm mỹ, biết bảo tồn vẻ đẹp cổ thời, nhưng nếu anh rời Amarpur, nàng cũng chỉ động lòng đôi chút thôi. Nàng nhận định rằng anh là nhịp cầu nối liền hiện tại và quá khứ

của nàng, và nàng cũng chưa thể cắt đứt dây liên lạc đó được. Nói cách khác, nàng chưa tin chắc mình có thể cảm thấy thoải mái như ở nhà, trong lúc nàng một thân một mình ở xứ Ấn Độ này, nên nàng vẫn trông ngóng, vui mừng nếu anh quay lại với nàng.

Thấy Osgood từ xa tiến lại, nàng ngồi vào chiếc bàn nhỏ bằng đá hoa, đợi bữa điểm tâm, sớm muộn gì cũng sẽ được người hầu quán khăn bưng bằng khay bạc đem đến cho nàng.

Osgood lại gần, lên tiếng: - “Anh chàng lại đem thức ăn tới trễ nữa rồi, phải không?”

Nàng nhắc nhở: - “Chẳng quan trọng gì. Tôi không đặt thời gian biểu cần tuân thủ.”

Osgood đáp: - “Được. Anh ta có đấy. Tôi đang cố gắng dạy bảo mấy người ở đây bài học trước nhất là nhanh nhẹn. muốn có khách Hoa Kỳ mà quên giờ giấc thì không được? Không ai chịu nổi đâu. Và xin cô đừng nuông chiều anh ấy nhé! Cô là người khách Hoa Kỳ đầu tiên, để anh ta thực tập việc phục vụ đấy. Và quan trọng nhất là cô phải giúp đỡ, kê xác chuyện Ấn Độ!”

Nàng nói: - “Bình tĩnh nào. Anh ta đang đi tới kia.”

Quả thật một hình dáng mảnh mai đang xuôi theo hành lang, quần áo trắng toát, thắt lưng đỏ chót, một chiếc khay đồng đưa trên vành khăn. Bước chân đều đặn chẳng hề hấp tấp, anh ta tiến lại gần, hạ chiếc khay xuống thật khéo léo. Và anh nói giọng vui vẻ, bằng Anh ngữ:

- Chào bà. Tôi tới trễ... rất tiếc!

Osgood nhìn đồng hồ đeo tay: - “Trễ năm phút. So với hôm qua có tiến bộ được mười phút. Gắng hơn nữa vào ngày mai.”

- Vâng, sahib.

Nụ cười rộng miệng nở trên khuôn mặt đen. Anh rót cà-phê thêm đường và sữa, rồi đập hai quả trứng nhỏ và tách cà-phê trong lúc Osgood dỗi mắt nhìn.

Brooke nói: “Cám ơn anh Wadhi. Anh làm coi gọn gàng ghê!”

- Cám ơn Bà.

Anh cúi chào, bước ra.

Brooke lên tiếng hỏi Osgood: - “Anh ăn sáng chưa?”

- Cả mấy tiếng đồng hồ rồi.

Anh chàng cúi mình trên thành lan can, trông ra hồ:

- Xứ sở lạ kỳ... dân tộc lạ kỳ.

Brooke nói: - “Kẻ lạ kỳ chính là tôi. Tôi cảm thấy nơi đây chẳng có gì là lạ lùng. Tưởng chừng như đã được ở đây từ trước rồi.”

- Cô muốn nói gì?

- Đúng đấy. Hôm qua tôi đi dạo trên thành phố.

- Mong rằng cô không phải đi một mình, không người hướng dẫn.

- Tôi còn đi với ai khác được nữa?

- Cô có thể đợi tôi đi cùng.

- Ồ, thôi đi...

- Quả thật tôi muốn được hướng dẫn cô.

- Có lẽ tôi lại thích lẻ loi.

- Cô muốn nói rằng cô thích cô đơn?

- Có lẽ.

Hai người im lặng. Và rồi Osgood lại lên tiếng:

- Được. Cô đã thấy gì?

Nàng gọt trái cam trên khay, chậm rãi cắn từng lát, vừa ăn vừa nói tiếp:

- Tôi thấy một bé gái trần truồng, tóc tết thành giải dài. Em đội trên đầu một bình đựng nước bằng thau, đứng đợi để băng qua đường. Tôi thấy em chỉ chừng bốn tuổi thôi.

Osgood nói: - “Có thể là mười tuổi đấy.”

Nàng đồng ý: - “Có lẽ. Tôi lại thấy một bà mẹ trẻ tuổi, bận chiếc áo dài vải bông màu xanh, đang ngồi ở lề đường cho con bú. Bà có cặp vú rất đẹp. Người qua lại rất đông mà không ai ngó tới bà.”

- Cô có thể thấy những người như bà ta bất cứ giờ nào, ngày nào, bất cứ chỗ nào. Á châu cổ xưa ấy mà... hình ảnh bà mẹ muôn thừa. Muốn thấy hở ngực ư? Cứ việc bước tới những bậc thềm bên kia hồ, sẽ thấy những người đàn bà hở mình tới rốn đang kỳ cọ, rồi giặt luôn áo dài. Họ vừa tắm vừa giặt cùng một lúc, và rồi cứ mặc nguyên chiếc áo dài ướt nhèm, thông dong ra phố.

Nàng cười ròn: - “Thật ư? Hôm nào tôi phải qua đó xem mới được.” Và chợt nhớ ra, nói tiếp - Tôi thấy một người đàn ông ăn mặc rách rưới và dơ bẩn, có bộ râu dài, cầm sợi dây dẫn mấy con khỉ nhỏ băng qua đường, len

lách giữa đám xe ngựa và xe hơi.Ồ, tôi cũng thấy một con hoẵng lóm đóm cột vào một chiếc cọc bên ngoài một ngôi nhà nọ. Nó khá mập mạp... chẳng gầy nhom như mấy đứa trẻ.

Osgood nói: - “Con vật được yêu quý đó. Những người ở đây có thể làm đủ mọi điều, khi họ yêu thích một con vật.”

- Cảnh đó xảy ra khắp thành phố. Ra khỏi tỉnh, đặt chân tới một con đường vắng, tôi thấy bầy hạc tụ tập trên một dòng sông khô cạn, trơ cát. Tôi lại gần, chúng cũng không tỏ vẻ sợ hãi gì.

Osgood nói: - “Ở đây, loài vật không biết sợ. Cứ xem tôi vát và xua đuổi mấy con chim trời đánh ra khỏi tiền sảnh thì biết! Chúng làm tổ nơi đây đã mấy thế kỷ, núp trong những chùm đèn... những đồ pha lê tuyệt đẹp mà các vị tiểu vương xưa kia mang về, lúc qua chơi Âu châu.”

Nàng trầm ngâm, dường như không nghe Osgood nói gì: - “Những trái núi cổ ở vùng sa mạc bị đục đẽo tàn nhẫn, để lấy đá hoa xây lâu đài! Và những cây đa bắt rễ chằng chịt trên mặt đất, cố tìm lấy sức sống! Tôi đã dừng chân ngồi nghỉ trên chiếc ghế gỗ dưới bóng cây đa, tại một làng ở chân núi, và thấy một đàn quạ khoang cổ đậu trên dàn nho, ngó nhìn tôi chăm chú. Một con khỉ nhỏ xấu xí mon men lại gần tôi. Một công trình lớn đang được tiến hành, người ta đang thiết lập một xa lộ, và vật dụng mang tới được tải trên lưng những con lừa nhỏ. Họ không có xe cam-nhông. Tôi thấy một con bò ăn một túi xách bằng giấy màu nâu. Người ta bảo tôi rằng ở đây bò khoái ăn túi giấy lắm. Nhân viên khách sạn còn nói với tôi rằng rắn hổ mang rất thân thiện với người, chẳng tấn công nếu ta đừng đụng tới. Trẻ con còn chơi đùa với chúng được cơ mà.”

Osgood cảnh cáo: - “Đừng nên làm thử.”

Nàng kể tiếp: - “Anh ta còn nói với tôi rằng loại khỉ không biết bơi, nên phải học nhảy cho xa. Và cây trầu được trồng dưới dàn nho để nhờ bóng

mát, và chỉ đàn ông mới được hái trà, đàn bà đụng tới là lá non thui chột hết. Và rấn rất thích ẩn dưới dàn nho, nên ta phải thận trọng. Đôi khi nọc rấn làm hại lá nho nữa. Anh nói rằng có nhiều loại trà: loại lá nhỏ ở Bénarès, loại lá lớn ở Poona và Mohoba, và loại lá dài ở miền Nam. Lá trà mắc lắm, theo lời anh ta, ở Bombay mỗi lá trà giá bốn xu. Tôi đã được thấy ở sa-mạc có một cây trà tuyệt đẹp, lơ thơ vài lá, còn toàn là những chùm hoa rất lớn, màu vàng cam rực rỡ.”

Osgood nói: - “Không phải trà đâu, cây palla đó.”

Nàng hỏi: - “Sao anh biết rành vậy?”

- Chưa bằng phân nửa những điều cô đã biết. Tuy nhiên, cô sẽ làm gì với những kiến thức rời rạc đó?

Nàng đáp: - “Sẽ kết hợp chúng lại, bằng cách nào đó, vào một ngày nào đó.”

Nàng đã dùng xong hai quả trứng nhỏ như trứng chim bồ câu, và đã thưởng thức món thịt mỡ nướng, quyết định bỏ dở, vì mùi nồng, và thịt rất dai. Rồi nàng hỏi một câu, muốn đặt ra từ lâu:

- Khi nào ông tiểu-vương trở lại đây?

Osgood quay nhìn thật nhanh: - Ông ấy có đi đâu xa?

- Anh muốn nói là...

- Ông ấy ở tại lò lâu đài bên kia hồ.

Nàng đặt khăn ăn xuống, hứng ăn uống biến đâu mất cả:

- Mỗi lần ông ấy ở xa khách sạn hàng tuần, như lần này?

- Tôi cho rằng ông ấy đang thương tiếc con trai. Vả lại, nghe đâu bà vương-hậu đang bệnh.

- Anh đã gặp bà ấy lần nào chưa?

- Chưa.

- Vậy anh không biết bà ấy đẹp thế nào à?

- Không. Dầu sao, điều đó chẳng quan trọng với tôi. Tôi bận công việc làm ăn. Kệ người ta, cô nàng trẻ đẹp ạ. Nếu cô cho phép, tôi sẽ dẫn cô đi xem quanh đây... chẳng hạn như thăm Chittor.

- Là thứ gì vậy?

- Một đồn lũy thời cổ, một nơi tuyệt đẹp. Một ngày nào đó, có thể...

Anh nhìn nàng, và nàng quay đầu chỗ khác. Anh đành nói:

- Được rồi, tạm biệt. Tôi sẽ kể lại với ông chủ, nếu như hôm nay ông xuất đầu lộ diện.

- Kể chuyện chi?

- Rằng cô hỏi thăm ông.

Nàng không đáp, anh ta cất tiếng cười, bỏ đi.

*

Ngày lại ngày, nàng ngồi dưới hàng hiên chờ đợi, chẳng biết đợi chuyện gì. Và đợi chờ cách nào nàng cũng chẳng hay, chỉ thấy rằng cứ chờ đợi mà lòng thanh thản không ham muốn như thế này, thì quả thật nàng cảm thấy yên ổn vô cùng. Bên kia hồ, tòa lâu đài đứng sừng sững, trắng toát và yên

tĩnh. Hay ta thử xuống chơi miền quê bên dưới, leo những ngọn núi trọc, thăm các hang động, các đồn lũy và lâu đài thời cổ, những bãi săn bắn, và các biệt thự của người Anh để lại, xem sao? Nàng chẳng sợ gì mạo hiểm vì đã quen ở một mình rồi. Lúc này, nàng chẳng thấy hứng thú đi chơi đây đó quanh miền. Nàng đang trong trạng thái phân vân lạ kỳ, tưởng chừng như mình vừa qua một giai đoạn cuộc đời, chuẩn bị cho một giai đoạn mới. Cuộc đời cũ của nàng càng ngày càng rời xa, những biến cố và tình cảm trong đó cứ mờ nhạt dần. Hình như nàng đang ở ngưỡng cửa cuộc đời mới, dù rằng hiện thời nó tạm đóng khung giữa những bức tường đá hoa, lại có nước hồ bao vây. Nàng có một mình, nhưng không cảm thấy cô đơn. Nơi đây khá nhộn nhịp vì các công nhân đang làm việc, nhưng họ để mặc nàng bước qua. Đây đó, một khuôn mặt đen ngược nhìn lên và mỉm cười khi nàng đi ngang, nhưng hiếm khi có người cất tiếng hỏi han. Dần dà nàng nhận định được một điều mới mẻ, một điều xác tín len lỏi vào tâm trí nàng, với một cảm giác yên bình sâu đậm. Nàng bắt đầu cảm nhận tòa lâu đài đá hoa này là nhà của nàng, những phòng ốc nối tiếp nhau đây có một vẻ thân thuộc lạ lùng. Xưa nay, nàng chưa bao giờ có cảm giác đang ở tại nhà mình như thế này, dù rằng nàng chẳng hề liên lạc với một người nào bên dưới. Lâu lâu nàng nhận được một lá thư của ngân hàng báo cho biết số tiền đã gửi tới cho nàng, theo yêu cầu của nàng muốn rút ra trong trương mục của bà nội, và nàng không hề viết thư trả lời. Tiền gửi tới nàng cứ việc xài khi cần dùng, còn thừa bao nhiêu quăng vào một chỗ. Những người xưa kia nàng tưởng là bạn bây giờ đều lui vào chỗ quên lãng. Nếu xét nghiêm ngặt, phải nói rằng lúc này nàng chẳng có người quen biết. Bert Osgood đã đi vì công việc làm ăn của anh ta ở miền Tây, và nàng cũng chẳng nhớ mong anh ta. Mấy hôm nay, bề ngoài nàng có vẻ nhàn rỗi, nhưng nội tâm lại hoạt động mạnh mẽ. Nàng đọc, khám phá từng cuốn sách một, những cuốn sách lạ của phương Đông, chẳng xa lạ đối với nàng, cùng những cuốn sách của phương Tây, chất đầy cả một thư viện rộng lớn. Tại ngôi nhà giữa hồ này, nàng đã gặp được cả hai dòng lịch sử nhân loại, Đông và Tây, qua sách vở. Ai đã góp nhặt chất chúng vào đây? Nàng không biết. Nàng tìm được những cuốn sách của Ấn Độ dịch ra Anh ngữ, đặt song song với nguyên tác bằng các thổ ngữ Ấn: Urdu, Tamil, Gujrati, Hindu... Nàng nhận thấy ở Ấn

Độ không có bi kịch, trong khi những cuốn sách hiện đại của phương Tây, mà nàng được đọc từ hồi mới lớn, lại chứa đựng quá nhiều bi kịch. Ở Ấn Độ không có kết thúc đau khổ, hay đúng ra không có phần kết thúc. Người Ấn cho rằng cuộc sống chẳng bao giờ chấm dứt, mà chỉ là bước sang một địa hạt khác thôi. Nàng ngạc nhiên nhận thấy điều đó rất đúng chân lý, vì khoa học hiện đại đã chứng minh rằng không thứ gì hủy diệt, chỉ biến đổi thôi.

Và một hôm, tại những căn hầm đào sâu dưới nền móng tòa lâu đài, nàng đã khám phá ra cả một kho tàng của thời xưa. Trong những hộp, những thùng lớn được khai ra, nàng đã tìm thấy những đồ pha-lê của Âu châu, xưa hàng mấy thế kỷ, những châu báu ở Paris thời vua chúa, những bức tranh của Ý thời Michel Ange, những bức thảm thời hoàng hậu Medicis, những chén bạc và vàng thời nữ hoàng Elizabeth của Anh Quốc. Thấy nàng đặt chân vào đám châu báu đó, một ông lão bộc đã can ngăn lại:

- Cẩn thận đấy, cô bé. Ở đây chúng ta không nhìn thấy con rắn hổ mang nào, chỉ vì hồ nước vây quanh thôi, nhưng ai dám bảo chỗ này không có rắn hổ mang? Rất có thể đời xa xưa, hồi mà những căn hầm này còn thuộc phần đất liền, có rắn hổ mang đẻ trứng nơi đây đấy.

Nàng hỏi lại: - “ Bao lâu rồi?”

Ông lão nói: - “Lâu lắm, lâu lắm. Trước thời đại-vương Jehan nữa. Vị đại vương đó bị cầm tù tại một hòn đảo bên cạnh.”

Hầu như vô tình nàng đã học được tiếng nói của người dân Rajasthan, vì hàng ngày nghe quen và vì thiên khiếu đặc biệt dễ tiếp thu được ý nghĩa câu nói. Nhưng, nàng chẳng thấy con rắn hổ mang nào. Hầm xây dưới nước mà đặc biệt khô ráo, nhờ một lớp sơn rất dày trên tường, sàn nhà và trần nhà. Không hiểu lớp sơn đó bằng chất gì mà hút được khí ẩm thấp trong hầm. Người ta nói rằng cách điều chế chất đó đã thất truyền rồi, chẳng ai chế tạo được nữa.

Nàng định bụng đợi Bert Osgood về sẽ nói cho anh ta biết những thứ nàng đã khám phá ra. Anh phải tận dụng những tặng vật trời cho này chứ. Vải xa-tanh của Pháp phải làm màn treo cửa, gấm Trung Quốc để lót ghế và giường thấp. Nàng đã cười ngất khi thấy những thùng gỗ được Bert khai ra từ trước, cho thấy đủ thứ đồ đạc gắn gương: một chiếc giường rất lớn, mấy cái tủ và bàn ghế của Tiệp Khắc chết tạo đã mấy trăm năm, nhưng lót mới tinh và mặt gương trong vắt. Nàng nghĩ rằng những đồ đạc đẹp thế này mà không đem sử dụng thì thật vô lý.

Nàng không thể đợi lúc Bert trở lại, yêu cầu những người hầu mở tung các thùng gỗ, đồ đạc khuân lên lầu, đặt vào căn phòng hình vuông, trông ra một khu vườn bí mật, bỏ hoang phé, làm nơi trú ẩn cho loài chim và mấy con vật nhỏ bé, máy nước ở đó cũng bịt kín, khô cạn. Nàng ra lệnh dọn sạch khu vườn, chim chóc đưa qua chỗ khác, và máy nước cho chảy lại. Khi tường của căn phòng được rửa sạch, nàng nhận ra rằng bốn mặt tường đều là gương, cả trần nhà cũng vậy. Ông hoàng nào, chết từ lâu rồi, đã bày ra trò tiêu khiển này? Nàng tưởng tượng ra một cô gái rất dễ thương, khóa thân ở giữa phòng gương, uốn éo giữa những bức tường này. Và rồi nàng tưởng như nhìn thấy cô gái đó sống trở lại, quay nửa mặt, mái tóc đen xõa trên vai trái. Đột nhiên, nàng trông thấy, hay tưởng như thấy cô gái đó chính là nàng. Nhìn kỹ lại, vẫn là nàng. Nàng đã sinh ra tại Ấn Độ hay sao?

Một mình trong phòng gương, đột nhiên nàng cảm thấy sợ hãi, bỏ chạy như có người đuổi. Và đúng lúc đó, nàng thấy ông Jagat ở đầu cầu thang.

*

Nàng đã quên hẳn, không nhớ ông đẹp trai như thế nào. Ông đứng đó, phía trên nàng, mặc một bộ Âu phục bằng lụa màu nâu nhạt. Ông nhìn xuống cầu thang, lên tiếng: - “Ai đuổi cô vậy?”

Nàng ngược nhìn lên: - “Không người nào. Nhưng tôi cảm thấy dường như có người đuổi theo tôi.”

Ông chợt hiểu ra: - “À. Tòa lâu đài này rất nhiều ma. Tôi sẽ đuổi chúng đi, trước khi chúng bắt đầu tới. Cô sẽ thấy có những kẻ tới lui nhanh nhẹn, hỏi hồ tằm và sân golf ở đâu. Đó là những người Hoa Kỳ, chứ không phải ma đâu.”

Nàng nói: - “Tôi không tưởng tượng ra cảnh đó.”

Ông hỏi: - “Cô bước lên, hay tôi bước xuống nào?”

- Để tôi lên.

Nàng chậm rãi leo lên những bậc cầu thang đá hoa, cảm nhận có cặp mắt theo dõi, nên nàng ngẩng cao đầu, khẽ mỉm cười.

Ông Jagat nói: - “Tôi nghe nói cô đã đi khỏi.”

Nàng lên cao hơn: - “Vì vậy mà ông tới đây?”

- Không phải. Nhưng nghe cô bỏ đi, tôi rất tiếc.

- Nhưng ông chẳng tới đây thôi!

- Vì ông Osgood muốn tôi đo lại hành lang dẫn vào tòa lâu đài, gửi số liệu cho ông ấy. Ông ta nghĩ là nên lót thảm chỗ đó.

Nàng chỉ còn cách xa ông ba bậc cầu thang, liền ngừng lại: - “Anh ta nghĩ lầm. Sàn nhà chỗ đó rất đẹp mà. Nhưng nếu anh ta cứ nhất quyết đòi hỏi, thì tôi khuyên ông nên sử dụng những tấm thảm Ba Tư mà tôi đã tìm thấy ở những thùng lớn dưới hầm.”

- Vậy là chính cô cũng quan tâm đến công việc của chúng tôi?

Ánh mắt và giọng nói của ông đều tỏ vẻ hài lòng, vui thích.

Nàng thú nhận: - “Quả thật tôi đã quan tâm.”

Hai người chỉ còn cách xa một bậc cầu thang, ông đưa tay đỡ lấy tay nàng. Nàng cảm thấy bàn tay ông mềm mại nhưng mạnh mẽ, lòng bàn tay ấm áp và cứng. Không buông tay nàng, ông lên tiếng:

- Tay cô mềm và mát lắm!

- Dù tôi thường chơi ten-nít, trượt tuyết và cưỡi ngựa hay sao?

- Cô làm tất cả những việc đó ư?

- “Tôi được dạy dỗ làm những việc đó.” Nàng nói và rút tay ra.

Hai người song song tiến bước trên hành lang lót đá hoa, nàng cao đối với một người đàn bà, nhưng vẫn còn thấp hơn ông một cái đầu. Nàng quên hẳn không còn nhớ ông cao bao nhiêu. Mấy tuần qua, ông ở đâu nhỉ? Nàng cắn môi, để đừng mở miệng hỏi ông câu đó.

Ông lên tiếng hỏi: - “Cô định đi đâu?”

Nàng đáp: - “Tôi chẳng đi đâu cả. Chỉ ở đây thôi.”

- Vậy thì, chúng ta leo lên sân thượng ngắm cánh mặt trời lặn nhé.

Nàng ngạc nhiên: - “Đã hết ngày rồi sao? Tôi chẳng có ý niệm gì về thời giờ. Đồng hồ đeo tay của tôi chết đã mấy ngày qua, và tôi không lên dây. Và ở tòa lâu đài này không có đồng hồ treo tường, phải không? Tôi chẳng thấy chiếc nào. Tôi thức dậy vào lúc nghe tiếng đàn bà đập vải trên bậc thềm đá ở bờ hồ, đi ngủ vào lúc có trăng sao, và nghe tiếng một người nào đó kêu gọi. Chẳng hiểu người ấy gọi gì.”

- Đó là tiếng người kêu gọi tín đồ cầu kinh buổi tối ở giáo đường Hồi giáo.

- Ông không theo đạo Hồi hay sao?

- Tôi không tin đạo giáo. Bà vợ tôi rất ngoan đạo, nhưng theo Ấn-Độ-giáo. Bà cũng học hỏi thêm ở một tu sĩ trẻ của đạo Gia-Tô, nhưng không hề có ý định trở lại đạo.

Nàng nói: - “Tôi cũng chẳng ngoan đạo.”

Hai người tiến bước bên nhau, và nàng thấy lại cảm giác thoải mái, đã từng cảm thấy khi ở khách sạn Ashoka, có ông ở bên. Khi tới trước cầu thang thứ hai, ông đỡ nhẹ khuỷu tay nàng, và nàng cảm nhận bàn tay ông đặt trên cánh tay trần của nàng.

Nàng hỏi: - “Miền này có giống với những vùng đất khác của Ấn Độ không?”

- Ở Ấn Độ không miền đất nào giống miền đất nào. Ở đây có đủ mọi thứ, có kẻ giàu người nghèo, có sa mạc và núi non, có rừng và sông, có người da trắng và người da đen. Dân tộc tôi chung đụng, nhưng chia rẽ. Tôi là một người Rajput.

- Rajput? Nghĩa là sao?

- Có thể dịch ra là Con Vua. Không phải chỉ một mình tôi là vậy đâu. Tất cả người Rajput đều là con vua. Người Ấn Độ có nhiều sắc tộc, và không thuần chủng. Lại chịu một gánh nặng rất lớn, chỉ vì quá khứ vĩ đại của mình. Chính vì vậy mà bây giờ chúng tôi mang mặc cảm tự ti. Đôi khi tôi thường nghĩ vậy. Tôi nói nghiêm chỉnh đấy. Rất nghiêm chỉnh đấy.

Hai người đã lên tới sân thượng, và trước cảnh vật quá đẹp, nàng không thể lên tiếng. Nàng bước tới hàng lan can vây quanh một hàng hiên không mái che, đứng nhìn những ngọn núi. Im lặng một hồi, nàng lên tiếng:

- Tôi chỉ quan tâm đến những điều nghiêm chỉnh thôi.

Và quay đầu lại, gặp ánh mắt kỳ lạ của ông; nàng vội quay nhìn chỗ khác nói tiếp: - “Tôi tới Ấn Độ là vì tôi lo cho thể hệ của tôi. Tôi lo cho phép lịch sự và xã giao, cùng lời ăn tiếng nói của thanh niên nước tôi, lo cho âm nhạc nện thành thành, và những vũ điệu quay cuồng. Và trên hết, tôi lo lắng vì người ta chẳng quan tâm tới một điều gì... không cần biết đến sống, chết, quá khứ, hiện tại, và ngay cả tương lai cũng chẳng cần biết tới.”

Ông hỏi: - “Cô đang nói về dân tộc cô đấy ư?”

Nàng đáp: - “Tất nhiên tôi nói về họ. Vì tôi chỉ biết có dân tộc đó thôi. Tôi lo lắng cho họ, tự nhủ rằng phải có những loại người khác chứ. Không thể nào trên thế giới đâu đâu cũng chỉ có hạng người giống như những người sống quanh tôi, mà tôi được biết từ hồi lớn lên đến giờ.”

- Cô muốn nói tới ba má cô?

- Như tôi đã kể, ba má tôi mất từ trước khi tôi có trí nhớ. Tôi sống với bà nội. Vào tối trước khi mất, cụ có khuyên tôi nên theo người đàn ông mà tôi thương yêu.

- Nhưng cô đâu có biết anh ta là ai?

- Tôi nghĩ rằng tới lúc cần thiết, bà cụ sẽ cho tôi biết, bằng cách nào đó.

- Nhưng bà cụ mất rồi cơ mà?

Nàng nhìn ra cõi xa xăm: - “Có lẽ nội tôi vẫn sống ở chỗ nào đó.”

- Cô tin vào phép luân hồi?

- Tôi cũng chẳng rõ. Thật ra, hồi nội tôi còn sinh thời, tôi cũng chẳng ưa gặp mặt. Cụ luân luân xa cách, tuy rằng rất tử tế. Tôi cho rằng cụ yêu tôi theo cách riêng của cụ.

Ông nhìn nàng, ánh mắt âm áp và thông cảm, nàng vội quay đi. Nàng đã từng thấy ánh mắt như thế ở đàn ông. Nhưng mỗi lần như vậy, nàng đều không thấy chút cảm tình nào dâng lên trong trái tim. Thế rồi, nàng không để ý đến nữa, và trở thành con người chỉ thấy vui sướng khi cô đơn. Ông Jagat ngần ngại một lúc, mới lên tiếng: - “Tôi muốn cô tới thăm nhà tôi. Từ ngày con trai mất đi, chúng tôi chẳng có khách khứa. Nhưng tôi không dám xem cô là khách đâu. Tôi đã nói nhiều về cô với nhà tôi. Tối mai, cô tới dùng bữa với chúng tôi, được không?”

- Cảm ơn ông.

- Tôi sẽ đưa thuyền tới đón cô vào lúc hoàng hôn.

Hai người bắt tay nhau, tưởng như hai người Anh Quốc, đang đứng trên đường phố Luân Đôn.

*

Hôm sau, nàng muốn dành trọn ngày để đi dạo chơi quanh vùng, trước khi đi dự tiệc tối. Ngay buổi sáng, nàng gọi thuyền đưa nàng qua mặt hồ. Ra khỏi cổng lâu đài, nàng rẽ sang phải, đi theo con đường thông suốt thị trấn Amarpur, qua một công viên, hoa nở rục rở. Nàng ngừng lại xem những bông hoa đủ loại xen lẫn nhau: có cúc vàng và cúc trắng của Anh Quốc, có hoa hồng và phi yến thảo bên cạnh những loài hoa rất lạ đối với nàng, dù màu cam, đỏ và tím. Vài người dạo chơi bên những luống hoa, nhìn nàng chăm chú, nhưng với vẻ hiền từ. Nàng là kẻ xa lạ nơi đây, và lần đầu tiên nàng nhận định được thân phận của một người ngoại quốc lạc lõng chốn

này. Một ông lão hiền từ, mặc áo sơ-mi trắng, phủ ra ngoài bộ quốc phục, đội khăn trắng rất cao trên đầu, tiến lại gần nàng. Khuôn mặt màu nâu hòa nhã rạng rỡ nụ cười. Cụ lên tiếng, giọng hiền dịu và rõ ràng:

- Cô là người Anh Quốc?

Nàng mỉm cười, đáp: - “Tôi là người Hoa Kỳ.”

Ông lão trầm ngâm: - “Hoa Kỳ? Tôi chưa từng gặp người Mỹ nào.”

-Tôi tới đây chưa lâu.

- Tôi đi bên cạnh cô được không?

- Tùy ý cụ.

Hai người bước song song bên luống hoa.

- Tôi nên kể cô nghe điều gì về thành phố chúng tôi nhỉ?

- Tùy ý cụ.

Nàng cảm thấy dễ chịu, như gặp chỗ quen biết cũ, và cảm giác đó dần dần quen thuộc với nàng. Giữa những người ngoại quốc, nàng không cảm thấy xa lạ, dù rằng nàng chưa hề thấy mặt ông lão này lần nào. Ông cụ chỉ tay về phía những ngôi nhà xây quanh công viên:

- Cô có nghe tối qua có vụ cướp ở khu này không?

- Tôi chưa được nghe.

- A, đúng rồi. Chúng tôi có cả điều thiện lẫn điều ác. Nhưng đám cướp này thuộc loại lịch sự. Chúng biết giữ phong tục tập quán. Tôi biết được là vì người bị cướp là em ruột tôi, một con người rất khôn ngoan.

- Ông ấy biết có người tới cướp nhà mình ư?

- A, đúng rồi. Cô hiểu chứ, đó là một tập tục của chúng tôi, một phép lịch sự. Bọn cướp gửi giấy báo trước để em tôi chuẩn bị. Cả nhà đợi tới nửa đêm, và rồi nghe tiếng nhạc...

- Nhạc?

- Đúng. Cướp ở đây luôn luôn tới nhà khổ chủ, có âm nhạc đi kèm. Vậy, họ tới có đàn sáo nhé. Và em tôi ra cửa tiếp rước. Chú nó mời họ vào nhà, và đề nghị trò chơi đánh cá.

Nàng kinh ngạc thật tình: - “Trò chơi?”

Đúng. Nhưng, như tôi đã nói, em tôi rất khôn ngoan. Chú nó thắng cuộc, và được phép giữ lại của cải, bọn cướp cũng nhã nhặn bỏ đi.

Ông cụ chỉ căn nhà cuối lối đi: - “Nhà em trai tôi đây. Cô thấy đó, sáng nay hoàn toàn yên tĩnh.”

Nàng thấy một ngôi nhà bằng đá và thạch cao, mặt tiền có vẽ hình ông thần quen thuộc của dân gian, cười trên mình con voi lớn bằng voi thật.

Nàng nhận xét: - “Đẹp đấy.”

Một đám trẻ vây quanh hai người đang đứng ngắm ngôi nhà. Một cô bé, rất nhỏ, mặc áo dài màu hồng lem luốc mỉm cười với nàng, đôi mắt thật to và đen lay láy. Cô nói tiếng Anh lụp chụp:

Chào cô. Cô tên gì?

Nàng đáp: - “Brooke.”

Ông lão nói giọng tự phụ: - “Cháu nội tôi đấy. Chính tôi dạy nó nói tiếng Anh. Cô thích cháu không?”

Nàng kinh ngạc hơn trước: - “Tất nhiên tôi thích chứ. Cô bé rất xinh.”

Ông lão tỏ vẻ hài long: - “VẬY cho cô đấy. Tôi còn nhiều đứa cháu khác.”

Ông kéo đứa bé lại gần, dùng vạt áo dài của nó lau bộ mặt lem luốc.

Này, cháu yêu quý, cô đây muốn nhận cháu làm con nuôi đấy.

Nàng kêu lên: - “Ồ, không! Tôi không biết đâu! Tôi không có ý... tôi chẳng muốn... Ô, kìa!”

Ông lão vung tay: - “Đem cháu theo. Nó là con cô đấy.”

Nàng lấp bắp: - “Ân hận... Rất tiếc. Không thể được.”

Ông lão nhún vai: - “Tặng vật lại không nhận.” Ông nói thật bình thản, đẩy đứa trẻ ra xa, nhưng rất nhẹ nhàng.

Nàng nhắc lại: - “Rất tiếc.”- Và gợi qua chuyện khác: - “Vì sao mà cụ có thể nói tiếng Anh lưu loát như thế?”

Ông lão vẫn dễ thương như cũ: - “Tôi đã ở bên Anh Quốc bốn năm. Có bằng đại học Cambridge về văn chương Anh.”

Và cụ đi dạy?

Nghỉ hưu rồi. Cô thấy đó, tôi già lắm rồi.

Nàng liếc nhìn khuôn mặt vui vẻ và hiền dịu của ông lão:

Tôi thấy cụ vẫn còn sống nhiều năm nữa.

Lúc nào tôi chẳng sống? Hết kiếp này thì tới kiếp sau. Chúng tôi coi cuộc sống không bao giờ chấm dứt. Cụ ngừng lại trước một đứa bé đang ngồi xồm ở bậu cửa. Má nó đang tắm cho nó, sát xà bông lên khắp thân mình mập mạp của nó, và nó cứ vịn vẹo né tránh.

Cô thấy đứa bé này chứ? Nó không muốn được tắm rửa sạch sẽ. Rõ ràng nó tỏ ý ác cảm. Cô có thể nghĩ đó là chuyện tự nhiên. Nhưng thật ra, có ý nghĩa lắm đó. Việc gì cũng có ý nghĩa cả. Chẳng dám nói chắc, nhưng có thể kiếp trước nó bị chết đuối, nên lẽ tự nhiên là nó ghét nước.

Nàng chưa kịp hỏi vặn lại ông lão, thì một đám rước tiến lại gần. Một thiếu nữ còn non choẹt, sừng sính chiếc áo dài màu rất tươi, ngồi trên một chiếc xe bò. Phía sau, một đám thiếu phụ trẻ trung và con gái, kéo nhau theo, vừa đi vừa ca hát.

Ông lão giải thích: - “Đám cưới đó. Chú rể ở đằng sau đang tiến lại gần.”

Nàng thấy một thanh niên còn rất trẻ, chỉ nhỉnh hơn một cậu bé một chút, cưỡi ngựa, đội chiếc khăn rất nặng, bịt kín đầu. Anh ta vận Âu phục bằng xa - tanh màu nâu đậm, đưa tay giữ một đứa bé trai, cùng ngồi chung yên ngựa, trước mặt anh.

Ông lão nói với nàng: - “Lấy khước đó. Mong sớm có con trai.”

Hai thiếu niên cưỡi ngựa theo sau chú rể, và tiếp đến là đám con gái, thiếu phụ trẻ trung, vừa đi vừa ca hát.

Ông lão gật gù: - “À, đúng, đàn bà ai cũng sung sướng. Họ cầu mấy chàng thanh niên đấy. Họ thật vui vẻ! Rất hợp lẽ tự nhiên.

Quả thật các bà rất vui vẻ. Những chiếc áo dài màu cam và hồng phủ ra ngoài những chiếc váy rộng thùng thình, xòe ra trên mắt cá chân. Cánh tay họ đeo đầy những chiếc vòng bằng bạc và ngọc. Nhìn những món nữ trang đó, ông lão lên tiếng:

Chẳng còn vàng nữa. Vị Thủ tướng vĩ đại của chúng ta đã kêu gọi phụ nữ hiến vàng để tiến hành cuộc chiến tranh chống người Trung Quốc xâm lăng. Chúng tôi ai cũng yêu tổ quốc.

Cụ chỉ một bức tường, và nàng thấy ở đó bức hình ông Nehru hô hào dân chúng, hai tay dang rộng. Bên dưới bức hình, một cậu bé đang ngồi, tuổi chừng mười hai - cũng khó mà xác định tuổi của trẻ con thiếu dinh dưỡng, quá mảnh khảnh. Cậu ta ngồi xồm trên mặt đất, kiên nhẫn đút từng nhánh cỏ cho một con ngựa nhỏ.

Ông lão nói: - “A, đúng. Cậu bé hiểu rằng kiếp trước con ngựa này có thể là bạn của cậu, có khi là cha cậu cũng nên.”

Ông đang nói thì một người đàn ông từ trong nhà đi ra, vắt xuống đường một nắm lá non cho con bò cái.

Nàng lên tiếng hỏi: - “Sao, dân tộc cụ để cho những con bò này lang thang ngoài đường hay sao?”

Ông lão dừng lại, ngắm con bò cái lặng lẽ nhai lá cây. Đưa mắt nhìn thật hiện diện, cụ lên tiếng nói với con vật:

Bà má bò cái thân yêu, bà ăn ngon miệng nhé!

Và ông lão quay qua cô Brooke: - “Để trả lời câu hỏi của cô, xin được thưa ngay rằng tôi là một người tân tiến, tôi chẳng trọng vọng mấy con bò cái. Hơn nữa tổ tiên tôi lại là người Hồi giáo. Người Hồi thích ăn thịt, nhưng chúng tôi tôn trọng tín ngưỡng của các người Ấn chúng tôi. Một vị thánh trong giới Gia Tô giáo của cô có nói một câu, cách đây nhiều thế kỷ: -

“Nếu ăn thịt khiến người anh em của ta phật ý, thì suốt đời ta chẳng ăn thịt.”

Ông lão nói đến đó thì hai người đã tới chỗ đường rẽ, và ông lão ngỏ lời từ biệt. Chắp tay, khẽ cúi chào, ông quẹo trái, còn nàng đi tiếp về phía hồ. Mặt trời đã lên tới đỉnh đầu, nàng đặt chân lên thuyền máy đợi sẵn. Người thủy thủ ngả đầu trên hai tay đan chéo, sắp ngủ vội vàng choàng dậy đúng lúc.

Nàng đặt chân lên những bậc thềm đá hoa dẫn vào tiền sảnh. Mặt tiền nhà lúc này đã có vẻ một khách sạn tân tiến rồi. Một người thư kí ngồi sau bàn giấy, đang đợi. Anh ta lên tiếng hỏi:

Bà muốn dùng bữa trưa bây giờ chứ?

Nàng nhận ra anh là người tập sự của Bert Osgood: - “Vâng. Cảm ơn.”

Tại phòng ăn, hay mang lên phòng riêng trên lầu?

Trên lầu. Cảm ơn.

Nửa giờ sau, tắm rửa sạch sẽ, nàng ngồi ăn món sườn thịt cừu, xà lách, và dưa bở cắt thành khoanh. Nàng nghĩ tới những điều giống nhau và khác nhau ở đất nước này. Ngay như ngôi thánh đường Hồi giáo kia, kiến trúc Hồi giáo, nhưng vẫn chịu ảnh hưởng nhẹ nhàng của người Ấn, có chỗ mép của mái nhà, và đầu hồi nhọn hoắt đều có lót vàng. Trong lúc trầm ngâm suy nghĩ, nàng cảm thấy buồn ngủ. Dem khay thức ăn ra ngoài, nàng đóng cửa phòng, cởi quần áo, ngả mình xuống giường, và chỉ dậy vào lúc hoàng hôn.

Ông Jagat đứng đợi sẵn ở bến tàu gần bên bờ hồ. Nàng thấy ông đang đứng, hình dáng thật thẳng trong bộ đồ nỉ. Nàng cho rằng ông rất đẹp trai mà còn có điều hơn thế nữa, ông có vẻ một ông hoàng, con vua, đồng thời

lại có dáng điệu lịch sự như một người Anh tân tiến. Thuyền vừa đung bển, ông đưa tay ra đón nàng, dẫn lên bờ.

Những bậc thềm rất trơn, cô nên vịn cánh tay tôi.

Không phải lần đầu tiên nàng dự tiệc tối tại lâu đài. Ở Athene, nàng đã được gặp các bạn của bà nội, là quốc vương Paul và hoàng hậu Frederika, và hai lần nàng đã theo bà nội sang Stockholm, dự tiệc tối với vị quốc vương đã quá cố của Thụy Điển. Nàng có hai lần chơi ten - nít với nhà vua, hồi đó đã hơn tám chục tuổi nhưng còn nhanh nhẹn và vui vẻ lắm. Ngài bảo nàng: “Cứ gọi tôi bằng tên, tạm thời quên tiếng “bệ hạ” đi.”

Chẳng biết ông hoàng Ấn Độ này có giống với mấy ông hoàng phương Tây không? Ông dẫn nàng qua một hành lang dài, lên mấy bậc thềm nữa:

Chúng ta sẽ khai vị một châu rượu ngoài bãi đất trống. Nhà tôi đang đợi, có vị tu sĩ người Anh, là cha Francis Paul ở bên. Thiết tưởng cô sẽ vui hơn là chỉ có hai ta với nhau. Rất tiếc con gái tôi lại không có nhà. Nó ngang tuổi với cô... có lẽ nhỏ hơn vài tuổi. Cháu tên là Veera. Từ ngày thằng em mất đến giờ, tôi vẫn chưa được gặp cháu. Quả thật, lần đầu tiên chúng tôi tiếp khách đây.

Nàng thì thầm: - “Ông rất tử tế đã mời tôi lại đây.”

Nàng ngạc nhiên nhận ra mình e-thẹn. Ở một mình cùng với ông Jagat, nàng chẳng hề thấy thẹn thùng, Ông quả thẳng thắn, cư xử dễ dãi. Tiến lại gần bãi đất, nàng thấy một bà phu nhân mặc áo dài trắng, và một người đàn ông cao lớn mặc áo thâm tu-sĩ.

Ông Jagat lên tiếng: - “Moti em, đây là cô Brooke Westley.”

Và:

Thưa cô Westley, đây là vương hậu, vợ tôi.

Nàng đưa tay ra và cảm thấy một bàn tay khác đặt lên, lạnh lạnh và mềm mại như thể không xương. Bàn tay đó rút ra ngay. Một giọng thì thầm nho nhỏ: - “Hoan nghênh cô, cô Westley. Nhà tôi nói nhiều về cô.”

Ông Jagat lại lên tiếng: - “Và đây là cha Francis Paul.”

Nàng nhìn lên, thấy một khuôn mặt trắng và xanh xao, chòm râu đen nhọn hoắt. Giọng nói rất nhanh, đặc biệt Ăng-lê cất lên:

Cô Westley, cô mạnh chứ? Mừng cô tới thành phố chúng tôi. Ở đây rất ít khách khứa, người Hoa Kỳ lại càng hiếm hơn. Tôi có nghe nói tới ông Bert Osgood, nhưng chưa được thấy mặt.

Mọi người ngồi xuống, nàng đưa mắt nhìn từ người này tới người kia. Một người hầu mặc bộ đồ trắng đang đứng đợi.

Ông Jagat lên tiếng hỏi: - “Nào, chúng ta dùng gì đây?”

Bà vương hậu đáp: - “Đừng gọi cho em. Cảm ơn anh Jagat.”

Ông kêu lên: - “Ồ, có chứ. Một ly martini chẳng? Anh Ranjit đã học được cách pha chế rượu ngon lắm đó.”

Giọng ông có chút nóng nảy, và bà cúi đầu, giữ yên lặng.

Ông Jagat ra lệnh: - “Một martini cho vương hậu! Mà này... tại sao tất cả chúng ta không dùng chung một thứ nhỉ? Nào, nào...”

Cha Francis lên tiếng, ánh mắt cười cợt: - “Tôi mong được thưởng thức thứ rượu hồng của ngài đấy, Ông Lớn ạ.”

Được, miễn chấp cho cha lần này. Ba martini nhé anh Ranjit!”

Người hầu cúi đầu bỏ đi, hầu như ngay sau đó mang theo ba ly rượu, đặt lên chiếc bàn nhỏ. Mặc những lời chồng đã nói, bà vương hậu không đụng tới ly rượu của bà. Bà nhìn Brooke, đôi mắt đen buồn rầu than vãn, bà có vẻ gượng ép tiếp chuyện khách.

Cô thích thành phố này chứ, cô Westley?

Nàng đáp: - “Tôi vui mừng được thấy một tòa lâu đài đẹp như thế này.” Nàng cầm ly rượu vừa nói vừa nhâm nhi. Rượu martini này ngon tuyệt, rất gắt, lại có một hương vị nàng chưa được biết. Đột nhiên nàng quyết định gạt bỏ e-thẹn, giữ cho thật chừng mực, nàng lên tiếng hỏi ông Jagat:

Mùi hương gì vậy? Giống như mùi hoa, nhưng không phải thứ hoa tôi đã được biết.

Ông Jagat đáp: - “Đó là cây thanh yên, ông nội tôi mang từ Hy Lạp về, đã lâu lắm rồi. Thứ cây đó có trái nhỏ, chua loét. Nhưng ép vỏ trái cây đó sẽ được một chất tinh dầu đặc biệt, có hương thơm giống mùi hoa hơn là mùi trái cây. Mỗi năm chúng tôi đều ép thứ tinh dầu đó, và đóng chai. Về việc này, bà Moti rành hơn tôi. Phải không, em yêu quý?”

Bà Moti đáp giọng hồ hững: - “Công việc đó chính anh Ranjit làm đấy.”

Cha Francis Paul xen vào: - “Thứ rượu này trứ danh đấy, cô Westley ạ.”

Ông Jagat mỉm cười, nói tiếp: - “Ngoài cây thanh yên này, ông nội tôi còn đem về thứ khác nữa cơ. Cụ rước về một cô gái Hy Lạp đẹp tuyệt. Tôi cho rằng chính cô nàng là người đã đem thanh yên về đây. Người ta kể lại rằng nàng đã ép được tinh dầu đặc biệt của thứ trái cây đó, xúc lên mình, và ông nội tôi đã nhận ra mùi hương đó, trước khi chạm mặt người đẹp, nhận định được nàng xinh đẹp ra sao. Hình như nàng còn dùng vỏ trái cây đó để chà sát lên lớp da nữa.”

Bà vương hậu nói thêm: - “Các phụ nữ Ấn Độ cũng thường dùng trái cam thay cho thanh yên, cô Westley à. Họ ép vỏ cam lấy dầu, trộn với sữa tươi, dùng bông phấn đắp lên da. Nghe nói vài hãng mỹ phẩm của phương Tây cũng áp dụng phương pháp đó, tất nhiên có sửa đổi đi, để chế ra chất dầu thơm, giữ được mùi thơm lâu hơn.”

Giọng nói bà rất êm dịu mà thoang thoảng, và nói rất chậm rãi, nhấn từng âm, thật hoàn hảo.

Cha Francis cất tiếng cười: - “Những vấn đề này thì tôi mù mịt, Ông Lớn ạ, và tôi cũng chẳng quan tâm chút nào. Thưa cô Westley, để thay đổi đề tài, xin cô cho biết vì chuyện tình cò nào cô tới Amarpur? Hiện thời, chưa du khách nào đặt chân tới đây, dù rằng tôi rất mong mỗi nơi đây sẽ là một trung tâm du lịch, khi khách sạn giữa hồ xây dựng xong. Nhưng thật tình mà nói, tôi chẳng trông mong chuyện đó, cứ ở yên tại ngôi nhà miền núi của mình cũng tốt lắm rồi. Tôi là tu-sĩ của hội truyền giáo bên cạnh sắc tộc Bhil, một nhóm người hấp dẫn lắm, cô Westley ạ.”

Nàng đáp: - “Tôi không được biết những người đó. Thưa Cha, thật tình tôi chẳng biết gì về xứ Ấn Độ. Tôi chẳng phải một du khách, quyết định tới đây trong một lúc buồn rầu, chán nản, và cũng muốn thu nhặt kinh nghiệm cho mình...”

Nhưng tại sao lại chọn Amarpur? Nơi đây quá nhỏ bé, sự thật là chữ “pur” có nghĩa là: “tỉnh lỵ”. Nơi đây chẳng phải một thành phố lớn.

Nàng đưa mắt cho ông Jagat, có ý cầu khẩn, và ông vội lên tiếng:

Tôi gặp cô Westley tại khách sạn Ashoka, ở New Delhi. Lúc đó, tôi rất buồn rầu và chán nản, tinh thần căng thẳng vì cái chết của Jai. Tôi nản chí vô cùng, lần đầu tiên được biết thế nào là cô đơn, xa cách những người quen biết. Và rồi tôi được gặp cô Westley, đang chơi đàn dương cầm, cô là một nhạc sĩ dương cầm tuyệt vời đó...”

Ông quay qua vợ: - “Anh chợt nhớ tới một điều, em Moti yêu quý ạ. Chúng ta phải cho đưa ra một trong các đàn dương cầm ở đây tới chỗ lầu đài giữa hồ, để cô Westley có thể chơi nhạc ưa thích của cô.”

Bà Moti đáp khẽ: - “Tất nhiên.”

Ông Jagat nói: - “Tốt lắm!” Và kể tiếp: - “Chúng tôi tự giới thiệu, và tôi có kể cho cô nghe về tòa lầu đài giữa hồ, nên cô tò mò muốn biết về Amarpur, và cô đã tìm tới đây. Phải nói là tôi đã kinh ngạc. Bởi vì lúc ngỏ lời mời cô tới chơi, tôi không xem là câu nói nghiêm chỉnh. Đúng ra, tôi nghĩ rằng cô sẽ đợi tới lúc khai trương khách sạn cơ đấy. Nhưng cô đã tới sớm, và ông Osgood nhường phòng cho cô, vì phòng đó có buồng tắm, là buồng tắm duy nhất được sửa sang lại cho hoàn chỉnh.”

Nàng nói: - “Quả thật hoàn chỉnh. Tôi thấy thoải mái và vui sướng lắm. Mỗi ngày tôi lại khám phá ra một điều mới mẻ, tại tòa lầu đài giữa hồ, cũng như tại thị trấn Amarpur này.”

Cha Francis vẫn không bỏ qua: - “Cô vẫn chưa cho chúng tôi biết lý do đích xác vì sao cô tới đây, cô Westley ạ.”

Nàng đáp: - “Tôi không biết.” Và nhìn thẳng vào mặt ông tu-sĩ, ánh mắt nàng rất thành thực: - “Tôi không biết, và tôi sẽ ở lại đây cho đến khi tôi tìm ra điều muốn biết.”

Một người hầu mặc quần áo trắng, khăn quàng cổ rộng bản và đồ chót, xuất hiện ở cửa: - “Bữa tối đã dọn rồi, thưa Ông Lớn.”

Ông Jagat nhanh nhẹn đứng dậy: - “Tốt lắm, anh Rodriguez!” Và ông nói thêm: “Moti, em yêu quý, chúng ta nên ngăn cản anh ấy đừng kêu Ông Lớn, Bà Lớn nữa nhé.”

Bà đứng dậy: - “Kêu sao bây giờ, anh Jagat? Anh ấy đã quen miệng...”

Cha Francis Paul góp ý: - “Cứ để vậy đi. Cứ để anh ấy tiếp tục giữ những tục lệ tốt của chúng ta.”

Bà Moti đưa tay ra: - “Mời cô Westley. Tối nay chúng ta theo tập tục của người Anh Quốc, đóng vai những người Tây Phương hoàn chỉnh.” Và vỗ nhẹ bàn tay cô gái, kéo nàng rời xa ông Jagat, dẫn vào phòng ăn.

Họ ngồi tại phòng ăn rộng mênh mông, bàn ăn cũng rộng lớn: sau mỗi ghế, một người hầu đứng đợi, trong lúc cha Francis Paul cầu kinh, bà Moti cúi đầu theo phép lịch sự, nhưng ông Jagat ngồi thẳng người. Cuối cùng, vị tu-sĩ làm dấu thánh giá, rồi ngừng đầu, duyên dáng mỉm cười với chủ nhà. Tức thì những người hầu dọn thức ăn. Bà Moti từ chối mọi món ăn có thịt, và ông Jagat giải thích với cô Brooke:

Nhà tôi theo Ấn Độ giáo, nên không ăn thịt. Bà cũng theo Thiên Chúa, nhưng chưa rửa tội. Cha Francis Paul đang cố gắng khuyên bà chỉ nên tin vào chúa thôi, nhưng bà vẫn cho rằng đạo nào cũng tốt lành cả, cùng lúc tuân theo tôn chỉ của nhiều đạo giáo vẫn giữ được như thường.

Bà Moti nói nhỏ nhỏ: - “Em tin theo cả Mahatma Gandhi nữa.”

Vị tu-sĩ khuyến khích: - “Bà vương hậu là tín đồ Thiên Chúa rất ngoan đạo.” Và quay qua cô Brooke: - “Cô ngoan đạo chứ, cô Westley?”

Ông Jagat ngăn cản: - “Đừng bàn chuyện tôn giáo, ăn mát ngon! Ném thử món cừ rán này đi, cô Westley. Bảo đảm không phải thịt dê. Tôi có một trang trại chăn nuôi ở chân núi.”

Nàng gấp lấy thức ăn, mỉm cười với bà Moti, như muốn xin lỗi. Ông Jagat ăn uống tự nhiên, nói tiếp: - “Tôi nuôi bò và cừu của Anh Quốc, chọn những giống rất tốt, để lấy thức ăn. Tôi đã cấm không cho chúng bắt cá dưới hồ mời cô xoi! Vì chúng có mùi bùn. Chỉ dành để nuôi cá sấu thôi. Còn về trứng gà thì...”

Cha Francis Paul lên tiếng; - “Kìa, kìa, chính tôi chỉ ăn cá và trứng gà địa phương thôi. Ngon chán!”

Ông Jagat nói: - “Cám ơn cha đã bênh vực món ăn của chúng tôi. Nhưng tôi chẳng mắc lừa đâu. Thức ăn của chúng tôi dở ẹt, chỉ nhờ cách nấu Ấn Độ nêm ớt và tiêu đánh át mùi vị đi. Đừng đem chuyện ái quốc giả hiệu mà hù nhau! Tôi biết mặt mạnh và mặt yếu của chúng tôi, và tôi khoái món ăn Anh Quốc hơn.”

Quả thật món ăn đều là món Anh Quốc, ngoại trừ bánh mì là của Ấn Độ, một loại bánh làm bằng bột mì chiên dầu thực vật.

Cô Brooke nói: - “Tôi thấy loại bánh này ngon tuyệt.”

Ông Jagat đáp: - “Đúng, rất ngon, nhưng không bổ dưỡng. Có lẽ để ăn chơi thì hay hơn.”

Vài câu nói rời rạc, khó chịu và không ăn nhập với nhau, đã kéo dài suốt bữa, đột ngột chấm dứt vì bà vương hậu Moti dùng ăn giữa chừng. Nãy giờ bà chỉ ngồi ăn món chay, bỗng bà đặt gọn gàng dao và nĩa lên đồ ăn của bà, ngược nhìn Brooke, cặp mắt sâu hoắm và soi mói. Bà lên tiếng:

Chúng ta ra bãi đất trống uống cà-phê và rượu hồng, được không anh Jagat?

Ông nhìn lên, ngạc nhiên: - “Được thôi...”

Ông đi trước dẫn đường, và tới bãi đất trống, ông xếp đặt chỗ ngồi cho từng người.

Cô Westley, mời cô ghé này. Cảnh giữa hồ rất đẹp, nhất là bây giờ chúng ta đã có điện ở tòa lâu đài giữa hồ. Tất nhiên mới chỉ thắp sáng nhờ máy phát điện thôi, nhưng cũng chẳng sao...

Brooke ngồi xuống chiếc ghế bằng gỗ tẻch có lót nệm, thì thầm: - “Tuyệt đẹp.”

Moti, em ngồi chỗ cũ... dưới cây cổ thụ. Anh biết em không ưa ánh trăng!

Bà ngồi xuống chiếc ghế lót nệm: - “Nhìn ánh trăng, em cảm thấy ớn lạnh tận xương. Êm dịu hơn ánh mặt trời, nhưng lại nguy hiểm hơn nhiều.”

Ông Jagat tiếp tục chỉ dẫn: - “Ghế bên cạnh là của Cha đấy.”

Xong xuôi, ông mới ngồi xuống, bên cạnh một bàn nhỏ, và ông châm một điếu thuốc. Mọi người đều im lặng. Nàng tự nhủ không hiểu điều gì sẽ được đưa ra, ai sẽ lên tiếng trước và liệu rằng có cần thiết phải nói năng không. Nàng cứ ngồi nghỉ ngơi và chờ đợi, nhìn cảnh vật phía trước. Đêm yên tĩnh, không khí trong trẻo, ánh trăng dịu dịu tỏa trên đỉnh núi. Bóng cây cổ thụ buông xuống bãi đất trông thật âm u, và bà Moti ngồi chỗ tối tăm đó, có cha Francis Paul ngồi khá gần, đủ nghe bà, mỗi khi bà lên tiếng. Riêng Brooke quay nhìn phong cảnh, tiếp tục giữ yên lặng, say mê trước cảnh đẹp.

Chỉ có ông Jagat là tỏ vẻ bồn chồn, ngồi một lát lại đứng lên ngay, đi tới đi lui trên bãi đất. Ông ngả mình trên thành lan can, đong đưa hai chân ở phía ngoài, chỉ nhìn lại khi bà Moti không nhìn được nữa, phải lên tiếng giận dữ phản kháng:

Jagat, anh không giữ yên được sao? Còn đâu vẻ huyền ảo của đêm trăng? Và coi chừng anh có thể ngã từ trên cao này, nằm bất động trên sân lót đá phía dưới.

Cha Francis Paul lên tiếng dàn hòa: - “Phải chi có nhạc thì vui nhỉ.”

Brooke quay đầu lại: - “Đúng, đêm nay là đêm dành cho âm nhạc. Nãy giờ tôi cứ thắc mắc tự hỏi chúng ta thiếu điều gì. Thì ra là nhạc!”

Cha Francis Paul nói: - “Ông Lớn hãy trở tài đàn sarod của ngài đi. Lâu lắm rồi, tôi không được nghe tiếng đàn của ngài đây!”

Ông Jagat nói: - “Tôi không chơi đàn, chỉ vì một lý do...”

Cha Francis Paul ngỡ ý: - “Nếu thật Ông Lớn từ bỏ thì đáng tiếc đấy. Đàn đó rất khó học, ngày nay cũng ít người chơi cho hay.”

Ông Jagat hờ hững đáp: - “Tôi không có thời giờ.”

Bà Moti lên tiếng: - “Vô lý. Anh thiếu gì thời giờ? Ở đây ai dám bắt anh làm điều này, không làm điều nọ? Anh hoàn toàn chủ động mà.”

Brooke nói: - “Tôi chưa nghe nói tới đàn sarod. Thứ gì vậy?”

Cha Francis Paul giải thích: - “Đó là một nhạc cụ, giống như cây đàn banjo, nhưng lớn hơn nhiều. Ông Lớn chơi hay lắm đó. Sự thật là - nếu tôi nói sai, xin Ông Lớn chỉnh lại nhé - Ông Lớn đã học đàn từ thuở nhỏ, được tay đàn sarod giỏi nhất nước, là Ustad Allaudin Khan, truyền nghề.

Ông Jagat cho biết: - “Chính ông ta khiến tôi bỏ nghề đàn. Ông ta mắng tôi chẳng chịu luyện tập đầy đủ, nói rằng bản thân ông ta không ngừng luyện tập, mỗi ngày mấy tiếng đồng hồ, tới năm bốn mươi tám tuổi vẫn không dám tự xưng là một “ustad”, có nghĩa là “ông thầy”. Có lần, tôi cũng tự nghĩ mình có thể trở thành một ustad... nhưng có những điều tôi ưa thích hơn là chơi đàn sarod...”

Từ bóng tối, tiếng bà Moti bay ra: - “Như giết cọp chẳng hạn!”

Ông Jagat cười ròn: - “Bóng đá nữa chứ.”

Cô Brooke nói giọng quả quyết: - “Tôi mong ước được nghe tiếng đàn sarod.”

Ông Jagat ngán ngừ, nhưng rồi vỗ tay, và một người hầu vắn khăn xuất hiện.

Ông Jagat ra lệnh: - “Đàn sarod!”

Người kia gật đầu, biến đi, lát sau trở lại đem theo một khối lớn hình thù không rõ rệt. Anh ta thận trọng mở ra, đặt qua một bên lớp lót hai mặt: nhung đen và xa - tanh vàng. Anh ta đưa nhạc cụ vào tay ông Jagat. Brooke đứng dậy, lại gằn, đưa tay sờ thân đàn nhãn nhúm và bóng loáng. Nàng thì thầm: - “Nhấn như xa - tanh.”

Ông Jagat kể: - “Đàn này của thân phụ tôi ban cho, hồi tôi lên chín. Nó được chế tạo bằng gỗ tếch, xẻ ra từ một cây tếch cổ thụ rất lớn, để thân đàn là một khối không chấp vá. Nó có hai mươi lăm dây, và chiếc móng để khảy đàn này làm bằng vỏ dừa bào nhẵn. Tôi để mất hai lần, và ba tôi quyết không mua chiếc mới, bắt tôi tìm cho ra, rồi mọi người đổ đi tìm, lật tung cả nhà. Đàn này chỉ gảy mười dây, mười lăm dây kia sẽ rung theo. Nhưng tôi không thích chơi độc tấu, mà phải đi kèm với trống hoặc đàn bầu. Nhờ tiếng đàn bầu, tôi có thể chinh lại đàn sarod của tôi...Nhưng này, anh chỉ phát huy hết tay nghề nếu có em, Moti...”

Bà nói khẽ: - “Được rồi, đem đàn bầu ra đây.”

Ông lại vỗ tay, và người hầu lại xuất hiện, như một bóng ma, không nói tiếng nào, và nghe lệnh chủ lại đem đàn bầu dâng lên bà chủ. Bà đưa hai tay ra đón, khảy đàn. Nghe theo tiếng đàn bầu, ông Jagat chỉnh lại dây đàn của mình. Trước khi chơi, ông lại lên tiếng:

Đây là âm nhạc chốn triều đình. Ngày xưa, người dân không được quyền nghe, nhưng bây giờ Thầy Al Abbar Khan đưa vào ban hòa tấu cho dân chúng nghe... ngay cả bên Hoa Kỳ nữa. Ông ta là con trai thầy dạy đàn tôi đó. Tôi xấu hổ, chẳng bao giờ chơi đàn trước mặt con trai ông ta. Cho tới năm lên chín, tôi bị cha ông ấy ngăn cấm, không cho nghe nhạc Tây

phương. Sau nhờ thân phụ tôi năn nỉ, tôi mới được phép học vài bài nhạc cổ điển. Tôi ưa thích nhất nhạc sĩ Bach. Nhạc của ông khiến tôi nghĩ tới nhạc Raga của Ấn Độ.

Bà Moti ngỏ ý : - “Em thích nhạc tala hơn.”

Ông Jagat nói giọng chán ghét: - “Chỉ được cái tiết điệu rên rỉ thôi! Thật ra, nhạc Ấn Độ chẳng có gì đáng cho chúng ta tự hào. Sau này, nhờ phối hợp với nhạc Tây phương, âm nhạc chúng ta mới có được chút mới mẻ. Ở bất cứ địa hạt nào, người Ấn Độ cũng không thoát khỏi truyền thống cũ. Quá khứ vây hãm chúng ta như nhà tù.”

Bà Moti nóng nảy lên tiếng: - “Bắt đầu chơi đàn đi chứ, anh Jagat. Tại sao trước khi làm việc gì anh cũng phải nói lảm nhảm như thế?”

Ông bắt đầu dạo đàn và đột nhiên không khí ban đêm vang lên những tiếng nhạc. Brooke nhìn chăm chú vào khuôn mặt say mê của ông, nhận ra một người đàn ông mà nàng không thể tưởng tượng nổi lại hiện hữu, một người đàn ông đam mê mà thơ mộng, xa lạ với nàng nhưng lại vô cùng quyến rũ. Nàng cảm nhận một điềm báo trước, khẽ rùng mình sờ sợ. Nàng hiểu ngầm rằng đó là trạng thái đang yêu, một trạng thái tâm trí và xúc cảm mà nàng e-ngại, vì hiểu rằng điều đó ở ngoài địa hạt kiểm soát của lý trí.

Ngay lúc đó, bà Moti lên tiếng: - “Chắc hẳn cô đã nghe nói con trai tôi mất rồi chứ?”. Giọng của bà lạnh lạnh mà bình thản.

Nàng giật mình kinh hãi, nhìn thẳng vào đôi mắt sâu, quá lớn trên khuôn mặt xanh xao, núp dưới bóng cây cổ thụ:

- Tôi có biết... tôi được nghe chuyện đó rất bi thảm...

Bà Moti nói tiếp: - “Chẳng có gì là bi thảm cả. Bởi vì phải hiểu là con trai tôi không chết. Tôi có bằng chứng rõ ràng nó vẫn còn sống.”

Ông Jagat đặt đàn xuống: - “Kìa, Moti...”

Bà đưa cao bàn tay nhỏ nhắn, nước da xanh xao:

- Em xin anh, Jagat! Để em nói. Em đã chờ đợi, bây giờ mới khám phá ra cô Westley. Chỉ có vài người ta có thể thổ lộ tâm sự, còn với những kẻ khác. Em cảm thấy có thể nói chuyện với cô ấy. Em biết cô ấy đang có cảm tình. Cô thấy đó, cô Westley, tôi biết rõ con trai tôi chưa chết. Tôi đã giải thích chuyện này với Cha Francis Paul. Cha hiểu tôi, phải không, Cha?

Cha Francis Paul đáp giọng êm dịu: - “Tôi hiểu bà.”

Bà Moti nói tiếp, giọng hăng say nhưng bình thản: - “Đúng, cha thông cảm với tôi. Cô thấy đó, cô Westley, giữa một bà mẹ và đứa con trai có điều gần gũi, không giải thích được. Nếu con trai tôi đã chết, thì nội tâm phải cho tôi biết điều ấy. Nhưng tôi vẫn sống bình thường. Mỗi sáng thức dậy, tôi không thấy buồn phiền, chỉ thấy bình yên, là vì nó còn sống. Nó có thể ở tù, đi đày, nhưng vẫn sống. Nhiệm vụ của chúng ta bây giờ là tìm xem nó ở đâu.”

Ông Jagat đột ngột đứng dậy, khiến mấy cái đĩa trên bàn nhỏ gần bên ghế của ông rớt xuống, vỡ tan tành. Mấy người hầu nhào lại, nhưng ông Jagat không buồn để ý tới.

- Moti, anh cảm em.

Bà cũng đứng lên: - “Jagat, anh có chịu nghe em bao giờ đâu? Vì thế, em phải nhờ người khác giúp đỡ. Cô Westley, hãy giúp tôi... tôi van cô, tôi lạy cô!...”

Bà chấp tay như van lạy. Cô Brooke nhìn ông Jagat, rồi nói với bà Moti:

- Tôi còn biết nói sao, nếu không phải là sẵn lòng ra tay, nếu như biết được có thể giúp đỡ bà cách nào?

Ông Jagat nói giọng cộc cằn: - “Không ai giúp nổi bà ấy. Bà ấy yêu cầu điều vô lý.”

Nàng hỏi lại bà Moti: - “Bà yêu cầu điều gì?”

Nàng cảm thấy mềm lòng, một tình thương rất lạ đối với người đàn bà này.

- Xin một người nào đó đi tìm con trai tôi. Tôi yêu cầu có vậy thôi... Xin ai đó tìm con trai tôi!

Ông Jagat lại mất bình tĩnh. Ông dậm chân, và xô mạnh chiếc ghế lớn đang ngồi, khiến nó ngã chổng lơ.

Ông kêu lên: - “Trời ơi, chúng ta hãy rời ngay chỗ này. Cô Westley, nếu biết nhà tôi yêu cầu cô một điều vô lý như thế, không đời nào tôi mời cô tới đây. Bà ấy biết rõ con trai chúng tôi đã chết, chỉ không chịu tin đấy thôi.”

Bà hỏi lại: - “Nhưng làm sao ông biết đó là điều vô lý?”

Cha Francis Paul thì thầm: - “Trong chúng ta có người nào hiểu về sống và về chết đâu?”

Mọi người đều đứng dậy, cùng đưa mắt nhìn nhau. Ông Jagat lên tiếng, quyết định dứt khoát. Ông nói như ra lệnh.

- Đi theo tôi, cô Westley. Chúng ta hãy qua tòa lâu đài bên kia. Tôi muốn chỉ cho cô xem phòng thiết triều của thân phụ tôi. Xin lỗi nhé, Moti... Xin tha thứ lỗi chúng tôi. Ông đưa tay ra, và nàng chỉ còn biết tuân theo. Hai người rời phòng, qua hết hành lang rộng này tới hành lang rộng kia, và ông cất tiếng kể chuyện cho nàng nghe, không phải vì các vị tiên tổ ngồi cai trị trên ngai vàng, cũng không phải về con trai ông, mà ông nói

chung về người Trung Quốc đang gây áp lực ở biên giới phía Bắc và phía Đông.

- Chuyện người Trung Quốc xâm lăng chẳng phải điều mới mẻ gì. Nhà tôi lại không thể hiểu nổi điều đó. Bà coi đó là chuyện nhất thời, một trận tấn công đơn thuần, sau đó hòa bình lại được thiết lập. Hơn một trăm năm, hay đúng ra gần hai trăm năm trước Thiên Chúa, đã có một bộ lạc từ phía Tây Trung Quốc tràn sang xâm chiếm, và định cư ở biên giới Ấn Độ. Con cháu họ đã cai trị đất Ấn. Họ là những người cao lớn, mũi tẹt và da vàng, khác xa với sắc dân Mông Cổ mắt xếch. Chỉ có Thượng Đế mới biết rõ bộ lạc Nguyệt Chi đó từ đâu tới!

Nàng lắng nghe, biết rằng ông đang nói tới mối lo sợ nội tâm của riêng ông. Nàng lên tiếng, đánh bật đi:

- Theo ông, có hy vọng gì con trai ông còn sống không?

Ông ngừng lời, đặt tay lên một đầu cọp nhồi bông, sau mới đáp:

- Sự thật là tôi không được thấy xác nó.

*

Nửa đêm, nàng thức dậy, nghe có tiếng đàn rên rỉ từ bên kia hồ đưa tới. Nàng rời khỏi giường, ra chỗ cửa sổ để mở. Rèm cửa buông xuống, nàng vén sang một bên. Trăng đã lặn, mặt hồ lấp lánh như một hoi vàng rất lớn. Nàng nhìn trăng với một nỗi buồn không hiểu nổi. Vì sao trăng lặn lại buồn hơn mặt trời lặn? Trong lúc mặt trời rùng rục ánh lửa cho ta ý niệm về tuổi trẻ, thì ánh trăng bàn bạc, vàng trắng không đều đặn, cùng với nhận định về trăng già cỗi và là một hành tinh chết, tất cả những điều đó cho ta nhận thức về cuộc đời ngắn ngủi.

Nàng cứ ở đây chờ đợi, mà không hiểu chờ đợi điều gì, và chờ đến bao lâu. Nhưng ở đây, nàng cảm thấy bớt cô đơn hơn bất cứ chỗ nào khác. Và

hôm nay, nàng đã có được một nhận định mới. từ trước đến giờ, nàng chưa gặp được người đàn ông nào mà nàng có cảm tình mãnh liệt như đối với ông Jagat. Yêu thì chưa yêu - chắc chắn nàng chưa thể điên rồ nghĩ đến chuyện yêu đương lúc này - nhưng nàng cảm thấy mình phải ở gần bên ông, ít nhất cũng ở gần cho tới lúc tìm hiểu được tình cảm của nàng có ý nghĩa như thế nào, và chắc chắn phải có một ý nghĩa thôi, nếu như nàng thành thật với lòng mình.

Nàng đợi cho đến lúc mặt trăng lặn xuống đằng chân trời, ánh sáng chỉ còn thoi thóp, bóng tối đã buông xuống nhẹ nhẹ, nàng mới trở lại giường, lăn ra ngủ.

Buổi sang, nàng thức dậy khi nghe tiếng chày đập vải bên bờ hồ, và nghe tiếng cào nhẹ vào vách cửa. Bây giờ nàng đã hiểu được rằng tiếng cào cửa đó là thay cho tiếng gõ cửa. Nàng trở dậy, khoác áo lên mình, ra mở cửa. Một người hầu đứng sẵn đó, lên tiếng:

- Cô bé yêu quý, già này phải đánh thức cô là bất đắc dĩ đây. Ông Lớn đã đi thuyền qua hồ, tới đây, ngó ý muốn nói chuyện với cô.

Nàng nhướn cặp mắt ngái ngủ nhìn ông lão:

- Nhưng tôi chưa tắm rửa, thay quần áo, cũng chưa ăn sáng...

- Ông cũng chưa ăn. Ông nói rằng, nếu cô vui lòng, thì ông sẽ tới gặp cô tại văn phòng nhỏ lót đá hoa, để cùng điếm tâm.

Nói với ông rằng hai mươi phút nữa, tôi sẽ sẵn sàng.

Người hầu gật đầu và biến đi ở chỗ hành lang. Nàng đóng cửa, khóa lại, vì sợ rằng có thể có một gia nhân vì nhiệt tình muốn phục vụ, bất chợt vào phòng không gây một tiếng động, đòi giúp đỡ cho bằng được. Có lần nàng lên tiếng phản đối, thì ông lão tỏ ý méch lòng: - “Nhưng cô bé yêu quý ạ, già này thương yêu cô, chỉ muốn giúp đỡ cô thôi.”

Làm sao có thể từ chối tình yêu của những con người như thế? Chỉ còn một cách là gài chốt cửa bên trong, tắm rửa, thay quần áo cho nhanh. Lúc nàng mở cửa, đã thấy ông Jagat có mặt, ngồi tại chiếc bàn nhỏ bằng đá hoa, đặt trong căn phòng nhỏ, nơi nàng vẫn ngồi ăn sáng. Thấy nàng, ông đứng dậy liền:

- Xin cô tha lỗi tôi tới sớm. Đêm qua tôi không ngủ được. Cô đi khỏi rồi, cha Francis Paul và nhà tôi dẫn vạt tôi. Như cô biết, nhà tôi tin chắc rằng con trai tôi vẫn còn sống. Hoặc giả nhà tôi cố thuyết phục ông tu-sĩ người Anh, hoặc giả ông ta cảm động trước nỗi bất hạnh của gia đình tôi, tôi chẳng dám quyết đoán. Có lẽ chính ông ta cũng không nói được.

- Mời ông ngồi xuống đã. Nàng nói và ngồi xuống trước.

Người hầu lại xuất hiện, mang theo một khay đựng bữa điểm tâm. Trước mặt ông ta, hai người đành giữ im lặng. Ông ta định đi, thì ông Jagat lên tiếng, nhìn nhanh trên mặt bàn, vẻ nghiêm khắc:

- Đứng lại đã! Đây là món mứt Anh Quốc chứ?

Người kia lấp bắp: - “Thưa Ông... Ông Lớn, làm sao tôi biết được món mứt của nước này hay nước khác? Tôi chỉ là một người Hồi đáng thương.”

Ông Jagat cầm lấy chiếc muỗng nhỏ, nếm thử món mứt đựng trong chén thủy tinh có chân bằng bạc, lên tiếng công nhận.

- Quả là mứt của Trung Quốc. Anh có thể lui.

Người kia lau trán đầm mồ hôi, cúi chào và rút lui.

Nàng cười rộ: - “Ông bắt buộc phải dọa người đó hay sao, Ông Lớn?”

- Tất nhiên. Phải dọa cho sợ, mới biết vâng lời. Dù không phải Ông Lớn, ở đây tôi vẫn là chủ. Nhưng, xin lỗi cô Westley nhé... đừng nói tới danh hiệu nữa! Chúng ta là bạn mà. Tôi đang gặp chuyện lo lắng lớn, lại không có ai để thổ lộ tâm can. Cô vui lòng gọi tôi là Jagat chứ?

- Nếu ông cũng gọi tôi là Brooke.

- Khó lắm thay. Người Ấn chúng tôi không thể... Tôi biết nói sao đây? Thôi được, chớ bận tâm. Tôi sẽ làm theo ý cô muốn. Cô ăn đi, và nghe tôi nói. Riêng tôi, tôi chẳng muốn ăn. Nhà tôi buồn bực, khóc suốt đêm. Thật tình là lúc bấy giờ... Lúc đó là mấy giờ nhỉ? Không biết nữa, chỉ thấy trăng đã lặn.

- tôi cũng thức dậy, ra chỗ cửa sổ, vén màn cửa qua một bên, và thấy trăng bắt đầu lặn... Ôi vàng trăng khuya! Và tôi cảm thấy buồn rầu lạ kỳ! Đến bây giờ, cảm giác buồn đó vẫn chưa tan, dù rằng ngày hôm nay rất đẹp. Thành phố đang rực rỡ ánh nắng!

- A, cô thấy đó, nhất định đã có một sự cảm thông! Phải chăng đó là cảm tình của chúng ta. Có lẽ chúng ta đã quen nhau ở một kiếp trước.

Nàng nhanh nhẹn hỏi ngay: - “Ông tin chuyện đó?”

Ông nhún vai: - “Làm sao tôi biết được mình tin tưởng điều gì? Tôi là một người Ấn Độ tân tiến.”

Nàng hỏi lại; - “Có một Ấn Độ tân tiến hay sao?”

Ông cười gằn: - “Co hỏi vậy chẳng phải điều lạ lùng gì, vì cô chỉ thấy ở đây một Ấn Độ cổ xưa nhất. Có thể nói chúng tôi chẳng thay đổi gì, và cô chỉ thấy được một khách sạn tân tiến, thiết lập trên nền tảng một tòa lâu đài, xưa kia các vị vua chúa tới nghỉ hè. Tôi tới đây hồi còn bé, cùng với ông nội, và sau này là cha tôi. Họ mang theo cung phi tới đây, trong lúc bà nội và má tôi ở lại tòa lâu đài trên đây liền. Chẳng biết tôi có nên cho cô biết

căn phòng cô đang trú ngụ chính là phòng của cô gái người Hy Lạp, và ông nội tôi cho xây phòng nhỏ này là để dành cho cô ta ngồi ngoài cửa hưởng gió mát và tránh nắng.”

Nàng nói: - “Tôi vui mừng được ông cho biết điều đó. Đôi khi tôi cảm thấy dường như có người ở đây với tôi, bây giờ tôi biết người đó là ai rồi.”

- Cô tin có thể óc những chuyện đó xảy ra hay sao?

- Từ lúc đặt chân đến đây tôi mới tin. Bây giờ, tôi có những cảm giác kỳ lạ và mới mẻ. Tôi nói mới, chỉ là mới với tôi thôi. Đó là nhận thức hơn là kiến thức.

Ông nói: - “Vậy nên, cô đã hiểu quá khứ đè nặng lên chúng tôi như thế nào. Cảm giác đó người ta đều thấy tại những nước cổ xưa như Ấn Độ, Trung Quốc. Chắc hẳn cô cũng đã hiểu được một phần nào những chuyện lộn xộn xảy ra nhân cái chết của con trai tôi. Tôi chẳng biết phải làm sao đây. Tìm kiếm nó tất nhiên là phí công vô ích rồi, tôi tin chắc như vậy... nhưng tôi vẫn muốn tìm cách nào trấn an nhà tôi... nói đúng ra là an ủi mới phải. Tôi muốn an ủi bà, chiều ý bà...”

Nàng bảo: - “Thiết tưởng ông nên làm vậy. Nhiệm vụ của ông là tìm đủ cách để an ủi bà!”

Hai người nhìn nhau, và nàng không hề chớp mắt trước tia mắt soi mói và sắc sảo của ông. Cuối cùng, ông lên tiếng:

- Tôi không thể giải thích được, chẳng hiểu sao tôi có cảm tưởng đã quen cô từ lâu rồi.

Nàng nói: - “Tôi cũng vậy. Tôi cũng không giải thích được, và cũng có cảm tưởng giống như ông vậy.”

Ông đứng dậy, bước ra lan can phía trước, nhìn qua bờ hồ, tới tòa lâu đài của tiên nhân. Lá cờ của vương quốc phất phới trên đỉnh tháp cao nhất, tung bay trước gió sa mạc khô khan.

Ông lên tiếng: - “Tôi đã cắm treo lá cờ này cơ mà. Đã nói bao lần rằng tôi không còn được quyền giữ một lá cờ hoàng gia nữa. Vậy mà dân chúng vẫn nhất quyết giữ nó ở đây.”

Nàng nói: - “Dân chúng muốn luôn được tin tưởng vào ông.”

Hai người yên lặng rất lâu, theo đuổi ý nghĩ riêng của mình. Đột nhiên ông quay lại nhìn nàng:

- Vậy là tôi phải tiến hành một cuộc tìm kiếm không kết quả!

- Ông nghĩ vậy sao?

- Đúng... chẳng cần lý do sâu xa gì cả, chỉ vì một nỗi giận dỗi là chưa làm việc đó, tôi chưa thể yên ổn được. Nhà tôi chẳng trách móc hay thúc ép gì tôi đâu. Nhưng bà cứ buồn bã, héo hon tới chết. Nửa đêm hôm qua, lúc nhà tôi lui về phòng, còn một mình tôi với cha Francis Paul, cha có nói tôi biết như vậy. Cha không phải linh mục tinh thần của chúng tôi - cô cũng biết đó, tôi chẳng xung tội với ai bao giờ - nhưng cha có những nhận định về vợ tôi... khá tốt.

Nàng không để ý tới những lời than vãn kể lể của ông, đặt một câu hỏi riêng của nàng:

- Ông nghĩ sao, nếu tôi ngờ ý sẵn lòng theo ông đi tìm kiếm?

Ông ngòì phịch xuống ghế, tì tay lên mặt bàn, nhìn thẳng vào mặt nàng:

- Cô không thể nghĩ tới chuyện như vậy.

- Được lắm chứ? Nhưng thôi, trước hết tôi muốn hỏi: liệu ông có cho phép tôi không?

Ông kinh ngạc thật tình. Mặt ngệt hấn ra: - “Tôi... biết nói sao đây? Tôi không hề nghĩ tới việc cho phép hay không cho phép cô. Nếu cô là một cô gái Ấn, thì nhất định là không được rồi. Và lại, nếu là gái Ấn, chắc hẳn cô cũng không nghĩ đến chuyện này. Tôi cũng chưa biết ý nhà tôi ra sao, nhưng tôi thấy là đối với cô có một cảm tình nồng hậu khác thường đấy.”

- Tôi chỉ muốn hỏi: Ông có thích cho tôi đi chung với ông không? Đối với tôi, đó sẽ là một dịp rất tốt để thăm thú Ấn Độ... chưa kể đến việc tìm ra điều gì mới mẻ về con trai ông.

Ông ngần ngừ: - “Tôi đang ngại phải đi một mình đây. Tất nhiên là cũng có người hầu, gia nhân đi theo, nhưng...”

Ông bỏ nữa chừng, suy tư.

Nàng nài nỉ: - “Hay là tôi đích thân xin phép bà vương hậu?”

Ông tỏ vẻ an lòng: - “Phải đó. Như vậy tốt hơn. Vì cô là người Hoa Kỳ, nhà tôi sẽ không ngạc nhiên, xúc động gì. Phải khen các phụ nữ đồng chủng với cô, đã nổi danh thích gì làm nấy. Nhưng báo trước với cô, chuyến du hành này rất vất vả, và tôi cũng chưa biết nó dẫn tới đâu.”

- Dẫn tới chỗ nào, mặc kệ nó!

*

Bà Moti nói: - “Cô quá tử tế. Không hiểu sao cô lại vui lòng làm chuyện này?”

Nàng đáp: - “Chính tôi cũng không hiểu. Chỉ biết rằng tôi làm theo cảm tình, mà cảm tình đó hướng về bà đây. tôi sẽ gọi bà thế nào nhỉ? Nếu bà cho phép, tôi muốn gọi Bà Lớn, được không?”

Nàng nói rất thành thật, vì cảm thấy có tình thân thiện. Và nàng đã ngạc nhiên khi thấy bà Moti đặt tay lên tay nàng, bàn tay rất mềm mại, và nàng cảm nhận rõ ràng.

- Xin gọi tôi là Moti. Đó là tên thật của tôi, có nghĩa là Ngọc Trai, và tôi rất thích tên gọi đó.

Nàng vẫn ngồi yên, lát sau bà Moti mới rút tay ra, nhắc lại: - “Thế nhé!”

Nàng đáp: - “Tôi sẽ gắng. Nhưng lúc đầu cũng khó khăn đấy, chẳng biết có quen miệng được không, đành xin lỗi trước. Và chẳng, bản chất tôi là con người xa cách, các bạn tôi thường chê tôi như vậy. Có lẽ chỉ vì tôi là con một, lại lớn lên bên người bà quá cầu nệ nghi... thức. Tôi cho rằng chính vì vậy mà tôi đã tới Ấn Độ này. Tôi chưa hề cảm thấy như ở nhà, dù rằng đang ở tại ngay đất nước tôi. Tôi đang tìm hiểu thế giới.”

Nàng ngừng lại, nhận thấy nét buồn trên mặt bà Moti, nàng nói tiếp:

- Tôi chẳng muốn để phiền lòng bà, chẳng muốn có điều gì lợn cợn, khó chịu giữa hai ta. Tôi chỉ cảm thấy điều đẹp đẽ thôi. Bà Moti, tôi có thể...

Mà Moti ngắt lời: - “Tôi cũng cảm thấy giữa tôi và cô chỉ có một điều, là cảm tình thôi. Cô biết không, tôi thấy nói chuyện với một người ngoại quốc, hoàn toàn xa lạ, lại dễ hơn là nói với một người trong nước? Chẳng hiểu cô có nhận thấy không, nhiều khi chúng ta có khuynh hướng ưa biện bác và bất đồng ý kiến ngay với một người nào đó đưa ra một quan niệm, là vì những điều chúng tôi nói ra chẳng có gì mới mẻ, chỉ rập khuôn theo những suy nghĩ của tiền nhân. Nhưng với một người ngoại quốc, chúng ta lại hoàn toàn thông cảm, chỉ vì không cùng chung nếp suy nghĩ cũ rích.

Riêng đối với cô, tôi lại không hề có cảm tưởng cô là một người xa lạ. Tôi thường tự hỏi phải chăng đã gặp cô trong giấc mộng?

Những lời bà Moti cứ tuôn ra thao thao, như không có gì ngăn chặn, và từ đáy sâu tâm hồn bà phát ra vậy.

Nàng đợi bà ngừng lại, mới lên tiếng: - “Tôi cũng không có cảm tưởng bà là kẻ xa lạ. Tại nơi đẹp đẽ này, tôi không cả thấy điều gì xa lạ. Hình như tôi đã gặp hai người từ trước: bà và Jagat.

Bà Moti ngắt lời: - “Cô nói tiếng “Jagat” quá dễ dàng. Tại sao cô không có cảm tưởng như vậy đối với tôi?”

- Bà khác, ông ấy khác. Ông ấy...

- Khác chỉ vì là đàn ông và đàn bà chứ gì?

Ồ, không, chẳng phải vậy đâu.

Nàng cảm thấy cặp mắt đen láy và soi mói của bà Moti nhìn thẳng vào mặt nàng, trong lúc bà lên tiếng hỏi nàng: - “Cô có tin vào giấc mơ không?”

- Bà muốn nói tới nằm mơ?

- Đúng vậy.

- Ít khi tôi mơ trong giấc ngủ.

Bà Moti nắm chặt hai tay: - “Đêm nào tôi cũng nằm mơ. Không phải luôn luôn có những giấc mơ quan trọng, nhưng...

Bà ngừng lại. Nàng lên tiếng hỏi: - “Giấc mơ quan trọng là thế nào?”

- Là giấc mơ ta không thể nào quên được. Chẳng hạn như giấc mơ tôi tin tưởng rằng con trai tôi chưa chết, dù rằng tôi được nghe nói xác nó đã thiêu ra tro, rắc xuống mặt nước. Tôi có nên kể cô nghe vì sao tôi tin con trai tôi còn sống không nhỉ? Ồ, bắt buộc tôi phải nói, cô mới hiểu được cho tôi!”

Bà lại ngừng lại, cau mày để tập trung tư tưởng. Căn phòng rộng họ đang ngồi, phòng khách riêng của bà Moti, hoàn toàn yên lặng. Cửa sổ mở toang, nhưng lúc đó đã gần giữa trưa, nên mọi người đã về nhà, để tránh nóng bức. Bà Moti bắt cảm xúc, hai tay chấp lại đặt lên áo dài, bắt đầu kể về giấc mơ của bà.

- Tôi phân biệt rõ giấc mơ quan trọng và những giấc mơ nhỏ nhất. Gọi giấc mơ nhỏ là khi ta chỉ mơ tới những điều lo nghĩ vụn vặt thường nhật. Giấc mơ quan trọng khác hẳn, và rất mới mẻ đối với tôi. Tôi mơ thấy mình ở nơi chưa từng thấy, ở giữa những người chưa hề quen biết. Một đêm nọ - tôi nhớ chắc chắn là đêm tôi mới hay tin con trai tôi bị giết chết - tôi đã có một giấc mơ như thế. Tôi thấy tôi nằm trên giường, tại phòng ngủ. Tôi đang nằm ngửa, hai tay đặt trước ngực. Tôi cảm thấy rất yếu đuối, không phải bệnh hoạn, nhưng rất yếu. Tôi không có cảm tưởng đang ngủ, mà nhận định rõ rệt rằng tôi đang hấp hối. Tôi cứ nằm yên như thế, gần đất xa trời, và một người, hình như là bác sĩ, bảo tôi rằng tôi sắp chết. Và rồi đột nhiên, tôi ngồi bật dậy, tự nhủ: “Ta không chết mà. Kẻ nào dám bảo ta đang hấp hối?” Và rồi tôi thấy tôi rời khỏi giường, mặc nguyên quần áo ngủ, ra khỏi tòa lâu đài. Tôi không chạy, chỉ bước ra ngoài thôi. Và tôi thấy tôi ở một chôn nọ, chưa hề được thấy bao giờ. Cảnh vật không phải xứ Ấn Độ. Tôi đang ở một sườn núi, và tôi chạy xuống, về phía thung lũng. Trên đường đi, tôi qua một ngôi đền đồ nát. Đó là một ngôi đền Ấn Độ, nhưng chỉ thấy cột, không thấy tường, và mái ngói sứt xuống. Tôi thấy một người nằm lăn ra đất, đã chết rồi. Đó là một thanh niên Trung Quốc. Anh ta bị bắn chết. Chính anh ta chết, chứ không phải con trai tôi. Không trì hoãn gì nữa, tôi bỏ chạy liền. Tôi chạy dọc theo thung lũng, thấy mấy đứa bé đang nô đùa, mặt trời lấp lánh trên một con suối. Đột nhiên tôi cảm thấy sung sướng, trở hẳn lại và

mạnh mẽ. Và tôi tỉnh dậy, Giác mơ đó, tôi nhớ như in, tưởng như mới thấy đêm qua thôi.

Bà ngừng lời, lo lắng nhìn nàng chăm chú, đợi xem nàng nói sao.

Brooke lên tiếng: - “Giấc mơ đẹp thay. Nhưng tôi không hiểu gì về mơ mộng.”

Giấc mơ đó giản dị nói lên rằng con trai tôi chưa chết. Kẻ chết là một người Trung Quốc, Jai vẫn còn sống, chúng tôi sẽ tìm ra.

Nàng đứng dậy, đưa hai tay, bà Moti nắm lấy, áp lên má bà, nói:

Cô là con gái tôi, Jagat là cha cô.

Veera nói: - “Em mong chị đừng tin chuyện vô lý của Má!”

Brooke đang nằm trên ghế dài nhòm dậy. Nàng đang ở hàng hiên căn phòng nhỏ, nằm nghỉ sau một chuyến cuộc bộ qua thành phố. Sau khi thăm viếng bà vương hậu, nàng trở về khách sạn. Chẳng thấy ai cả, ngoài các công nhân đang làm việc. Không thấy Bert Osgood, cũng chẳng thấy ông Jagat, và nàng rất buồn bực, bối rối. Có đúng là bà vương hậu ngây thơ như vẻ bề ngoài chăng? Người đàn bà này trông giống đứa con nít, suốt đời căm cung, chẳng cần hỏi han gì, sẵn lòng chấp nhận lời chồng đề nghị một chuyến du hành rất dài, đem theo một cô gái ngoại quốc trẻ trung, có thể vậy được chăng? Bà ta có nói một câu: “ Cô là con gái tôi”. Một câu ngắn ngủi đó thôi có ý nghĩa rõ ràng là lời bà mẹ nhắn nhủ con gái, một đứa con gái có thể tin cậy được, tự nguyện đi tìm em trai tên Jai, và phải đối xử đàng hoàng với ông Jagat, coi như cha. Brooke tự nhủ thậm chẳng nên dính vào việc này làm chi, và trong bụng nàng cũng chẳng muốn chút nào.

Trong lúc bực dọc nàng đã lang thang khắp các đường phố Amarpur, thị trấn Amar. Nàng đi hết con đường, cuối đường là một khu nhà san sát bên

nhau, và từ chỗ đó con đường bụi bặm dẫn tới một đầm lầy, hiện giờ khô cạn, đợi mùa mưa. Bốn con diệc màu trắng xám thấy nàng tới gần vội bay lên. Máy con bò cái cũng lang thang chỗ đầm lầy này, có ý đi tìm nước uống.

Nàng trở lên, và gặp ba con lạc đà đi ngang qua. Khi mấy người điều khiển dừng lại để nghỉ ngơi dưới bóng bụi xương rồng có gai, cao lớn, nàng cũng dừng chân. Một người điều khiển lạc đà, khá già, da đen thui vì nắng, mang trên vai một bầu nước làm bằng da dê. Thấy nàng lại gần, ông ta cười móm mém, khoe hàm lợi chẳng còn một chiếc răng, ngỏ ý mời nàng uống nước. Nàng lắc đầu, mỉm cười cảm ơn, tức thì ông lão cầm cổ bầu nước tu ừng ực, tiếng nước chảy xuống cổ họng nghe rất rõ. Nàng buộc miệng cười lên một tiếng, và ông lão cũng cất tiếng cười theo, chẳng biết rằng chính mình là đề tài gây ra tiếng cười của nàng. Nàng nghĩ rằng những con người này quá dễ thương, nồng hậu và vui vẻ. Ở bên họ, nàng bắt đầu cảm thấy thoải mái như ở nhà. Một chiếc xe thổ mộ, sơn màu vàng và vẽ những bông hoa, vừa chạy ngang qua. Nàng vẫy lại, leo lên và chiếc xe kêu leng keng đưa nàng trở lại thị trấn. Từ chỗ đó, nàng tới bờ hồ, thấy chiếc thuyền đặt sẵn, đưa nàng tới khách sạn, và nàng cảm thấy yên ổn, được ở bên cạnh những con người nồng hậu.

Nàng tắm rửa, thay bộ đồ mới màu trắng, nằm dài trên chiếc ghế kê ngoài hàng hiên, thiu thiu ngủ, chợt nghe có người gọi tên nàng. Mở mắt ra, nàng sững sờ thấy một cô gái Ấn xinh đẹp, mặc áo dài màu xanh lá cây. Cô gái lên tiếng:

Em là Veera. Má em, bà vương hậu, đã kể em nghe về chị đó.

Nàng ngồi dậy nhưng Veera đã đưa tay ấn lên vai:

Cho em xin! Chị cứ tự nhiên, khỏi ngồi dậy. Em ngồi xuống được mà.

Cô ngồi xuống, nói ngay về mẹ, niềm tin của bà, tin tưởng em trai cô vẫn còn sống.

Brooke hỏi: - “Phải chuyện vô lý không?”

Veera đáp: - “Em nghĩ vậy.”

Tóc cô màu hạt dẻ, xóa xuống vai thành lọn, nước da cô màu kem nhạt, đôi mắt cô màu nâu vàng.

Brooke hỏi ngay: - “Tôi tưởng người Ấn ai cũng có cặp mắt đen chứ nhỉ?”

Veera mỉm cười: - “Vì em ngồi ngoài nắng, nên mắt em có màu sáng. Vào chỗ râm chúng sẽ có màu đen. Đó là đặc điểm của tổ tiên, gốc gác Kashmir. Phần lớn người Ấn ở miền Bắc đều thanh nhã. Nếu chị gặp em Jai của em, chị sẽ tưởng nó là người Anh Quốc... nếu không để ý tới tai của nó.

Tai?

Đúng rồi, tóc rũ xuống mang tai nó thật mềm mại, đen láy. Người ta coi đó là dấu hiệu của nam tính. Nhưng em tin rằng nó chưa hề biết đàn bà. Nó trong sạch lắm.

Cô tin là anh ấy chết rồi chứ?

Ba em tin vậy.

Cô luôn luôn đồng ý với cha cô?

Veera liếc nhìn xéo qua một bên: - “Em nghĩ vậy.”

Kể tôi nghe thêm về em trai cô đi.

Em biết kể gì đây! Chỉ biết nó rất đẹp trai. Hồi nó còn ở trường - cùng trường nội trú em đang học, không xa Mussorie - mấy cô gái mê nó như điên đảo, đến giờ còn nhắc nhở đến nó. Nhưng chúng nói rằng nó chỉ quan tâm đến việc học hành thôi. Nhưng theo em biết, nó vui vẻ, khiêu vũ giỏi, rất tân tiến, chẳng khác gì một người Ăng - lê.

Anh ấy muốn nên người thế nào?

Em cho rằng nó không nghĩ tới chuyện đó. Cũng có thể nó biết đấy, nhưng không đề cập tới. Đôi khi em nghĩ rằng nó cảm nhận điềm chết yếu. Nó tìm lạc thú ở đời, tưởng như mỗi ngày đều là ngày cuối cùng trong đời. Nhưng nó đối xử với mỗi người một khác. Em quả quyết rằng nếu chị hỏi ba má em, sẽ thấy ông bà mô tả về nó với hai hình ảnh đối lập hẳn nhau. Cả các bạn nó nữa, cũng không ai đồng ý với nhau về nó. Bỗng một hôm nó ùng ùng đòi ra trận. Thật tình nó cũng chẳng thích chuyện ấy đâu, vì nó thường yêu quý người Trung Quốc, từng học ngôn ngữ của họ, hiểu biết về lịch sử của họ. Nhưng nó rất buồn khi hay tin người Trung Quốc chiếm Tây Tạng. Rồi nó đi thăm những trại tị nạn ở Mussorie và Darjeeling, nghe được thêm nhiều điều. Em nhớ là nó đã khóc, khi kể em nghe về đàn ông và đàn bà địu con nhỏ trên lưng, đạp tuyết, băng qua những ngọn đèo khủng khiếp trên núi Himalaya.

Brooke lắng nghe giọng nói du dương, đặc biệt của người Ấn chưa từng sống ở hải ngoại. Veera nói tiếng Anh rất lưu loát, nhưng là Anh ngữ của người Ấn, phát âm tiếng nguyên-âm không rõ ràng và kéo dài chỗ cuối câu.

Brooke hoài nghi, nhắc lại: - “Anh ấy khóc?”

Veera đưa hai tay hất mái tóc ra sau: - “Đúng, nó khóc! Chị xúc động ư? Xin thưa với chị rằng đàn ông Ấn Độ không lạnh lùng như đàn ông người Anh! Khi buồn họ khóc. Chẳng phải nước mắt đàn bà, nỗi buồn của đàn bà. Người Ấn không giấu kín tình cảm như người Tây phương. Xin lỗi, em

không muốn ám chỉ tới chị, vì chị không phải người Anh Quốc. Em chưa biết về người Hoa Kỳ... nghĩa là chưa biết rõ, vì mới được thấy vài du khách tại các khách sạn ở New Delhi và Bombay thôi. Em có thể thấy chị không giống họ, hay những người Anh Quốc, nhưng quả thật em cũng chưa hiểu về chị.

Brooke nói khẽ: -”Tôi không giống phần đông phụ nữ Hoa Kỳ.”

Veera hỏi: - “Khác nhau thế nào?”

Brooke: - “Tôi không biết.”

- Vậy làm sao chị biết mình không giống các đồng bào của chị?

- Vì bên họ, tôi không cảm thấy thoải mái. Tưởng chừng như tôi ở một gia đình khác vậy.

- Chị ở đây thấy sung sướng hơn?

- Tôi chưa biết rõ về gia đình cô, nhưng...

- Há?

- Tôi có cảm tưởng đã gặp ba cô từ trước, và cảm tưởng đó tôi có ngay từ lần đầu gặp ông ở một khách sạn tại New Delhi.

Nàng nói trôi, nhìn thẳng vào cặp mắt soi mói và ngờ vực của Veera.

Veera nói: - “Nếu chị là đàn bà Ấn mà nói vậy, thì lời chị có ý nghĩa rõ ràng, không thể hiểu khác được.”

Brooke đáp: - “Tôi không phải là người Ấn và tôi cũng không hiểu ý nghĩa này nọ. Tôi chỉ biết làm theo cảm tình của tôi, và có thể nói là tôi hướng theo cảm tình chỉ dẫn, đưa tôi ngã về phía má cô, và nghe lời bà đi

tìm em trai cô, dù anh ấy đã chết rồi. Cô muốn gọi điều ấy là gì, tùy ý thích của cô.”

Veera đứng dậy: - “Chị rất thành thật. Em cũng xin thành thật với chị. Ba gửi cho em một lá thư, bảo em về ngay. Ông rất bối rối vì chị ngỡ ý muốn đi theo ông. Ông bực bội vì má em cứ quả quyết tin Jai còn sống.”

Brooke nói: - “Tôi rất mừng cô đã tới đây. Tôi muốn cô cũng nằm trong số những người tôi có cảm tính. Có lẽ tôi đang tìm kiếm một gia đình mà tôi có thể làm thành viên. Tôi không hiểu...”

Veera hỏi: - “Vậy nghĩa làm sao?”

- Không có gì đâu. Tôi chỉ trông mong tìm được một số ít người, mà chỉ cần thấy mặt, tôi cũng đủ thấy sung sướng rồi.

Veera đáp ứng thật nhanh nhẹn, khiến nàng ngạc nhiên vô cùng. Cô gái cao lớn và mảnh mai đó cúi ngay xuống, hôn lên má Brooke.

Cô nói rành rọt: - “Chúc mừng bà chị. Ba em cũng là ba của chị đó.”

Nói rồi, cô bỏ đi liền, đầu ngẩng cao, tà áo xanh phất phơ trong gió chiều. Còn lại một mình, Brooke cân nhắc ý nghĩa câu nói cuối cùng của Veera.

*

Cha Francis Paul nói: - “Cô đã đặt mình vào một tình thế rất khó xử, cô Westley ạ”

Cha đã tìm gặp nàng nhân một cuộc dạo chơi của nàng. Mấy ngày rày, nàng không được thấy mặt ông Jagat và bà Moti. Cũng chẳng thấy Veera hay Bert Osgood. Nàng đang ở một đường hẹp, mặt trời buổi sáng tỏa hơi nóng hừng hực. Da nàng sạm ánh nắng, và nàng gầy gò hơn trước. Lúc vị tu

sĩ lại gần, nàng đang đứng bên cạnh một ông lão chuyên mô chế tạo kiếm. Ông lão đang gắn một huy hiệu lên chuôi bằng đồng của một thanh kiếm có lưỡi rất mỏng. Xong xuôi, ông ta đổ nước lên một viên đá mài hình tròn đang quay, và áp lưỡi kiếm lên viên đá mài.

Nghe giọng nói lớn bằng Anh ngữ cô ngạc nhiên:

- Ô, thì ra là Cha!

Vị tu sĩ hỏi: - “Cô làm gì ở đây?”

- Tôi học hỏi dân chúng trên đường phố, và đã biết được nhiều điều.

- À, đúng, dân tộc lạ lùng thay! Thỉnh thoảng cô cũng nên tới thăm những người Bhil của tôi.

Hai người rời khỏi chỗ ông lão làm kiếm, bước song song trên con đường hẹp, một đám trẻ con trần truồng theo sau. Nàng không trả lời vào câu hỏi của vị tu-sĩ, cha cũng yên lặng một lúc mới nói tiếp:

- Cô Veera, con gái của vương hậu có nói với tôi về dự tính của cô, định theo Ông Hoàng đi tìm con trai ông. Cô bé có vẻ bối rối lắm... Dầu sao, cũng là cha cô ấy, mà luật lệ chi phối đàn ông và đàn bà ở xứ này rất là...

Nàng ngắt lời: -”Tôi không phải đàn bà xứ này.”

- A, đúng. Nhưng cô là người Hoa Kỳ, mà chuyện này quan trọng lắm. Ta phải xét ảnh hưởng những việc mình làm. “Nếu ăn thịt mà khiến người huynh đệ của ta méch lòng, thì...”

- Tôi khiến Cha méch lòng?

Tu-sĩ nói: - “Không phải tôi. Tôi đã bỏ ngoài tai mọi lời khen chê, nhưng...”

Nàng nóng nảy đáp: - “Thôi, thôi. Cha khỏi cần nói thêm. Tôi sẽ một mình bỏ đi xa. Cha ạ. Nhờ Cha thưa lại với Ông Lớn tôi không đi theo ông ấy nữa. Tôi đã quen du hành một mình rồi. Năm ngoái, tôi đã từng leo núi Andes ở Nam Mỹ. Và tôi thường ao ước được thám hiểm miền biên giới Ấn Độ và Trung Quốc. Có lẽ tôi sẽ tới Nepal... cũng có thể tôi... về nhà, thế thôi.”

Nàng ngừng lại, quay nhìn cha Francis, và đưa tay ra:

- Hãy nói với họ rằng tôi chẳng muốn để họ phải méch lòng.

Cha Francis Paul buông tay nàng, nhìn chăm chú, kinh ngạc, thì thầm:

- Cô là cô gái trả kỳ lạ, một cô gái rất lạ lùng.

Nàng đáp: - “Tất nhiên rồi. Tôi biết chắc mình là con người kỳ lạ. Tôi đã nói trước rồi mà.”

Nói rồi, nàng bỏ rơi vị tu-sĩ giữa đường, có đám trẻ vây quanh, chẳng buồn nhìn lại. Nàng quá bức bối, vẫn thường bức bối với các ông thánh, và các vị tu-sĩ. Lúc bà nội nằm yên, đợi nhập quan, một tu-sĩ tin lành đã cầu kinh trước thi thể người chết.

- Xin Đức Chúa Cha ở trên trời hãy tha hết tội lỗi cho người đàn bà này. Vì đó là những tội lỗi của tình yêu thương, không phải hận thù.”

Nàng liền ngắt lời vị tu-sĩ đang cầu nguyện, lên tiếng hỏi:

- Có thể có tội lỗi của tình yêu nữa hay sao?

Cha đáp giọng cứng cõi: - “Bà nội cô là người đàn bà kỳ lạ. Bề ngoài có vẻ biết tuân phục, nhưng bà cụ vẫn dành riêng một địa hạt để sống hoàn toàn cho mình. Cụ không hề dâng hiến hoàn toàn cho Thiên Chúa.”

Brooke ngắt lời ngay: - “Cha muốn nói rằng bà nội tôi thương yêu đàn ông chứ gì?”

Vị tu-sĩ nhíu mày, nhìn nàng: - “Rất tiếc bà nội cô đã nói với cô về tình yêu. Bây giờ, hãy nhớ tới cụ, cả trong tội lỗi.”

Nàng đáp: - “Tôi nhớ nội tôi với đầy đủ sắc thái của vụ. Cụ đã có cam đảm là làm theo cảm tình của mình. Tôi cũng sẽ làm như thế.”

Nhớ tới chuyện cũ, nàng rảo bước trên con đường bụi bặm của Ấn Độ. Nàng có thể khóc cho nỗi cô đơn mới của nàng, cũng có thể tỉnh táo như thường. Nàng chẳng muốn ở một chỗ nào khác trên thế giới. Như vậy cũng là nàng làm theo cảm tình của mình.

3.

Ông Jagat nói giọng chua chát:

- Hai má con con âm mưu với nhau để tống khứ cô ấy đi!

Vợ và con gái ông ngồi lặng thinh. Hai má con đang ngồi tỉ tê to nhỏ tại phòng khách riêng của bà Moti, thì ông chồng ùng ùng bước vào, gây bão táp. Dù là những phụ nữ Ấn tân tiến, họ vẫn giữ nguyên lễ thói cổ xưa, nhẫn nhịn khi ông nổi giận. Họ từng phục hoàn toàn, chẳng giám ngược mặt nhìn, cứ ngồi yên trên ghế. Họ cúi đầu chờ cho sóng gió qua đi. Ông Jagat vẫn la hét:

- Hai má con âm mưu với nhau, tưởng ta không biết hay sao? Veera, vì sao mày ở lại nhà? Nghỉ học hả? Sao không nghe nói?

Veera thu hết cam đảm: - “Anh Raj bảo con nên...”

Ông rống lên: -”Thằng Raj? Nó đã làm rể nhà này chưa? Đã thấy cưới hỏi gì đâu nào? Mà cho dù hai đứa bay đã thành vợ thành chồng, nó cũng không có quyền can thiệp vào chuyện riêng của tao. Liệu hồn cô đó, Veera! Cô âm mưu với chồng chưa cưới để chống lại tôi hả. hả...”

Veera ngẩng đầu: - “Ba à, con chẳng âm mưu chuyện gì. Con về đây là vì ba kêu con về, để an ủi má.

Ông Jagat vẫn không nguôi: - “Cô tiếp tay với má cô để chống lại tôi thì có! Mà tôi có làm điều gì mờ ám đâu? Má cô nhờ một cô gái Hoa Kỳ giúp đỡ để tìm kiếm đứa con trai của bà, đã chết rồi! Lỗi của ba chẳng? Veera, con đã nhồi nhét vào đầu má con những điều ngờ vực nhắm nhí!”

Bà Moti thì thầm: - “Kìa Jagat, đừng nói Jai đã chết!”

- Nói gì khác bây giờ, Moti? Bà vô lý lắm. Đúng là đàn bà người nào cũng vô lý cả. Vậy nên bây giờ tôi phải đi tìm cô gái Mỹ được bà trao nhiệm tìm kiếm con trai bà!”

Veera thu hết cam đảm: - “Có lẽ cô chỉ rời Ấn Độ, trở về nước, đơn giản vậy thôi. Cô ấy mạnh mẽ lắm mà. Ba! Quả thật cô là con người rất mạnh mẽ. Cô đã quen thích gì làm nấy. Cô lại không có gia đình.”

Ông Jagat chưa hề nghĩ tới chuyện Brooke có thể rời khỏi Ấn Độ. Nay nghe con gái nói có lý, bao con giận của ông tiêu tan, và ông chỉ còn thấy cán nản rã rời. Tuy nhiên ông vẫn chưa muốn xuống nước, ráng giữ những lời cứng cỏi:

- Cô bảo con rằng cô muốn rời Ấn Độ hả? Nếu đúng vậy, thì ba chẳng bảo sao, vì đó là quyền của cô. Nhưng, đúng là hai má con cứ ì xèo, khiến cô buồn bực bỏ đi. Bây giờ chắc chắn cô đang ở Delhi hoặc Bombay, từ đó đáp máy bay... về Đông hay về Tây, chỉ có Trời mới biết nổi! Cô không nói gì chứ?

Ông nhìn mặt vợ con, từ người nọ sang người kia, và nhận ra vẻ kỳ lạ trên cả hai nét mặt đó. Đó là vẻ thắc mắc, ngờ vực, đa nghi của đàn bà quen nhãn nhin. Ông nhớ lại ông nội ông từng duy trì một dãy phòng kín để nuôi cung nữ, tuyển lựa thêm nhiều cung phi, người sau trẻ đẹp hơn người trước. Ông nhớ rõ bà nội ông cũng có ánh mắt hoài nghi và nhãn nhin như thế. Chẳng lạ gì phụ nữ Ấn được thừa hưởng thái độ hoài nghi và khinh thường đạo đức của đàn ông.

Ông la lên: - “Làm gì mà nhìn ta chằm bằm vậy?”

Hai má con lại cúi đầu, không người nào lên tiếng. Đợi một lát, ông dậm chân thành thịch:

- Hai má con... hai má con...

Và ông rời phòng, đóng cửa đánh rầm, bước theo dãy hành lang rộng, về phòng riêng. Ông bước vào, đóng cửa và khóa trái, rất ngại gia nhân có thể bất chợt đem cà-phê hoặc trái cây tới. Lúc này, ông không muốn thấy mặt một ai. Ông muốn ở một mình, ông hiểu rõ ý nghĩa nét mặt của hai người vợ và con gái ông. Họ không nói ra, nhưng đã biểu lộ thấy rõ ràng họ đã nghi ngờ và kết tội ông.

- Nhưng kết tội điều gì mới được chứ?

Tiếng ông la lớn trong căn phòng trống trải, để một mình ông nghe.

Những ngày trước đây, ông thường đứng ở cửa sổ, dùng ống nhòm của Đức Quốc ngắm nhìn phòng nàng đang trú ngụ, hoặc nơi hàng hiên trước cửa phòng, nơi nàng đang ngồi dùng điểm tâm, nhận rõ nét mặt, hình dáng, ngay cả hình dáng bàn tay nàng nữa, mà nàng chẳng hề hay biết. Có lúc đêm trắng, không ngủ được, ông trở dậy, ra khỏi giường, dùng ống nhòm quan sát tòa lâu đài giữa hồ. Lần nào ông cũng được thưởng công: thấy nàng mặc áo ngủ dạo chơi chỗ hàng hiên. Có lần nàng ngừng bước, nhìn đăm đăm qua mặt nước hồ, dường như nàng biết có ông đang ngắm nàng. Ánh trăng không đủ sáng, soi tỏ mặt nàng, nhưng ông cũng tưởng chừng thấy được cặp mắt xanh chăm chú nhìn ông, bên dưới hàng mi rậm, mái tóc đẹp xõa trên vai. Bây giờ, tất cả những điều đó còn có ý nghĩa gì với ông nữa đây, nếu không phải là sức quyến rũ dai dẳng càng mãnh liệt thêm lên? Nàng là người đàn bà đầu tiên gây được niềm cảm thông sâu xa đối với ông, dù chưa hề chung đụng thể xác. Chính ông chẳng phải con người thiên về mặt tinh thần, mà còn là người có đầu óc kinh doanh nữa, nhưng ông vẫn thấy khoan khoái được nói chuyện tự nhiên với cô cái này, chẳng phải kiêng dè điều gì. Nhưng ông cũng biết rõ địa vị phải giữ trong nhà này, cố thuyết phục bà Moti và cô Veera tin rằng ông không hề có tình lãng mạn với cô gái trẻ người Hoa Kỳ, rằng cô chỉ là một du khách, tình cờ ghé chơi đây, rất có thể là một người khách trọ trong khách sạn sắp khai trương. Tuy nhiên, cũng khó lắm thay! Đòi nào vợ con ông chịu tin? Ông cứ bước tới bước lui trong phòng riêng, vừa đi vừa biện bác một mình. Và ông đứng ở cửa sổ

nhìn ra tòa lâu đài giữa hồ. Các công nhân đang lui tới ở bãi đất trống, hàng hiên hoặc các bậc thềm. Ông chợt thấy chiếc thuyền máy nhỏ của Bert Osgood đang rời bến ngay bên dưới cửa sổ của ông. Anh ta đi một mình, và vội vã như thường lệ.

Ông hấp tấp rời khỏi phòng, bước xuống những bậc thềm đá hoa, mở cửa xuống bến tàu, leo lên chiếc thuyền máy của ông đang đậu ở bến, không người canh giữ. Ông mở máy, cho thuyền chạy qua hồ, đuổi theo Osgood, tới nửa đường thì đuổi kịp, và ông lớn tiếng gọi:

- Ông Osgood, tôi muốn nói chuyện với ông đây.

*

Osgood nói: - “Tôi chẳng biết cô tiểu thư ấy đi đâu, Ông Lớn ạ. Hình như cô thuê một chiếc xe, chở cô ra phi trường thì phải.”

- Gọi ngay điện thoại. Tìm cho ra chuyến bay cô ấy muốn đi. Và đi đâu?

Bert sững sốt nói: - “Được thôi, Ông Hoàng. Nếu quả thực ý ông muốn vậy. Nhưng thiết tưởng đây là chuyện riêng của cô ấy.”

Ông Jagat nói như ra lệnh: - “Ông làm ngay cho!”

Ông theo Bert vào căn phòng, đặt làm văn phòng của khách sạn, ngồi phịch xuống một chiếc ghế, lắng tai theo dõi những cú điện thoại của Bert gọi đi để hỏi han, nóng nảy nhìn anh ta. Tất cả các cửa đều mở toang. Ông có thể thấy toàn lâu đài giữa hồ thay đổi hẳn bộ mặt: tường và cửa sổ đã sơn phết lại xong xuôi, đồ trang trí nội thất đã đem tới. Hai người Hoa Kỳ, một nam một nữ, đang ước thử xem những tấm rèm xa-tanh thêu có vừa với cửa sổ không.

Bert lên tiếng: - “Cô đang trên đường tới Bombay, nhưng không đi thẳng. Đường dây điện thoại không được tốt, tôi không hiểu rõ. Nghe đâu

hành lý của cô sẽ được gửi tới khách sạn ở bãi biển Juhu.”

Ông Jagat đứng bật dậy: -”Vây cũng đủ rồi. Đợi tôi về nhé. Chừng nào về, tôi sẽ báo trước.”

*

Hai má con cùng ngồi ở phòng khách. Ông Jagat đi khỏi rồi, hai người vẫn giữ yên lặng một lúc lâu. Cuối cùng Veera mới lên tiếng, giọng trầm tĩnh và quả quyết:

- Má à, con không trở lại trường nữa đâu. Cho con ở lại với má đi. Con xa nhà đã lâu rồi. Con cần học hỏi nhiều điều, mà con không thể thu thập được ở nhà trường. Cả nhà anh Raj đều giữ nguyên tập quán của người Ấn. Tuy sống ở Bombay đấy, nhưng họ không phải là những người Ấn tiến bộ. Con nghĩ rằng anh Raj muốn con là một người vợ Ấn Độ, mà con cũng mong muốn như vậy.”

Bà Moti vẫn không ngẩng đầu, nói nhỏ nhỏ: - “Làm sao má giúp đỡ được con? Bây giờ, mọi chuyện đều thay đổi, thay đổi quá nhiều...”

Veera quì bên mẹ, nắm bàn tay nhỏ nhắn và bắt cảm xúc, vuốt nhẹ nhẹ.

- Ít nhất cũng cho con ở lại tới khi nghe được tin tức về Jai.

Bà Moti bỗng trở nên linh hoạt:

- Má biết chứ. Nếu nó chết rồi, thì tự trong lòng má đây, má phải biết, vì đó là nơi nó được gầy dựng và nuôi dưỡng.

Bà rút tay lại, áp lên ngực.

Đột nhiên cửa bật mở, ông Jagat nhào vào như một con sóc, đứng đó, và hô to:

- Bà đã bắt buộc tôi đi tìm Jai, vậy thì tôi đi đây! Anh Ranjit đang thu xếp hành lý cho tôi, và sẽ đi theo tôi luôn. Tôi cũng chưa biết nên bắt đầu từ chỗ nào... Có thể trước tiên tới New Delhi, để hỏi han các báo cáo quân sự. Cũng có thể tới Bomnay, thăm bệnh viện mà ông đại úy đại đội trưởng của Jai đang nằm dưỡng thương, vì cụt cả hai chân. Veera à, con đã xin nghỉ học về đây, mà nghỉ hè cũng gần tới rồi, con hãy ở luôn nhà với má thì hay hơn.

Ông ngừng lại, khẽ cau mặt và trề môi dưới: - “Coi kìa, cái mặt bí xị! Con phải thay ba để ý tới Osgood, xem việc trang trí khách sạn ra sao chứ! Ba đang gặp bối rối, chẳng biết họ làm những gì, mà khuôn cả đồng đồ đạc dưới hầm lên trên. Ba muốn rằng bất cứ việc gì cũng vậy, phải trang trí theo kiểu Ấn Độ phần tiện nghi thì theo Hoa Kỳ... nghĩa là phải tân tiến... cứ vậy nhé.”

Hai má con vẫn không dám trả lời, tránh cặp mắt sáng rực của ông.

Ông thét vang như sấm: - “Có nghe ba nói không, Veera?”

Cô bé đảo: -”Thưa Ba, có.”

Bà Moti cất tiếng dịu dàng: - “Và chắc chắn chúng ta phải đình đám cưới.”

Ông quay nhìn bà: - “Đám cưới?”

- Thì đám cưới Veera đó.

- Ồ, tất nhiên. Trừ phi Veera muốn...

Cô bé đáp: - “Con chẳng bận tâm. Anh Raj sẽ thông cảm. Tháng tới, anh ấy sẽ tới thăm con, sau khi lấy xong bằng tốt nghiệp. Anh ấy tính sau đám cưới sẽ qua Anh Quốc du học. Nhưng con muốn đợi lúc anh học xong, trở về.”

Ông Jagat cầu nhàu: - “Đợi vậy lâu quá. Nhưng tôi, bây giờ ba phải lên đường, làm chuyến du hành kỳ cục này.”

Trong thâm tâm, ông cảm thấy mình có lỗi, muốn che dấu, nên ông cảm thấy bực bội với má con nhà này. Họ dám phản đối quyết định của ông chẳng? Và quan trọng hơn nữa, làm sao có thể để họ đá động tới Brooke!

Nhưng ông đã ngạc nhiên, vì chính Veera có gan lên tiếng phản đối.

Cô hỏi: - “Cô gái Mỹ trẻ tuổi có đi chung với ba không?”

Ông nhìn thẳng vào đôi mắt thơ ngây: - “Sao con hỏi ngu thế? Ba đâu còn biết cô ở chỗ nào?”

Ba Moti hỏi nhỏ nhỏ: - “Tại sao?”

Ông phản ứng liền: - “Vì có kẻ đã xúc phạm tới cô ấy, chứ sao nữa? Cô ấy bị méch lòng nên mới bỏ đi, bà biết rồi mà!”

Ông đã quá lời, và bà Veera nắm lấy bẻ lại: - “Cô bỏ đi thì kệ cô, đã quan trọng gì đâu, hả Ba?”

Mắt ông nháng lửa: - “Đúng, chẳng quan trọng gì. Nhưng cô ta là người khách đầu tiên của khách sạn. Cô quen biết nhiều. Rất giàu có. Sẽ kể cho nhiều người nghe, khuyên họ tới, hoặc không tới. Con đã nói gì với cô ấy?”

- Con chẳng nói gì, Ba ạ... chỉ... vài chuyện vặt thôi.

- Chuyện vặt của đàn bà báo hại công việc làm ăn đấy!

Ông bực tức rời khỏi. Vừa quay lưng hai má con thở dài, nói qua chuyện khác. Và một giờ sau, Veera từ biệt mẹ để đi nghỉ, và rồi cảm thấy bực dọc, cô gọi lấy thuyền, đưa cô qua tòa lâu đài giữa hồ.

*

Bert Osgood đang ở phòng gương, khui thùng gỗ cất dưới hầm, lấy ra một chùm đèn rất lớn, mua ở Âu châu từ mấy thế kỷ trước. Bụi bám bám đầy người, bực bời vì nóng nực, anh ta cần nhần năm, sáu người Ấn phụ tá, và hai nhà trang trí người Mỹ, được mời từ Nữ Ước qua để hoàn tất việc biến tòa lâu đài thành một khách sạn tối tân.

Anh ta nói: - “Tất nhiên sẽ không ai sử dụng tới phòng gương này. Nơi đây quá nhơ bẩn, không ai muốn trú ngụ. Hãy tưởng tượng một ông tiều vương già lụ khụ còn rắng chổi già, trên chiếc giường rộng lớn này, trong căn phòng bốn mặt tường gương, trần nhà cũng gắn gương. Lạy Chúa tôi! Ta có thể tưởng tượng thấy một cặp nam nữ trong phòng, rõ mồn một, nhìn đâu cũng thấy.”

Một giọng nói lạnh lạnh từ chỗ cửa mở vang lên, cắt đứt câu nói của Osgood: - “Có lẽ cô ta rất xinh đẹp”.

Anh ngược nhìn lên. Veera đang đứng ngay chỗ khung cửa, mặc chiếc áo dài lụa màu hồng nhạt, mép áo thêu ngân tuyến, phù hợp với màu bạc của đôi dép. Anh nhận ra ngay con gái ông Jagat, liền đỏ mặt, nói lắp bắp:

- Cô... cô Veera! Cô đã bắt gặp tôi đúng lúc rất bê bối. Tôi đang nhóp nhúa... Đây là bà Alpha Barron và chồng bà, người Nữ Ước, tới đây giúp việc trang trí cho chúng ta.

Veera gật đầu, mỉm cười, đứng tựa lưng vào cửa, có vẻ lạnh lùng và hờ hững: - “Tôi chưa từng được thấy đồ pha-lê này, nhưng đã từng nghe nói tới. Ông cố của tôi mua về, dành cho cô hầu thiếp Hy Lạp của cụ, nhưng cô ta đã treo cổ tự tử, trước khi thùng đồ được khui ra. Bây giờ, nó lại được lôi ra từ dưới hầm, kể cũng là điều lạ lùng đấy chứ?”

Bert nói: - “Chúng tôi không đem sử dụng đâu (Anh ta dùng khăn tay lau mặt, tỏ vẻ thất vọng vì càng lau càng lem luốc). Chúng tôi chỉ sử dụng với mục đích duy nhất là trưng bày thôi. Phòng gương này sẽ biến thành một thứ như viện bảo tàng, và tôi sẽ đem đặt ở đây những đồ đạc nào có giá trị làm vui mắt khách trọ.

Bà Alpha hỏn hển nói: - “Toàn những đồ đạc rất đẹp!”

Bà ta rất trẻ, và lịch sự, mái tóc nhuộm vàng búi lên cao, váy ngắn cùn cởn tới đầu gối. Thường thường, bà ta làm việc quên cả chồng, rồi chợt nhớ tới ông, liền lên tiếng hỏi chuyện không dứt ra được. Ông chồng còn trẻ, có khuôn mặt đầy đặn tròn vò, mặc quần hẹp, áo sơ-mi thể thao. Lúc nào bà nhớ ra ông, hỏi:

- Anh không nghĩ vậy sao, Ronnic?

- “Ồ, đẹp lắm chứ!” Ông lên tiếng phụ họa lời vợ, nhưng đưa cặp mắt tròn xoe nhìn Veera.

Bà Alpha nói tiếp, vẫn thờ hỏn hển: - “Nhất định là anh sẽ ưa thích những phòng liền dãy này. Em đã mất công trang hoàng bằng thứ vải xa tanh rất dày, và thêu bông, lót cả trên trần nhà. Toàn là mặt hàng vải của Pháp đấy.”

Veera nói giọng hờ hững, như cô thường nói với người xa lạ: - “Ông cố của tôi đã từng có mặt ở Paris.” Và quay qua Bert: - “Người khách đầu tiên của ông ra sao rồi?”

- Cô Westley hả? Hình như cô ấy có nói với người thư ký bàn giấy rằng cô ấy đi xa vài tuần.

- Cô ấy sẽ trở lại chứ?

- Có lẽ nói có thể có... cũng có thể không.

- Cô ấy có cho biết là đi đâu không?

- Nghe đâu cô ấy nói là đi Bombay.

- Cô ấy có cho biết lý do không?

- Không. Tôi cũng không hỏi. Nhưng chuyện này rất đột ngột. Trước đó, cô chẳng hề nói chuyện ra đi, mà rồi đột nhiên ùng ùng gói ghém tất cả đồ đạc. Ông Lớn có nhà không, cô Veera?

Veera đáp: - “Trước đây một giờ, ba tôi còn ở bên má con tôi.”

Cô liếc xéo khuôn mặt còn lem luốc của Bert, yên lặng nhìn anh chàng xem anh chàng nghĩ gì, không hỏi han một câu nào về cha cô. Nhìn vào đôi mắt anh, cô chỉ thấy vẻ thán phục của anh đối với cô, nên cô nắm vạt áo sau trùm lên đầu, mép áo thêu kim ngân làm tăng thêm nhan sắc của cô. Cô có thể thấy rõ anh chàng không hề nghĩ đến cha cô, chỉ ngây ngất trước sắc đẹp của cô thôi, nhưng cô lờ đi như không thấy. Anh chàng áp ứng:

- Cô... cô Veera. Cô có thể... cô có thích thích đi xem một số phòng đã trang trí xong xuôi chẵn?

Cô đáp: - Tất nhiên tôi thích. Tôi có nghe ba tôi nói tới công việc anh đang làm.

- Vậy thì, xin mời. Này chị Alpha, chị cùng anh Ronnie xúc tiến công việc ở đây nhé... tôi trở lại liền. Và xin cô Veera thư cho một chút, tới đây nhà kế tiếp để tôi rửa mặt sơ qua. Tôi rất bối rối bị bắt gặp trong tình trạng thế này.

Anh hướng dẫn cô đi, vừa nói vừa đặt tay lên cánh tay cô. Tới chỗ hành lang dẫn vào khu nhà kế tiếp, anh để cô đứng một mình, chạy ừa vào phòng.

Cô nghe tiếng nước chảy ào ào. Lát sau anh lộ mặt ra, sạch sẽ và hớn hờ, mái tóc đỏ chải gọn gàng, với nụ cười vui vẻ thường ngày trên mặt.

*

- Đó, tôi thấy dễ chịu rồi. Lẽ ra tôi phải thay áo sơ-mi nữa, nhưng chẳng muốn cô phải đợi lâu. Cô cũng thấy, tôi hy vọng... tôi thành thật muốn biết ý kiến của cô về tất cả những việc tôi đang làm. Tôi muốn phần trang trí phải theo kiểu Ấn Độ, nhưng phần tiện nghi theo Hoa Kỳ - nghĩa là tối tân nhất, đầy đủ tiện nghi, nhưng tất cả phải giữ được kiểu cách Ấn Độ. Qua những việc tôi đã hoàn thành, tôi chủ trương không bỏ phí một thứ gì - đôi khi bà Alpha tỏ ra cố chấp, cứ cần nắn tôi keo kiệt đấy - cũng may là chúng tôi khám phá ra nhiều thứ vật dụng trữ danh tại căn hầm, phần lớn còn nguyên trong thùng, và được gìn giữ kỹ càng, không hư hỏng. Tòa lâu đài này quả là tuyệt vời.

Anh chàng nói nhiều, nhưng Veera thấy tính trẻ trung của anh rất hấp dẫn, và thái độ tôn thờ của anh đối với cô rất cảm động. Chẳng bao giờ Raj tôn thờ cô. Cô nghe nói đàn ông Mỹ đều như anh chàng này. Họ tôn thờ phụ nữ, trước hết là bà má của họ. Chàng cứ nhìn cô chăm chú, miệng há hốc.

- Có phải cô phải nghỉ học về chơi nhà không, cô Veera?

Cô quyết định dứt khoát: - “Không. Tôi đã học xong, không trở lại trường nữa.”

Chàng ngần ngừ: - “Rất buồn khi nghe tin cậu em. Tôi mới được gặp cậu có hai lần...”

- Cám ơn. Tôi ở luôn nhà cũng vì chuyện đó phần nào. Từ khi hay tin, má tôi chẳng được mạnh khỏe.

- Có thể nói ba cô cũng vậy. Ông chẳng quan tâm tới công việc ở đây, như trước kia...

Nàng tránh trả lời, im lặng một chút, rồi bảo chàng:

- Má tôi tin chắc rằng em trai tôi chưa chết. Bà nhất định đòi ba tôi phải đi tìm.

Hai người dừng chân tại giữa hành lang hẹp. Chàng nhìn thẳng vào khuôn mặt xinh đẹp, ngập ngừng nói.

- Ô, tôi chẳng biết nói sao. Cô tin rằng chuyện đó có thể...

Nàng ngược nhìn thẳng vào cặp mắt chân thành xanh lè của chàng.

- Tôi cũng chẳng biết. Người Ấn chúng tôi kỳ quái lắm. Đôi khi, chúng tôi cảm nhận được sự việc! Hiện thời, ba tôi đi tìm con... nhưng rất có thể ông đi luôn.

- Ông đi đâu? Ông có ý định gì chẳng?

Nàng nói: - “ Tôi không biết. Má con tôi chỉ biết chờ đợi thôi.”

Hai người đứng nhìn nhau, sát bên nhau tại hành lang hẹp. Nàng giữ im lặng, hoàn toàn thụ động, như muốn trông mong, chờ đợi chàng xích lại gần hơn nữa. Chàng chưa hiểu biết các cô gái Ấn, chưa hề biết tới một cô nào như nàng đây. Dẫu sao, cũng không thể ôm ấp một nàng công chúa trong vòng tay, không thể coi nàng là gái nhà thường.

- Chúng ta nên... Ở đây có mấy bậc thềm... xin cô cho phép tôi...

Chàng tiến lên phái trước, đặt chân tới bậc thềm, dừng lại, nắm bàn tay nhỏ nhắn, giúp nàng leo xuống, đầu óc chàng quay cuồng.

*

Nàng đi rồi, chàng nhìn theo con thuyền chở nàng đang rẽ mặt nước hồ phẳng lặng và chàng nhận ra một tình cảm mới mẻ, chưa hề biết tới, cảm giác cô đơn khi phải quay về căn phòng trống trải, và tại đây, tránh mọi con mắt dòm ngó, chàng khám phá ra được chính xác tình cảm mới nảy sinh trong lòng. Từ trước đến giờ, chàng chỉ coi Ấn Độ là chỗ làm ăn mới mẻ, ở đó chàng có thể phát huy toàn vẹn tài năng kinh doanh của mình. Chàng là một mẫu người đặc biệt Hoa Kỳ, học thức đơn giản, tính nết dễ dãi, ở chỗ nào trên thế giới cũng thấy thoải mái như ở nhà. Trên đường phố Amarpur, chàng cũng đi đứng y hệt như chàng đang ở con đường chính tại một thị trấn nhỏ thuộc bang Ohio, nơi chàng sinh ra và lớn lên. Chàng đối xử với người dân Ấn Độ cũng y hệt với những người trong nước chàng, chấp nhận tính huyền bí, vui vẻ và thích thú của họ. Họ yêu quý chàng vô cùng, không cần hiểu chàng nói gì, và sẵn lòng tha thứ cho chàng mọi chuyện, bởi vì chàng khiến được họ cười. Những con người này quá nhiều nhân tính, nhận ngay chàng cũng là con người nhân bản như họ, và trẻ con thường lẻo đẻo theo chàng, cho tới lúc chàng qua hồ, đặt chân lên thềm đá hoa mới thôi.

Chàng hiểu rõ tất cả những điều đó, và đổi lại, cảm tình của chàng đối với dân tộc này ngày một tăng lên. Tuy nhiên chàng chưa hề có dịp nào để có thể xem một người phụ nữ Ấn là một người đàn bà, một người đàn bà ngang hàng. Hồi ở chơi New Delhi, vì tính tò mò mà chàng coi là bình thường của thanh niên mới lớn, chàng có đi thăm khu phố Thanh lâu, và đã xúc động mạnh trước cảnh tượng những người đàn bà bị nhốt trong phòng như cái chuồng, phòng này ngăn cách phòng kia, phô ra cho bọn đàn ông đi ngang qua ngắm nghía và bình phẩm. Một vài người còn có con ở bên cạnh. Phía sau mỗi phòng là một khu vực có màn che, ở đó khách làng chơi có thể hành lạc sau khi chọn xong một cô. Bert không thể chịu nổi chuyện bỉ ổi đó, đã tức giận bỏ đi. Nhưng với cô gái nay lại khác; nàng Veera là một cô công chúa đích thực. Chàng nhớ rõ ánh mắt đen lay láy và sâu thăm thẳm của nàng, cái miệng dễ thương với mí mép gọn gàng, cùng giọng nói thanh nhã, lạnh lạnh như chuông vàng. Chàng thấy nàng có một điều gì như mời mọc, nhưng với vẻ rất thơ ngây. Chàng đứng im suy nghĩ, rồi khẽ rùng mình, lẩm bẩm:

- Hỡi Bert, anh chàng vũng vàng kia ơi! Anh đến đây chỉ vì công việc làm ăn thôi nhé!

Và chàng quay trở lại đám nhân viên của chàng.

*

Về phần Veera, nàng trở lại tòa lâu đài, về phòng riêng, mở những chiếc tủ đựng áo dài của nàng, đếm lại từng chiếc áo. Bà bảo mẫu già của nàng, luôn luôn săn sóc đến nàng, vội tới tìm gặp. Bà lão kêu lên: - “Cô bé yêu quý, tại sao cô lại đếm áo dài? Già đã cho cô biết có bao nhiêu chiếc áo rồi mà: một trăm hai chục đấy!

Veera nói: - “Cháu muốn xem lại. Cháu định gửi tặng con gái bà vài chiếc. Cháu muốn tới đám cưới sẽ may một loạt áo mới.”

Bà lão kêu lên, chấp tay cảm ơn: -”Con gái của già sẽ mừng biết mấy!”

Veera mỉm cười, không nói. Dù lấy Raj hay không, nàng cũng vui thích được có áo mới. Nàng rất ưa ánh mắt khâm phục của anh chàng người Hoa Kỳ. Cặp mắt xanh đó giữ một vẻ tôn thờ nàng chưa hề được thấy, và chắc chắn là không thể có trong đôi mắt của Raj, đen láy và sống động đầy, khen ngợi, hưởng ứng cũng nên, nhưng không hề tôn thờ. Ở Ấn Độ không có nữ thần, hay đúng ra không có nữ thần được thờ phụng với tình yêu quý. Người ta thờ nữ thần Kali vì sợ, nhưng ai không yêu nổi tính thù vặt và bộ mặt hung ác của bà.

Veera lại lên tiếng báo bà nhũ mẫu: - “Bà đừng lấy đi những chiếc áo dài thêu kim tuyến và ngân tuyến nhé. Cũng đừng lấy những chiếc áo trắng tinh này.”

Tối hôm đó, nàng lại thăm mẹ. Hai má con ngồi trên bãi đất, chỉ có một thằng bé đứng chỗ xa xa, cầm quạt phe phẩy cho hai người. Veera lên tiếng,

dường như thở dốc vì ban đêm nóng nực:

- Thật tình con muốn hoãn đám cưới, Má à!

Bà Moti hỏi: - “Tại sao?”

- Con muốn đợi tới lúc trong lòng thanh thản, không còn điều gì phiền muộn. Con muốn về nhà chồng mà lòng vui vẻ. Như vậy mới xử đẹp với anh Raj.

Bà Moti ngẫm nghĩ, cuối cùng mới lên tiếng: - “Dẫu sao cũng phải đợi ba về, tính gì mới tính.”

- Bao giờ ba đi?

- Sáng sớm mai.

- Chùng nào ba về?

- Ai biết được?

Im lặng mỗi lúc một nặng nề, Veera không chịu nổi nữa, đứng dậy.

- Đi ngủ thôi, Má à. Tối nay có trăng mà vẫn có vẻ nóng bức.

Bà Moti nói: - “Chúc con ngủ an giấc.”

Bà đưa bàn tay mảnh mai và lạnh toát, Veera cúi xuống, hôn lên.

- Chúc Má an giấc.

*

Sau một giờ tìm kiếm, ông Jagat tìm ra nàng ở bãi biển Juhu. Không ai có thể nói cho ông biết nàng ở đâu, dầu rằng hầu như mọi người tại khách sạn đều biết nàng. Người thư ký bàn giấy báo rằng nàng không có ở phòng. Đúng vậy, nàng có ghi danh tại khách sạn, nhưng lúc gọi điện thoại lên phòng nàng không thấy trả lời. Người ta liền cử một người hầu mang chìa khóa vạn năng lên phòng nàng ở lầu bảy. Anh ta mở cửa phòng, quay lại báo cho biết nàng không có ở đây, dù rằng hành lý nàng đã mở toang, quần áo treo trong tủ. Tới chỗ hàng hiên, một người hầu báo rằng nàng đã ngồi ăn sáng tại đây, nhưng đi khỏi cả hai tiếng đồng hồ rồi. Người hầu đứng canh chừng cho khách xuống tắm, nghe được câu chuyện lao xao, từ dưới bóng cây chà là lên tiếng cho biết nàng đang tắm ở ngoài bãi biển, và anh bắt đầu lo lắng, vì nửa giờ nữa thủy triều sẽ rút xuống, nàng có thể bị cuốn ra xa, dù rằng nàng là tay bơi lội rất giỏi.

Ông Jagat hô lớn: - “Mang áo tắm cho tôi. Tôi sẽ đi kiếm cô ấy.”

Người hầu trong coi bãi biển chỉ một chấm đen xa tít ngoài khơi, và ông Jagat nhẩy xuống biển đầy bất trắc, và đã ép được nàng nàng phải bơi phía trước ông, tiến vào bờ.

Ông la lớn, nước biển mặn chát tuôn vào cuống họng: - “Làm sao cô có thể điên rồ như vậy? Bãi biển này nguy hiểm lắm, cô biết rồi!”

Nàng nằm úp mặt trên cát: - “Làm sao ông biết tôi ở đây?”

- Tất nhiên là tôi hỏi thăm ở khách sạn. Nhưng tại sao cô lại chọn Bombay?

Nàng xoay lưng, nằm ngửa: - “Tôi muốn tránh mọi người. Ở đây, tôi không quen biết một người nào.”

Nàng ngược nhìn ông, vẻ mặt thành thật, và ông quan sát kỹ đôi mắt màu tím, lông mày đen ướt nhèm vì nước biển.

Ông lên tiếng hỏi: - “Tôi làm điều gì khiến cô bé ghét bỏ chẳng?”

Nàng lắc đầu, và ông nói tiếp:

- Có điều gì về tôi khiến cô tới đây chẳng?

Nàng đấng đo suy nghĩ: - “Quả là có. Nhưng điều quan trọng là... đến mức độ nào.”

- Đến mức độ nào về chuyện gì?

- Tôi muốn coi xem chuyện này tác động tới ông đến mức độ nào.

- Tác động tới tôi đến mức độ nào?

- Đúng. Việc tôi muốn bỏ trốn đó.

- Bỏ trốn?

- Đúng. Theo tử vi Tây phương, tôi thuộc mạng Con Cua, ngang như cua.

- Cô đâu có tin những điều nhảm nhí đó?

- Không tin hoàn toàn. Nhưng những người mạng Con Cua vẫn thường tuân theo bản ngã của mình mà tự động rút lui.

- Khi nào?

- Khi họ không tìm ra lời giải đáp cho những câu hỏi của họ.

- Cô nói là muốn xa lánh tôi.

- Đúng.

- Vì thế, cô lao mình xuống biển?

Nàng cất tiếng cười ròn: - “Không hẳn vậy đâu. Tôi chỉ muốn tìm biết cảm giác đúng lúc thủy triều rút xuống.”

- Lỡ cô ở lại quá trễ thì sao? Dầu sao, cũng nên biết đây là vùng biển của Ấn Độ, cô chẳng hiểu sức cuốn của thủy triều mạnh ra sao.

- Chính điều đó đã kích thích tôi.

- Chuyện kích thích như vậy cũng áp dụng cho lòng người hay sao?

- Không phải điều thông thường.

- Nhưng tôi thuộc trường hợp đặc biệt?

Ông đã từng gặp nhiều đàn bà da trắng, ở Luân Đôn và Pari. Nàng đã lôi cuốn được ông không phải vì nước da trắng, và có thể cũng chẳng vì sắc đẹp. Ông ngắm nhìn thân hình mảnh mai duyên dáng, làn da mượt mà, mọi chi tiết trên tấm thân đều hoàn hảo, nhưng ông thấy bên trong tất cả những điều đó có một sức mạnh riêng biệt, mà ông không hề nghĩ rằng có cất dấu bên trong một người đàn bà, và ông ngạc nhiên tưởng tượng ra nàng tách biệt hẳn với giới phụ nữ.

Cuối cùng nàng lên tiếng: - “Đúng, anh thuộc trường hợp đặc biệt.”

Ông đang đứng phía trên, liền ngã người xuống nằm gần bên nàng. Biết nói gì đây? Nằm trên cát nóng, mà ông cảm thấy tim đập thình thịch, át cả tiếng sóng biển. Nàng có vẻ thật bình thản, nghĩ đâu đâu, và hầu như không đề phòng chuyện gì, nhưng ông biết nàng chẳng phải như vậy một chút nào. Nàng lên tiếng kể lể, giọng nhỏ nhẹ và tập trung, để nói với ông nhưng cũng nói với chính mình:

- Anh là kẻ xa lạ đối với em. Em chẳng muốn tìm hiểu anh, nhưng đã từng mong ước anh ở đâu, em theo đó. Em cũng chưa biết anh là hạng đàn ông như thế nào, vì em không biết xứ sở cùng ngôn ngữ của anh, nhưng em biết em đã tìm kiếm anh suốt đời. Em không hiểu anh cảm nghĩ về em ra sao; điều này lẽ ra em cần phải biết, nhưng em lại không quan tâm. Em cũng biết thế giới của em không phải của anh, và thế giới của anh chẳng phải của em, hai thế giới đó khó lòng hòa hợp làm một được. Em cũng không cần bận tâm đến chuyện anh đã có vợ con. Em là người thế nào đối với anh, chẳng cần xét tới, em sẽ tự tìm chỗ đứng của mình... bên anh.

- Nhưng là chỗ nào vậy?

- Em còn chưa biết, làm sao nói được với anh?

- Em muốn nói tới... tình yêu?

- Không phải như anh nghĩ đâu.

- Nhưng giữa một người đàn ông và một người đàn bà chỉ có một thứ tình yêu thôi.

- Không biết có thể gọi cảm tình của em đối với anh là tình yêu được không? Chỉ có thể gọi đó là cảm tình được thôi, nhưng là thứ cảm tình mãnh liệt, em chưa hề biết tới. Em làm theo cảm tình. Và anh ở đâu, em theo đó, dù chỉ trên phương diện tinh thần, nếu không về mặt thể xác.

Ông trở dậy, đứng ngó xuống. Nàng ngồi dậy, chân co lên trên cát, khuôn mặt dễ thương ngược nhìn lên, vẻ mặt thành thật và ngây thơ như con nít. Ông đưa tay, kéo nàng đứng dậy, nói giọng quả quyết:

- Từ nay, em đi theo anh!

Hai người bước đi bên nhau, dọc theo bãi biển, bước lên bậc thềm hàng hiên, họ cùng đứng lại, nàng lên tiếng:

- Những điều em vừa kể với anh đều là những lời của trái tim em, những lời thành thật lòng em nhắn nhủ. Em đã suy nghĩ nhiều. Anh cũng biết đấy, đàn bà Hoa Kỳ đã nổi danh thích gì làm nấy. Nhưng hôm trước, em đã được nghe vị tu-sĩ người Anh phân tích cho thấy em đã tự đặt mình vào tình trạng rất éo le. Em không thể lẽ đẽo theo anh tại đất nước này, một mai em phải trở về Hoa Kỳ thôi. Và anh cũng không thể bỏ vợ bỏ con theo em về bên đó. Vả chăng, anh còn nhiều công việc phải làm ở đây. Không kể việc chăm sóc khách sạn sắp mở, anh còn đất nước, còn dân tộc mà anh rất quý mến và gắn bó, còn những công cuộc cải cách mà anh đang dự tính làm cho dân tộc. Em đã suy nghĩ kỹ, nên đã tìm cách trốn anh, tới chỗ này chờ đợi, suy xét lại lòng mình.

Ông Jagat áp ứng: - “Nhưng, em đã hứa với vợ anh, giúp vợ anh tìm kiếm con trai bà?”

Nàng ngần ngừ.

Ông nói tiếp: - Ngày mai, anh sẽ tới bệnh viện thăm ông đại úy cùng đơn vị với con trai anh, đang nằm dưỡng thương tại đó. Sáng mai, anh sẽ đi sớm, em theo anh chứ?”

- Vâng.

*

Bệnh viện đầy thương bệnh binh. Phải mất một giờ đồng hồ. Ông Jagat mới tìm ra vị đại úy. Anh ta rất trẻ, có lẽ trẻ ngang với Jai. Anh đang nằm ngửa trên giường, nhìn lên trần. Bên dưới xương hông nhăn thín cho thấy anh đã mất cả hai chân. Khuôn mặt mặt xương xẩu và xanh mướt biểu lộ nỗi đớn đau.

Ông Jagat đưa tay ra : - “Tôi là cha của Jai.”

Khuôn mặt lạnh lùng chợt bừng sáng: - “Thưa Ông Lớn, tôi có nghe ngài tới Bombay, nhưng chẳng dám trông đợi ngài đến thăm. Than ôi! Tôi lại không thể tới thăm ngài. Các bác sĩ không thể giữ được, đành cưa cụt thế này đây.”

Ông Jagat buồn rầu đáp: - “Tôi rất buồn.”

Vị đại úy trẻ từ chối lòng thương hại: - “Ồ, tôi đang học cách sinh hoạt thế nào khi thiếu đôi chân đây. Nhưng thôi, ta hãy kể chuyện anh Jai. Tôi với anh ấy là bạn bè, lại cùng dòng dõi vua chúa, nhưng tôi lớn hơn anh ấy bốn tuổi. Ngài biết không, tôi thấy dường như anh đã thấy trước điềm gỡ. Tôi hôm trước, chúng tôi nói chuyện với nhau về Anh Quốc. Tôi cho biết đã ở bên đó bốn năm, và anh ngỡ ý tiếc không bao giờ được thấy Anh Quốc ra sao. Tôi hỏi lý do, thì anh ngần ngừ mãi, đợi hỏi gặng mới đáp rằng anh tưởng như thấy một tấm màn đen buông xuống trước tâm trí, khiến anh không thể tưởng tượng ra một điều gì, và anh tin rằng chẳng bao giờ anh rời khỏi Ấn Độ, tuy rằng trong lòng anh lúc nào cũng mong mỏi được đi chơi các nước cho rộng tầm mắt. Anh cho biết cảm tưởng của anh mới nhận thấy là hoàn toàn mới mẻ, và đó là điềm chết. Rồi chúng tôi nói chuyện về sự luân hồi, hai đứa hứa với nhau rằng nếu đứa này chết, sẽ truyền đạt cho đứa kia được biết. Tôi chẳng thấy anh ấy về báo mộng lần nào, nhưng ai hiểu nỗi sự thật ra sao? Dầu sao tôi cũng tin rằng anh ấy đã thấy điềm gỡ. Người Trung Quốc trang bị vũ khí quá tối tân...”

Ông Jagat ghen ngào hỏi: - “Nó chết liền chứ?”

Vị đại úy trẻ búng tay: - “Gần như thế. Sau khi tôi ngã xuống rồi, anh ấy dẫn anh em rút lui về phía đồi. Một lính Trung Quốc ném trái lựu đạn, cách không xa, nên anh chết ngay.”

Ông Jagat nói: - “Tôi mừng cho nó khỏi đau đớn... nếu quả thật cái nghiệp của nó là phải chết.”

Vị đại úy trẻ nói: - “Anh ấy rất can đảm. Tôi mong mỗi anh thay thế tôi.”

Ông Jagat công nhận: - “Đúng, thằng con tôi cam đảm. Chẳng phải là nó không biết sợ. Tôi đã từng dẫn nó đi săn cọp, thấy được nó có sợ hãi. Nhưng nó không lùi bước vì sợ.”

Ông đại úy trẻ nói băng quơ: - “VẬY là dũng cảm rồi.”

Ông Jagat lên tiếng: - “Xin chúc anh chóng khỏe mạnh!”

Vài phút sau ông ra về. Khuôn mặt trẻ thoáng hiện vẻ thất vọng.

Còn biết khám phá thêm được điều gì nữa đây?

*

Tại sân trước tòa lâu đài giữa hồ, Veera và Bert Osgood đang đứng nói chuyện, tựa mình trên thành lan can bằng đá hoa.

Lúc này đang nửa đêm, bên kia hồ nước, má nàng đang nằm ngủ, tương tượng con gái cưng của bà cũng đang an giấc tại phòng riêng ở cánh bên Tây. Dè đâu nàng đợi cho cửa phòng bà mẹ khép kín, bà nữ mẫu già thờ dài, đặt mình trên chiếc chiếu đặt ở ngoài cửa phòng của nàng, tức thì nàng khoác lên mình chiếc khăn quàng trắng, chạy dọc theo cầu thang bên trong, lúi đi bí mật mà ngày xưa các cậu hoàng tử thường dung, trốn nhà lên thị trấn để vui chơi về đêm. Nàng cũng bắt chước họ, chỉ có điều nàng là gái, quả là liều lĩnh. Nàng mở cửa nhà chát dậu thuyền, leo lên một chiếc thuyền đã đợi sẵn. Không phải là chiếc thuyền máy âm ỉ, mà là chiếc du thuyền thời cổ, chỉ cần một tay chèo. Bơi thuyền khua nước khá yên tĩnh, và bên kia Bert đã đứng đợi sẵn. Chàng cũng không háo hức lắm với việc chờ đợi, vì lòng thấp thỏm cảm thấy tội lỗi, và cũng không biết chính xác là lúc nào nàng tới, còn việc rủ rê nàng thì tuyệt nhiên chàng chẳng dám. Dầu sao, nàng cũng là con gái nhà ông chủ. Nàng đã chọn lúc tới, chàng không thể

ngăn cản, nhưng cũng không dám mời mọc. Tuy nhiên, mấy tuần gặp gỡ dần dà cũng đưa tới lúc hò hẹn. Tất nhiên chẳng phải đêm nào cũng có, mà tùy đêm nàng có thể cất lên. Mỗi lần như vậy, nàng đứng chỗ cửa sổ vẩy một chiếc khăn lụa trắng, báo trước cho biết. Để thành thật với lòng, chàng cũng thừa nhận rằng mỗi lúc đêm xuống, chàng rất trông đợi được thấy chiếc khăn phát phơ.

Veera nói giọng quả quyết: - “Em không giống Jai chút nào đâu. Nó rập khuôn theo những người ở bên cạnh nó... còn em, em muốn người khác phải rập khuôn theo em.”

Bert cười ròn: - “Tại em được nuông chiều!”

Nàng trở mắt, đột nhiên nghiêm nghị: - “Anh nghĩ vậy sao?”

Bert nói: - “Đúng. Nhưng anh thích vậy. Điều đó khiến em có vẻ giống với người Hoa Kỳ.”

- Khen ngợi chẳng?

- Anh coi là vậy. Tất cả các cô gái Hoa Kỳ đều được nuông chiều. Họ nhất quyết làm theo cách riêng của họ. Anh rất ưa những phụ nữ tự nhiên như vậy, chứ không thích tuýp người từng phục. Với một cô gái bảo sao nghe vậy đàn ông chẳng có gì để nói nữa.

Chàng nhận định rằng thảo luận chuyện nam nữ là điều nguy hiểm, nhất là lại nói với một cô gái mà chàng không hề có ý định cưới hỏi, lại thuộc một gia đình không dễ dàng chấp nhận chuyện hôn nhân. Sự thật đó ở đâu cũng đúng thôi.

Veera nói: - “Gái Ấn ngày nay không từng phục nữa... tất nhiên chẳng phải tất cả các cô đều vậy.”

Nàng xích lại gần chàng, vai đụng nhau. Chàng thấy được vành tai nhỏ xinh xinh đeo bong tai bằng vàng nạm hồng ngọc, gò má phơn phớt xanh, thấy nét nhìn nghiêng của nàng, môi dưới dày hơn môi trên một chút, và tất cả đóng khung trong mái tóc đen uốn cong.

Nàng nói: - “Tụi em còn thích khiêu vũ với đàn ông nữa...”

Chàng ngắt lời: - “Này, tại sao chúng ta không khiêu vũ, tại ngay chỗ sân trước này? Anh dự tính sẽ biến nơi đây thành một sàn nhảy lộ thiên, chỉ cần trải thảm ra chỗ bao lơn là xong ngay. Có lẽ nên dành chỗ đó cho dàn nhạc. Ở đây anh đã thiết lập xong máy phát điện rồi... Đợt chút nhé, anh đi lấy máy hát.

Vài phút sau, hai người khiêu vũ theo nhịp rhumba. Chàng đã khéo léo kết hợp hai điệu đôi nghịch hẫng nhau: giữa triều đường của vua chúa cổ thời lại có âm nhạc ngoại lai và hiện đại. Nhưng điều đôi nghịch lớn nhất chính là bản thân chàng và nàng công chúa trong vòng tay. Tính chất lãng mạn luôn luôn linh hoạt, chợt trời dậy, biến thành đam mê. Thân hình đàn bà êm dịu, vẻ đẹp của thành phố đá hoa ở xa xa, trắng toát dưới ánh trăng, hai điệu đó đã kết hợp với nhau khiến chàng bỗng thành ngây ngất, và chàng đã đột ngột ngừng giữa vũ điệu, để đưa tay dưới cằm, nâng mặt nàng lên, đặt môi hôn đầm thắm và dài lâu.

*

Bên kia hồ nước, bà Moti chợt thức giấc, chẳng vì lẽ gì cả, nhưng bà lại cho rằng có các vị thần báo mộng. Những vị thần nào, bà không biết được, từ ngày mà, tuy chẳng chối bỏ các thần linh xưa kia, bà chấp nhận thêm ba vị thần của Cha Francis Paul: Cha, Con và Thánh Thần. Bà đã thức dậy trên giường, tưởng chừng như có ai nắm tay bà, lôi ra chỗ cửa sổ. Và bà đã đưa mắt nhìn vào giữa hồ. Trên sân trước tòa lâu đài, bà thấy hai bóng trắng nổi bật dưới ánh trăng. Chúng lại ôm nhau khiêu vũ nữa chứ! Nhất định là phải một nam một nữ rồi, nhưng người nữ nào đây, nếu không phải là...

Bà khiếp hãi quá chừng, mở cửa phòng, bước qua người bảo mẫu già nua của bà đang nằm ngủ, vội vã chạy lại phòng của Veera. Căn phòng trống trơn, giường nệm chẳng xô lệch. Thì ra là Veera rồi! Bà vội vã trở lại phòng mình, đánh thức bà bảo mẫu nằm ở cửa, đưa bàn chân trần thúc vào mạn sườn bà lão:

- Dậy đi! Giúp tôi mặc quần áo... rồi dẫn tôi lại nhà để thuyền. Đừng hỏi han gì. Cứ làm theo lời tôi.

Không đánh thức thêm người nào khác, cũng không cần tắt đèn tại phòng mình, vì trăng rất sáng, bà hối hả làm tất cả những công việc vừa dặn bà bảo mẫu. Cứ thế, bà đã tới được chỗ sân trước tòa lâu đài, mà Bert và Veera chẳng hay biết gì, vì khi bóng trăng xuất hiện đột ngột, hai người vẫn còn ôm nhau.

- Veera!

Nghe giọng của mẹ cất lên lạnh lạnh, mà từ trước tới giờ nàng chưa hề nghe thấy bà nói to như thế, Veera hốt hoảng rụng rời. Nàng xô Bert ra, nhưng chỉ một chút thôi, rồi thấy mặt mẹ, nàng lại vội nép mặt trên vai chàng.

- “Kìa em cưng.” - Bert nói thật dịu dàng, dẫn nàng tới chiếc ghế dài bằng đá hoa, đỡ nàng ngồi xuống, thì thầm: - “Việc này để anh lo.”

Đứng thẳng người, đối mặt với bà vương hậu, chàng lên tiếng, giọng quá quyết:

- Thưa Bà Lớn, mọi chuyện xảy ra đều do lỗi tại tôi. Chính tôi đã đề nghị việc khiêu vũ. Đây sẽ là sà nhaps, tôi muốn thử trước xem sao.

Bà Moti không thềm để ý tới anh ta: - “Veera, về ngay tòa lâu đài!”

Bert nài nỉ: - “Xin Bà Lớn cho tôi được thừa cạn một lời, để Bà Lớn hiểu rằng lỗi tại tôi tất cả.”

Bà vẫn không ngó anh ta: - “Veera, má vẫn thường nói với con... dù có chuyện gì xảy ra giữa một người đàn ông và một người đàn bà, thì phần lỗi vẫn về người nữ, phần thiệt thòi vẫn về cô ta. Má đã dạy con bao nhiêu lần rồi mà.”

Veera aim lặng, cúi đầu.

Bert nói: - “Kìa, Bà Lớn. Tôi không muốn bị đối xử như vậy.”

Bà Moti vẫn ngó lời với con gái thôi: - “Con tới đây là do lời mời của ông ta?”

Veera ngẩng đầu, đột ngột phản kháng: - “Không. Con tới vì con thích tới.”

- Không phải lần đầu?

- Không.

- Dầu sao cũng là lần cuối cùng, má báo cho con biết trước! Theo ta về ngay!

- Không! Con không còn là đứa con nít.

- “Vậy thì, má ở lại luôn”. Bà Moti tuyên bố. Bà buộc chặt chiếc khăn quàng quanh cổ, ngồi xuống chiếc ghế dài bằng đá hoa.

Bert nhìn từ khuôn mặt trắng của bà mẹ, tới khuôn mặt trắng của cô con gái. Và chàng tiến lại chỗ Veera, đứng cạnh nàng, cúi nhìn khuôn mặt xinh đẹp đang nhăn nhó.”

- Em yêu, đầu sao cũng là má của em mà.

Veera ngược cặp mắt thao láo nhìn lên, không đáp.

Bert nói: - “Em phải về nhà đi đã, em yêu. Có nhiều cách để giải quyết chuyện này mà.”

Veera hỏi: - “Giải quyết chuyện gì?”

- Những điều chúng ta mong muốn.

- Ta mong muốn chuyện gì?

- Thật tình anh chưa rõ. Chúng ta sẽ xem xét và tìm ra. Nhưng, em hãy về nhà trước đã. Đợi lúc ba em về, xem sao.

- Má nói gì... về em, ba tin này.

- Có thể lúc đó, em và anh sẽ hiểu được ý của ba em.

Nàng chân chừ đứng dậy, có ý không muốn bước. Bà Moti cũng đứng dậy theo. Bert lặng lẽ đi theo hai người, giúp họ xuống thuyền, lên tiếng:

- Chúc ngủ an giấc.

Nhưng chẳng ai trả lời chàng. Chàng thấy ra tới giữa hồ Veera mới đưa tay vẫy chào, chàng cũng vẫy theo. Chàng biết mình làm được đến đó là cùng, cảm thấy bất lực hoàn toàn.

*

Cả hai đều không ngủ được. Hai má con đối mặt nhau. Bà Moti nằm trên chiếc ghế dài, trong phòng của bà, buồn rầu chán nản trong lòng. Veera ngồi khoanh chân trên tấm nệm đặt trên sang.

Bà Moti tuyên bố: -”Việc này phải báo cho anh Raj được biết.”

Veera hỏi: - “Có việc gì đâu mà phải báo? Má quên rằng con không thuộc thế hệ của Má nữa, Má à. Ở Bombay...”

Bà Moti ngắt lời: -”Đây không phải là Bombay! Cô lại mang dòng máu vương giả...”

Veera kêu lên: - “Ôi, phong kiến mục nát! Tất cả những chuyện đó chấm dứt từ khuya rồi!”

- Dầu sao, cha cô cũng đã hứa hôn với gia đình Raj.

Veera cong cớn: - “Cha ơi là cha!” Và nàng sừng sộ nói tiếp, dùng những lời lẽ chẳng biết kiêng dè: - “Giờ đây ông đang làm gì? Rúc một nơi với con mẹ Hoa Kỳ, chứ gì nữa? Ôi, đúng thế. Con biết má che dấu tất cả chuyện này mà. Má giữ nguyên tính chất của một bà vợ người Ấn cổ hủ, bịa đặt ra chuyện Jai chưa chết, để bày ra một cuộc tìm kiếm thần thánh, mà thật sự là một cuộc dạo chơi tình ái cho chồng được hưởng! Chính má cũng biết rõ như con rằng chẳng có gì đáng gọi là thánh thần cả. Á mẹ ba, và hai người ở bên nhau, và má, má chẳng dám đương đầu với bất cứ chuyện gì, ngay cả việc má có thể thương yêu ông tu-sĩ người Anh. Ông ấy cũng thánh thiện ghê nhỉ!”

Bà Moti khinh hĩ quá chừng. Bà cảm thấy choáng váng, muốn ngất xỉu, mãi sau mới nói được, giọng rất yếu ớt: - “Má đồng ý với con ở một điểm. Lẽ ra má không nên để ba con đi với cô ta mới phải. Nhưng bọn trẻ các con - Ôi, thế hệ ác độc! - chẳng coi điều gì là trong sạch, là thiêng liêng. Má có thể nói có lẽ các con kết tội cả thánh Gandhi không chừng, vì các con nghĩ bậy bạ về các nữ đệ tử của ông thánh.

Veera nói giọng vô cùng hỗn xược: - “Tất nhiên. Đâu có sai làm?”

Nước mắt đầm đìa, bà Moti nhìn con gái, thì thào: - “Hết nói rồi! Con không thể nghĩ nổi chuyện một người có thể làm một điều gì đó, chỉ bởi nó tốt bà đúng thôi. Nhưng chỉ với những mục tiêu trong sạch thì việc gì cũng trong sạch cả.”

Veera nói giọng nóng nảy: - “Vẫn chẳng trong sạch gì! Nhưng dầu sao, má công nhận lời con nói là được rồi. Cuối cùng, má con ta cũng có được một điểm đồng ý với nhau, Má à!”

Nàng nói rồi đứng dậy, cao hơn mẹ. Mắt đẫm lệ, bà Moti kinh hãi ngược nhìn con, bà nói giọng lạc hẳn đi:

- Vậy là quá lắm rồi, tôi không chịu nổi. Đành trả cô về cho bố cô dạy dỗ thôi.”

Veera quay lại: - “Còn anh Raj, để con nói chuyện với anh ấy.”

Bà Moti hỏi: - “Con sẽ nói gì?”

Veera ngừng lại ở ngưỡng cửa, nói giọng bất quyết: - “Con chưa biết.”
Và nàng khép cửa lại, phía sau lưng.

*

Ông Jagat đang ở phòng riêng tại khách sạn Mussorie, quần áo gọn gàng ngồi đợi bữa ăn tối. Ông chợt nghe có tiếng gõ cửa, chưa kịp lên tiếng mời vào, thì cánh cửa đã mở ra, và ông nhận ra bác Rodriguez, quản gia.

Ông ngạc nhiên hỏi: - “Anh tới đây làm gì?”

Người kia không đáp, chỉ đưa ra một bao thư dán kín.

- Bà Lón gọi cho ông.

- Nhưng tại sao lại sai anh đi?

- Thưa Ông Lớn, tôi là người Goa, rất kín miệng, nên có thể tin cậy được. Người Ấn, người Hồi ưa bép xép. Tôi thì không!

Bác vỗ ngực, có vẻ kiêu hãnh lắm, nhưng ông Jagat không để ý. Ông mở xem thư. Đó là một tờ giấy viết thư mỏng tanh, bà Moti ưa dùng. Bà viết bằng tiếng Anh, lỡ ai có muốn xem lén sẽ gặp khó khăn. Và bà cũng chỉ biết mấy dòng ngắn ngủi, kín đáo.

“Anh cần về ngay. Em được thấy một việc chẳng vừa ý chút nào. Anh chàng người Mỹ và Veera cần gặp anh liền, vì em không dùng uy quyền. Còn việc tìm kiếm, để sau này tiếp tục cũng được. Em không biết nên làm gì..., bằng cách nào, để...”

Người sao vẫn vậy, vốn Anh ngữ của bà Moti rất chính xác, nhưng chẳng hoàn chỉnh, và lá thư này biểu lộ rõ lòng bối rối của bà, dòng cuối cùng lại bỏ lửng. Trong lúc trò chuyện, bà cũng thường bỏ lửng câu nói như thế. Ông Jagat gấp lá thư, quay qua Rodriguez.

- Thu dọn hành lý cho tôi, và đi mượn một chiếc xe hơi. Sáng mai, chúng ta về sớm.

Bác quản gia vừa tính rút lui, ông Jagat chợt nhớ ra rằng dù bác là người Goa kín miệng, như bác tự khoe khoang, chẳng nữa, thì bác vẫn sống bên cạnh những gia nhân khác.

- Đợi chút. Hãy kể cho tôi nghe những điều anh được biết.

Bác Rodriguez chờ đợi giờ phút này, từ nhiều ngày rồi. Bác rất ghét anh chàng Hoa Kỳ đã phá hoại tòa lâu đài giữa hồ, bao di tích lịch sử sạch sành sanh! Đúng là thời thế đã đổi thay, ông tiểu vương này chẳng sánh với thân phụ và tổ phụ ông, nhưng dù sao ông vẫn là tiểu vương. Còn bác, là Rodriguez đây, tuy đã bắt đầu già rồi, mỗi lần ngồi xuống lại thấy xương

gối đau như dằm, nhưng bác quả quyết rằng bản thân bác không hề thay đổi. Bác quyết phục vụ gia đình vương giả này cho tới một đêm bác lịm đi trong giấc ngủ. Đó là cách chết nhẹ nhàng êm ái bác hằng mong ước. Nhưng phải đợi bác có dịp trút bầu tâm sự, thổ lộ hết cho ông tiểu vương nghe những việc làm xấu xa của thằng Mèo mới được.

Bác lại gần ông Jagat, quì gối, thắm môi rồi mới lên tiếng:

- Thưa Ông Lớn, kẻ hèn này có điều đau khổ trong lòng. Vì những điều đã được thấy, đêm này qua đêm khác...

Bác lắc đầu thờ dãi.

Ông Jagat sốt ruột: - “Được, được. Anh thấy gì?”

- Tiểu thư, Ông Lớn ạ... Cô mua chuộc con trai người giữ thuyền, bảo anh ta đưa cô qua tòa lâu đài giữa hồ, nơi thằng Mèo... Xấu hổ quá mà phải nói cho Ông Lớn biết...

Bác dẩu mặt trong tay.

Ông Jagat gay gắt: - “Nói tiếp đi!”

Bác Rodriguez ngẩng đầu, dùng chiếc khăn vắt vai để lau mặt.

- Thưa Ông Lớn, hai người ngồi ở sân trước, má tựa vai kè, ngả mình trên lan can để ngắm trăng.

- Làm sao anh biết được chuyện đó?

- Bằng hai cách, Ông Lớn ạ. Tôi mượn - mượn tạm thôi, thề - tôi mượn chiếc ống nhòm đặt trên bàn giấy của tổ phụ ông. Tôi nhìn qua đó.

- Và anh chạy đi, tâu vương hậu, làm âm ỉ toà lâu đài? Ta nói thẳng, mọi chuyện chẳng tội lỗi gì đâu, dù rằng lẽ ra con gái không nên làm mới phải... nhưng tiểu thư khá tinh khôn, đâu đến nỗi để cho anh chàng Hoa Kỳ có thể gỡ gạc? Nhưng này... anh vừa nói anh làm hai cách, phải không?

Bác Rodriguez sôi nổi, nói tiếp: - “Vâng, thưa Ông Lớn. Cách thứ hai là tôi bắt nọn đưa con trai người giữ thuyền. Tôi hăm dọa hấn, bảo hấn không chịu nói, tôi sẽ mách Ông Lớn.”

Ông Jagat chêm vào: - “Và anh cho tiền nó nữa, tôi dám đoán chắc.”

- Không, không... Chút đỉnh thôi, chẳng phải mua chuộc gì. Tôi mà nói dối, chẳng được ở đây thưa chuyện cùng Ông Lớn! Và cũng xin thề tôi không hề nói hớ với Bà Lớn tiếng nào. Tại bà thấy đấy chứ. Và bà đã sai tôi tới đây... Xin thề!

- Làm sao Bà Lớn biết tôi ở đây? Tôi có viết về nhà chữ nào đâu?

Bác Rodriguez đứng dậy: - “Thưa Ông Lớn, tôi xin thú tội. Chính tôi đã dẫn anh Ranjit theo hầu ông, hễ dời đến chỗ nào mới, phải cho tôi biết liền. Tôi biết tiên liệu...”

Ông Jagat cười gằn: - “Thì ra anh rình rập cả tôi nữa!”

- Chỉ vì mối an nguy của Ông Lớn!

Bác Rodriguez dừng lại, suy xét. Bác có nên kể ra chuyện bác ngờ vực cả bà vương hậu với ông tu-sĩ người Anh không? Không được, bác đã nhiều lời lắm rồi. Và chẳng, bác cần thu thập tin tức nhiều hơn. Giữa hai người đó, bác chưa thấy có chuyện gì. Và bác cũng không muốn có chuyện đó. Khi các đấng mệnh phụ phu nhân mà buông tuồng, thì không còn gì trên đời này nữa. Dù tại khách sạn, hay ở toà lâu đài, mà danh dự đã mất vì tay các bà, thì phong hóa suy đồi mất rồi. Thật tình, bác có đầy đủ tin tức về ông tiểu vương và cô gái Hoa Kỳ nữa. Đàn bà luôn luôn phải được canh

chùng. Hồi thời tiểu vương, tòa lâu đài đầy ắp các bà, nhưng có lẽ nhiều bà lại ít tai hại hơn một bà. Và chẳng, cô này lại là người Hoa Kỳ! Bác thường nghe nói về cô gái Hy Lạp gây bao nguy hiểm trong gia đình, và từ đó không còn thấy bóng dáng một người đàn bà ngoại quốc nào tại tòa lâu đài. Tất nhiên chẳng ai nghĩ cô gái Mỹ này có thể tự ái như cô gái Hy Lạp, nhưng việc canh chừng vẫn không thể bỏ.

Bác hứa: - “Thưa Ông Lớn, tôi sẽ chuẩn bị mọi việc để ra đi vào sáng mai. Cứ tin cậy tôi, tôi sẽ làm đầy đủ.”

Ông Jagat nói gọn: - “Tốt lắm.”

Ông đã quen với nhiệt tình không đúng chỗ của các gia nhân trung thành. Cần cân nhắc kỹ, đừng thấy mối hại mà quên lòng trung thành của người ta.

Ông nói: - “Bây giờ, tôi đi ăn tối đây.”

*

Họ về tới Amarpur, đêm đã khuya lắm rồi. Ông đưa nàng về tận tòa lâu đài giữa hồ. Người thư ký trực bàn giấy thấy ông tới, ngạc nhiên hỏi:

- Thưa Ông Lớn, có nên đánh thức ông Osgood không ạ?

Ông nói gọn: - “Không. Nhưng báo cho ông ta biết mười giờ sáng mai, tôi sẽ tới.”

- Vâng thưa Ông Lớn.

Ông hỏi: - “Cô Westley vẫn ở phòng cũ dành riêng cho cô chứ?”

- Tất nhiên, thưa Ông Lớn.

Ông theo nàng vào phòng, và sau khi phu khuân vác hành lý rút lui, ông khép cửa lại, kéo rèm cửa. Rồi đột nhiên, ông đau đớn trong lòng, nhận định rằng hai người sẽ phải xa nhau mãi mãi. Ông nắm tay nàng, cúi nhìn nàng đang ngược mặt nhìn lên.

- Anh không biết mai đây có chuyện gì xảy ra. Chỉ biết một điều: anh yêu em!

Những lời xáo đó đôi khi ông cũng thuận miệng nói ra, nhưng lúc này đây ông thấy thèn thẹn. Chưa bao giờ ông thành thật bằng lúc này. Giữa ông và bà Moti nhiều khi ngôn ngữ không cần thiết. Bây giờ, ông hiểu rằng tình yêu cần thiết phải biểu lộ ra bằng lời nói, bắt buộc phải nói to lên.

Nàng đáp: - “Em cũng yêu anh.”

- Dù cuộc đời chúng ta sẽ ra sao, trong giây phút ngắn ngủi ta còn được ở gần bên nhau, anh cảnh thấy bắt buộc phải nói ra ba tiếng: Anh yêu em!

Nàng nói: - “Em hiểu.”

Ngay sau đó, ông từ biệt nàng, trở về tòa lâu đài, không đánh thức bà Moti, mà lui về phòng riêng, thấy trên bàn giấy một chồng giấy tờ dành cho ông nghiên cứu. Đây là những giấy tờ quan trọng, khẩn cấp để lại trên bàn giấy trong văn phòng. Ông ngó sơ qua, gạt sang một bên, lên giường. Nhưng ông không tài nào ngủ được. Trần trọc chừng một tiếng đồng hồ, ông trở dậy, làm việc mãi miết, cho tới lúc cửa mở ra, một người hầu mang đến cho ông chén trà sớm. Sau đó, ông tắm rửa, thay quần áo, gọi cho bà Moti mấy chữ nói rằng ông muốn sớm tới thăm bà, chừng nào bà thấy thuận tiện.

Một giờ sau, ông vào phòng bà, thì thấy bà đang ngồi ăn bữa điểm tâm đạm bạc. Ông cúi hôn lên tóc bà.

Bà Moti kêu lên: - “Ông có vẻ xanh xao quá!”

Ông đáp: - “Anh có ngủ được đâu? Về tới nhà là thấy một chồng giấy tờ trên bàn, toàn những báo cáo, kiến nghị của các chức sắc gửi tới, và anh đã làm việc luôn tới sáng.”

Bà Moti hỏi: - “Sao anh không đánh thức em dậy?”

- Để em mất ngủ luôn ư? Có họa là điên!

- Nếu biết anh về tới qua, em đã thức để đợi.

- Anh cố tình không muốn cho em biết giờ giấc anh về.

Và ông nói tiếp: - “Chúng ta có nhiều việc để bàn. Trước hết, anh muốn cho em biết kết quả việc tìm kiếm của anh. Anh đã gặp ông đại úy trẻ cùng đại đội với Jai, kể lại rõ ràng về cái chết của con trai chúng ta. Sau nữa anh lại tìm tới miền bắc Mussoorie, gặp một vị lạt-ma bàn về luân hồi và việc đầu thai trở lại.”

Ông không dám nói rằng những lời của vị lạt-ma đó có tình huyền hoặc, ông không thể tin nổi, đã nó lúc lên tiếng chê bai, coi là lời đồng cốt quàng xiên.

Bà Moti ngẩng đầu: - “Đầu thai ư? Vậy có nghĩa là Jai đã chết rồi!”

Ông Jagat nói: - “Và sống trở lại.”

Nước mắt lã chã tuôn xuống, bà cứ để yên cho chảy xuống.

Ông Jagat cười gằn: - “Vừa phải thôi chứ, Moti em! Đừng nhắc tới những huyền thoại ngoại lai đó! Đất nước chúng ta cũng có quá nhiều rồi! Dầu sao, anh cũng đi tìm kiếm thêm nữa. Chuyện của thằng Jai thật là... lôi thôi.

- Đừng nhắc tới tên con.

Ông nhìn bà trừng trừng: - “Moti, em không được bình tĩnh!”

Bà liếc xéo: - “Nếu quả vậy, chính anh đã gây ra cho em, chứ còn ai?”

Ông quyết định lờ chuyện buồn giận của bà, nói tiếp: - “Công việc tìm kiếm đang... tiến hành, thì bác Rodriguez tới. Tất nhiên anh phải về ngay.”

- Cô gái Hoa Kỳ ở chung chỗ với anh?

- Đúng... Chính em mời cô ta mà, nhớ coi!

- Cô ấy đang ở đây?

- Tất nhiên là cô ở tòa lâu đài giữa hồ.

- À, đúng.

Một giây phút khắc khoải thoáng quá giữa hai người, nhẹ nhàng như cánh bướm, ông quyết định dập tắt:

- Trong nhiều vấn đề, chuyện của Veera phải đề cập hàng đầu. Anh tính nói chuyện với Osgood vào sáng nay, em có điều gì cần cho anh biết trước không?

Bà đung tay vào chiếc chuông bạc, gọi người nữ tì của bà đứng ở cửa:

- Truyền cho tiểu thư phải tới trình diện cha cô ngay.

- Thưa Bà Lớn, vâng. Người đàn bà nói rồi, rút lui ngay.

Bà Moti nói tiếp, giọng bình thản hầu như hờ hững: - “Tạm thời, ông cho biết những vấn đề khác, kém thúc bách, là chuyện gì?”

Ông ngồi xuống, và bà rót cà-phê, đưa cho ông một chén. Ông nói tiếp:

- Những chuyện thông thường thôi. Trước khi đi, anh có đòi hỏi các chức sắc tại thị trấn phải cho anh một tờ báo cáo về tình trạng đám cướp võ trang. Một số người Bhil có dính líu, và anh nghĩ đến chuyện có thể nhờ vị tu-sĩ người Anh giúp đỡ. Trong lúc anh đi vắng, dân làng đã bị tấn công tại nhiều nơi, nhưng cũng có vài chỗ đã chiến đấu dũng cảm để đẩy lui giặc cướp. Đặc biệt tại một làng nọ, một thủ lĩnh đã đứng ra chỉ huy dân làng đuổi được giặc. Hai tên phi bị giết, bốn tên bị bắt. Anh sẽ tới thăm vị thủ lĩnh đó, tặng ông ta một cây súng và năm trăm đồng tiền thưởng. Như vậy sẽ khuyến khích người khác dũng cảm. Dầu sao, anh cũng phải xét tới việc tăng cường lực lượng cảnh vệ ở mọi nơi trong vùng này. Không phải vấn đề nhân số, mà là tinh thần tương trợ. Một khu vực dân cư hiện đại không thể để mặc tình giặc cướp làm mưa làm gió. Không cần biết tới chúng là người của bộ lạc nào trên núi kéo xuống, nhất quyết phải đẩy lui hết!”

Nói tới công việc trị an, ông thấy trong lòng dịu bớt chuyện dẫn vật riêng tư. Nhưng tới đây, ông phải ngừng lời, vì Veera vừa bước vào, xinh đẹp vô cùng. Nàng chấp tay vái chào cha mẹ.

- Thưa Ba, ba đã về. Con chẳng dám nói xạo là mừng thấy mặt Ba, vì con biết Ba đang muốn rầy con. Nhưng thiết tưởng Ba chẳng cần làm vậy, vì Má đã trách mắng con rồi.

Ông ra lệnh: - “Ngồi xuống đi. Ba không có ý rầy la, vì con chẳng còn con nít nữa. Ba chỉ muốn hỏi xem ý định của con thế nào?”

Nàng cất tiếng cười, lắc đầu: - “Ba đâu có ý hỏi con là phụ nữ? Thường thường Ba chỉ hỏi ý chàng rể tương lai của Ba thôi.”

- Ba sẽ nói chuyện với anh ấy sau. Trước hết, bà muốn biết con suy nghĩ gì. Con có muốn hôn hôn với Raj không?”

Nàng nghiêm trang liền: - “Con không biết, Ba à. Con đang trông mong Ba giúp con quyết định.”

- Con có yêu Raj không?

- Anh ấy chẳng tìm cách gợi tình yêu của con.

- Con muốn nói gì vậy?

- Ba biết rõ rồi mà, Ba! Hai bên gia đình hứa hôn, chúng con chỉ biết chấp nhận, tự hỏi chúng con có thể... Thôi, ba biết rõ rồi mà!”

Tất nhiên là ông biết. Rất rõ là đằng khác. Chính ông không hề thúc đẩy tình yêu đối với bà Moti, hoặc khuyến khích bà thương yêu ông trước khi cưới. Nhưng ông có thể coi đó là tình yêu chớm nở, chứ không thể nói là tầm thường được.

Ông nói: - “Ba không rõ lắm đâu. Thật tình lúc đó ba còn trẻ quá, má con cũng vậy, và tục lệ lúc đó khác hẳn bây giờ. Gia đình chúng ta tiếp xúc rất ít với phương Tây, ngoại trừ việc tiếp xúc với các quan chức người Anh, và ba cũng ít có dịp gặp gỡ một cô gái trẻ cùng đẳng cấp, và chắc chắn má của con càng bị cấm đoán, dễ gì được nói chuyện với một thanh niên?”

Bà Moti nói nho nhỏ, tách cà-phê đặt trên miệng: - “Tất nhiên là không được.”

Ông Jagat nói tiếp: - “Bây giờ, ba nhận định được nhiều điều thay đổi. Chẳng hạn như ba có thể tự trách phần nào vì đã đưa anh chàng Hoa Kỳ về đây, để sửa sang tòa lâu đài giữa hồ thành khách sạn. Ba nghĩ rằng đó chẳng qua chỉ là vấn đề làm ăn, mà người Hoa Kỳ làm công việc này rất giỏi. Ba không trừ tính được hết, không dè...”

Veera nói: - “Con cũng vậy.”

- Chuyện xảy ra thế nào?

Veera có vẻ mất bình tĩnh: - “Con không biết, Ba à! Chuyện cứ tự nhiên xảy tới, phải không nhỉ? Như việc ba gặp gỡ cô Westley đó!”

Ông lãnh đôn rất nặng, nhưng lờ đi như không. Thật tình ông không biết trả lời ra sao, cố giữ kiên nhẫn khác thường, nói tiếp:

- Ba phải làm gì về vấn đề hôn nhân của con đây, Veera?

Nàng đáp giọng hờn dỗi cũ: - “Ồ, con không biết.”

Rõ ràng nàng không thể nói thêm lời nào. Một đời đè nén tình dục không thể phá vỡ trong vài phút.

Ông Jagat thở dài: - “Được rồi, ba sẽ nói chuyện với Osgood. Có thể anh ấy có sẵn một dự tính nào đó. Ba nghe nói người Hoa Kỳ không biết câu nệ. Nhưng ba cho rằng vẫn cần phải báo cho Raj biết.”

Veera nhìn lên, kinh hãi: -”Ồ, đừng... anh ấy sẽ quá đau khổ!”

Bà Moti đặt tách cà-phê xuống: - “Đau khổ trước còn hơn sau hôn nhân.”

Bà nói vậy thì quả thật Veera chẳng có điều gì để nói. Một con chim đậu trên cây trước nhà cất tiếng ríu rít gọi bạn, một người hầu vội chạy ra, đuổi nó đi. Ba người nhìn cảnh nho nhỏ đó, mà không để ý. Rồi ông Jagat đứng dậy:

- Được rồi Veera. Không cần con phải cho ý kiến hay chỉ dẫn gì cả - như ngày nay người ta thường gọi vậy - ba sẽ nói chuyện với Osgood, và tùy theo lời anh ta nói ra sao, ba sẽ nói chuyện hoặc không nói chuyện với Raj. Phải ý của con muốn vậy không?

Nàng vẫn ngúng nguẩy: - “Con không biết!”

*

- Con bé nhà tôi không biết mình muốn gì, anh Osgood ạ.

Một giờ sau, ông hoàng ở phòng điều hành của mình, tại khách sạn Lâu Đài Giữa Hồ, ngồi sau bàn giấy, lên tiếng như vậy.

Ông đã cho người tìm ngay anh chàng Hoa Kỳ, và rất hài lòng, vì anh ta nhập đề ngay vào chuyện Veera, nhận hết phần lỗi về mình. Bây giờ, anh cũng trả lời thẳng thắn, không hề quanh co:

- Có lẽ tình trạng của tôi cũng vậy đấy, ông ạ.

Ông Jagat nhận thấy sắc mặt anh lúc này xanh xao, những vết tàn nhan nổi bật trên khuôn mặt lợt lạt, trong rất tức cười. Anh ta vẫn nói tiếp:

- Quả thật tôi đã yêu nàng, không hề nghĩ tới những vấn đề phức tạp có thể đặt ra! Nàng là cô gái xinh đẹp tôi chưa từng thấy, dù rằng xưa nay tôi vẫn ưa những cô gái tóc nâu hơn. Về sau tôi mới thấy sợ. Tôi nhớ rằng nàng là một cô công chúa, tôi chẳng là gì cả. Cha tôi là một nha sĩ tại một thị trấn nhỏ. Tôi là người duy nhất trong gia đình chịu rời bỏ thị trấn đó. Tôi không hiểu lý do vì sao, có lẽ chỉ vì muốn du lịch, thế thôi. Tóm lại, tôi vẫn mong ước quay về quê cũ, lấy vợ và lập nghiệp ở thị trấn nhà. Tình cờ tôi tới Ấn Độ, có mặt khắp nơi. Nhưng, xin nói thẳng với ngài, có lẽ tiểu thư chẳng tìm thấy hạnh phúc trong gia đình tôi đâu. Tôi cũng không biết tôi có hoàn toàn sung sướng tại gia đình nhà nàng hay không. Xin lỗi đã nói câu khiếm nhã như thế.

Ông Jagat nói: - “Anh nói vậy là rất thành thật. Vấn đề bây giờ chúng ta phải làm gì? Hoặc là anh ngừng gặp gỡ con tôi, nếu không chúng ta đành chấp nhận... chia tay.

Ông định đập chát, đuổi thẳng thừng, nhưng cảm thấy ưa thích chàng thanh niên này, nên đã sửa lời cho nhẹ đi.

Khuôn mặt tròn trĩnh của Bert lộ vẻ bối rối: - “Tất nhiên tôi có thể ra đi, Ông Lớn ạ, nhưng nếu vậy thì... đau khổ quá. Có lẽ tôi chỉ có thể làm như vậy, nếu nàng chọn một bạn lòng khác. Tôi muốn nói rằng, nếu như nàng nói với tôi một câu... rằng nàng yêu tôi, thì tôi không thể nào bỏ đi cho đành. Xinh ông hiểu cho như vậy.”

Ông Jagat không đáp, tiếp tục quan sát khuôn mặt thành thật và bối rối.

Bert lại nói tiếp: - “Mặt khác, tôi còn công việc ở đây chưa lo xong. Còn dở dang... thì tôi cảm thấy có trách nhiệm phải hoàn tất những gì tôi khởi công.

Ông Jagat hỏi: - “Công việc anh làm xong đến đâu rồi?”

Bert lại bàn giấy thứ hai trong căn phòng, mở ngăn kéo, lấy ra một xấp hồ sơ dày cộm:

- Tôi làm đến đây, ghi đến đây, đầy đủ chi tiết, vì nghĩ rằng ông có thể hỏi tới bất chợt. Ta cứ chiếu theo danh sách này, sẽ thấy đầy đủ... Việc trang trí đã xong, đặt ống nước cũng rồi... Chỉ còn vài việc lật vật cuối cùng, tôi phải đích thân trông nom. Tôi đã kêu gọi một công ty Hoa Kỳ tới đây... Mong rằng ông đừng bận tâm đến chi phí đất đỏ, vì tôi thấy rằng máy phát điện không được tốt lắm. Cả công việc giặt ủi của địa phương, tôi thấy cũng không tốt. Cả công việc giặt ủi của địa phương, tôi thấy cũng không tốt. Tôi đề nghị công ty giặt ủi tối tân của Hoa Kỳ, sẽ thiết lập cơ sở tại đây, lấy địa bàn là những căn hầm rộng mênh mông, bây giờ đã trống trải, vì chúng tôi đã lấy đi gần hết những đồ đạc chứa trong đó. Nhân nói về giặt ủi, cũng lưu ý ông làm sao ngăn cấm những người đàn bà đem quần áo ra giặt ở thềm đá bờ hồ. Du khách chẳng thích bị đánh thức dậy vào lúc năm giờ sáng đâu. Chính tôi cũng không chịu nổi.

Ông Jagat vội nói: - “Dù có thể làm được, tôi cũng không nghĩ tới chuyện thay đổi nếp sống của dân.”

Bert nghệt mặt, tỏ vẻ chán nản: - “Ông muốn nói là cứ để vậy mãi mãi?”

- Việc này có từ nhiều thế kỷ rồi.

Bert thở dài: - “Được thôi. Ông hiểu rõ về dân tộc ông. Tôi đã gần xong phần việc của tôi, mong được hoàn tất đến đầu đến đũa.”

Anh ta vừa nói vừa phe phẩy xấp hồ sơ, lấy dây thun cột lại.

- Tôi sẽ không ở lại đây để coi tất cả những công việc này được tiến hành. Khách sạn của ông có thể rất đẹp, nhưng ông vẫn thua lỗ nếu không dùng đúng người và đúng việc, để giữ cho nó chạy đều hòa.”

Ông Jagat nói: - “Cám ơn anh. Tôi sẽ ôm hồ sơ về nghiên cứu.”

Ông đưa tay ra, bắt tay Bert, và rời khỏi.

Ông Jagat nói với bác Rodriguez:

- Anh phải đi tìm thằng con rể tương lai của tôi. Nó đang ở Bombay với ba má. Nếu không, ông bà cũng cho biết nó ở đâu. Tìm được rồi, dẫn nó về đây ngay.

- Vâng, thưa Ông Lớn.

- Nói với nó là có chuyện hệ trọng khẩn cấp... một việc có liên quan tới nó.

- Vâng, thưa Ông Lớn.

Ông Jagat nói giọng nghiêm khắc: - “Và tôi không muốn đám gia nhân bàn ra tán vào!”

Bác Rodriguez giả bộ méch lòng: - “Tôi có nói gì đâu? Tôi chỉ phục vụ Ông Lớn thôi mà!”

Ông Jagat đáp liền: - “Vậy thì cứ tiếp tục phục vụ đi!”

Nhưng bác quản gia người Goa này ghét cay ghét đắng anh chàng người Mỹ, chỉ muốn nhờ tay Raj đập cho Osgood một trận, nên bác đã đem chuyện kể lại hết cho Raj nghe, chẳng biết có thêm thắt điều gì không.

Anh Raj hét inh lên: - “Sao? Cô gái đã hứa hôn với ta lại dám phản bội ta à? Đẹp hết, đẹp hết mấy trò vui này đi! Trả lại ngay Amrapur! Ta phải giáp mặt thằng Mèo này, đuổi cổ nó về nước, về nhà nó!”

Hai người đáp máy bay tới Amrapur. Lúc đó gần nửa đêm, và bác đưa Raj đến thẳng tòa lâu đài giữa hồ. Anh chàng người Hoa Kỳ vừa đi ngủ thì bị dựng dậy:

- Dậy, dậy! Xuống giường ngay, thẳng giặc!

Như phần đông các đàn ông trẻ tuổi người Mỹ, Bert ngủ say như chết. Nhưng anh cũng ngồi dậy, bật đèn giường, trở mắt nhìn. Anh thấy cặp mắt hung tợn, mái tóc phủ mang tai của Raj, biết là có chuyện.

Anh nói: - “Ngồi xuống đi, anh bạn. Có chuyện gì thông thả ta bàn bạc.”

- Không có chuyện gì để nói hết! Ngươi đâm ta một nhát ngay tim! Không biết ta là ai hả?

Bây giờ Bert đã hiểu ra, nhưng cũng nói:

- Quả thật chưa được biết. Chỉ đoán phỏng chừng là... anh Raj thôi.

- Còn ai vào đây nữa? Ta tới để rửa hận!

Bert nói: - “Kìa, bình tĩnh nào. Ta làm một chầu rượu chẳng?”

Và anh đã rủ được Raj xuống quầy rượu dưới nhà.

Hai người đối mặt ở một nhà thờ bằng đá hoa. Nhờ rượu, Raj đã dịu hẳn lại.

Bert nói: - “Nếu cô ấy chọn anh, thì tất nhiên cô là người yêu của anh rồi. Nếu không, thì anh không nên ép uông, vả lại bây giờ cũng chẳng ép uông được đâu.”

Raj chậm rãi đáp: - “Anh không hiểu rồi. Không thể có vấn đề chọn lựa hay không chọn lựa đâu. Hai gia đình đã quyết định rồi, đã từng sêu tết, chỉ còn đợi ngày cưới thôi. Vả lại, tôi yêu nàng vô cùng.” Và hướng cặp mắt sắc như dao nhìn Bert, Raj hỏi:

- Anh cũng yêu cô ấy?

Bert thận trọng: - “Có thể nói vậy. Nàng là cô gái vô cùng quyến rũ. Nếu nàng chưa hứa gả, chắc chắn tôi say mê nàng.”

- Người Hoa Kỳ cũng thấy con gái Ấn quyến rũ ư?

- Rất nhiều.

Raj dựa bàn tay phải, phác họa một cử động: - “Cám ơn anh. Xin nhận đó là một lời khen đối với ý trung nhân của tôi. Riêng tôi, tôi thấy nàng tuyệt vời. Tôi yêu nàng vô cùng.”

Bert nói giọng thận trọng: - “Tôi hiểu.”

Anh cảm thấy rõ ràng là tình thế rất khó xử. Anh nên về nước càng sớm càng tốt, dù rằng thâm tâm nhắc nhở anh rằng sẽ không bao giờ quên nỗi người con gái Ấn này. Mai sau anh có lấy vợ, thời gian có trôi qua, anh cũng nhớ mãi mỗi tình lãng mạn tại tòa lâu đài.

Raj lại nói tiếp: - “Tôi nhận thức rõ tình yêu nồng nàn của tôi đối với nàng, và tôi cũng biết rằng nàng chẳng đến nỗi hờ hững với tôi. Liệu anh có thể nuôi dưỡng nỗi mối tình đó, khi đưa nàng về đất nước anh không? Người con gái Ấn được mẹ và các bà có tuổi dạy dỗ rất khéo. Họ sẽ mau chóng biết thương yêu người chồng do gia đình chọn cho họ. Vì thế, tôi tin chắc rằng có đủ khả năng đem lại hạnh phúc cho nàng.”

Bert nói: - “Anh quả là người bạn rất tốt.”

Anh nói câu đó hết sức thành thật, cảm thấy Raj là con người rất tốt, sẽ là một người chồng biết chiều vợ, sẽ đem lại hạnh phúc cho Veera. Nếu quả thật chàng mong muốn hạnh phúc cho nàng, thì nên để nàng về với Raj. Rồi nhiều năm sau, có bao giờ chàng trở lại Ấn Độ, sẽ được gặp vợ chồng nàng, với một đàn con xinh xắn, tóc đen mượt, nếu là con trai thì có mái tóc che lấp mang tai.

Chàng lên tiếng: -”Anh biết không, anh Raj?”

Raj nồng nhiệt hỏi: - “Hả? Anh có điều gì trong lòng, cứ nói tôi nghe coi!”

- Tôi rất mừng anh đã tới đây.

- Cám ơn. Nhưng vì lý do gì vậy?

- Tôi đã quyết định về nước, từ trước khi anh tới đây. Nếu anh không tới, tôi ra về mà lòng không thanh thản.

- Tại sao vậy?

- Tôi nghĩ đến hạnh phúc của Veera, không hiểu tương lai nàng sẽ ra sao. Bây giờ gặp lại anh, tôi tin chắc nàng sẽ có hạnh phúc. Tốt đẹp hơn nữa, tôi với anh lại là bạn. Vậy nên, xin được ngỏ lời chúc của tôi tới Veera, vì mai sớm tôi trở về Hoa Kỳ rồi.

- Thế thì tôi yêu cầu anh ở lại gặp nàng, muốn chúc gì thì chúc. Chúng tôi cũng sắp làm lễ cưới rồi. Ngày lành đã chọn xong, chưa đầy hai tuần nữa thôi.

- Tốt lắm. Bây giờ, tôi sẽ tìm cho anh một căn phòng tốt tại tòa lâu đài này, để anh nghỉ ngơi.

*

Hôm sau, Bert và Raj cùng qua hồ tới tòa lâu đài trên đất liền.

Bert xin được gặp ông tiểu vương và khi được dẫn vào anh thấy ông Jagat đang ngồi sau bàn giấy.

Bert vào thẳng vấn đề: - “Nếu Ông Lớn cho phép, tôi xin được trở về nước ngày mai!”

- Sao anh vội vã thế?

- Thưa Ông Lớn, đêm qua anh kể tương lai của ông tới tòa lâu đài giữa hồ. Chúng tôi trò chuyện hồi lâu. Tôi thấy rõ sẽ có lỗi rất lớn nếu can thiệp vào cuộc đời anh ta, cũng như cuộc đời của tiểu thư nhà. Cô sẽ không thể có hạnh phúc tại nước tôi, cũng như tôi sẽ không có hạnh phúc nếu ở lại đây. Cuộc sống ở đất nước tôi chỉ có thể phù hợp cho tôi, chứ không thể phù hợp cho cô được.

Chưa bao giờ hau người đàn ông thông cảm và quý trọng nhau bằng lúc này. Ông Jagat đứng dậy bắt tay Bert.

- Anh nói năng đáng mặt một người khôn ngoan, tử tế và đáng kính. Xin ngỏ lời cảm ơn anh, vì bản thân và vì gia đình tôi. Bây giờ, tôi có thể giúp anh điều gì chăng?

Bert ngần ngừ: - “Tôi có thể gặp tiểu thư vài phút, để nói vài lời...”

- Tất nhiên được chứ.

Ông ấn chuông, và một gia nhân bước vào.

- Kêu tiểu thư tới ngay.

Lát sau, Veera bước vào xinh đẹp trong chiếc áo dài màu xanh nhạt.

Ông Jagat đứng dậy, tỏ vẻ hài lòng:

- Hai người cứ tự nhiên, mười lăm phút nữa ta trở lại.

Khi cửa khép lại rồi, Veera thì thầm:

- Có chuyện gì vậy?

Bert tiến lại gần bên nàng, nắm bàn tay xinh đẹp:

- Em yêu, không xong rồi!

- Chuyện gì không xong?

- Em và anh đó, em yêu. Anh Raj đã tới đây.

Nàng rút tay về dậm chân: - “Em sẽ đuổi hắn đi!”

- Không, em không thể làm vậy, Veera. Anh ấy rất yêu em, muốn cưới em đó.

Nước mắt đầm đìa, nàng nói: - “Đồ ngu!”

Bert nói: - “Em nên nghĩ lại. Không những chỉ có mối tình của anh ấy, mà còn hai gia đình nữa. Ba em rất tử tế với anh. Ông là con người tuyệt vời, anh không thể xúc phạm ông được.”

Nàng cất tiếng nức nở, lại gằn, ngả mình vào chàng. Chàng đưa tay ôm mặt nàng vào lòng. Nàng vẫn thổn thức:

- Em không quan tâm tới gia đình! Chuyện cổ hủ lắm rồi. Các cô gái ở Bombay...

Bert nói: - “Em không phải một cô gái ở Bombay. Em là nàng công chúa, có vai trò phải giữ. Và anh không thể nào giúp em làm việc đó được. Anh không phải ông hoàng, mà anh Raj mới đúng cơ. Hai người sẽ là một cặp vợ chồng tuyệt đẹp. Em đẹp tuyệt vời, sẽ có những đứa con rất xinh, sẽ lớn lên tại lâu đài, như em vậy. Ở Hoa Kỳ chẳng hề có lâu đài, và anh cũng không hề nghĩ đến chuyện sống trong một tòa lâu đài.”

Veera mở to hai mắt, nhìn thẳng vào mặt Bert, đột nhiên đấm đanh đạch, và hét lớn:

- Anh là một thằng hèn!

Nàng đá văng chiếc dép, Bert vội cúi xuống nhặt, gấn vào chân cho nàng. Nàng cúi nhìn xuống, khóc to hơn, và lùi lại, dùng vạt áo dài lau mắt. Bert đưa khăn tay ra: - “Em dùng khăn này, kéo hư mắt áo.”

Ngay khi đó ông Jagat bước vào, theo sau có Raj.

Ông nói: - “Khóc nữa đi, bé cưng. Nước mắt sẽ rửa buồn phiền.”

Raj lên tiếng: - “Veera em, Ba vừa khuyên bảo, chỉ cho anh thấy cái tội của anh rất lớn là không biết chiều chuộng em, tìm cách chiếm đoạt tình thương yêu của em, và khuyến khích em yêu anh, anh biết lỗi đã nhiều, xin sửa chữa. Nhưng em không thể phủ nhận một điều: anh yêu em.”

Nàng không nói gì, chỉ khóc thút thít. Ông Jagat bảo:

- Thôi con về với Má đi!

*

Khách sạn Lâu Đài Giữa Hồ ngày một đông khách, từ khắp thế giới đổ xô tới. Có một cô công chúa Hy Lạp cùng chồng đi hưởng tuần trăng mật, ba thượng nghị sĩ Hoa Kỳ từ Washington, một đại tá hồi hưu người Anh cùng phu nhân tới... Bert đi rồi, ông Jagat chưa kiếm được người thay thế, nên công việc điều hành khách sạn có phần lúng túng. Ông thường bảo cô Brooke:

- Không có em, anh cũng không biết làm sao nữa đây.

Thấy ông than thở, nàng tiến lại, ngỏ lời giúp đỡ:

- Em không phải người đàn bà kinh doanh chuyên nghiệp, nhưng cũng có thể trông coi việc trả lời thư từ, và lo cho phòng trọ của khách được sạch sẽ ngăn nắp.

Ông nói giọng cụt ngủn: - “Anh không thể biến em thành thư ký hoặc quản gia.”

Nàng đáp: - “Chẳng phải vậy. Em chỉ làm tạm thôi. Anh cần những chuyên gia. Nhưng cứ để em làm thử xem sao. Giúp được anh điều gì, em sung sướng lắm!

--HẾT--